

BAN CHỈ ĐẠO THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN ASEAN

**SỔ TAY TRUYỀN THÔNG ASEAN
HIỆN THỰC HÓA TẦM NHÌN ASEAN 2025**

Ban chỉ đạo Thông tin tuyên truyền ASEAN

Thường trực Tổ công tác Thông tin tuyên truyền ASEAN:

Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Liên hệ: ĐT: 024-38226622, Email: hangnguyen@mic.gov.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Ông Phan Thảo Nguyên – Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,
Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thư ký nội dung:

Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Quốc gia, Tiểu ban Thông tin ASEAN
Việt Nam, Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Các cơ quan phối hợp nội dung:

- Ban Tuyên giáo Trung ương
- Ban Thư ký Quốc gia về ASEAN (Vụ ASEAN, Bộ Ngoại giao)
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	7
I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ ASEAN	8
1.1. Quá trình hình thành và phát triển	8
1.2. Định hướng và phương châm ASEAN	8
1.3. Cơ cấu tổ chức của ASEAN	9
1.4. Các diễn đàn khu vực do ASEAN khởi xướng và dẫn dắt	10
1.5. Ngày ASEAN	11
II. CỘNG ĐỒNG ASEAN 2015	11
2.1. Quá trình hình thành ý tưởng	11
2.2. Mục tiêu tổng quát	11
2.3. Thực trạng Cộng đồng ASEAN 2015	13
2.4. Ý nghĩa	15
III. TẦM NHÌN CỘNG ĐỒNG ASEAN 2025	16
3.1. Nội dung	16
3.2. Ý nghĩa	19
IV. ĐÓNG GÓP CỦA VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG ASEAN	19
4.1. Quá trình Việt Nam tham gia ASEAN	19
4.2. Những đóng góp của Việt Nam trong quá trình xây dựng Cộng đồng	19
4.3. Tác động của Cộng đồng ASEAN đối với Việt Nam	22
V. KỶ NIỆM 50 NĂM THÀNH LẬP ASEAN TRONG NĂM 2017	25
5.1. Các hoạt động kỷ niệm cấp khu vực	25
5.2. Các hoạt động kỷ niệm tại Việt Nam	26

VI. KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN, QUẢNG BÁ ASEAN ĐẾN NĂM 2025	26
6.1. Kế hoạch Chiến lược ASEAN về Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2016 - 2025	26
6.2. Kế hoạch tuyên truyền, quảng bá ASEAN cấp quốc gia giai đoạn 2017-2020	31
VII. ĐỊNH HƯỚNG TUYÊN TRUYỀN TRÊN 3 TRỤ CỘT THỜI GIAN TỚI	37
7.1. Tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hội nhập quốc tế; đặc biệt là mục tiêu, quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ, lộ trình hội nhập quốc tế của ta	37
7.2. Khẳng định vai trò chủ động, tích cực của Đảng ta trong xây dựng đường lối, chiến lược và chỉ đạo triển khai thực hiện sự nghiệp hội nhập quốc tế và tham gia Cộng đồng ASEAN	37
7.3. Tuyên truyền quá trình hình thành, phát triển; Kế hoạch tổng thể của Cộng đồng ASEAN; cam kết, lộ trình thực hiện, mục tiêu, giải pháp của Cộng đồng ASEAN	38
7.4. Tuyên truyền về đất nước, con người, văn hóa, luật pháp, thông lệ của các nước trong ASEAN	38
7.5. Tuyên truyền kết quả 20 năm Việt Nam gia nhập ASEAN; sự đóng góp của Việt Nam trong xây dựng Cộng đồng ASEAN; quan hệ giữa Việt Nam và các nước thành viên ASEAN	38
7.6. Tuyên truyền cơ hội, thách thức, phương hướng tham gia Cộng đồng ASEAN của Việt Nam	39
7.7. Nhiệm vụ và giải pháp tham gia Cộng đồng ASEAN của Việt Nam	42
PHỤ LỤC	44

PHỤ LỤC I: CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN	44
I. Giới thiệu chung về AEC	44
II. Các Hiệp định chính trong AEC	47
III. Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam	48
IV. Khuyến nghị đối với doanh nghiệp và nhà nước	49
PHỤ LỤC II: HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA ASEAN (ATIGA)	51
1. Lịch sử hình thành	51
2. Các đặc điểm chính	51
3. Các cam kết chính	51
PHỤ LỤC III: HIỆP ĐỊNH KHUNG ASEAN VỀ DỊCH VỤ (AFAS)	55
1. Tổng quan	55
2. Mục tiêu	55
3. Nguyên tắc, phạm vi và hình thức đàm phán	55
4. Các cam kết cụ thể	56
PHỤ LỤC IV: HIỆP ĐỊNH ĐẦU TƯ TOÀN DIỆN ASEAN (ACIA)	63
Giới thiệu chung	63
Phạm vi điều chỉnh	63
Các nghĩa vụ chính về đầu tư	64
PHỤ LỤC V: HIỆP ĐỊNH ASEAN VỀ DI CHUYỂN THỂ NHÂN VÀ CÁC THỎA THUẬN THỪA NHẬN LẤN NHAU	67
1. Hiệp định ASEAN về Di chuyển thể nhân (MNP)	67
2. Các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA)	68

PHỤ LỤC VI: CÁC VĂN BẢN THỰC THI CỦA VIỆT NAM	73
PHỤ LỤC VII: TẦM NHÌN CỘNG ĐỒNG ASEAN 2025	77
PHỤ LỤC VIII: KẾ HOẠCH TỔNG THỂ CỘNG ĐỒNG CHÍNH TRỊ-AN NINH ASEAN 2025	82
I. Phần mở đầu	82
II. Các đặc điểm và thành tố của kế hoạch tổng thể cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN 2025	83
PHỤ LỤC IX: KẾ HOẠCH TỔNG THỂ XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN 2025	119
I. Giới thiệu	119
II. Các đặc trưng và yếu tố của AEC 2025	121
III. Thực thi và rà soát	155
PHỤ LỤC X: KẾ HOẠCH TỔNG THỂ CỘNG ĐỒNG VĂN HÓA XÃ HỘI ASEAN 2025	160
I. Giới thiệu	160
II. Các đặc điểm và thành tố	162
III. Đánh giá và thực hiện	177

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 1967, **Tuyên bố Bangkok** đã khai sinh Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) với mục tiêu “thúc đẩy hợp tác, tạo dựng nền tảng vững chắc cho một cộng đồng hòa bình và thịnh vượng của các quốc gia khu vực”. 48 năm sau, vào ngày 22/11/2015, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 27 diễn ra ở thủ đô Kuala Lumpur của Malaysia, Lãnh đạo của 10 quốc gia thành viên ASEAN đã đặt bút ký **Tuyên bố hình thành Cộng đồng ASEAN 2015**, và ngày 31/12/2015, **Cộng đồng ASEAN đã được chính thức thành lập**, hiện thực hóa mục tiêu sáng lập của ASEAN về “*một cộng đồng hòa bình và thịnh vượng của các quốc gia khu vực*”.

Đánh dấu sự kiện 50 năm thành lập ASEAN, Ban chỉ đạo Thông tin tuyên truyền ASEAN xin trân trọng giới thiệu cuốn **Sổ tay Truyền thông ASEAN – Hiện thực hóa Tầm nhìn ASEAN 2025** với các nội dung khái quát về quá trình hình thành, các mục tiêu và nội hàm chính của Cộng đồng ASEAN với 3 trụ cột là Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN, Cộng đồng Kinh tế ASEAN và Cộng đồng Văn hoá-Xã hội ASEAN, đồng thời cung cấp về Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN đến năm 2025, các đóng góp của Việt Nam trong quá trình xây dựng Cộng đồng và các hoạt động kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN. Đặc biệt, **Sổ tay Truyền thông ASEAN – Hiện thực hóa Tầm nhìn ASEAN 2025** còn đưa ra các định hướng tuyên truyền cụ thể cho các cơ quan truyền thông đến năm 2025 về Cộng đồng ASEAN trên 3 Trụ cột Cộng đồng, Kế hoạch tổng thể tuyên truyền, quảng bá ASEAN cấp khu vực (đến năm 2025) và cấp quốc gia (đến năm 2020) và những phụ lục hữu ích, thiết thực về Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) để các quý vị độc giả tham khảo trực tiếp cũng như góp phần giải đáp những câu hỏi và quan tâm của quý vị.

Ban Biên tập hy vọng cuốn sách này có thể gửi đến bạn đọc các thông tin tổng thể nhất về Cộng đồng ASEAN, về kế hoạch tổng thể cũng như định hướng tuyên truyền về ASEAN, để cùng chung tay đóng góp xây dựng một Cộng đồng ASEAN phát triển phồn vinh và bền vững, để hiện thực hóa Tầm nhìn ASEAN đến năm 2025 mà các nước ASEAN đã cam kết, trong đó người dân được đặt ở vị trí trung tâm của mọi chính sách và hoạt động, đảm bảo ASEAN là Cộng đồng vì lợi ích người dân, đùm bọc, bền vững, tự cường và năng động.

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ ASEAN

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ngày 8/8/1967 khi Bộ trưởng Ngoại giao các nước Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan ký **Tuyên bố Bangkok** thành lập ASEAN. Ngày 8/1/1994, Brunei Darussalam được kết nạp vào ASEAN. **Việt Nam gia nhập ASEAN ngày 28/7/1995** tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 28 tổ chức tại Brunei, trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN. Tháng 7/1997, Lào và Myanmar gia nhập ASEAN. Campuchia gia nhập ASEAN tháng 4/1999, hiện thực hóa ý tưởng thành lập một Hiệp hội bao gồm tất cả các quốc gia Đông Nam Á.

Một ASEAN bao gồm tất cả các quốc gia Đông Nam Á đã giúp tạo dựng mối quan hệ mới về chất giữa các nước thành viên, trên cơ sở hữu nghị, hiểu biết và tin cậy lẫn nhau, hợp tác toàn diện và ngày càng chặt chẽ cả về song phương và đa phương. Đoàn kết và hợp tác ASEAN ngày càng được củng cố và tăng cường theo phương châm bảo đảm sự “thống nhất trong đa dạng”, trên cơ sở các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của Hiệp hội, nhất là nguyên tắc đồng thuận và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Theo thời gian, hợp tác nội khối ngày càng được đẩy mạnh cả về chiều sâu và bề rộng, đạt được những kết quả to lớn, hỗ trợ tích cực cho các nước thành viên phát triển kinh tế-xã hội, tạo ra tiền đề quan trọng để ASEAN gia tăng liên kết khu vực sâu rộng hơn.

1.2. Định hướng và phương châm ASEAN

Với mục tiêu xây dựng ASEAN thông qua tăng cường hợp tác và liên kết khu vực, phương châm của ASEAN là “Một Tầm nhìn, Một Vận mệnh, Một Cộng đồng”. **Tầm nhìn** chung của tất cả các nước thành viên và người dân ASEAN là được sống trong một khu vực hòa bình, an ninh và ổn định lâu dài, kinh tế tăng trưởng bền vững, tiến bộ xã hội và thịnh vượng chung. **Vận mệnh** nói đến việc các nước thành viên ASEAN chia sẻ lợi ích chung về một Cộng đồng ASEAN gắn kết về chính trị, liên kết và kinh tế và cùng nhau tăng cường hợp tác văn hóa-xã hội nhằm ứng phó hiệu quả với các thách thức và tranh thủ các cơ hội hiện tại và trong tương lai. Một **Cộng đồng** nhằm nhấn mạnh giá trị cốt lõi của hạnh phúc, đời sống và phúc lợi của nhân dân và sự phát triển bền vững vì lợi ích của các thế hệ hiện tại và tương lai trong tiến trình xây dựng và phát triển ASEAN.

1.3. Cơ cấu tổ chức của ASEAN:

ASEAN hoạt động trên cơ sở Hiến chương ASEAN, có tổ chức bộ máy hoàn chỉnh gồm hơn 800 cơ chế từ Cấp cao, cấp Bộ trưởng, Quan chức cao cấp (SOM) và cấp làm việc trong hầu hết các lĩnh vực hợp tác ASEAN cũng như giữa ASEAN với các đối tác. Theo Hiến chương, ASEAN gồm các cơ quan chính sau:

- **Hội nghị Cấp cao ASEAN** là cơ quan ra quyết định cao nhất, gồm những người đứng đầu Nhà nước hoặc Chính phủ; họp 02 lần/năm.

- **Cấp Bộ trưởng:**

o **Hội đồng Điều phối chung (ACC)** gồm các Bộ trưởng, có nhiệm vụ điều phối công việc của cả 3 trụ cột của Cộng đồng ASEAN, chuẩn bị và triển khai các quyết định của Cấp cao; họp ít nhất 2 lần/năm.

o **3 Hội đồng Cộng đồng (Community Councils)** ở cấp Bộ trưởng, họp ít nhất 2 lần/năm để điều phối và triển khai công việc của từng trụ cột (Chính trị-An ninh, Kinh tế, Văn hóa-Xã hội).

o **Các cơ quan chuyên ngành cấp Bộ trưởng:** thực hiện các thỏa thuận, quyết định của Cấp cao trong phạm vi phụ trách, và báo cáo/khuyến nghị lên Cấp cao và Hội đồng Cộng đồng phụ trách tương ứng.

- **Cấp Quan chức cao cấp (SOM):** Các cơ chế cấp Bộ trưởng đều được hỗ trợ bởi cơ chế Quan chức cao cấp (SOM) tương ứng.

- **Ủy ban Đại diện Thường trực các nước tại ASEAN (CPR):** chịu trách nhiệm xử lý các công việc hàng ngày của ASEAN.

- **Ban Thư ký Quốc gia về ASEAN:** là Vụ ASEAN thuộc Bộ Ngoại giao các nước thành viên, đóng vai trò đầu mối quốc gia, điều phối triển khai các hoạt động hợp tác của ASEAN ở cấp quốc gia.

- **Tổng Thư ký và Ban Thư ký ASEAN:** Tổng Thư ký ASEAN là Quan chức Hành chính cao cấp nhất của ASEAN, do các nước thành viên đề cử luân phiên với nhiệm kỳ 5 năm (không gia hạn) với nhiệm vụ: (i) tạo điều kiện thuận lợi và theo dõi tiến độ thực hiện các thỏa thuận và quyết định của ASEAN và đệ trình báo cáo hàng năm về các hoạt động của ASEAN lên Hội nghị Cấp cao ASEAN; (ii) tham gia các Hội nghị Cấp cao ASEAN, các Hội đồng Cộng đồng ASEAN, Hội đồng Điều phối chung ASEAN, và các Cơ quan chuyên ngành ASEAN cấp Bộ trưởng và các cuộc họp liên quan khác

của ASEAN; (iii) thể hiện quan điểm của ASEAN và tham gia vào các cuộc họp với các đối tác bên ngoài. Ban Thư ký ASEAN, đặt tại Jakarta, Indonesia có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Thư ký hoàn thành nhiệm vụ của mình.

- **Quan hệ đối ngoại:** ASEAN duy trì quan hệ Đối tác Đối thoại với 11 nước và tổ chức quốc tế gồm: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, New Zealand, Mỹ, Nga, Liên minh Châu Âu (EU), Canada và Liên Hợp Quốc. ASEAN đã thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược với 7 nước (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, New Zealand, Mỹ), tổ chức Hội nghị Cấp cao thường xuyên với 6 nước (những nước trên ngoại trừ New Zealand), tổ chức cuộc họp thường niên cấp Bộ trưởng Ngoại giao, Quan chức Cao cấp, Ủy ban Đại diện thường trực tại ASEAN giữa ASEAN và 10 Đối tác Đối thoại (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, New Zealand, Mỹ, Nga, EU, Canada).

1.4. Các diễn đàn khu vực do ASEAN khởi xướng và dẫn dắt:

- **ASEAN+3** thành lập năm 1997, xuất phát từ nhu cầu hợp tác của 10 nước ASEAN và 3 nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc nhằm đối phó với tác động của khủng hoảng tài chính châu Á khi đó. Theo thời gian, ASEAN+3 đã không ngừng phát triển và mở rộng lĩnh vực hợp tác, hiện trải dài trên nhiều lĩnh vực như bảo đảm an ninh tài chính, du lịch, nông và lâm nghiệp, an ninh năng lượng và lương thực, y tế, xóa đói giảm nghèo...

- **Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS)** được thành lập năm 2005, đến nay bao gồm 18 thành viên (10 nước ASEAN và 8 Đối tác Đối thoại là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, New Zealand, Mỹ và Nga), là diễn đàn của các lãnh đạo khu vực đối thoại về các vấn đề chiến lược bao gồm cả nội dung chính trị-an ninh, kinh tế, hợp tác phát triển và đối phó với các thách thức khu vực và toàn cầu, nhằm tăng cường tin cậy, hiểu biết vì hòa bình, ổn định, hợp tác và thịnh vượng ở Đông Á. Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS) ưu tiên thúc đẩy hợp tác ở 6 lĩnh vực gồm: (i) năng lượng và môi trường; (ii) giáo dục; (iii) tài chính và kinh tế; (iv) y tế và dịch bệnh; (v) quản lý thiên tai; và (vi) hợp tác kết nối.

- **Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng (ADMM+)** được thành lập năm 2010 tại Hà Nội, nhằm tạo dựng một khuôn khổ đối thoại và hợp tác về các vấn đề quốc phòng và an ninh ở khu vực. ADMM+ có sự tham gia của 10 nước thành viên ASEAN và 8 Đối tác Đối thoại (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, New Zealand, Mỹ và Nga). ADMM+ thúc đẩy

hợp tác trên 6 lĩnh vực ưu tiên bao gồm: (i) hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa; (ii) an ninh biển; (iii) chống khủng bố; (iv) quân y; (v) hoạt động gìn giữ hòa bình; và (vi) giải quyết bom mìn nhân đạo.

- **Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF)** ra đời tháng 7/1994, đến nay có 27 nước và tổ chức tham gia, bao gồm 10 nước ASEAN, 10 Đối tác Đối thoại của ASEAN (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn quốc, Ấn Độ, Úc, New Zealand, Mỹ, Nga, Liên Minh Châu Âu và Canada) và các nước khác như Papua New Guinea, Mông Cổ, Bắc Triều Tiên, Pakistan, Bangladesh, Sri Lanka, và Timor Leste. ARF là diễn đàn đối thoại và hợp tác giữa các nước tham gia về các vấn đề chính trị-an ninh khu vực, tiến triển qua 3 giai đoạn: xây dựng lòng tin, ngoại giao phòng ngừa và xem xét xây dựng cơ chế giải quyết xung đột theo quan điểm an ninh toàn diện, kể cả chính trị, kinh tế-xã hội và các vấn đề xuyên quốc gia.

1.5. Ngày ASEAN

Ngày 8 tháng 8 được chọn là Ngày ASEAN. Hàng năm vào ngày này, Bộ Ngoại giao các nước ASEAN tổ chức Lễ thượng cờ ASEAN cùng với các hoạt động kỷ niệm khác.

II. CỘNG ĐỒNG ASEAN 2015

2.1. Quá trình hình thành ý tưởng

- Ý tưởng về Cộng đồng ASEAN được đề cập sau khi ASEAN thông qua **Tâm nhìn ASEAN 2020** (năm 1997) và bao gồm cả 10 nước Đông Nam Á (năm 1999). Đến năm 2003, các Lãnh đạo ASEAN chính thức quyết định xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2020; và đến năm 2007, để kịp thích ứng với những chuyển biến nhanh chóng và phức tạp của tình hình quốc tế và khu vực, các Lãnh đạo ASEAN đã nhất trí đạt mục tiêu này vào năm 2015 (thay vì năm 2020 như thỏa thuận trước đó).

- Để xây dựng Cộng đồng ASEAN, ASEAN thông qua **Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN** năm 2009 với hơn 800 biện pháp/hoạt động cụ thể; thông qua **Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI)** về thu hẹp khoảng cách phát triển vào năm 2000 và **Kế hoạch về Kết nối ASEAN (MPAC)** vào năm 2010. Nhằm tạo cơ sở pháp lý và khuôn khổ thể chế cho xây dựng Cộng đồng, các Lãnh đạo ASEAN ký **Hiến chương ASEAN** năm 2007 (có hiệu lực năm 2008).

2.2. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN 2015 là xây dựng ASEAN đến năm 2015 trở thành một Cộng đồng gắn kết về chính trị, liên kết về kinh tế, có trách nhiệm về xã hội và hợp tác rộng mở với bên ngoài; hoạt động theo luật lệ và hướng tới người dân. Cộng đồng ASEAN 2015 được hình thành dựa trên 3 trụ cột (là Cộng đồng Chính trị-An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội) và 02 kế hoạch (là Kế hoạch tổng thể về Kết nối ASEAN (MPAC) 2010 và Kế hoạch công tác Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI) giai đoạn 2 (2009-2015)).

- **Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN (APSC) 2015** có mục tiêu tạo dựng môi trường hòa bình và an ninh ở khu vực thông qua việc nâng hợp tác chính trị-an ninh ASEAN lên tầm cao mới, với 3 đặc trưng chính gồm: một Cộng đồng hoạt động theo luật lệ với các giá trị, chuẩn mực chung; một khu vực gắn kết, hòa bình và tự cường, có trách nhiệm chung bảo đảm an ninh toàn diện; và một khu vực năng động, quan hệ rộng mở với bên ngoài.

- **Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) 2015** nhằm tạo ra một thị trường duy nhất và cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, lao động có tay nghề và phần nào là vốn; có sức cạnh tranh cao; phát triển đồng đều; và hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.

- **Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN (ASCC) 2015** hướng tới phục vụ và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, thúc đẩy một xã hội đùm bọc và chia sẻ trách nhiệm, tăng cường hiểu biết lẫn nhau và ý thức về bản sắc chung, thúc đẩy bình đẳng và công bằng xã hội cũng như bảo vệ môi trường bền vững.

- **Kế hoạch tổng thể về Kết nối ASEAN (MPAC) 2010** được thông qua tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 17 tại Hà Nội, tập trung vào 3 lĩnh vực chính: (i) kết nối cơ sở hạ tầng (giao thông vận tải, năng lượng, công nghệ thông tin); (ii) kết nối thể chế (tự do hóa và thuận lợi hóa thương mại, lưu chuyển đầu tư và vốn trong khu vực); (iii) kết nối con người (giáo dục, văn hóa, du lịch).

- **Kế hoạch công tác Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI) giai đoạn 2 (2009-2015)** được thông qua tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 14 tại Thái Lan, với mục tiêu thúc đẩy liên kết kinh tế ASEAN thông qua hỗ trợ các nước ASEAN, chủ yếu là các nước CLMV (Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam) thu hẹp khoảng cách phát triển, phát triển nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng.

- Ngoài ra, ASEAN đặt mục tiêu làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác và giữ vai trò trung tâm ở khu vực thông qua nhiều khuôn khổ như ASEAN+3, Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng (ADMM+); và được lồng ghép vào từng trụ cột Cộng đồng ASEAN 2015.

2.3. Thực trạng Cộng đồng ASEAN 2015

Cộng đồng ASEAN 2015 là sự tích tụ kết quả hợp tác ASEAN trong 5 thập kỷ qua, phản ánh mức độ liên kết ASEAN đạt được đến nay; đưa ASEAN trở thành một tổ chức có mức độ liên kết cao hơn trước đây, khá chặt chẽ và có vai trò quan trọng ở khu vực. Cộng đồng ASEAN 2015 có 3 đặc trưng chính sau: (i) là một tổ chức liên Chính phủ, bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia thành viên, ra quyết định theo nguyên tắc đồng thuận, có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau; (ii) hợp tác toàn diện và chặt chẽ trên các lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế, văn hóa-xã hội và quan hệ đối ngoại; (iii) có tổ chức bộ máy hoàn chỉnh, hoạt động trên cơ sở pháp lý và các nguyên tắc cơ bản trong Hiến chương ASEAN.

- **Về chính trị-an ninh:** ASEAN đạt nhiều kết quả quan trọng trong việc duy trì hòa bình, ổn định và an ninh khu vực, đó là: (i) thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các nước trong và ngoài ASEAN; (ii) tạo dựng được sự tin cậy và gắn kết giữa các nước thành viên; (iii) xây dựng lòng tin, chia sẻ và phát huy giá trị các quy tắc và chuẩn mực ứng xử giữa các nước ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương; (iv) tăng cường hợp tác và nâng cao năng lực xử lý những thách thức an ninh; hạn chế sự can thiệp và chi phối của các nước lớn. Thông qua đó, ASEAN khẳng định được vai trò quan trọng ở khu vực, ngăn ngừa và quản lý các tranh chấp hoặc nguy cơ xung đột. Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN không phải là một khối phòng thủ chung, chưa có chính sách quốc phòng và đối ngoại chung.

Riêng về vấn đề Biển Đông, ASEAN đã có nhiều nỗ lực và vai trò quan trọng, cụ thể: (i) thường xuyên lên tiếng cảnh báo về nguy cơ, thu hút sự quan tâm và đóng góp của các nước đối tác và cộng đồng quốc tế; (ii) đề cao việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế; (iii) tiến hành các biện pháp xây dựng lòng tin và xây dựng các quy tắc ứng xử, nhất là cùng Trung Quốc ký Tuyên bố về cách ứng xử ở Biển Đông (DOC) và xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử (COC); (iv) thúc đẩy đối thoại và hợp tác về các vấn đề trên biển nhằm ngăn ngừa nguy cơ đụng độ/xung đột, bảo đảm an ninh, an toàn hàng

hải và hàng không ở Biển Đông.

- **Về kinh tế:** ASEAN đạt được những tiến triển cụ thể và thực chất trong hợp tác, liên kết kinh tế nội khối cũng như kết nối kinh tế toàn cầu. Cộng đồng Kinh tế ASEAN là sự mở rộng về phạm vi và nâng cao về mức độ tự do hóa của Hiệp định Thương mại tự do ASEAN (AFTA), trong đó cơ bản không còn thuế quan đối với hàng hóa và có sự lưu chuyển thông thoáng hơn về dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề, có sự hợp tác khá chặt chẽ trong các lĩnh vực kinh tế ngành và kết nối đáng kể với nền kinh tế toàn cầu (thông qua các Hiệp định Thương mại Tự do với nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới). Kết quả hợp tác và liên kết kinh tế ASEAN đã giúp mở rộng thị trường, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, kinh doanh nội khối, đồng thời tạo sự hấp dẫn thu hút đầu tư-kinh doanh từ bên ngoài vào ASEAN.

- **Về văn hóa-xã hội:** Hợp tác ASEAN trong lĩnh vực văn hóa-xã hội ngày càng đi vào cụ thể và thiết thực trong nhiều lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống của người dân như giáo dục, y tế, an sinh xã hội, bình đẳng giới, xóa đói giảm nghèo, lao động di cư, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý thiên tai, văn hóa và giao lưu nhân dân... Kết quả lớn nhất là tạo ra những cơ chế và khuôn khổ hợp tác, hài hòa hóa các quy định và tiêu chuẩn chung cũng như nâng cao năng lực cho các nước thực hiện các chính sách thúc đẩy bình đẳng và công bằng xã hội, phát triển bền vững, cải thiện cuộc sống của người dân, tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân tham gia và đóng góp vào hợp tác ASEAN, giúp nâng cao ý thức về cộng đồng và bản sắc chung.

- **Về quan hệ đối ngoại:** ASEAN đã tạo dựng được quan hệ hợp tác khá chặt chẽ với nhiều nước và tổ chức quan trọng trên thế giới, thu hút được sự tham gia của các đối tác vào hợp tác khu vực thông qua nhiều khuôn khổ do ASEAN khởi xướng và dẫn dắt. ASEAN duy trì quan hệ Đối tác Đối thoại với 11 nước và tổ chức quốc tế gồm: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, New Zealand, Mỹ, Nga, Liên minh Châu Âu (EU), Canada và Liên Hợp Quốc. Trong số này, ASEAN đã thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược với 7 nước (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Úc, New Zealand, Mỹ) và tổ chức Hội nghị Cấp cao thường xuyên với 6 nước (những nước trên ngoại trừ New Zealand). Tổng số các nước tham gia Hiệp định thân thiện và Hợp tác (TAC) là 35 nước. Hiện có 86 đối tác cử Đại sứ bên cạnh ASEAN để thúc đẩy quan hệ hợp tác thường xuyên với Hiệp hội; 9/11 Đối tác Đối thoại đã lập Phái đoàn riêng tại ASEAN, và ASEAN đã lập 50 Ủy ban ASEAN tại các nước thứ

ba. Nhiều nước và tổ chức quốc tế từ Châu Á, Châu Âu đến Châu Mỹ tiếp tục mong muốn lập quan hệ đối tác hợp tác với ASEAN.

ASEAN đã tranh thủ được sự hợp tác và hỗ trợ thiết thực từ các đối tác phục vụ mục tiêu an ninh và phát triển; xác lập được vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực đang định hình. Các Đối tác đều coi trọng quan hệ, đẩy mạnh hợp tác toàn diện với ASEAN cả về đa phương và song phương, ủng hộ ASEAN xây dựng Cộng đồng và giữ vai trò trung tâm ở khu vực; chủ động đề ra những cam kết hỗ trợ ASEAN. Các diễn đàn khu vực do ASEAN khởi xướng và dẫn dắt như ASEAN+3, Cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng (ADMM+) đã trở thành những cơ chế quan trọng trong hợp tác khu vực, góp phần thúc đẩy xu thế hợp tác và liên kết ở Đông Á và Châu Á-Thái Bình Dương.

2.4. Ý nghĩa

Sự hình thành Cộng đồng ASEAN 2015 với 3 trụ cột về chính trị-an ninh, kinh tế và văn hóa-xã hội đã hiện thực hóa mục tiêu của ASEAN về hình thành một cộng đồng gắn kết về chính trị, liên kết về kinh tế và có trách nhiệm về xã hội và có vai trò quan trọng ở khu vực. Đây là thành quả to lớn của ASEAN sau 48 năm ra đời, đánh dấu mốc lịch sử trong tiến trình liên kết khu vực và có ý nghĩa quan trọng đặc biệt.

Cộng đồng ASEAN 2015 phản ánh sự trưởng thành và lớn mạnh của ASEAN, từ một hiệp hội với tổ chức lỏng lẻo ở Đông Nam Á thành một Cộng đồng bao gồm cả 10 quốc gia Đông Nam Á, hoạt động trên cơ sở pháp lý và khuôn khổ thể chế rõ ràng, gắn kết chặt chẽ trên cả 3 trụ cột về chính trị-an ninh, kinh tế và văn hóa-xã hội với vai trò và vị thế ngày càng cao ở khu vực và trên thế giới. ASEAN hiện là đối tác không thể thiếu của các nước và trung tâm lớn trên thế giới, là nhân tố quan trọng hàng đầu đối với hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực. Đồng thời, sự hình thành Cộng đồng ASEAN 2015 thể hiện tầm nhìn và quyết tâm chính trị mạnh mẽ của cả 10 quốc gia Đông Nam Á để vượt qua những rào cản của lịch sử và sự khác biệt, gắn bó với nhau trong tình hữu nghị, hiểu biết, tin cậy, đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau, hợp tác chặt chẽ cả về đa phương và song phương vì một tầm nhìn và một vận mệnh chung.

Cộng đồng ASEAN 2015 đã và sẽ mang lại những lợi ích quan trọng và thiết thực cho các nước thành viên, mà bao trùm là tạo môi trường khu vực hòa bình và ổn định để mỗi nước tập trung phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ

cuộc sống của người dân. Những kết quả hợp tác sâu rộng, cả về liên kết nội khối và hợp tác giữa ASEAN với các đối tác bên ngoài, đã tạo ra những cơ sở vật chất quan trọng, hỗ trợ đắc lực cho mục tiêu an ninh và phát triển cũng như hội nhập quốc tế của các nước thành viên, đồng thời tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển tiếp theo của Hiệp hội.

III. TẦM NHÌN CỘNG ĐỒNG ASEAN 2025

Liên kết ASEAN là một tiến trình liên tục, phát triển từ thấp đến cao, trong đó sự hình thành Cộng đồng ASEAN 2015 là một dấu mốc, tạo nền tảng và động lực cho giai đoạn phát triển mới cao hơn. Do vậy, cùng với thời điểm ký Tuyên bố hình thành Cộng đồng ASEAN 2015, các nhà Lãnh đạo ASEAN đã thông qua **Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025** và 3 Kế hoạch tổng thể trên 3 trụ cột nhằm xác định một khuôn khổ chiến lược mới, đề ra định hướng, mục tiêu và biện pháp tiếp tục củng cố và làm sâu sắc hơn Cộng đồng ASEAN. Đến năm 2016, ASEAN đã thông qua **Kế hoạch tổng thể về Kết nối ASEAN (MPAC) 2025** và **Kế hoạch công tác Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI) giai đoạn 3 (2016-2020)** về thu hẹp khoảng cách phát triển, hoàn tất bộ văn kiện về hợp tác ASEAN trong thời gian tới.

3.1. Nội dung

Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 đề ra định hướng tiếp tục củng cố và làm sâu sắc hơn Cộng đồng ASEAN, với mục tiêu bao trùm là đưa ASEAN trở thành một tổ chức hợp tác khu vực mở có mức độ liên kết sâu rộng hơn và có vai trò quan trọng hơn ở khu vực; một Cộng đồng vận hành theo luật lệ, có sự tham gia rộng rãi hơn của người dân và mang lại những lợi ích thiết thực hơn cho người dân.

- **Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN (APSC) 2025** hướng tới 04 mục tiêu lớn: *Một là*, hoạt động theo luật lệ, hướng tới người dân và lấy người dân làm trung tâm, với 03 nội dung chính gồm: (i) tuân thủ và phát huy các nguyên tắc, giá trị và chuẩn mực của ASEAN cũng như các nguyên tắc của luật pháp quốc tế; (ii) củng cố các giá trị dân chủ, pháp trị, quản trị tốt, chống tham nhũng, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản; (iii) thúc đẩy các giá trị hòa bình, khoan dung và ôn hòa). *Hai là*, duy trì hòa bình, an ninh và ổn định khu vực, với 6 nội dung chính gồm: (i) nâng cao năng lực xử lý các thách thức; (ii) ứng phó kịp thời với những trường hợp khẩn cấp/khung hoảng; (iii) giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình; (iv) tăng cường an ninh và hợp tác trên biển, trong đó có Biển Đông; (v) giải quyết

các vấn đề an ninh phi truyền thống; (vi) khu vực không có vũ khí hạt nhân và các vũ khí hủy diệt khác. *Ba là*, tăng cường đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN, với 6 nội dung chính gồm: (i) củng cố vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực đang định hình; (ii) nâng cao hiệu quả của các cơ chế khu vực do ASEAN giữ vai trò chủ đạo; (iii) tăng cường hợp tác thực chất với các đối tác Đối thoại; (iv) thúc đẩy hợp tác hiệu quả với các đối tác khác; (v) Xem xét mở rộng hợp tác với các đối tác tiềm năng mới; (vi) tăng cường đóng góp cho các vấn đề toàn cầu. *Bốn là*, tăng cường năng lực thể chế và sự hiện diện của ASEAN, với 2 nội dung chính gồm: (i) nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy ASEAN; (ii) tăng cường sự hiểu biết và hiện diện của ASEAN.

- **Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) 2025** hướng tới 5 mục tiêu lớn: *Một là*, một nền kinh tế thống nhất và liên kết cao, nhằm tạo thuận lợi cho sự lưu chuyển thông thoáng của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có kỹ năng cũng như tạo một thị trường thống nhất hơn, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) thương mại hàng hóa; (ii) thương mại dịch vụ; (iii) môi trường đầu tư; (iv) tạo thuận lợi cho di chuyển của lao động có tay nghề và doanh nhân; (v) tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu. *Hai là*, một nền kinh tế năng động, đổi mới và cạnh tranh, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) chính sách cạnh tranh hiệu quả để tạo sân chơi bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp; (ii) bảo vệ người tiêu dùng; (iii) bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; (iv) thương mại hóa các sản phẩm công nghệ, nghiên cứu và phát triển, sáng chế và tăng trưởng theo năng suất; (v) hợp tác về thuế; (vi) quản trị tốt; (vii) thực tiễn tốt về quản lý; (viii) phát triển kinh tế bền vững; (ix) chiến lược phù hợp về các xu hướng lớn trên toàn cầu liên quan đến thương mại. *Ba là*, kết nối kinh tế và liên kết theo ngành, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) giao thông; (ii) công nghệ thông tin và truyền thông; (iii) thương mại điện tử; (iv) năng lượng; (v) thực phẩm, nông nghiệp và lâm nghiệp; (vi) du lịch; (vii) chăm sóc y tế; (viii) khoáng sản; (ix) khoa học và công nghệ. *Bốn là*, tự cường, dung nạp và chú trọng người dân, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) vai trò của các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa; (ii) vai trò của khu vực tư nhân; (iii) quan hệ đối tác công-tư; (iv) thu hẹp khoảng cách phát triển; (v) đóng góp của các nhóm/giới khác cho liên kết khu vực. *Năm là*, gắn kết vào nền kinh tế toàn cầu, chủ yếu thông qua các Hiệp định Thương mại tự do với các đối tác, từ đó tạo cơ sở bảo đảm vai trò trung tâm của ASEAN trong các liên kết kinh tế khu vực.

- **Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN (ASCC) 2025** hướng tới 5 mục tiêu lớn: *Một là*, thu hút sự tham gia của người dân và mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) thu hút sự tham gia của các nhóm/giới vào các tiến trình của ASEAN; (ii) tăng quyền cho người dân và tăng cường các thể chế bảo đảm. *Hai là*, cộng đồng dung nạp, nhằm đáp ứng tốt hơn lợi ích của người dân về phúc lợi, bảo trợ xã hội, bình đẳng giới, quyền con người, giảm nghèo, y tế, việc làm, giáo dục và thông tin, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) xóa bỏ các rào cản và đối xử bất bình đẳng để tất cả mọi người dân được hưởng quyền con người và tiếp cận bảo trợ xã hội; (ii) thúc đẩy khả năng tiếp cận cơ hội đồng đều cho tất cả mọi người dân; (iii) thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. *Ba là*, cộng đồng bền vững, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) bảo tồn và quản lý bền vững các nguyên tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; (ii) phát triển các thành phố bền vững về môi trường; (iii) bền vững về khí hậu (thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, quản lý các nguy cơ của biến đổi khí hậu); (iv) sản xuất và tiêu dùng bền vững. *Bốn là*, một cộng đồng tự cường, nhằm nâng cao năng lực để cùng xử lý những thách thức, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) khả năng dự báo, xử lý và quản lý thảm họa; (ii) khả năng ứng phó với các mối đe dọa đối với sức khỏe; (iii) khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; (iv) bảo vệ và chăm sóc phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên, người già, người khuyết tật, dân tộc thiểu số, lao động di cư, các nhóm dễ bị tổn thương và yếu thế khác; (v) bảo đảm cung cấp các nhu yếu phẩm thiết yếu và các dịch vụ phúc lợi xã hội khác khi xảy ra khủng hoảng; (vi) hướng tới một ASEAN “không có ma túy”. *Năm là*, một cộng đồng năng động, tạo môi trường thuận lợi (chính sách, thể chế) để khuyến khích người dân và doanh nghiệp thích ứng, đổi mới, sáng tạo và trách nhiệm hơn, thông qua các biện pháp chiến lược về: (i) rộng mở và có khả năng thích nghi; (ii) đổi mới, sáng tạo và có khả năng ứng phó; (iii) xây dựng văn hóa kinh doanh trong ASEAN.

- **Kế hoạch tổng thể về Kết nối ASEAN (MPAC) 2025** tập trung vào 5 lĩnh vực kết nối chiến lược gồm: (i) cơ sở hạ tầng bền vững; (ii) sáng tạo số; (iii) chuỗi cung ứng không gián đoạn; (iv) tối ưu hóa hoạch định và thực thi chính sách; và (v) giáo dục, đào tạo nghề và đi lại nội khối; đồng thời xây dựng lộ trình, cơ chế giám sát và đánh giá cho mỗi sáng kiến để bảo đảm bám sát tiến độ và hiệu quả triển khai.

- **Kế hoạch công tác Sáng kiến hội nhập ASEAN (IAI) giai đoạn 3 (2016-2020)** đề ra 5 lĩnh vực ưu tiên là: (i) thực phẩm và nông nghiệp; (ii)

thuận lợi hóa thương mại; (iii) phát triển doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ; (iv) y tế và phúc lợi; (v) đào tạo và lao động. Các dòng hành động được xác định dựa trên các tiêu chí như nhu cầu phát triển của các nước CLMV (Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam), phù hợp với định hướng của Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và kế hoạch công tác của các cơ quan chuyên ngành liên quan, cũng như đáp ứng mối quan tâm của các nhà tài trợ tiềm năng.

3.2. Ý nghĩa

Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và các văn kiện liên quan là sản phẩm của sự đồng thuận, phản ánh tầm nhìn và lợi ích chung của các nước thành viên về một ASEAN trong 10 năm tới. Những điểm mới đáng kể là: (i) đề ra mục tiêu liên kết sâu rộng hơn, đồng thời coi trọng hơn cơ sở pháp lý và lợi ích của người dân cũng như đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN; (ii) mối quan hệ gắn kết và hỗ trợ giữa 3 trụ cột Cộng đồng được thể hiện đậm nét qua các mục tiêu xuyên suốt (liên kết và gắn kết, dựa trên luật lệ, nâng cao năng lực, hướng tới người dân và phục vụ lợi ích thiết thực của người dân, năng động và sáng tạo, phát triển bền vững, quan hệ rộng mở với bên ngoài nhưng vẫn bảo đảm vai trò trung tâm của ASEAN trong quan hệ và trong cấu trúc khu vực đang định hình).

IV. ĐÓNG GÓP CỦA VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG ASEAN

4.1. Quá trình Việt Nam tham gia ASEAN

Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN ngày 28/7/1995, nhưng quá trình Việt Nam tham gia ASEAN đã được khởi động từ trước đó, cụ thể là: tháng 7/1992 tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC) và trở thành quan sát viên của ASEAN; từ năm 1993 hợp tham vấn thường xuyên với ASEAN nhân dịp Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN hàng năm, tham gia các chương trình và dự án hợp tác ASEAN trên 5 lĩnh vực: khoa học-công nghệ, môi trường, y tế, văn hoá-thông tin, phát triển xã hội; năm 1994 trở thành một trong những thành viên sáng lập Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF).

4.2. Những đóng góp của Việt Nam trong quá trình xây dựng Cộng đồng

Thời điểm Việt Nam tham gia ASEAN ngày 28/7/1995 có thể xem như một bước ngoặt trong tiến trình mở cửa và hội nhập khu vực, quốc tế của đất

nước. Cánh cửa đầu tiên đã được mở ra giúp Việt Nam từng bước tháo gỡ thế bao vây, cấm vận, đưa đất nước hoà nhập vào đời sống khu vực. Hơn 20 năm tham gia ASEAN đã chứng kiến quá trình trưởng thành của Việt Nam trên sân chơi hội nhập từ giai đoạn học hỏi, làm quen, đến thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của thành viên, tiên tiến tham gia tích cực, chủ động và có trách nhiệm. Trong thời gian đó, Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển và thành công của ASEAN.

- Ngay sau khi gia nhập ASEAN, Việt Nam đã tích cực thúc đẩy kết nạp các nước Campuchia, Lào và Myanmar vào ASEAN, hoàn thành ý tưởng về một ASEAN bao gồm cả 10 nước Đông Nam Á, tạo ra sự chuyển biến mới về chất đối với ASEAN và tình hình khu vực.

- Ba năm sau khi chính thức gia nhập, Việt Nam đã đảm nhận nghĩa vụ lớn đầu tiên với việc tổ chức **Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 6 (1998)**, chủ trì xây dựng và thông qua **Chương trình Hành động Hà Nội triển khai Tầm nhìn ASEAN 2020** cũng như đề ra các biện pháp ứng phó với các vấn đề nảy sinh sau khủng hoảng tài chính khu vực, để lại dấu ấn tốt đẹp đầu tiên của Việt Nam trong ASEAN. Ba năm tiếp theo đó, Việt Nam tiếp tục đảm nhiệm vai trò Chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN (2000-2001) khóa 34, chủ trì thành công chuỗi các Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN và giữa ASEAN với các Đối tác tại Hà Nội tháng 7/2001, đề xuất và thông qua **Tuyên bố Hà Nội về Thu hẹp khoảng cách phát triển**, cụ thể hoá Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI).

- Vai trò của Việt Nam tiếp tục được thể hiện rõ nét qua những đóng góp tích cực cho quá trình xây dựng các văn kiện định hướng lớn, đưa ASEAN chuyển sang giai đoạn đẩy mạnh liên kết và xây dựng cộng đồng như: Tuyên bố Hòa hợp Bali II năm 2003, Chương trình Hành động Vientiane năm 2004, Hiến chương ASEAN năm 2007, Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN 2009-2015, Kế hoạch công tác Sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI) giai đoạn 2.

- Một trong những kết quả nổi bật của Việt Nam là thực hiện xuất sắc vai trò Chủ tịch ASEAN trong năm 2010-năm bản lề quan trọng đối với ASEAN trong kế hoạch 5 năm thực hiện Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN vào 2015 và trong giai đoạn chuyển tiếp đưa Hiến chương ASEAN vào cuộc sống với tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động mới. Việt Nam đã thúc đẩy hợp tác ASEAN với chủ đề **“Hướng tới cộng đồng ASEAN: Từ tầm nhìn đến hành động”**; chủ trì tổ chức và điều hành một loạt các hoạt động quan trọng

của ASEAN và thông qua nhiều Văn kiện, tuyên bố quan trọng, có tầm chiến lược trong định hướng phát triển của ASEAN. Việt Nam đã chủ động nêu các sáng kiến quan trọng, bao gồm lập một số cơ chế mới như Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng (ADMM+), Hội nghị những người đứng đầu các cơ quan an ninh ASEAN (MACOSA), và việc mở rộng Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS) với sự tham gia của Nga và Mỹ.

- Trên nền tảng kết quả tốt đẹp của năm 2010, Việt Nam tiếp tục phát huy hiệu quả vai trò chủ động và tích cực trong triển khai các trọng tâm, ưu tiên hướng mạnh về mục tiêu hình thành Cộng đồng như nỗ lực thực hiện hiệu quả và đúng hạn Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN; đẩy mạnh thu hẹp khoảng cách phát triển, triển khai kết nối ASEAN; đóng góp quan trọng vào việc xây dựng và triển khai các văn kiện và quyết sách chiến lược của ASEAN trong giai đoạn mới như Tuyên bố về Cộng đồng ASEAN trong Cộng đồng các quốc gia toàn cầu năm 2011, Tuyên bố về các nguyên tắc quan hệ cùng có lợi của Hội nghị Cấp cao Đông Á năm 2011, Tuyên bố ASEAN về Nhân quyền năm 2012, khởi động đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện khu vực (RCEP)... Trong giai đoạn điều phối quan hệ ASEAN-Trung Quốc 2009-2012, Việt Nam đã góp phần quan trọng thúc đẩy quan hệ hai bên đi vào chiều sâu và thực chất hơn, trong đó có việc thông qua chương trình hành động thực hiện Tuyên bố về quan hệ đối tác chiến lược ASEAN-Trung Quốc 2011-2015, các Nguyên tắc hướng dẫn thực hiện Tuyên bố về cách ứng xử ở Biển Đông (DOC) và xây dựng các thành tố cơ bản của Bộ Quy tắc ứng xử (COC).

- Việt Nam đã tích cực tham gia xây dựng Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, với mục tiêu làm cho liên kết ASEAN sâu rộng hơn và có vai trò quan trọng hơn ở khu vực. Trong năm đầu tiên thành lập Cộng đồng ASEAN 2015 và thực hiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, Việt Nam tiếp tục tham gia và đóng góp tích cực, chủ động, có trách nhiệm trong hoạt động hợp tác ASEAN, góp phần quan trọng vào kết quả triển khai Tầm nhìn ASEAN 2025. Các Bộ, ngành của ta đều đã và đang xây dựng đề án, chương trình và kế hoạch triển khai thực hiện Tầm nhìn. Chỉ riêng trong năm 2016, ta đã chủ động đưa ra nhiều đề xuất mới và phát huy vai trò của ta trong ASEAN, nhận được sự hoan nghênh và ủng hộ của các nước như Tuyên bố ARF về tăng cường hợp tác giữa các lực lượng thực thi pháp luật trên biển và Danh mục các hoạt động ưu tiên thực hiện Kế hoạch hành động ASEAN-Ấn Độ 2016-2018; chủ trì đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN-Nhật Bản (AJCEP); chủ tọa Nhóm Đầu tư đại diện cho ASEAN trong đàm phán

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện khu vực (RCEP); chủ trì/đồng chủ trì nhiều hoạt động như Hội nghị Bộ trưởng Y tế ASEAN lần thứ 12, Hội nghị Bộ trưởng Viễn thông và Công nghệ thông tin ASEAN lần thứ 15, Cuộc họp Quan chức Cao cấp và Nhóm làm việc chung ASEAN Trung Quốc về Tuyên bố DOC, Nhóm Chuyên gia ADMM+ lần 4 về Hành động minh nhân đạo, Cuộc họp AICHR đặc biệt, Hội thảo AICHR về các biện pháp tuyên truyền hiệu quả chống mua bán người, Khóa đào tạo ARF về ngoại giao phòng ngừa, Diễn đàn Cảnh sát giao thông ASEAN lần thứ nhất... Trên cơ sở tình hữu nghị đặc biệt Việt Nam-Lào, Việt Nam đã tích cực hỗ trợ Lào đảm nhiệm thành công nhiệm kỳ Chủ tịch ASEAN 2016.

Đặc biệt, Việt Nam đã kiên trì thúc đẩy tăng cường đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN trong các vấn đề khu vực và trong xử lý những thách thức an ninh, những vấn đề nảy sinh trong quan hệ với các đối tác; củng cố và thúc đẩy hợp tác trong các cơ chế, diễn đàn khu vực quan trọng như ASEAN+3, Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng (ADMM+). Trong vấn đề Biển Đông, Việt Nam đã chủ động trao đổi và phối hợp với các nước nhằm tạo dựng đồng thuận chung trong ASEAN và giữa ASEAN và đối tác về vai trò của ASEAN và lợi ích chung trong việc duy trì hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn hàng hải và hàng không ở Biển Đông; thúc đẩy đưa vấn đề Biển Đông vào văn kiện các hội nghị, diễn đàn với những nội dung tích cực; thúc đẩy thực hiện đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố DOC và sớm hoàn tất Bộ quy tắc COC.

4.3. Tác động của Cộng đồng ASEAN đối với Việt Nam

Sự hình thành Cộng đồng ASEAN 2015 và việc triển khai Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 tạo ra cả cơ hội và thách thức đan xen đối với Việt Nam. Nhìn chung, các cơ hội về cơ bản là những lợi ích có được trong quá trình tham gia hợp tác ASEAN trong 20 năm qua, nhưng sẽ lớn hơn và cụ thể hơn; các thách thức cũng sẽ nhiều hơn và trực tiếp hơn.

- Đối với quốc gia:

o **Về tổng thể:** tham gia tiến trình liên kết ASEAN sâu rộng hơn sẽ tiếp tục mang lại cho Việt Nam những lợi ích quan trọng và thiết thực, hỗ trợ đắc lực cho việc triển khai hiệu quả đường lối đối ngoại mà Đại hội Đảng XII đề ra “chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng Cộng đồng vững mạnh” và “chủ động tham gia và phát huy vai trò tại ASEAN”.

Tuy nhiên, hội nhập khu vực sâu rộng hơn cũng đòi hỏi Việt Nam phải có chủ trương và biện pháp phù hợp hơn, sự chuẩn bị nội bộ tốt hơn, nhất là về nguồn lực và điều chỉnh luật lệ trong nước.

o **Về chính trị-an ninh:** việc các nước ASEAN tăng cường hợp tác về chính trị, an ninh, quốc phòng sẽ góp phần duy trì môi trường hòa bình và ổn định khu vực, nâng cao khả năng xử lý những thách thức an ninh phi truyền thống; hỗ trợ đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích của Việt Nam ở Biển Đông. Việc tăng cường giao lưu, trao đổi giữa các sĩ quan các nước ASEAN sẽ tạo sự hiểu biết, tin cậy giữa giới quân sự các nước, góp phần giảm thiểu các nguy cơ xung đột. Hợp tác về phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, chia sẻ thông tin tình báo giúp người dân có cuộc sống an toàn hơn. Việc tăng cường hợp tác trong khuôn khổ Ủy ban liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền sẽ góp phần thúc đẩy và bảo vệ các quyền tự do cơ bản của người dân, nhất là nhóm yếu thế. Mặt khác, Việt Nam sẽ gặp khó khăn hơn khi thỏa thuận hoặc triển khai một số biện pháp nhạy cảm và có mức liên kết sâu hơn, nhất là về dân chủ-nhân quyền và chính sách quốc phòng. Việt Nam cũng phải xử lý nhiều vấn đề phức tạp hơn liên quan đến an ninh xã hội như tội phạm qua biên giới, lao động nhập cư...

o **Về kinh tế:** Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) mở ra cơ hội lớn cho Việt Nam với một thị trường chung rộng lớn hơn 625 triệu người, tổng GDP đạt 2.600 tỷ USD. AEC sẽ góp phần tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp ASEAN thông qua phân công lao động và trao đổi hàng hóa, dịch vụ trung gian, từ đó tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh hơn cho doanh nghiệp, thậm chí hỗ trợ doanh nghiệp cùng phát triển, tạo ra sức cạnh tranh cao của khu vực ASEAN, đáp ứng nhu cầu lớn không chỉ trong khu vực ASEAN mà đặc biệt là hướng ra người tiêu dùng của các khu vực phát triển. Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) sẽ là cơ hội lớn cho doanh nghiệp, tạo ra thị trường rộng lớn với dân số 3,4 tỉ người, tổng GDP khoảng 21.300 tỷ USD, giá trị thương mại hàng năm lên tới 10.700 tỉ USD. Tuy nhiên, Việt Nam sẽ gặp sự cạnh tranh gay gắt hơn trong quá trình thỏa thuận và thực thi các cam kết về liên kết kinh tế sâu rộng hơn, do năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế.

o **Về văn hóa-xã hội:** Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN (ASCC) mang lại cơ hội cho Việt Nam tiếp nhận thông tin, khoa học-công nghệ, kinh nghiệm quản lý hiện đại và nguồn lực, đào tạo và nâng cao năng lực của cán bộ, tạo chuyên biến tích cực trong việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, luật lệ và

thủ tục trong nước cho phù hợp hơn với yêu cầu hội nhập quốc tế. Khó khăn chính đối với Việt Nam là các hoạt động hợp tác văn hóa-xã hội ASEAN trải rộng trên nhiều lĩnh vực khác nhau, thiếu sự gắn kết, trong khi nguồn lực tham gia của Việt Nam có hạn.

o **Về đối ngoại:** Việt Nam có điều kiện thuận lợi hơn để mở rộng và tăng cường quan hệ song phương với các đối tác của ASEAN, nhất là các nước lớn, cũng như tham gia sâu rộng hơn vào các khuôn khổ hợp tác quốc tế hay liên khu vực rộng lớn hơn; qua đó góp phần nâng cao vai trò và vị thế quốc tế của Việt Nam. Mặt khác, việc mở rộng quan hệ cũng khiến Việt Nam nói chung và ASEAN nói riêng đứng trước khó khăn trong việc bảo đảm đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN trước tác động của các nước lớn đối với ASEAN.

- **Đối với doanh nghiệp:** Các thỏa thuận kinh tế trong ASEAN và giữa ASEAN và các Đối tác loại bỏ các hàng rào thuế quan và giảm bớt các hàng rào phi thuế quan, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp Việt Nam: (i) giảm chi phí nhập khẩu; (ii) hạ giá thành sản phẩm; (iii) mở rộng thị trường xuất khẩu và tiêu thụ sản phẩm; (iv) tăng cường thu hút đầu tư và kinh doanh từ bên ngoài; và (v) thúc đẩy đầu tư ra các nước. Đặc biệt, các nỗ lực tự do hóa đầu tư của ASEAN làm tăng tính hấp dẫn của thị trường ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng, giúp thu hút các luồng đầu tư có chất lượng vào Việt Nam, mặt khác tăng cường đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam vào các nước ASEAN khác. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ phải cạnh tranh quyết liệt, thậm chí ngay tại thị trường Việt Nam. Một số doanh nghiệp Việt Nam với năng lực cạnh tranh thấp sẽ khó có khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng có giá trị cao và lợi nhuận tốt.

- **Đối với người dân:** Cộng đồng ASEAN được hình thành với mục tiêu cao nhất là đảm bảo nhân dân và các quốc gia thành viên ASEAN được sống chung trong một môi trường hòa bình, công bằng, dân chủ và hòa hợp. Các hoạt động của ASEAN hướng tới hình thành một Cộng đồng ASEAN hướng tới người dân, và lấy người dân làm trung tâm. Trên cơ sở đó, người dân Việt Nam, ngoài những lợi ích đối với quốc gia và doanh nghiệp nêu trên, còn được hưởng những lợi ích thiết thực khác từ Cộng đồng ASEAN gồm: (i) được sống trong một môi trường hòa bình, hữu nghị, nơi các dân tộc Đông Nam Á đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau; (ii) có nhiều lựa chọn về hàng hóa và dịch vụ với giá cả thấp và chất lượng cao hơn; (iii) có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm theo chuyên môn tại các nước ASEAN khác; (iv) được công nhận bằng cấp trong

giáo dục cũng như kỹ năng nghề tạo điều kiện cho người lao động, nhất là lao động có tay nghề, tự do di chuyển và tìm cơ hội việc làm thuận lợi hơn trong khu vực; (v) được thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản, sự tăng cường quản trị tốt trong ASEAN; (vi) được bảo vệ tốt hơn trước các nguy cơ dịch bệnh lây lan, nâng cao khả năng thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, được hưởng lợi từ các chương trình và hoạt động bảo vệ môi trường và tính bền vững của các nguồn tài nguyên thiên nhiên; (vii) có cơ hội phát huy văn hóa dân tộc truyền thống cũng như chia sẻ bản sắc chung của cộng đồng các quốc gia ASEAN; (viii) đi lại thuận tiện hơn trong các nước ASEAN (miễn thị thực 15-30 ngày). Tuy nhiên, người dân cũng gặp một số thách thức, nhất là phải cạnh tranh về tìm kiếm việc làm có tay nghề, ngay cả tại Việt Nam; nguy cơ gia tăng tệ nạn, tội phạm xuyên quốc gia.

V. KỶ NIỆM 50 NĂM THÀNH LẬP ASEAN TRONG NĂM 2017

Ngày 08/8/2017 đánh dấu mốc kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN. Tiếp theo sự kiện Cộng đồng ASEAN chính thức hình thành vào ngày 31/12/2015, đây là dấu mốc quan trọng trong tiến trình phát triển của ASEAN, khẳng định vai trò, vị thế và uy tín của ASEAN là một trong những tổ chức khu vực thành công nhất, đóng góp duy trì hòa bình, ổn định, an ninh và phát triển ở khu vực. Nhằm nâng cao ý thức về Cộng đồng ASEAN, đề cao các thành tựu quan trọng của ASEAN, lợi ích của việc tăng cường liên kết khu vực, các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam, đã tiến hành tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN trong suốt năm 2017 ở cấp khu vực và cấp quốc gia.

5.1. Các hoạt động kỷ niệm cấp khu vực

Các nước ASEAN đã tiến hành các hoạt động kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN ở cấp khu vực, bao gồm:

- Lễ tôn vinh các nhà sáng lập ASEAN: được tổ chức nhằm tôn vinh các nhà sáng lập ASEAN và trao kỷ niệm chương cho hậu duệ của các nhà sáng lập ASEAN, với sự tham dự của những người đứng đầu các Nhà nước, Chính phủ ASEAN.

- Giải thưởng doanh nghiệp xã hội thanh niên ASEAN: nhằm ghi nhận vai trò của các doanh nghiệp xã hội trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN; công nhận các doanh nghiệp xã hội trẻ ở khu vực; tạo diễn đàn chia sẻ thực tiễn tốt trong doanh nghiệp xã hội, tăng cường cơ hội tiếp cận thị

trường và vốn dành cho doanh nghiệp xã hội trong khu vực.

- Tôn vinh Tấm gương ASEAN về bảo tồn đa dạng sinh học: nhằm đề cao các thành tựu quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học của ASEAN, nâng cao nhận thức về giá trị của đa dạng sinh học, tôn vinh các nỗ lực bảo tồn đa dạng sinh học và các tấm gương về bảo tồn đa dạng sinh học.

- Xây dựng Video kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN nhằm tôn vinh các nhà sáng lập ASEAN, nâng cao nhận thức và sự tự hào của người dân về ASEAN.

5.2. Các hoạt động kỷ niệm tại Việt Nam

Ngoài tham gia vào các hoạt động kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN ở cấp khu vực, Việt Nam đã tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm như: Thủ tướng Chính phủ phát biểu trên truyền hình về các thành tựu của ASEAN sau nửa thế kỷ hình thành và phát triển, các bước phát triển của ASEAN thời gian tới và định hướng tham gia ASEAN của Việt Nam; Lễ Thượng cờ ASEAN cấp quốc gia tại trụ sở Bộ Ngoại giao vào ngày 08/8/2017; các Lãnh đạo và nguyên Lãnh đạo Nhà nước, Lãnh đạo các Bộ có bài viết, trả lời phỏng vấn các báo chủ chốt về Cộng đồng ASEAN và sự tham gia của Việt Nam trong ASEAN; tổ chức in ấn và phát hành các ấn phẩm tuyên truyền về ASEAN; các Bộ, ngành và các thành phố lớn tổ chức treo cờ, logo, băng rôn kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN tại các trụ sở làm việc; tổ chức nhiều tọa đàm, hội thảo, diễn đàn về Cộng đồng Kinh tế ASEAN và cơ hội mang lại cho người dân, doanh nghiệp; triển lãm ảnh, phim phóng sự, phim tài liệu về ASEAN; liên hoan ca, múa, nhạc ASEAN...

VI. KẾ HOẠCH TUYẾN TRUYỀN, QUẢNG BÁ ASEAN ĐẾN NĂM 2025

6.1. Kế hoạch Chiến lược ASEAN về Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2016 - 2025 (ASEAN Strategic Plan for Information and Media 2016-2025)

6.1.1. Giới thiệu

Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Văn hóa Xã hội ASEAN (ASCC) 2015 đã hướng dẫn các chiến lược và chương trình của Cộng đồng ASEAN hướng tới người dân, thân thiện với môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững. Xây dựng bản sắc ASEAN là một trong những yếu tố cốt lõi của Kế hoạch ASCC,

trong đó, hướng tới thúc đẩy nhận thức về ASEAN và ý thức cộng đồng. Thông tin và truyền thông là những lực lượng quan trọng hình thành nên nhận thức về ASEAN và xây dựng cộng đồng thông qua những hoạt động như thực hiện các kế hoạch truyền thông khu vực và quốc gia, hợp tác sản xuất và phát sóng đối với các tư liệu đa phương tiện về ASEAN. Các phương tiện truyền thông trong khu vực cũng tham gia vào việc quảng bá văn hoá, di sản và lịch sử của ASEAN.

Khi Cộng đồng ASEAN tiến lên phía trước, sự hợp tác trong thông tin và truyền thông sẽ khắc họa đậm nét những thành tựu của việc thực hiện Kế hoạch tổng thể ASCC trong khi vẫn tiếp tục giải quyết những thách thức trong phổ biến thông tin và nâng cao nhận thức để in đậm thêm dấu ấn là công dân thuộc về Cộng đồng ASEAN và bản sắc của các công dân ASEAN, tạo cơ hội mới cho người dân ASEAN và cộng đồng toàn cầu.

Các nỗ lực phải được đặt trong bối cảnh hiểu rõ về sự phát triển của bức tranh truyền thông và những thay đổi nhanh chóng về công nghệ đang được công dân ASEAN sử dụng rộng rãi. Qua đó đảm bảo các thông điệp của ASEAN được phát đi qua các phương tiện khác nhau và sử dụng các công cụ truyền thông thích hợp. Bên cạnh việc thích ứng nhanh các công nghệ mới, các phương tiện truyền thông truyền thống và các phương tiện truyền thông tại cơ sở (đài phát thanh, báo chí cộng đồng) không được bỏ qua vì ở các vùng nông thôn vẫn sử dụng nhiều. Hơn nữa, các ngôn ngữ truyền thông sử dụng phải liên tục thích ứng với sự đa dạng về ngôn ngữ trong khu vực để tạo điều kiện tiếp cận thông tin rộng hơn.

Kế hoạch Chiến lược về Thông tin và Truyền thông hoạt động theo tầm nhìn của Kế hoạch tổng thể ASCC 2025, tiến tới xây dựng một Cộng đồng ASEAN vì lợi ích người dân, đùm bọc, bền vững, tự cường và năng động. Ngành thông tin có liên quan trực tiếp tới tầm nhìn về một cộng đồng năng động và hài hòa trong Kế hoạch tổng thể ASCC, nâng cao nhận thức và tự hào về bản sắc, văn hoá và di sản của cộng đồng với khả năng đổi mới mạnh mẽ và đóng góp một cách chủ động cho cộng đồng toàn cầu.

6.1.2. Mục tiêu

Chiến lược ASEAN về Thông tin và Truyền thông (2016 – 2025) là một kế hoạch thực hiện trong 10 năm, hướng tới mục tiêu phát triển và hợp tác của ngành thông tin và truyền thông trong khu vực nhằm hỗ trợ các trụ cột cộng đồng và các lĩnh vực khác với các nhu cầu truyền thông riêng; thúc đẩy

thực hiện các chính sách và sáng kiến của ASEAN; và giao tiếp với người dân thông qua các cơ chế khác nhau nhằm tuyên truyền những lợi ích phát triển của ASEAN.

6.1.3. Các chiến lược chính

Các chiến lược chính trong Kế hoạch chiến lược ASEAN về Thông tin và Truyền thông 2016-2025 bao gồm:

- 1. Tăng cường hợp tác và các thỏa thuận cấp ASEAN nhằm cung cấp các cơ chế khu vực để thúc đẩy tiếp cận thông tin;*
- 2. Khuyến khích phát triển các chương trình và phổ biến thông tin về những lợi ích và cơ hội mà cộng đồng ASEAN mang lại và thúc đẩy sự tôn trọng lẫn nhau, đánh giá cao sự đa dạng và ý thức thuộc về cộng đồng hội nhập này;*
- 3. Khai thác việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông như là phương tiện kết nối với cộng đồng khu vực và toàn cầu cho các nhóm đối tượng khác nhau; và*
- 4. Kêu gọi sự tham gia của các chuyên gia truyền thông, các nhà nghiên cứu, kinh doanh và các tổ chức khác trong hợp tác phát triển nội dung về ASEAN.*

6.1.4. Các hoạt động đề xuất

6.1.4.1. Chiến lược 1: *Tăng cường hợp tác và các thỏa thuận cấp ASEAN nhằm cung cấp các cơ chế khu vực để thúc đẩy tiếp cận thông tin.*

Các lĩnh vực ưu tiên

- a. Nghiên cứu thực trạng của ngành thông tin và truyền thông trong ASEAN;*
- b. Xây dựng các thỏa thuận, kế hoạch hành động hoặc các khuôn khổ hợp tác cấp ASEAN để phối hợp và hợp tác với các đối tác đối thoại khác;*
- c. Triển khai các sáng kiến cấp khu vực, trong đó có việc sử dụng các ngôn ngữ bản địa trong truyền thông, để mở rộng hiểu biết về ASEAN và xây dựng cộng đồng;*
- d. Tăng cường hợp tác hơn nữa trong việc thực hiện Kế hoạch truyền thông quốc gia, hỗ trợ sự phát triển của các lĩnh vực khác cũng như*

nâng cao hiệu quả trong các chiến lược truyền thông của các ngành khác về ASEAN, để phù hợp với Kế hoạch tổng thể truyền thông ASEAN;

- e. Xây dựng các sáng kiến Đối tác Công – Tư (PPP) để mở rộng tiếp cận thông tin;
- f. Tăng cường hợp tác trong ASEAN và với Đối tác Đối thoại; và
- g. Quảng bá/làm thương hiệu hình ảnh ASEAN và nâng cao vị thế của ASEAN để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân trong và ngoài khu vực.

6.1.4.2. Chiến lược 2: *Khuyến khích phát triển các chương trình và phổ biến thông tin về những lợi ích và cơ hội mà cộng đồng ASEAN mang lại và thúc đẩy sự tôn trọng lẫn nhau, đánh giá cao sự đa dạng và ý thức thuộc về cộng đồng hội nhập này.*

Các lĩnh vực ưu tiên

- a. Hợp tác với ngành giáo dục để phát triển các tài liệu giảng dạy về ASEAN;
- b. Chia sẻ những bài học kinh nghiệm, tiến hành các chương trình nâng cao năng lực và hỗ trợ để cải thiện cách thức tiếp cận thông tin đa dạng, ví dụ: thư viện, bảo tàng, trung tâm cộng đồng, vv.
- c. Sử dụng các diễn đàn đa phương tiện và tổ chức các sự kiện để thu hút sự tham gia của phụ nữ, thanh niên và công chúng để tăng cường hiểu biết về ASEAN;
- d. Thúc đẩy việc đồng sản xuất có sự tham gia của các nước thành viên ASEAN, như về du lịch và đời sống để chia sẻ kiến thức và nhận thức của cộng đồng ASEAN và thúc đẩy kết nối người dân với người dân trong ASEAN;
- e. Thuận lợi hóa trao đổi các ý tưởng và hợp tác sáng tạo, như các nghệ sỹ trong lĩnh vực phim, nghệ thuật biểu diễn và âm nhạc, để mở rộng sức ảnh hưởng trong và ngoài khu vực; và
- f. Phát triển năng lực, kiến thức và mạng lưới các nhân viên truyền thông và các nhà sản xuất ASEAN trẻ để phát triển nội dung về ASEAN.

6.1.4.3. Chiến lược 3: *Khai thác việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông như là phương tiện kết nối với cộng đồng khu vực và toàn cầu*

cho các nhóm đối tượng khác nhau.

Các lĩnh vực ưu tiên

- a. Sử dụng các phương tiện truyền thông mới để phổ biến thông tin về sự đoàn kết, đa dạng và thống nhất của ASEAN;
- b. Phối hợp với các ngành khác để cải thiện về mặt công nghệ và khả năng tiếp cận trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;
- c. Thúc đẩy phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông nhằm đẩy mạnh sự sáng tạo và sản xuất nội dung số cũng như phổ biến nội dung về ASEAN cho các nhóm đối tượng khác nhau; và
- d. Thu hút các nhà quản lý của các phương tiện truyền thông mới tăng cường nội dung hội nhập ASEAN.

6.1.4.4. Chiến lược 4: *Kêu gọi sự tham gia của các chuyên gia truyền thông, các nhà nghiên cứu, kinh doanh và các tổ chức khác trong hợp tác phát triển nội dung về ASEAN.*

Các lĩnh vực ưu tiên

- a. Tạo điều kiện thuận lợi cho sự cộng tác giữa các chuyên gia truyền thông của các nước thành viên ASEAN để nâng cao trình độ chuyên môn và kiến thức để có thể bao quát và phổ biến tốt hơn các câu chuyện của ASEAN;
- b. Triển khai các chương trình giáo dục và đào tạo cho nhân lực ngành truyền thông thông qua sự tham gia của các bên liên quan;
- c. Không ngừng đổi mới và sáng tạo để gia tăng sự đa dạng nội dung và sự phát triển của ngành thông tin và truyền thông;
- d. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đối thoại giữa các nền văn hoá trong và giữa các dân tộc trong và ngoài ASEAN; và
- e. Công nhận và khen thưởng đối với sự phát triển và phân phối nội dung liên quan đến ASEAN.

6.1.5. Kinh phí

Để đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các nước thành viên ASEAN và các Đối tác Đối thoại ASEAN, việc thực hiện các dự án theo kế hoạch chiến lược này có thể được tài trợ một phần hoặc toàn bộ theo các nguồn tài chính mới và

hiện có, bao gồm Quỹ Văn hoá ASEAN, Các Đối tác Đối thoại ASEAN, các Tổ chức Quốc tế, Các Quốc gia Thành viên ASEAN, và các tổ chức công hoặc tư nhân khác.

6.1.6. Giám sát và báo cáo

Ban Thư ký ASEAN sẽ cung cấp báo cáo định kỳ về tiến độ của kế hoạch chiến lược này. Đánh giá giữa kỳ sẽ được tiến hành vào năm 2020 và đánh giá kết thúc vào năm 2025

6.1.7. Sửa đổi, bổ sung

Kế hoạch Chiến lược có thể được sửa đổi khi cần thiết và theo sự đồng ý của Hội nghị Bộ trưởng Thông tin ASEAN (AMRI).

6.2. Kế hoạch tuyên truyền, quảng bá ASEAN cấp quốc gia giai đoạn 2017-2020

Sau đây là phần trích dẫn Kế hoạch tuyên truyền, quảng bá ASEAN cấp quốc gia giai đoạn 2017-2020 để các cơ quan báo chí tham khảo và bám sát thực hiện trong công tác tuyên truyền (Số thứ tự các mục không theo thứ tự của Sổ tay):

Căn cứ xây dựng Kế hoạch

Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Thông tin tuyên truyền ASEAN giai đoạn 2017 – 2020 được xây dựng căn cứ theo các văn bản sau:

- Quyết định số 1536/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động của Chính phủ về Tuyên truyền, quảng bá ASEAN.

- Quyết định số 1603/QĐ-BTTTT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định nhiệm vụ, quyền hạn và thành phần Ban Chỉ đạo Thông tin tuyên truyền ASEAN.

- Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 21 tháng 02 năm 2014 của Trưởng Ban Chỉ đạo Thông tin tuyên truyền ASEAN ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Thông tin tuyên truyền ASEAN.

- Công văn số 1438/VPCP-QHQT ngày 08 tháng 3 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ về Kết quả triển khai Chương trình hành động của Chính phủ về Tuyên truyền, quảng bá ASEAN giai đoạn 2014-2015 và Kế hoạch triển khai giai đoạn 2016-2020.

I. YÊU CẦU CỦA CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN

1. Yêu cầu chung

Công tác thông tin tuyên truyền về ASEAN giai đoạn 2017-2020 tiếp tục được triển khai dựa trên các yêu cầu sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về ASEAN tới người dân kể từ sau thời điểm chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên mọi phương tiện truyền thông với tính thống nhất cao, có trọng tâm, trọng điểm tuyên truyền, thiết thực, hiệu quả.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ASEAN, trong đó chú trọng giới thiệu các nội dung liên quan doanh nghiệp và gắn với cơ hội, lợi ích thiết thực mà Cộng đồng ASEAN mang lại cho người dân; Chú trọng tuyên truyền về Tầm nhìn ASEAN 2025 và các ưu tiên của Cộng đồng ASEAN đến năm 2025 trên ba Trụ cột.

- Đẩy mạnh việc tổ chức thực hiện xây dựng bản sắc ASEAN, nâng cao nhận thức về ASEAN và tinh thần cộng đồng ASEAN, khuyến khích các tầng lớp nhân dân tham gia đóng góp cho quá trình xây dựng Cộng đồng; Gắn tuyên truyền ASEAN với các dấu mốc kỷ niệm lớn như: kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN và 22 năm Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm 2017; Chủ tịch ASEAN, 5 năm thành lập Cộng đồng ASEAN và 25 năm Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm 2020.

- Tuyên truyền về vai trò nòng cốt của Việt Nam trong ASEAN cũng như vai trò chủ đạo trong việc tăng cường vai trò trung tâm của ASEAN tại khu vực và trên thế giới, đề cao vai trò tích cực và vị thế của Việt Nam trong công tác hội nhập nhanh chóng; Quảng bá về Việt Nam tới các nước thành viên và các đối tác của ASEAN.

2. Nguyên tắc thực hiện

- Các hoạt động tuyên truyền, quảng bá ASEAN cần được tổ chức với nhiều hình thức đa dạng, có trọng tâm, trọng điểm, đúng đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành liên quan đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành, thực hiện Kế hoạch.

- Nội dung phải có tính thuyết phục, có tính giáo dục cao, dễ hiểu, dễ tiếp cận.

- Thực hiện thường xuyên, bám sát thực tiễn.

- Các cơ quan chủ trì chủ động cung cấp thông tin hàng tháng cho các cơ quan báo chí và cung cấp đầu mối liên hệ cho phóng viên báo chí trước, trong và sau thời điểm diễn ra các sự kiện.

Phát huy những kết quả đạt được trong công tác thông tin tuyên truyền ASEAN giai đoạn 2014-2015, việc xây dựng Kế hoạch của Ban Chỉ đạo Thông tin tuyên truyền ASEAN giai đoạn 2017 – 2020 tiếp tục có ý nghĩa vô cùng quan trọng sau khi Cộng đồng ASEAN đã chính thức hình thành, góp phần điều phối thực hiện các hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng, có trọng tâm, trọng điểm, tiết kiệm chi phí và có sự phối hợp giữa các bộ, ngành, tổ chức được phê duyệt theo định hướng tuyên truyền của lãnh đạo Nhà nước.

3. Thời gian thực hiện tuyên truyền

Thời gian thực hiện Kế hoạch tuyên truyền, quảng bá ASEAN từ năm 2017 đến hết năm 2020 (Trong quá trình thực hiện, có thể sửa đổi bổ sung Kế hoạch phù hợp với yêu cầu thực tế). Sau năm 2020, trên cơ sở kết quả hoạt động, sẽ cập nhật, bổ sung các nội dung, yêu cầu mới trên cơ sở nội dung Kế hoạch này.

4. Đối tượng tuyên truyền

- Trong nước:

+ Các tầng lớp nhân dân, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan nhà nước; các nhà nghiên cứu, học giả; sinh viên, học sinh...;

+ Cộng đồng doanh nghiệp;

+ Người nước ngoài sinh sống và làm việc tại Việt Nam, đặc biệt là công dân của các nước thành viên ASEAN.

- Ngoài nước:

+ Người Việt Nam sinh sống, làm việc, học tập ở nước ngoài, nhất là tại các nước ASEAN và các nước đối tác của ASEAN.

+ Người nước ngoài, đặc biệt là công dân của các nước thành viên ASEAN và các nước đối tác của ASEAN.

5. Mức độ tuyên truyền

- Các hoạt động tuyên truyền sẽ được thực hiện thường xuyên trong giai

đoạn 2017 - 2020 để nâng cao nhận thức và hiểu biết của người dân về ASEAN và sự tham gia của Việt Nam trong ASEAN nói chung theo định hướng tuyên truyền chung của 3 Trụ cột ASEAN.

- Chủ trương tuyên truyền ở mức độ cao trong năm kỷ niệm thành lập ASEAN 2017; Chủ tịch ASEAN 2020, kỷ niệm 5 năm thành lập Cộng đồng ASEAN và 25 năm Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm 2020.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

Một số nội dung lớn của Kế hoạch tuyên truyền, quảng bá ASEAN giai đoạn 2017-2020 hướng tới như sau:

1. Tạo điều kiện để các tầng lớp người dân trong xã hội hiểu rõ và khai thác tối đa các lợi ích thiết thực mà Cộng đồng ASEAN mang lại, cũng như đóng góp tích cực cho tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN khi đã chính thức hình thành.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Cộng đồng ASEAN với điểm nhấn là tham gia và triển khai các hoạt động kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN và 22 năm Việt Nam gia nhập ASEAN (2017), Chủ tịch ASEAN 2020, kỷ niệm 5 năm hình thành Cộng đồng ASEAN và 25 năm Việt Nam gia nhập ASEAN (2020) ở cấp khu vực và quốc gia, trong đó tiếp tục nâng cao nhận thức và hiểu biết của người dân về Cộng đồng ASEAN và sự tham gia của Việt Nam, các cơ hội, lợi ích mà Cộng đồng ASEAN mang lại, khuyến khích các tầng lớp nhân dân tham gia đóng góp cho quá trình xây dựng Cộng đồng.

3. Chú trọng tuyên truyền về kết quả triển khai các ưu tiên của Cộng đồng ASEAN trong giai đoạn 2017-2020 và sự tham gia của Việt Nam, bao gồm triển khai Tầm nhìn ASEAN 2025 và các Kế hoạch tổng thể trên cả ba trụ cột Cộng đồng; Chương trình Nghị sự kết nối ASEAN 2025 và Kế hoạch Công tác Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAI) giai đoạn III về thu hẹp khoảng cách phát triển; tình hình hợp tác trong các lĩnh vực mà ta có nhu cầu và thế mạnh.

4. Tuyên truyền về vai trò nòng cốt, đi đầu của Việt Nam trong việc củng cố đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN; Duy trì hòa bình, ổn định khu vực; Vai trò chủ đạo trong việc tăng cường vai trò trung tâm của ASEAN cũng như trong việc định hình một cấu trúc khu vực dựa trên các diễn đàn của ASEAN.

5. Quảng bá, giới thiệu về đất nước, con người, cơ hội kinh doanh, đầu tư,

du lịch... của Việt Nam đến các nước thành viên ASEAN và các đối tác của ASEAN. Tạo cơ chế và diễn đàn để người dân và doanh nghiệp trao đổi, giao lưu và tìm hiểu về Cộng đồng ASEAN;

6. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) tới các doanh nghiệp và người dân. Tập trung giới thiệu các nội dung liên quan đến lợi ích doanh nghiệp và người dân được hưởng khi tham gia vào Cộng đồng chung ASEAN, về những nội dung điều chỉnh, bổ sung của những luật lệ, quy định để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các cam kết, thỏa thuận. Tuyên truyền về các cam kết, biện pháp đã có về tự do hóa thương mại, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề; thúc đẩy những cam kết mới trên cơ sở chủ trương, cam kết hiện có của Việt Nam về mở cửa thị trường. Trong đó, nâng cao tuyên truyền, thông tin về Thỏa thuận Thừa nhận lẫn nhau trong ASEAN về nghề du lịch được ASEAN ra mắt vào ngày 9/8/2016.

7. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN (ASCC), gắn liền với lợi ích thiết thực của người dân như phúc lợi và bảo hiểm xã hội, bình đẳng giới...

8. Kịp thời chuyển tải thông tin về tình hình hợp tác ASEAN và sự tham gia của Việt Nam đến người dân, đặc biệt là sự kiện quan trọng thường kỳ của ASEAN như Hội nghị Cấp cao, Hội nghị cấp Bộ trưởng; các dịp kỷ niệm lớn như Ngày thành lập ASEAN (ngày 08 tháng 8) và ngày Việt Nam gia nhập ASEAN (ngày 28 tháng 7).

9. Nâng cao nhận thức của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong cả nước về vai trò quan trọng của ASEAN, tạo sự đồng thuận trong hành động nhằm thúc đẩy sự tham gia chủ động, tích cực và trách nhiệm của Việt Nam trong Cộng đồng ASEAN.

III. HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

Công tác tuyên truyền cần được triển khai sâu rộng ở trong nước và nước ngoài, lồng ghép với các hoạt động tuyên truyền khác của Việt Nam trong giai đoạn 2017-2020. Các phương thức thông tin tuyên truyền theo những nội dung chủ yếu như sau:

1. Ba Bộ chủ trì ba Trụ cột Cộng đồng: Chính trị - An ninh, Kinh tế và Văn hóa - Xã hội đưa ra định hướng tuyên truyền, các sự kiện lớn sẽ diễn ra cho các cơ quan báo chí theo định kỳ (từng tháng, từng quý).

2. Các cơ quan báo chí đưa tin các hoạt động của Hội nghị, đăng trả lời phỏng vấn của lãnh đạo Chính phủ, bộ, ngành của Việt Nam.

3. Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông Tấn xã Việt Nam và các Đài Phát thanh - Truyền hình các tỉnh, thành phố trong cả nước xây dựng chuyên mục, chương trình, dành thời lượng phù hợp để tổ chức phát sóng tuyên truyền, quảng bá về ASEAN.

4. Các báo, tạp chí in xây dựng và duy trì thường xuyên các chuyên trang, chuyên mục các chuyên đề tuyên truyền về ASEAN.

5. Các báo điện tử (Internet): Xây dựng các trang phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền về ASEAN giai đoạn 2017-2020.

Căn cứ đặc thù và thế mạnh của từng loại hình báo chí, các cơ quan báo chí chủ động xây dựng kế hoạch thông tin, tuyên truyền phù hợp, bảo đảm chuyên tải kịp thời những thông tin về ASEAN, đồng thời, qua tuyên truyền, phản ánh kịp thời đường lối đối ngoại và các chính sách kinh tế của Việt Nam. Các cơ quan báo chí mở chuyên mục riêng, tăng thời lượng và số lượng tin, bài vào các dịp diễn ra các sự kiện lớn; xuất bản phụ san, chuyên san, đặc san trên một số báo.

6. Các cơ quan chức năng của các bộ, ngành, thành phố, tổ chức chính trị - xã hội tổ chức các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, quảng bá về ASEAN và việc Việt Nam hội nhập ASEAN.

7. Các kênh truyền hình đối ngoại, các đài phát thanh truyền hình, các báo, tạp chí in và các báo điện tử của Trung ương và các địa phương chủ động lồng ghép các nội dung tin, bài, phim ảnh về ASEAN trong các chương trình phát sóng của mình; Các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có bài viết và trả lời phỏng vấn trên báo chí sở tại, phổ biến ấn phẩm tuyên truyền và tổ chức các hoạt động thông tin, quảng bá khác, mở chuyên mục ASEAN trên website của các cơ quan đại diện....

8. Các bộ ngành đầu mối căn cứ vào nhu cầu tuyên truyền, tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề tuyên truyền cho các đối tượng khác nhau.

9. Tổ chức trao đổi đoàn, trao đổi và sản xuất phim phóng sự, tài liệu, tin bài về đất nước, con người ASEAN cũng như 3 Trụ cột ASEAN.

10. Tổ chức đưa tin và dữ liệu lên website chung của Ban chỉ đạo thông tin tuyên truyền ASEAN (aseanvietnam.vn).

11. Tổ chức các chương trình, trò chơi, cuộc thi để lôi cuốn người dân tìm hiểu về ASEAN.

12. Tổ chức các cuộc triển lãm, giao lưu văn hóa, ẩm thực, nghệ thuật, tuần phim, ... về ASEAN.

VII. ĐỊNH HƯỚNG TUYÊN TRUYỀN TRÊN 3 TRỤ CỘT THỜI GIAN TỚI

7.1. Tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hội nhập quốc tế; đặc biệt là mục tiêu, quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ, lộ trình hội nhập quốc tế của ta

- Làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc sáu quan điểm về hội nhập quốc tế của Đảng nêu trong Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 cũng như các văn kiện khác của Đảng về hội nhập quốc tế và tham gia Cộng đồng ASEAN; bài học kinh nghiệm các nước trong hội nhập quốc tế.

- Nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, tổ chức, doanh nghiệp và người dân hiểu đúng thực chất các sự kiện hội nhập quốc tế, tính cấp bách của việc đẩy mạnh chuẩn bị trong nước cho hội nhập quốc tế, đặc biệt là hội nhập kinh tế quốc tế.

- Hội nhập quốc tế và tham gia Cộng đồng ASEAN được thực hiện trên cơ sở có kế hoạch tổng thể và lộ trình hợp lý; củng cố sự tự tin, tránh tâm lý nôn nóng, chủ quan hoặc quá lo lắng, hoài nghi.

7.2. Khẳng định vai trò chủ động, tích cực của Đảng ta trong xây dựng đường lối, chiến lược và chỉ đạo triển khai thực hiện sự nghiệp hội nhập quốc tế và tham gia Cộng đồng ASEAN

Cần chú ý làm rõ nhận thức sau:

- Dù quá trình thực hiện có lúc khác nhau ở mỗi giai đoạn lịch sử do điều kiện khách quan của cách mạng Việt Nam nhưng hội nhập quốc tế luôn là đường lối liên tục, nhất quán của Đảng ta. Tham gia Cộng đồng ASEAN là một quyết định lịch sử, đúng đắn của Đảng.

- Đảng ta đã sớm nhận thức được xu thế chung của thời đại để có những quyết định đúng đắn, khai thác hiệu quả nhất những cơ hội do hội nhập quốc tế đem lại cho đất nước. Với khả năng tư duy, sáng tạo, năng lực phán đoán thời cơ, thách thức, Đảng ta đã làm hạn chế thấp nhất sự bị động của đất nước

trước tác động hội nhập quốc tế.

- Bác bỏ quan điểm sai trái cho rằng tiến trình hội nhập quốc tế của nước ta là do bên ngoài dẫn dắt, gây áp lực. Quan điểm đó hiện nay đang tồn tại khá phổ biến trong giới học thuật nước ngoài và làm một số cán bộ, đảng viên nhận thức mơ hồ về điều này do bị ảnh hưởng của tài liệu nước ngoài.

7.3. Tuyên truyền quá trình hình thành, phát triển; Kế hoạch tổng thể của Cộng đồng ASEAN; cam kết, lộ trình thực hiện, mục tiêu, giải pháp của Cộng đồng ASEAN

Trong đó chú ý làm rõ nhận thức sau:

- Cộng đồng ASEAN 2015 là một tổ chức liên chính phủ khá gắn kết, có mức độ hợp tác nội khối sâu rộng và là đối tác quan trọng của nhiều nước, tổ chức lớn trên thế giới, nhưng mức độ liên kết chưa cao (chưa chặt chẽ bằng EU) và vẫn là một cộng đồng “thống nhất trong đa dạng”.

- Cộng đồng ASEAN là một giai đoạn của tiến trình phát triển, do đó mốc ngày 31/12/2015 khi Cộng đồng ASEAN hình thành không phải là đích cuối cùng của liên kết ASEAN, mà là sự khởi đầu cho một giai đoạn phát triển mới của Hiệp hội.

- Tầm nhìn của Cộng đồng ASEAN sau năm 2015 (giai đoạn 2016-2025) kế thừa kết quả triển khai lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (giai đoạn 2009-2015); đồng thời, nâng tầm liên kết, kết nối ASEAN và khu vực lên mức cao hơn.

7.4. Tuyên truyền về đất nước, con người, văn hóa, luật pháp, thông lệ của các nước trong ASEAN

7.5. Tuyên truyền kết quả 20 năm Việt Nam gia nhập ASEAN; sự đóng góp của Việt Nam trong xây dựng Cộng đồng ASEAN; quan hệ giữa Việt Nam và các nước thành viên ASEAN

Trong đó chú ý làm rõ nhận thức về việc Việt Nam gia nhập ASEAN:

- Gia nhập ASEAN là một quyết định lịch sử, một bước đi đúng đắn của Đảng ta trong quá trình hội nhập quốc tế; đánh dấu mốc quan trọng đầu tiên trong triển khai chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại và thực hiện tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.

- Việt Nam tham gia ASEAN vào năm 1995 trên cơ sở những thành công

trong việc hội nhập kinh tế đơn phương bằng cách từng bước xây dựng thể chế kinh tế phù hợp với chuẩn mực quốc tế và mở rộng quan hệ đối ngoại, quan hệ kinh tế - thương mại với nhiều quốc gia trên thế giới. Do đó, việc gia nhập ASEAN không phải tự nhiên mà có cả một quá trình chuẩn bị kỹ càng cả về lý luận và thực tiễn.

- Tham gia Cộng đồng ASEAN, Việt Nam đang ngày càng khẳng định vị thế, vai trò trong khu vực.

7.6. Tuyên truyền cơ hội, thách thức, phương hướng tham gia Cộng đồng ASEAN của Việt Nam

Trong đó chú ý làm rõ một số nội dung sau:

- Làm rõ cơ hội, thách thức đối với đất nước, cộng đồng doanh nghiệp và các giai tầng. Ví dụ, với đất nước (ở tầm vĩ mô), đó là cơ hội thúc đẩy nhanh quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường, tạo môi trường cạnh tranh; thu hút các nguồn lực; mở rộng thị trường. Thách thức là phải giải quyết được mối quan hệ giữa xây dựng và thực thi thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đào tạo được nguồn nhân lực phù hợp và kiến tạo hệ thống kết cấu hạ tầng phù hợp, đáp ứng yêu cầu hội nhập.

- Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) có hai đặc điểm riêng biệt: 1) AEC là cộng đồng, tức là một hình thức hội nhập kinh tế khác biệt so với các tổ chức đa phương cũng như khác với các hình thức thông qua tham gia các FTA, sự khác biệt lớn nhất là sự liên kết; 2) AEC là một tiến trình liên tục, tiệm tiến dần đến mục tiêu (EU đã xây dựng cả một thế kỷ), khác với các hình thức hội nhập kinh tế khác là ký kết một lần rồi thực hiện như TPP, FTA với EC, FTA với các đối tác khác.

Do đó, ngoài cơ hội và thách thức như hội nhập kinh tế quốc tế nói chung, thì xuất phát từ đặc thù là “cộng đồng” và “tiệm tiến qua một quá trình”, AEC có những cơ hội và thách thức khác biệt, ví dụ: Cơ hội để thu hẹp khoảng cách phát triển so với các nước phát triển hơn; cơ hội để cạnh tranh quốc tế với tư cách là một đối thủ không đơn độc; cơ hội để dàng tham gia vào các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị với các nước trong khu vực, gần về trình độ với Việt Nam hơn. Các doanh nghiệp sẽ có môi trường kinh doanh rộng lớn và thuận lợi hơn; có thị trường tiêu thụ sản phẩm lớn hơn; có điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc tăng quy mô, năng suất và giảm chi phí sản xuất, thuận lợi hơn khi đầu tư ra các nước thuộc ASEAN khác. Tương tự như vậy,

cũng có những thách thức khác, gay gắt hơn, có những lĩnh vực sẽ hội nhập nhanh hơn, như: thị trường dịch vụ, thị trường vốn, thị trường lao động... Các doanh nghiệp sẽ phải cạnh tranh quyết liệt, thậm chí ngay trên thị trường Việt Nam. Một số doanh nghiệp với năng lực cạnh tranh thấp sẽ khó có khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng có giá trị cao và lợi nhuận tốt.

- Đối với người dân, được thụ hưởng những lợi ích thiết thực như: sống trong môi trường hòa bình, an ninh, an toàn, hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau; có nhiều lựa chọn về hàng hóa và dịch vụ với giá thấp và chất lượng cao hơn; có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm có tay nghề tại các nước ASEAN khác (đến nay, ASEAN đã ký Hiệp định về di chuyển thể nhân và tám thỏa thuận công nhận lẫn nhau trong tám ngành nghề: kế toán, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ, bác sĩ, điều dưỡng, vận chuyển và du lịch); đi lại thuận tiện hơn trong các nước ASEAN; được thụ hưởng từ sự cải thiện của mạng an ninh xã hội. Tuy nhiên, người dân cũng sẽ gặp những thách thức, nhất là cạnh tranh về tìm kiếm việc làm có tay nghề, ngay cả tại Việt Nam.

- Về hệ thống luật pháp, chú ý phân tích thuận lợi, khó khăn sau:

+ Thuận lợi: Tổng hợp kết quả rà soát pháp luật trong ASEAN cho thấy, cho đến ngày 15-7-2015, tổng số văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở trung ương được rà soát có liên quan đến cam kết của Việt Nam trong ASEAN là 506 văn bản, bao gồm 83 luật, 4 nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 8 pháp lệnh, 162 nghị định của Chính phủ, 34 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 16 thông tư liên tịch, 199 thông tư/quyết định của các bộ, ngành. Số lượng các điều ước quốc tế của ASEAN được rà soát là 41 điều ước.

Kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành với các điều ước quốc tế trong ba lĩnh vực an ninh – chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội trong ASEAN cho thấy, các văn bản quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực đã phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong ASEAN, đáp ứng được việc tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN, trừ một số ít vấn đề kỹ thuật có thể cần cụ thể hóa hơn.

+ Khó khăn: Mặc dù ASEAN đã hội nhập trong thời gian dài và đã hình thành Cộng đồng vào cuối năm 2015 nhưng hiện nay, hợp tác trong ASEAN vẫn tập trung nhiều vào lĩnh vực kinh tế, thương mại. Trong số 41 điều ước quốc tế được rà soát thì có đến 28 điều ước quốc tế điều chỉnh lĩnh vực kinh tế, thương mại. Điều đó có nghĩa là nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã

hội thuộc Cộng đồng Chính trị - An ninh và Cộng đồng Văn hóa – Xã hội chưa được quan tâm thúc đẩy.

Ngay cả trong lĩnh vực kinh tế - thương mại các cam kết trong khuôn khổ ASEAN hiện chỉ dừng lại ở mức cam kết trong WTO hoặc hơn WTO một chút, trong khi đó, phạm vi cam kết trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam đã và đang đàm phán, ký, đặt biệt như Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) hoặc Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU vượt xa hơn nhiều các cam kết trong khuôn khổ WTO.

Hệ thống các điều ước quốc tế ASEAN hiện nay là rất phức tạp với số lượng lớn các điều ước quốc tế giữa 10 nước ASEAN và các điều ước quốc tế giữa ASEAN với các nước, tổ chức quốc tế ngoài ASEAN, chưa kể các điều ước mà một số nước ASEAN ký với các nước khác ngoài ASEAN. Hệ quả là nảy sinh rất nhiều vấn đề pháp lý phức tạp trong việc tiếp cận, hiểu đúng và quan trọng hơn là áp dụng trên thực tế. Diễn ngôn các điều ước quốc tế trong ASEAN chủ yếu thể hiện thiện chí hợp tác của các nước thành viên hơn là các cam kết pháp lý mạnh mẽ như mong muốn của các nước thành viên khi thông qua Hiến chương ASEAN năm 2007. Hầu hết các điều ước quốc tế trong khuôn khổ ASEAN mang tính chất chung chung dẫn đến việc khó hiểu, khó thực hiện, tính ràng buộc về pháp lý không cao. Vì vậy, việc đánh giá tác động của các điều ước quốc tế này đối với hệ thống pháp luật Việt Nam khó có thể lượng hóa được.

ASEAN đã có khung pháp lý về giải quyết tranh chấp (Nghị định thư về giải quyết tranh chấp năm 2004; Nghị định thư về tăng cường cơ chế giải quyết tranh chấp trong ASEAN năm 2010). Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có tranh chấp nào trong khuôn khổ ASEAN được đưa ra giải quyết theo khung pháp lý này. Mặc dù vậy, trong hợp tác giữa các nước ASEAN không phải không xảy ra những bất đồng, thậm chí tranh chấp nhưng lại được khởi kiện đưa ra các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài ASEAN. Bên cạnh đó, bản thân ASEAN cũng thiếu cơ chế rà soát hiệu quả việc thực hiện cam kết của từng nước thành viên.

Hệ thống pháp luật của các nước ASEAN là đa dạng, bao gồm: hệ thống luật lục địa (civil law), hệ thống pháp luật Ănglô – Xăcxông (common law), một số nước còn có cả pháp luật tôn giáo. Đồng thời, hệ thống tư pháp giữa các quốc gia thành viên hiện nay còn khác biệt khá lớn, phát triển ở các cấp độ khác nhau. Do đó, việc hài hòa hóa hệ thống pháp luật chung của 10 nước

ASEAN hướng tới mục tiêu chung Cộng đồng ASEAN đang phải đối mặt với nhiều thử thách.

Hệ thống pháp luật Việt Nam đã phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong ASEAN và đáp ứng được yêu cầu của việc tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật Việt Nam còn tiếp cận ở tình trạng “thụ động”, tức là cố gắng không vi phạm cam kết quốc tế, ít “chủ động”, tức là khai thác các “cơ hội” hay “kẽ hở” của các điều ước quốc tế để chủ động, chiếm lĩnh thành công không chỉ tại Việt Nam mà tại cả các thị trường khác trong ASEAN.

7.7. Nhiệm vụ và giải pháp tham gia Cộng đồng ASEAN của Việt Nam

Chú ý làm rõ một số nội dung sau:

- Nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của Chính phủ trong việc triển khai mạnh mẽ các nhóm giải pháp sau: i) tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường; ii) đổi mới chính sách, công cụ, phương thức điều hành, quản lý của Nhà nước. Nỗ lực điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống luật pháp theo cam kết, luật pháp, thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội thời kỳ hội nhập; iii) hoàn thiện bộ máy Nhà nước; tổ chức bộ máy vận hành thực hiện các cam kết của ASEAN; iv) nỗ lực tạo lập những điều kiện, nguồn lực cần thiết để chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

- Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc khẩn trương hoàn thành các chương trình, kế hoạch mà Hiệp hội đã đề ra; rà soát nhằm kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định pháp luật và thủ tục hành chính cho phù hợp với các cam kết; xác định nội dung ưu tiên hợp tác với ASEAN trong 10 năm tới; từ đó, lồng ghép vào chương trình, kế hoạch chung của ASEAN trong quá trình xây dựng văn kiện Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015; đầu tư thích đáng để có sự chuẩn bị về nhân lực và nguồn lực; tăng cường hiệu quả cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương; nâng cao năng lực cán bộ tham gia hợp tác ASEAN.

- Thúc đẩy công tác nghiên cứu những chuyển biến mới của tình hình quốc tế, tổng kết kết quả hoạt động của ASEAN và trên cơ sở những nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội, đối ngoại để chủ động đề xuất thêm sáng kiến, cách thức và biện pháp thúc đẩy liên kết ASEAN, củng cố và tăng cường đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN ở khu vực; đẩy mạnh quan hệ đối ngoại của ASEAN.

- Các cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo chính quyền các cấp tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền hội nhập quốc tế với nội dung, hình thức, phương pháp phù hợp với từng địa bàn và đối tượng khác nhau; xây dựng kế hoạch, chương trình tuyên truyền hội nhập quốc tế thiết thực, gắn với tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cấp, các ngành, các cơ quan, doanh nghiệp, phù hợp với yêu cầu của từng thời kỳ. Công tác tuyên truyền phải bám sát các sự kiện kinh tế - xã hội của đất nước, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hội nhập quốc tế.

- Cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nêu cao ý chí đoàn kết, sáng tạo, bền bỉ phấn đấu vươn lên; nêu cao ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ công dân, thực hiện sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, tôn trọng các cam kết quốc tế trong đó có các cam kết của Cộng đồng ASEAN; bình tĩnh ứng xử trước tình huống nóng xảy ra trên các lĩnh vực, nhất là chính trị, kinh tế để không gây mất ổn định chính trị, không tạo cơ hội cho các thế lực thù địch khai thác, làm tổn hại đến lợi ích quốc gia, lợi ích doanh nghiệp.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I: CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN

Nguồn: Trung tâm WTO và Hội nhập – Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) được thành lập ngày 31/12/2015.

Một trong những mục tiêu chính của AEC là hình thành một thị trường đơn nhất và cơ sở sản xuất chung khu vực. Mục tiêu này đã dần được hiện thực hóa thông qua các Hiệp định về tự do hóa hàng hóa, dịch vụ và đầu tư trong ASEAN cùng rất nhiều Thỏa thuận, Chương trình, Sáng kiến... khác

I. Giới thiệu chung về AEC

1. Lịch sử hình thành AEC:

- Năm 1992: khái niệm hội nhập kinh tế ASEAN lần đầu tiên được đưa ra trong Hiệp định khung về Thúc đẩy Hợp tác Kinh tế ASEAN ký tại Singapore. Hiệp định này nhấn mạnh tầm quan trọng trong hợp tác trong các lĩnh vực thương mại, công nghiệp, năng lượng và khoáng sản, tài chính và ngân hàng, thực phẩm, nông nghiệp và lâm nghiệp, giao thông và truyền thông.

- Năm 1992: Hiệp định về Chương trình Ưu đãi Thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) được ký kết, sau đó được thay thế bởi Hiệp định về Thương mại Hàng hoá ASEAN 2010.

- Năm 1995: Hiệp định khung về Dịch vụ ASEAN được ký kết.

- Năm 1998: Hiệp định khung về Đầu tư ASEAN được ký kết, sau đó được thay thế bởi Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN 2012.

- Năm 2003: Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN 9, các nhà lãnh đạo ASEAN lần đầu tiên tuyên bố mục tiêu hình thành một Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). Mục tiêu này cũng phù hợp với Tầm nhìn ASEAN 2020 thông qua vào năm 1997 với mục tiêu phát triển ASEAN thành một Cộng đồng ASEAN.

- Năm 2006: Tại cuộc họp các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 38, Kế hoạch tổng thể xây dựng AEC (AEC Blueprint) đã được đưa ra với các mục tiêu và lộ trình cụ thể cho việc thực hiện AEC.

- Năm 2007: Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 12, các nhà lãnh

đạo ASEAN đã đồng ý đẩy nhanh việc hình thành AEC vào năm 2015 thay vì 2020 như kế hoạch ban đầu

- Ngày 22/11/2015: Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 27, các nhà lãnh đạo ASEAN đã ký kết Tuyên bố Kuala Lumpur về việc thành lập AEC.

Mục tiêu

- *Một thị trường đơn nhất và cơ sở sản xuất chung, thông qua:*

- Tự do lưu chuyển hàng hoá
- Tự do lưu chuyển dịch vụ
- Tự do lưu chuyển đầu tư
- Tự do lưu chuyển vốn
- Tự do lưu chuyển lao động có tay nghề

• Lĩnh vực hội nhập ưu tiên

• Thực phẩm, nông nghiệp và lâm nghiệp

- *Một khu vực kinh tế cạnh tranh, thông qua:*

- Các khuôn khổ chính sách về cạnh tranh
- Bảo hộ người tiêu dùng
- Quyền sở hữu trí tuệ
- Phát triển cơ sở hạ tầng
- Thuế quan
- Thương mại điện tử

- *Phát triển kinh tế cân bằng, thông qua:*

- Các kế hoạch phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)
- Sáng kiến hội nhập nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN
- Hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, thông qua:
 - Tham vấn chặt chẽ trong đàm phán đối tác kinh tế
 - Nâng cao năng lực tham gia vào mạng lưới cung cấp toàn cầu

2. Bản chất AEC

- Mặc dù được gọi với cái tên “Cộng đồng kinh tế”, AEC thực chất **chưa thể được coi là một cộng đồng kinh tế gắn kết** như Cộng đồng châu Âu (EC) bởi AEC không có cơ cấu tổ chức chặt chẽ và những điều lệ, quy định có tính chất ràng buộc cao và rõ ràng như EC

- **AEC thực chất là đích hướng tới** của các nước ASEAN thông qua việc hiện thực hóa dần dần 04 mục tiêu kể trên (trong đó chỉ mục tiêu 01 là được thực hiện tương đối toàn diện và đầy đủ thông qua các Hiệp định và thỏa thuận ràng buộc đã ký kết, các mục tiêu còn lại mới chỉ dừng lại ở việc xây dựng lộ trình, khuôn khổ, thực hiện một số chương trình và sáng kiến khu vực).

- **AEC là một tiến trình hội nhập kinh tế khu vực** chứ không phải là một Thỏa thuận hay một Hiệp định với các cam kết ràng buộc thực chất. Tham gia vào các mục tiêu của AEC là hàng loạt các Hiệp định, Thỏa thuận, Chương trình, Sáng kiến, Tuyên bố... giữa các nước ASEAN có liên quan tới các mục tiêu này. Những văn bản này có thể bao gồm những cam kết có tính ràng buộc thực thi, cũng có những văn bản mang tính tuyên bố, mục tiêu hướng tới (không bắt buộc) của các nước ASEAN.

- Việc hiện thực hóa **AEC đã được triển khai trong cả quá trình dài trước đây** (thông qua việc thực hiện các cam kết tại các Hiệp định cụ thể về thương mại đã ký kết giữa các nước ASEAN) và **sẽ được tiếp tục thực hiện trong thời gian tới** (tiếp tục thực hiện theo lộ trình các Hiệp định, Thỏa thuận đã có và các vấn đề mới, nếu có).

3. Thực hiện AEC

Để đánh giá việc thực hiện các biện pháp trong Kế hoạch tổng thể thực hiện AEC (aEC Blue-print), các nước ASEAN đã xây dựng Biểu đánh giá thực hiện AEC – AEC Scorecard.

AEC Scorecard thực chất là một hệ thống danh sách kiểm tra dạng “có hay không” để xác định một nước “có hay không” thực hiện các biện pháp trong AEC Blueprint.

Ban đầu, danh sách các biện pháp trong AEC Scorecard bao gồm 316 biện pháp trong AEC Blueprint nhưng danh sách này liên tục được rà soát và cập nhật để phù hợp hơn với tiến trình thực hiện AEC. Cho tới thời điểm hiện tại (tháng 12/2015), danh sách các biện pháp trong AEC Scorecard đã lên tới 611 biện pháp.

Đây là các biện pháp ưu tiên thực hiện nhằm nhanh chóng hình thành AEC. Các biện pháp này rất đa dạng, bao gồm từ việc ký và thông qua các hiệp định khu vực đến các hoạt động hỗ trợ nhằm thực thi các cam kết khu vực. Để được chấm điểm là thực hiện đầy đủ thì một biện pháp phải được thực hiện bởi cả 10 nước thành viên ASEAN.

II. Các Hiệp định chính trong AEC

Để hiện thực hóa AEC, rất nhiều Hiệp định, Thỏa thuận, Sáng kiến... đã được các thành viên đàm phán, ký kết và thực hiện. Trong đó các Hiệp định quan trọng và đưa thực thi tương đối đầy đủ là:

- Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA)
- Hiệp định Khung về Dịch vụ ASEAN (AFAS)
- Hiệp định về Di chuyển thể nhân trong ASEAN (MNP)
- Các Thỏa thuận Thừa nhận lẫn nhau về một số lĩnh vực dịch vụ
- Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA)

(Nội dung chi tiết của các Hiệp định này tham khảo tại: <http://www.trungtamwto.vn/cachiepdinhkhac/tom-luoc-cong-dong-kinh-te-asean-ae>)

So sánh các cam kết trong AEC với các FTA khác mà Việt Nam tham gia:

- **Về tự do hóa hàng hóa:** Trong số các FTA mà Việt Nam đã ký kết, các cam kết về cắt giảm thuế quan trong AEC là cao nhất và nhanh nhất. Cho đến nay, Việt Nam đã gần hoàn thành lộ trình cắt giảm thuế quan trong AEC.

- **Về tự do hóa dịch vụ:** các cam kết về dịch vụ trong AEC đều tương tự mức cam kết trong WTO, trong một số gói cam kết dịch vụ gần đây của AEC, mức độ cam kết đã bắt đầu cao hơn so với WTO nhưng không nhiều và cũng phù hợp với mức độ mở cửa thực tế về dịch vụ của Việt Nam.

- **Về tự do hóa đầu tư:** các cam kết về đầu tư trong AEC toàn diện hơn trong WTO và các FTA đã ký của Việt Nam nhưng cũng phù hợp với các quy định về đầu tư trong pháp luật Việt Nam (việc thực thi các cam kết về đầu tư trong AEC không buộc Việt Nam phải sửa đổi pháp luật trong nước)

- **Về tự do hóa lao động:** Cho đến nay việc tự do hóa lao động trong AEC mới chỉ dừng lại ở các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) về trình độ của lao động có kỹ năng (thông qua xây dựng hệ thống đăng ký hành nghề chung)

trong 8 ngành nghề, nhưng cho tới thời điểm hiện tại chỉ có 2 MRA đã được thực thi đầy đủ.

III. Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam

1. Cơ hội

Khi các mục tiêu của AEC được hoàn tất, AEC sẽ mang lại những cơ hội lớn cho nền kinh tế và các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là:

- *AEC mở ra một khu vực thị trường chung rộng lớn:* với gần 100% hàng hóa được tự do lưu chuyển trong nội khối, AEC tạo ra một khu vực thị trường hàng hóa chung giữa các nước ASEAN, mở ra cơ hội làm ăn kinh doanh lớn cho các doanh nghiệp trong khu vực;

- *AEC mở ra cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam:* môi trường kinh doanh được mở rộng theo hướng minh bạch và bình đẳng hơn sẽ là điều kiện để thu hút đầu tư nước ngoài không những từ các nước ASEAN mà cả từ các nước ngoài khối, đặc biệt là các nước đối tác FTA của ASEAN vào Việt Nam để tham gia và chuỗi giá trị khu vực;

- *AEC tạo ra sức ép, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam:* tham gia vào một sân chơi chung và chịu áp lực cạnh tranh từ các đối tác khu vực cả về trình độ quản lý, công nghệ và nhân lực sẽ buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải tự cải tổ, thay đổi, nâng cao năng lực cạnh tranh để có thể tồn tại và phát triển.

- *AEC tạo ra khí thế và động lực cho doanh nghiệp:* Với tinh thần chuẩn bị cho việc hình thành AEC vào cuối năm 2015 và những trông đợi về một khu vực thị trường chung năng động với nhiều cơ hội mở ra, các doanh nghiệp Việt Nam dường như đã được thức tỉnh để chuẩn bị tư thế và hành tranh cho tiến trình hội nhập mạnh mẽ sắp tới.

2. Thách thức

- *Thách thức lớn nhất trong AEC đối với Việt Nam hiện tại là sức ép cạnh tranh từ hàng hóa từ các nước ASEAN:* với cơ cấu sản phẩm tương đối giống nhau ở cả 10 nước ASEAN, việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh rất lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp có sức cạnh tranh yếu và ở các ngành vốn được bảo hộ cao từ trước tới nay. Trong tương lai, khi các mục tiêu AEC được hoàn tất, những sức ép từ các khía cạnh khác sẽ xuất hiện, thách thức vì vậy sẽ mở rộng ra các vấn đề khác.

- *Thách thức về dịch vụ*: Nếu mục tiêu tự do lưu chuyển dịch vụ trong AEC được hiện thực hóa, các doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực dịch vụ chắc chắn sẽ bị đặt trong môi trường cạnh tranh khốc liệt hơn nhiều (bởi hiện nay các rào cản/điều kiện đối với nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài vào Việt Nam vẫn còn tương đối cao, do đó doanh nghiệp dịch vụ Việt Nam hiện đang được “bao bọc” khá kỹ lưỡng trong nhiều lĩnh vực dịch vụ);

- *Thách thức về lao động*: Khi AEC hoàn tất mục tiêu tự do lưu chuyển lao động, nếu không có sự chuẩn bị đầy đủ, lao động Việt Nam tay nghề kém, thiếu các kỹ năng cần thiết (ngoại ngữ, tính chuyên nghiệp...) có thể sẽ gặp khó khăn lớn.

IV. Khuyến nghị đối với doanh nghiệp và nhà nước

1. Khuyến nghị cho doanh nghiệp

Với tính chất là mục tiêu mang tính lộ trình, và với cấu thành là những Hiệp định, Thỏa thuận đã và đang thực hiện, tại thời điểm hình thành AEC (cuối năm 2015), cơ chế cũng như chính sách thương mại với các nước ASEAN sẽ không có thay đổi gì đáng kể so với hiện tại, và do đó cũng sẽ không tạo tác động gây sốc nào đối với các doanh nghiệp Việt Nam.

Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn cần chủ động để tìm hiểu các nội dung và cam kết của các Hiệp định đang có hiệu lực trong AEC để tận dụng các cơ hội và hạn chế thách thức từ việc thực thi các hiệp định này. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng cần quan tâm tới lộ trình thực hiện các mục tiêu tương lai của AEC để có sự chuẩn bị sẵn sàng cho một khu vực thị trường và sản xuất chung sẽ được hình thành khi các mục tiêu của AEC được hoàn tất.

Ngoài ra, AEC không phải là mục tiêu hội nhập duy nhất của Việt Nam, bên cạnh đó còn rất nhiều các FTA khác với các đối tác quan trọng, dự kiến sẽ có tác động lớn, mang tính cộng hưởng đến nền kinh tế và các doanh nghiệp Việt Nam. Vì vậy, doanh nghiệp cần tập trung mọi nỗ lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, trong đó có cả việc tận dụng các cơ hội hội nhập để nâng cao năng lực cạnh tranh, qua đó có thể tồn tại và phát triển được trong thời gian tới khi Việt Nam hội nhập sâu hơn nữa vào nền kinh tế thế giới.

2. Khuyến nghị đối với các cơ quan nhà nước

- Tăng cường cung cấp thông tin cho doanh nghiệp về AEC cũng như các FTA khác mà Việt Nam đang tham gia. Thông tin cung cấp cần cụ thể và dễ

dàng tiếp cận được đối với doanh nghiệp;

- Phối hợp chặt chẽ hơn nữa với VCCI và các hiệp hội trong quá trình đàm phán cũng như thực thi các bước hiện thực hóa AEC sau này;

- Xây dựng một kênh tham vấn doanh nghiệp thường xuyên và hiệu quả hơn không chỉ cho đàm phán mà quan trọng hơn là cho quá trình thực thi các cam kết thương mại (đặc biệt cần có một đơn vị đầu mối cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp tìm hiểu nội dung các AEC, các FTA cũng như tư vấn, giải thích cho doanh nghiệp trong các trường hợp vướng mắc).

PHỤ LỤC II:

HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA ASEAN (ATIGA)

1. Lịch sử hình thành

- Hiệp định ATIGA được ký vào tháng 2/2009 và có hiệu lực từ ngày 17/5/2010, có tiền thân là Hiệp định Ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT/AFTA) ký năm 1992.

- ATIGA là hiệp định toàn diện đầu tiên của ASEAN điều chỉnh toàn bộ *thương mại hàng hóa* trong nội khối và được xây dựng trên cơ sở tổng hợp các cam kết cắt giảm/loại bỏ thuế quan đã được thống nhất trong CEPT/AFTA cùng các hiệp định, nghị định thư có liên quan.

- Việt Nam tham gia ASEAN từ năm 1995 và bắt đầu thực hiện CEPT/AFTA từ năm 1996 và sau này tiếp tục thực hiện ATIGA

2. Các đặc điểm chính

- Trong ATIGA, các nước ASEAN dành cho nhau mức ưu đãi tương đương hoặc thuận lợi hơn mức ưu đãi dành cho các nước đối tác trong các Thỏa thuận thương mại tự do (FTA) mà ASEAN ký (các FTA ASEAN+)

- Ngoài các cam kết về thuế quan, ATIGA cũng bao gồm nhiều cam kết khác như: xóa bỏ các hàng rào phi thuế quan, quy tắc xuất xứ, thuận lợi hóa thương mại, hải quan, các tiêu chuẩn và sự phù hợp, các biện pháp vệ sinh dịch tễ.

- Biểu cam kết cắt giảm thuế quan trong ATIGA của mỗi nước (Phụ lục 2 của Hiệp định) bao gồm toàn bộ các sản phẩm trong Danh mục hài hòa thuế quan của ASEAN (AHTN) và lộ trình cắt giảm cụ thể cho từng sản phẩm trong từng năm. Do đó, so với CEPT, cam kết thuế quan trong ATIGA rất rõ ràng và dễ tra cứu.

3. Các cam kết chính

i) Cam kết cắt giảm thuế quan

- Nguyên tắc cam kết: tất cả các sản phẩm trong Danh mục hài hòa thuế quan của ASEAN (AHTN) đều được đưa vào trong biểu cam kết thuế quan của từng nước trong ATIGA, bao gồm cả những sản phẩm được cắt giảm thuế và cả những sản phẩm không phải cắt giảm thuế

- Lộ trình cắt giảm thuế quan của các nước ASEAN-6 (Brunei, Indonesia,

Malaysia, Thái Lan, Philippines, Singapore) thường ngắn hơn các nước còn lại – nhóm CLMV bao gồm các nước Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam.

Ví dụ: Đối với các tất cả các sản phẩm thuộc lộ trình cắt giảm A (Sch-A) trong Biểu cam kết thuế quan thì:

+ Các nước ASEAN-6: đến năm 2010 phải xóa bỏ thuế quan toàn bộ

+ Các nước CLMV: đến năm 2015 mới phải xóa bỏ thuế quan và còn được linh hoạt 7% số dòng thuế (các nước được quyền tự lựa chọn các sản phẩm đưa vào danh mục 7% này) đến năm 2018 mới phải xóa bỏ thuế quan.

- Đa số các sản phẩm trong biểu thuế quan sẽ được các nước xóa bỏ hoặc giảm thuế xuống còn dưới 5%, trừ một số sản phẩm nhạy cảm như: các sản phẩm nông nghiệp chưa chế biến, các sản phẩm nhạy cảm như súng đạn, thuốc nổ, rác thải....

Thực thi của Việt Nam

Theo thông tin từ Bộ Tài chính, thực hiện cam kết ATIGA, tính đến ngày 1/1/2014, Việt Nam đã cắt giảm về 0% đối với 6.897 dòng thuế (chiếm 72% tổng Biểu thuế nhập khẩu).

Đến ngày 1/1/2015, Việt Nam cắt giảm về 0% thêm 1.706 dòng thuế nữa. Số còn lại gồm 669 dòng thuế (chiếm 7% Biểu thuế), chủ yếu là những sản phẩm nhạy cảm trong thương mại giữa Việt Nam và ASEAN, sẽ xuống 0% vào năm 2018, bao gồm: ô tô, xe máy, phụ tùng linh kiện ô tô xe máy, dầu thực vật, hoa quả nhiệt đới, đồ điện dân dụng như tủ lạnh, máy điều hòa, sữa và các sản phẩm sữa...

Các sản phẩm không phải xóa bỏ thuế nhập khẩu (duy trì thuế suất MFN) gồm Thuốc lá điếu, lá thuốc lá, các mặt hàng an ninh quốc phòng như thuốc nổ, súng đạn, pháo hoa, rác thải y tế, lốp cũ...

Thực hiện các cam kết cắt giảm thuế quan theo ATIGA giai đoạn 2015-2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 165/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2015-2018.

ii) Cam kết về Quy tắc xuất xứ và Thủ tục chứng nhận xuất xứ

Quy tắc xuất xứ:

Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi thuế quan theo ATIGA nếu có xuất xứ

từ khu vực ASEAN. Một hàng hóa được coi là có xuất xứ ASEAN nếu:

1) Hàng hóa có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ trong khu vực ASEAN, hoặc

2) Hàng hóa đáp ứng được các yêu cầu cụ thể về quy tắc xuất xứ trong Hiệp định (Phụ lục 3-Quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng). Có 03 loại quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng:

+ Hàng hóa phải có hàm lượng nguyên liệu nội khối (RVC) ít nhất là 40%, hoặc

+ Hàng hóa phải trải qua chuyển đổi HS 4 số, hoặc Hàng hóa phải trải qua một quy trình sản xuất nhất định. Các quy tắc này được áp dụng riêng hoặc kết hợp. Đa số các sản phẩm có quy tắc xuất xứ kết hợp, cho phép áp dụng đồng thời cả RVC và Chuyển đổi HS/Quy trình sản xuất.

Thủ tục chứng nhận xuất xứ:

Để được hưởng ưu đãi thuế quan, theo ATIGA, nhà xuất khẩu phải xin Chứng nhận xuất xứ form D tại một cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu - ở Việt Nam là 18 Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu thuộc Cục Xuất Nhập khẩu – Bộ Công Thương và 37 Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất do Bộ Công Thương ủy quyền.

Tuy nhiên, hiện tại các nước ASEAN đang hướng tới việc áp dụng cơ chế Tự chứng nhận xuất xứ, cho phép nhà xuất khẩu được tự chứng nhận xuất xứ mà không cần phải thông qua một cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu. Hiện đã có hai dự án thí điểm về Tự chứng nhận xuất xứ đang được các nước ASEAN thực hiện, theo đó các nhà xuất khẩu đủ điều kiện sẽ được tự chứng nhận xuất xứ trên hóa đơn thương mại cho hàng xuất khẩu.

+ Dự án thí điểm 1: Ký ngày 30/8/2010 bởi 3 nước Brunei, Malaysia và Singapore, bắt đầu thực hiện từ ngày 1/11/2010. Thái Lan tham gia vào tháng 10/2011.

+ Dự án thí điểm 2: Ký ngày 29/8/2012 bởi 3 nước Lào, Indonesia và Philippines, bắt đầu thực hiện từ ngày 1/1/2014. Việt Nam tham gia vào tháng 9/2014.

Thực thi của Việt Nam:

Để hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam về việc áp dụng các quy tắc xuất

xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ trong ATIGA, Bộ Công Thương đã ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện cho doanh nghiệp. Hai thông tư mới nhất về quy tắc xuất xứ trong ATIGA là:

+ Thông tư số 42/2014/TT-BCT ngày 18/11/2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN

+ Thông tư số 28/2015/TT-BCT ngày 20/8/2015 về việc quy định việc thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN

PHỤ LỤC III

HIỆP ĐỊNH KHUNG ASEAN VỀ DỊCH VỤ (AFAS)

1. Tổng quan

- Ngày 15/12/1995: Các nước ASEAN ký Hiệp định Khung về Dịch vụ của ASEAN (AFAS). Hiệp định AFAS với các nội dung tương tự Hiệp định Chung về Thương mại Dịch vụ của WTO làm tiền đề cho các vòng đàm phán từng bước tự do hóa thương mại dịch vụ giữa các nước ASEAN.

- 1996 – 2015: Các nước ASEAN đã tiến hành đàm phán và đưa ra 9 Gói cam kết về dịch vụ, 6 Gói cam kết về dịch vụ tài chính và 8 Gói cam kết về dịch vụ vận tải hàng không.

2. Mục tiêu

- Mục tiêu tự do hóa trong khuôn khổ AFAS đã được nêu trong Kế hoạch tổng thể xây dựng AEC (AEC Blueprint). AEC Blueprint đặt ra các yêu cầu về tự do hóa đối với cả 4 phương thức cung cấp dịch vụ là: Phương thức 1 – Cung cấp dịch vụ qua biên giới, Phương thức 2 – Tiêu dùng ở nước ngoài, Phương thức 3 – Hiện diện thương mại, và Phương thức 4 – Hiện diện thể nhân. Tuy nhiên, các Gói cam kết trong khuôn khổ Hiệp định AFAS chỉ đề cập đến 3 Phương thức 1,2,3 còn Phương thức 4 được tách ra đàm phán riêng trong Hiệp định về di chuyển thể nhân ASEAN (MNP) vào năm 2012.

- Đối với 3 Phương thức cung cấp dịch vụ 1,2,3, AEC Blueprint đặt ra mục tiêu:

+ **Đối với Phương thức 1 và 2:** Không có hạn chế nào, ngoại trừ các trường hợp có lý do hợp lý (như bảo vệ cộng đồng) và được sự đồng ý của tất cả các Thành viên ASEAN trong từng trường hợp cụ thể.

+ **Đối với Phương thức 3:** Cho phép tỷ lệ góp vốn của các nhà đầu tư nước ngoài thuộc khu vực ASEAN trong các doanh nghiệp lên tới 70% vào năm 2015 đối với tất cả các lĩnh vực và từng bước loại bỏ các rào cản khác.

Tuy nhiên, cho tới thời điểm 31/12/2015 thì các nước ASEAN vẫn chưa đạt được đầy đủ các mục tiêu kể trên

3. Nguyên tắc, phạm vi và hình thức đàm phán

- **Nguyên tắc đàm phán:** Đàm phán dịch vụ trong khuôn khổ AFAS được thực hiện theo hình thức Chọn – Cho giống WTO, tức là tất cả các

ngành/lĩnh vực có cam kết mở cửa thì sẽ được đưa vào trong các Gói cam kết, còn trường hợp không đưa vào là không có cam kết gì.

- **Phạm vi cam kết:** Các Gói cam kết về mở cửa dịch vụ trong khuôn khổ Hiệp định AFAS không bao gồm Phương thức cung cấp dịch vụ 4 – Hiện diện thể nhân, mà chỉ bao gồm 3 Phương thức cung cấp dịch vụ 1- Cung cấp dịch vụ qua biên giới), 2 - Tiêu dùng ở nước ngoài và 3 – Hiện diện thương mại. Các cam kết về Hiện diện thể nhân hay còn gọi là Di chuyển thể nhân được đàm phán riêng trong Hiệp định về di chuyển thể nhân ASEAN năm 2012.

Ngoài ra, lĩnh vực dịch vụ Tài chính và Vận tải hàng không cũng được đàm phán riêng, không nằm trong các Gói cam kết chung.

4. Các cam kết cụ thể

4.1 Các gói cam kết chung về dịch vụ

i) Tiến trình đàm phán

- Từ năm 1996 đến 2006, các nước ASEAN đã tiến hành 4 vòng đàm phán về dịch vụ, mỗi vòng cách nhau 3 năm. Các vòng đàm phán quy định lộ trình cắt giảm cụ thể các rào cản đối với dịch vụ giữa các nước ASEAN. Kết quả sau 4 vòng đàm phán, các nước đã đưa ra 6 Gói cam kết về dịch vụ, Gói sau có cam kết cao hơn Gói trước và là một phần của Hiệp định AFAS.

- Từ năm 2007 đến nay, các nước ASEAN không tiến hành các vòng đàm phán nữa mà thực hiện tự do hóa dịch vụ dựa trên các mục tiêu và lộ trình trong Kế hoạch tổng thể xây dựng AEC (AEC Blueprint). Các Gói cam kết tiếp tục được đàm phán và thực hiện, tính đến tháng 11/2015 đã có 9 Gói cam kết đã được đưa ra.

- Các Gói cam kết này không bao gồm dịch vụ Tài chính và Vận tải hàng không (hai lĩnh vực này được đàm phán trong các Gói cam kết riêng).

Các vòng đàm phán và các gói cam kết dịch vụ trong khuôn khổ AFAS

Vòng 1 (1996 – 1998)
• Gói thứ nhất, ký ngày 15/1997 tại Kuala Lumpur, Malaysia
• Gói thứ 2, ký ngày 16/12/1998 tại Hà Nội, Việt Nam
Vòng 2 (1999 – 2001)
• Gói thứ 3, ký ngày 31/12/2001
Vòng 3 (2002 – 2004)
• Gói thứ tư, ký ngày 3/9/2004 tại Jakarta, Indonesia
Vòng 4 (2005 – 2006)
• Gói thứ 5, ký ngày 8/12/2006 tại Cebu, Philippines
• Gói thứ 6, ký ngày 19/11/2007 tại Singapore
2007 – 2015
• Gói thứ 7, ký ngày 26/02/2009 tại Cha-am, Thailand
• Gói thứ 8, ký ngày 28/10/2010 tại Hà Nội, Việt Nam
• Gói thứ 9, ký ngày 27/11/2015 tại Makati City, Philippines

ii) Hiệu lực

Với mỗi Gói cam kết, để thực hiện các nước ASEAN sẽ cùng ký vào một Nghị định thư thực thi Gói cam kết đó. Hiệu lực của Gói cam kết sẽ phụ thuộc vào quy định trong Nghị định thư.

Chẳng hạn như theo Nghị định thư thực thi Gói cam kết thứ 9 về Dịch vụ, Gói cam kết này sẽ có hiệu lực sau 180 ngày kể từ ngày ký Nghị định thư. Trong thời gian 180 ngày đó, các nước Thành viên sẽ tiến hành các thủ tục nội

bộ để phê chuẩn Gói cam kết này, sau khi hoàn thành sẽ thông báo bằng văn bản cho Ban Thư ký ASEAN. Nếu một nước Thành viên không thể hoàn thành phê chuẩn trong vòng 180 ngày đó, thì đến khi nào hoàn thành và thông báo cho Ban Thư ký thì các quyền và nghĩa vụ của nước đó trong Gói thứ 9 mới bắt đầu.

iii) Mức độ cam kết

- Các Gói cam kết trong AFAS nhìn chung có phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết sâu hơn so với các cam kết trong WTO của mỗi nước thành viên. Các Gói cam kết sau có mức độ cam kết cao hơn các Gói cam kết trước nhằm tiến đến thực hiện các mục tiêu về tự do hóa dịch vụ đặt ra trong AEC Blueprint

- Mức độ cam kết của Việt Nam:

+ Trong các 9 Gói cam kết trên, các Gói cam kết 1-7 của Việt Nam có mức độ mở cửa dịch vụ chỉ thấp hơn hoặc bằng so với mức độ mở cửa dịch vụ của Việt Nam trong WTO. Nhưng bắt đầu từ Gói thứ 8 trở đi, một số cam kết của Việt Nam trong một số phân ngành đã bắt đầu cao hơn mức độ mở cửa trong WTO và bổ sung thêm cam kết cho một số phân ngành mới.

+ Gói cam kết thứ 9 về dịch vụ trong AFAS có nhiều lĩnh vực Việt Nam cam kết cao hơn và mở rộng thêm một số cam kết so với WTO. Hiện tại Việt Nam đã hoàn thành phê chuẩn Gói cam kết thứ 9 của AFAS và sẽ thực hiện khi Gói này khi có hiệu lực. Theo quy định của Nghị định thư thực thi Gói cam kết thứ 9 thì sau 180 ngày kể từ ngày ký Nghị định thư (27/11/2015) thì Gói này sẽ có hiệu lực.

Một số cam kết dịch vụ của Việt Nam trong Gói cam kết thứ 9 của AFAS cao hơn cam kết trong WTO

STT	Lĩnh vực	Cam kết trong Gói 9 AFAS cao hơn WTO
1	Dịch vụ Bất động sản	- <i>Dịch vụ quản lý bất động sản trên cơ sở một khoản phí hoặc hợp đồng</i> : Việt Nam mở cửa cả 3 Phương thức dịch vụ (trong WTO không có cam kết)

2	Dịch vụ nghiên cứu và phát triển	- <i>Dịch vụ nghiên cứu và phát triển khoa học xã hội và nhân văn và Dịch vụ nghiên cứu và phát triển liên ngành</i> : mở cửa cho phép tỷ lệ góp vốn của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài thuộc ASEAN lên tới 70% trong liên doanh (trong WTO không có cam kết)
3	Dịch vụ Bất động sản	- <i>Dịch vụ quản lý bất động sản trên cơ sở một khoản phí hoặc hợp đồng</i> : Việt Nam mở cửa cả 3 Phương thức dịch vụ (trong WTO không có cam kết)
4	Y tế	- <i>Các dịch vụ bệnh viện, nha khoa và khám bệnh</i> : Mở cửa hoàn toàn cả 3 phương thức cung cấp dịch vụ (trong WTO vẫn có yêu cầu về vốn đầu tư tối thiểu để thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ) - <i>Các dịch vụ y tá, vật lý trị liệu và cứu trợ y tế</i> : chưa cam kết trong WTO, trong Gói 9 Việt Nam cam kết mở cửa hoàn toàn ở 3 phương thức cung cấp dịch vụ
5	Viễn thông	- <i>Dịch vụ Giá trị gia tăng không có hạ tầng mạng (trừ dịch vụ tiếp cận internet)</i> : cho phép vốn góp của các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài trong liên doanh lên tới 70% (thay vì 65% như trong WTO)
6	Du lịch	- <i>Dịch vụ công viên vui chơi giải trí (theme park)</i> : trong WTO Việt Nam không có cam kết gì đối với dịch vụ này. Trong Gói 9 của AFAS, Việt Nam cho phép các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài thành lập liên doanh để cung cấp dịch vụ này nhưng phần vốn góp không được vượt quá 70% vốn điều lệ của công ty, đồng thời Việt Nam vẫn giữ quyền phân biệt đối xử giữa các nhà cung cấp dịch vụ trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực này.

7	Vận tải	<p>- <i>Vận tải đường sắt</i>: Trong WTO đối với dịch vụ này Việt Nam vẫn còn tương đối nhiều hạn chế đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. Trong Gói 9 của AFAS Việt Nam mở cửa hoàn toàn cả 3 Phương thức dịch vụ đối với Vận tải đường sắt hàng hóa, còn đối với Vận tải đường sắt hành khách thì chỉ duy trì hạn chế đối với Phương thức 3, theo đó yêu cầu tỷ lệ góp vốn trong liên doanh không vượt quá 51% (so với 49% trong WTO)</p> <p>- <i>Vận tải đường biển</i>: Mở cửa thêm Phương thức 1 đối với cả vận tải đường biển hàng hóa và hành khách so với WTO. Còn đối với Phương thức 3, mở cửa hơn so với WTO ở hình thức vận tải đường biển hàng hóa khi cho phép vốn góp của nước ngoài trong các công ty vận hành đội tàu treo cờ Việt Nam lên tới 70% (so với 49% trong WTO)</p> <p>- <i>Vận tải đường bộ hàng hóa</i>: Mở cửa thêm Phương thức 1 so với WTO và cho phép vốn góp của nước ngoài trong liên doanh lên tới 70% (so với 49% trong WTO)</p> <p>- <i>Các dịch vụ hỗ trợ, bảo trì, sửa chữa thiết bị vận tải</i>: Gói cam kết 9 của AFAS có cam kết mở cửa bổ sung thêm một số dịch vụ này (trong WTO không có cam kết)</p>
---	---------	---

i) Các Gói cam kết về dịch vụ Vận tải hàng không

Tính đến tháng 12/2015, các nước ASEAN đã đàm phán và đưa ra 8 Gói cam kết về dịch vụ Vận tải hàng không. Gói mới nhất – Gói 8 được ký vào ngày 20/12/2013 tại Pakse, Lào và các nước đang chuẩn bị thông qua Gói thứ 9.

Trong Gói cam kết thứ 8 của Việt Nam về vận tải hàng không, các lĩnh

vực dịch vụ có cam kết cao hơn so với WTO bao gồm:

- *Dịch vụ bán và tiếp thị dịch vụ vận tải hàng không*: mở cửa đối với cả 3 phương thức, không bắt buộc phải có đại lý hoặc văn phòng bán vé tại Việt Nam như trong WTO.

- *Dịch vụ đặt, giữ chỗ bằng máy tính*: mở cửa đối với cả 3 phương thức, không yêu cầu phải sử dụng mạng viễn thông công cộng dưới sự quản lý của nhà chức trách viễn thông Việt Nam.

- *Dịch vụ cho thuê máy bay kèm/không kèm đội bay, dịch vụ giao nhận hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không*: chưa có cam kết trong WTO, trong Gói 8 Việt Nam cam kết không hạn chế đối với cả 3 phương thức cung cấp dịch vụ.

- *Dịch vụ cung cấp bữa ăn trên máy bay*: chưa có cam kết trong WTO, trong Gói 8 Việt Nam cam kết chỉ duy trì hạn chế vốn góp của các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài thuộc ASEAN trong liên doanh không quá 49%.

Ngoài Hiệp định AFAS, các nước ASEAN còn có các cam kết liên quan đến vận tải hàng không trong các thỏa thuận khác của ASEAN, bao gồm:

- Biên bản ghi nhớ ASEAN về dịch vụ vận tải hàng không, ký ngày 19/9/2002 tại Jakarta, Indonesia và Nghị định thư sửa đổi ký ngày 8/2/2007 tại Bangkok, Thái Lan

- Hiệp định đa biên ASEAN về Dịch vụ hàng không, ký ngày 20/5/2009 tại Manila, Philippines

- Hiệp định đa biên ASEAN về tự do hóa hoàn toàn dịch vụ vận tải hàng hóa hàng không, ký ngày 20/5/2009 tại Manila, Philippines

- Hiệp định đa biên ASEAN về tự do hóa hoàn toàn dịch vụ vận tải hành khách hàng không, ký ngày 12/11/2010 tại Bandar Seri Begawan, Brunei

- Khuôn khổ thực thi thị trường hàng không đơn nhất ASEAN (ASAM), thông qua ngày 15/12/2011 tại Phnom Penh, Campuchia.

ii) Các Gói cam kết về dịch vụ Tài chính

Tính đến tháng 12/2015 các nước ASEAN đã tiến hành đàm phán và đưa ra 6 Gói cam kết về dịch vụ tài chính. Gói mới nhất – Gói 6 được ký ngày 20/3/2015 tại Kuala Lumpur, Malaysia. Tuy nhiên, do lĩnh vực tài chính là một trong những lĩnh vực nhạy cảm không chỉ đối với Việt Nam mà đối với

hiều nước ASEAN, nên các cam kết mở cửa dịch vụ tài chính trong các Gói cam kết tài chính của AFAS vẫn còn tương đối hạn chế, thường thấp hơn hoặc ngang bằng cam kết trong WTO.

Tuy nhiên, trong Nghị định thư thực hiện Gói cam kết thứ 6, các nước ASEAN đã đưa vào một nội dung quan trọng đó là: *Nhằm tăng cường hội nhập khu vực trong lĩnh vực ngân hàng, hai hoặc nhiều nước thành viên ASEAN có thể tiến hành đàm phán riêng và mở cửa thêm cho nhau trong lĩnh vực này, các cam kết mở cửa riêng đó sẽ được đưa vào thành một phần của Gói cam kết dịch vụ tài chính thứ 6 nhưng chỉ dành riêng cho các nước đàm phán mở cửa thêm, còn có mở rộng cho các nước còn lại trong ASEAN hay không thì tùy thuộc vào sự tự nguyện của các nước này.*

Đối với Việt Nam, trong Gói cam kết 6 về tài chính của AFAS, các cam kết mở cửa dịch vụ tài chính của Việt Nam tương đương các cam kết mở cửa trong WTO.

PHỤ LỤC IV

HIỆP ĐỊNH ĐẦU TƯ TOÀN DIỆN ASEAN (ACIA)

Giới thiệu chung

Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA) được ký kết tháng 2/2009 và có hiệu lực từ 29/3/2012 thay thế cho Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư ASEAN (IGA) 1987 và Hiệp định Khu vực đầu tư ASEAN (AIA) 1998)

Hiệp định ACIA bao gồm 4 nội dung chính là Tự do hóa đầu tư, Bảo hộ đầu tư, Thuận lợi hóa đầu tư và Xúc tiến đầu tư.

Cụ thể, ACIA bao gồm:

- 49 Điều;

- 02 phụ lục:

- Phụ lục 1 quy định về các yêu cầu bắt buộc về thủ tục mà Cơ quan có thẩm quyền nước thành viên phải tuân thủ đối với các trường hợp mà pháp luật nội địa của từng nước quy định phải có chấp thuận bằng văn bản đối với khoản đầu tư
- Phụ lục 2 về trường hợp tịch biên và bồi thường

- 01 Danh mục bảo lưu: Danh mục này của Việt Nam bao gồm các trường hợp ngoại lệ không áp dụng nghĩa vụ đối xử quốc gia và nghĩa vụ đối với quản lý cấp cao và ban giám đốc.

Phạm vi điều chỉnh

Về nghĩa vụ liên quan đến đầu tư

ACIA điều chỉnh các biện pháp của các nước Thành viên áp dụng đối với các nhà đầu tư và các khoản đầu tư hiện tại hoặc tương lai (tính từ thời điểm ACIA có hiệu lực) của các nhà đầu tư của các nước Thành viên khác.

ACIA không áp dụng đối với:

- Các biện pháp liên quan đến thuế (trừ các trường hợp quy định khác trong Hiệp định)

- Các khoản tài trợ hay trợ cấp của một nước Thành viên

- Mua sắm công

- Các dịch vụ cung cấp nhằm thực hiện thẩm quyền của nhà nước bởi một cơ quan hoặc đơn vị của nước Thành viên

- Các biện pháp tác động tới thương mại dịch vụ theo Hiệp định khung về Dịch vụ ASEAN (AFAS), trừ một số biện pháp liên quan tới Phương thức cung cấp dịch vụ 3 – Hiện diện thương mại như quy định cụ thể trong Hiệp định

Về tự do hóa đầu tư

ACIA chỉ có các cam kết về tự do hóa đầu tư trong các lĩnh vực:

- Chế tạo (manufacturing)
- Nông nghiệp
- Nghề cá (fishery)
- Lâm nghiệp (forestry)
- Khai mỏ (mining and quarrying)
- Các dịch vụ phụ trợ cho các ngành trên
- Và bất kỳ lĩnh vực nào khác nếu tất cả các Thành viên đồng ý

Các nghĩa vụ chính về đầu tư

i) Các nghĩa vụ về không phân biệt đối xử

- Đối xử Quốc gia (NT): Mỗi Thành viên cam kết dành cho các nhà đầu tư/khoản đầu tư của nhà đầu tư từ nước Thành viên khác sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử với các nhà đầu tư/khoản đầu tư của nhà đầu tư nước mình.

- Đối xử Tối huệ quốc (MFN): Mỗi Thành viên cam kết dành cho các nhà đầu tư/khoản đầu tư của nhà đầu tư từ nước Thành viên khác sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử với các nhà đầu tư/khoản đầu tư của nhà đầu tư từ bất kỳ nước Thành viên hay ngoài Thành viên ASEAN nào, trừ các trường hợp sau:

- Các thỏa thuận tiểu khu vực (sub-regional) giữa hai hoặc nhiều Thành viên
- Các thỏa thuận đã có của các nước Thành viên với các nước khác nhưng phải thông báo với Hội đồng Đầu tư ASEAN.

Như vậy, sau khi ACIA có hiệu lực, bất kỳ nước Thành viên ASEAN nào có bất kỳ thỏa thuận nào với các nước khác ngoài ASEAN, trong đó có các cam kết dành sự đối xử ưu đãi hơn đối với các nhà đầu tư/khoản đầu tư của các nhà đầu tư nước đó so với các cam kết trong ACIA, thì mặc định những đối xử ưu đãi hơn đó cũng sẽ được áp dụng với các nước Thành viên ASEAN. Tuy nhiên, theo quy định của Hiệp định, nguyên tắc này sẽ không áp dụng đối với các quy định liên quan đến Cơ chế giải quyết tranh chấp Nhà nước-nhà đầu tư nước ngoài (ISDS)

- **Các yêu cầu về thực hiện (performance requirement):** ACIA khẳng định lại các quy định trong Hiệp định về các Biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại của WTO (Hiệp định TRIMS) trong đó có các nội dung liên quan đến việc cấm các nước đưa ra các yêu cầu về thực hiện như: yêu cầu doanh nghiệp phải mua một tỷ lệ nhất định hàng hóa nội địa, xuất khẩu một tỷ lệ nhất định hàng hóa....

Các nước cam kết sau 2 năm kể từ ngày ACIA có hiệu lực sẽ tiến hành đánh giá chung về các yêu cầu thực hiện để bổ sung thêm cam kết vào Hiệp định này. Tuy nhiên cho đến nay nội dung này vẫn chưa có bổ sung, sửa đổi nào.

- **Các yêu cầu về Quản lý cấp cao và Ban giám đốc (Senior Management and Board of Directors):** các Thành viên không được đặt ra yêu cầu về quốc tịch của nhân sự quản lý cấp cao trong doanh nghiệp, trừ khi có bảo lưu rõ ràng trong Hiệp định. Tuy nhiên, các Thành viên có thể yêu cầu đa số nhân sự trong ban giám đốc phải thuộc một quốc tịch nào đó.

ii) Các nghĩa vụ về bảo hộ đầu tư

ACIA bao gồm rất nhiều các quy định nhằm đảm bảo quyền lợi cho cho các nhà đầu tư nước ngoài và các khoản đầu tư của họ khi đầu tư vào một nước ASEAN, trong đó có các quy định về đối xử công bằng và thỏa đáng, tự do chuyển tiền (vốn, lợi nhuận..) ra nước ngoài, đảm bảo an ninh, an toàn, không bị trưng thu trưng dụng tài sản bất hợp lý...

Đặc biệt, ACIA đưa vào một Cơ chế Giải quyết tranh chấp Nhà nước-nhà đầu tư nước ngoài (ISDS) trong đó cho phép nhà đầu tư khi có tranh chấp với nước nhận đầu tư có quyền kiện nước đó ra một cơ chế trọng tài độc lập. Quy trình và thủ tục giải quyết tranh chấp theo cơ chế ISDS được quy định khá cụ thể và rõ ràng trong Hiệp định. Phạm vi giải quyết tranh chấp là các tranh

chấp liên quan đến các nghĩa vụ về Đối xử Quốc gia (Điều 5), Đối xử Tối Huệ quốc (Điều 6), Quản lý cấp cao và Ban giám đốc (Điều 8), Đối xử đầu tư (Điều 11), Bồi thường trong trường hợp xung đột (Điều 12), Chuyển tiền (Điều 13), Trưng dụng và Bồi thường (Điều 14)

Chú ý:

Không phải toàn bộ các biện pháp liên quan đến đầu tư của các nước Thành viên đều phải tuân thủ theo các nghĩa vụ trên mà vẫn có các ngoại lệ/bảo lưu cho phép các nước Thành viên không phải tuân thủ toàn bộ hoặc một số nghĩa vụ trong ACIA. Cụ thể, Hiệp định đưa ra các ngoại lệ/bảo lưu sau:

+ Ngoại lệ chung (Điều 17): bao gồm các ngoại lệ liên quan đến bảo vệ đạo đức công cộng, bảo vệ tính mạng và sức khỏe con người, động thực vật, bảo vệ các bảo vật quốc gia về văn hóa, lịch sử hoặc khảo cổ...

+ Ngoại lệ về an ninh quốc phòng

+ Bảo lưu theo Danh mục bảo lưu của từng nước: Mỗi nước có một Danh mục các biện pháp bảo lưu hai nghĩa vụ Đối xử Quốc gia (NT) và nghĩa vụ về Nhân sự quản lý cấp cao và Ban giám đốc. Đối với Danh mục Bảo lưu của Việt Nam, tất cả các lĩnh vực đều có một số biện pháp bảo lưu hai nghĩa vụ này.

Tuy nhiên, theo quy định của ACIA, các Thành viên sẽ phải cắt giảm hoặc xóa bỏ các bảo lưu trong Danh mục bảo lưu của nước mình phù hợp với 3 giai đoạn của Lộ trình chiến lược trong Kế hoạch tổng thể thực hiện AEC.

PHỤ LỤC V

HIỆP ĐỊNH ASEAN VỀ DI CHUYỂN THỂ NHÂN VÀ CÁC THỎA THUẬN THỪA NHẬN LẦN NHAU

Phương thức 4 trong 4 phương thức cung cấp dịch vụ là Di chuyển thể nhân, là sự di chuyển của cá nhân từ nước này qua nước khác để cung cấp một dịch vụ trong một khoảng thời gian nhất định. Trong ASEAN, phương thức cung cấp dịch vụ này ban đầu được đàm phán trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại Dịch vụ ASEAN (AFAS), nhưng sau đó được tách riêng ra để đàm phán trong một Hiệp định riêng là Hiệp định ASEAN về Di chuyển thể nhân (MNP) năm 2012.

Ngoài ra, để tạo thuận lợi hơn cho sự di chuyển của lao động có tay nghề giữa các nước ASEAN, các nước đã ký kết các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong một số lĩnh vực ngành nghề nhằm công nhận lẫn nhau về bằng cấp và trình độ của lao động có kỹ năng trong khu vực. Cho tới thời điểm tháng 12/2015, các nước ASEAN đã ký 8 Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) trong 8 lĩnh vực dịch vụ là: Kiến trúc, Tư vấn kỹ thuật, Điều dưỡng, Hành nghề y, Nha sỹ, Du lịch, Kế toán kiểm toán, và Khảo sát.

1. Hiệp định ASEAN về Di chuyển thể nhân (MNP)

- Giới thiệu: Hiệp định ASEAN về Di chuyển thể nhân (MNP) được ký ngày 19/11/2012 tại Phnom Penh, Campuchia với mục tiêu dỡ bỏ đáng kể các rào cản đối với việc di chuyển tạm thời qua biên giới của các thể nhân tham gia vào thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư giữa các nước ASEAN.

- Phạm vi áp dụng:

+ Hiệp định này áp dụng đối với các quy định ảnh hưởng tới việc di chuyển tạm thời qua biên giới của thể nhân của một nước ASEAN sang lãnh thổ của nước ASEAN khác trong các trường hợp:

- 1) Khách kinh doanh (business visitors)
- 2) Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp
- 3) Người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng
- 4) Một số trường hợp khác quy định cụ thể trong Biểu lộ trình cam kết về Di chuyển thể nhân của mỗi nước đính kèm theo Hiệp định này.

+ Hiệp định không áp dụng đối với các quy định của một nước ASEAN

liên quan tới việc hạn chế tiếp cận thị trường lao động của người lao động các nước ASEAN khác. Việc mở cửa thị trường lao động của mỗi nước chỉ áp dụng cho các ngành nghề được quy định cụ thể trong Biểu lộ trình cam kết của nước đó và thuộc một trong 4 trường hợp trên.

- So sánh cam kết WTO và Pháp luật Việt Nam: Các cam của Việt Nam trong MNP phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong WTO và các quy định pháp luật nội địa của Việt Nam

- Hiệp lực: Hiệp định này hiện vẫn chưa có hiệu lực do một số nước ASEAN chưa hoàn tất thủ tục phê chuẩn

2. Các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA)

MRA đối với dịch vụ tư vấn kỹ thuật (Engineering Services)

- MRA đối với dịch vụ tư vấn kỹ thuật là MRA đầu tiên của các nước ASEAN được ký vào ngày 9/12/2005 tại Kuala Lumpur, Malaysia. MRA này hướng tới xây dựng một hệ thống đăng ký hành nghề kỹ sư chung ASEAN.

- ASEAN đã thành lập Ủy ban Điều phối kỹ sư thuật chuyên nghiệp ASEAN (ACPECC) đặt tại Jakarta, Indonesia để điều phối việc thực hiện MRA này. Trang web của Ủy ban là: www.acpecc.net

- Mỗi nước ASEAN cũng thành lập một Ủy ban giám sát về dịch vụ tư vấn kỹ thuật tại nước mình để thực hiện quy trình đánh giá và đăng ký cấp phép Kỹ sư chuyên nghiệp đủ điều kiện theo ASEAN.

- Quy trình đăng ký để được hành nghề tại một nước ASEAN khác như sau:

- **Bước 1:** Kỹ sư chuyên nghiệp đủ điều kiện về trình độ và kinh nghiệm theo quy định trong MRA nộp đơn đăng ký lên Ủy ban Giám sát về dịch vụ tư vấn kỹ thuật tại nước mình để xin cấp chứng nhận Kỹ sư chuyên nghiệp đủ điều kiện theo ASEAN (ASEAN Chartered Professional Engineer – ACPE)
- **Bước 2:** Ủy ban Giám sát xem xét đơn đăng ký và lập Bản đánh giá, sau đó gửi lên Ủy ban Điều phối kỹ sư chuyên nghiệp ASEAN (ACPECC) để quyết định cấp phép hay không cấp phép chứng nhận ACPE
- **Bước 3:** Kỹ sư chuyên nghiệp đã được cấp chứng nhận ACPE sẽ đủ điều kiện để đăng ký với Cơ quan có thẩm quyền quản lý ngành nghề

kỹ sư ở một nước ASEAN khác để được cấp phép là Kỹ sư chuyên nghiệp nước ngoài có đăng ký (RFPE) tại nước đó, nhưng phải tuân theo các quy định và pháp luật liên quan của nước đó.

- **Bước 4:** Kỹ sư chuyên nghiệp có RFPE được phép hành nghề tại nước ASEAN đó nhưng phải phối hợp với các kỹ sư chuyên nghiệp của nước đó.

- Hiện tại, tất cả các thành viên ASEAN đã chính thức tham gia MRA này, và đã thành lập các cơ quan thực hiện MRA tại nước của mình, cũng như hoàn thành các thủ tục để thực hiện việc cấp chứng nhận ACPE. Tại Việt Nam, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 820 và 821/QĐ-BXD ngày 6/8/2009 về việc thành lập Ủy ban giám sát của Việt Nam và Quy chế đánh giá đối với kỹ sư chuyên nghiệp

- Tính tới thời điểm tháng 10/2015, đã có 1.483 ACPE từ 9 nước ASEAN được chứng nhận, và 6 ACPE đã được đăng ký hành nghề như RFPE.

MRA đối với dịch vụ Kiến trúc (Architectural Services)

- MRA đối với lĩnh vực dịch vụ Kiến trúc được ký 19/11/2007 tại Singapore. MRA này hướng tới xây dựng một hệ thống đăng ký hành nghề Kiến trúc sư chung ASEAN

- ASEAN đã thành lập Hội đồng Kiến trúc sư ASEAN (AAC) quản lý việc thực hiện MRA này. Website của AAC là: www.aseanarchitectcouncil.org

- Mỗi nước ASEAN cũng thành lập một Ủy ban giám sát về dịch vụ kiến trúc tại nước mình để thực hiện quy trình đánh giá và đăng ký cấp phép Kiến trúc sư ASEAN.

- Quy trình đăng ký Kiến trúc sư ASEAN và đăng ký hành nghề tại một nước khác như sau:

- **Bước 1:** Kiến trúc sư đủ điều kiện về trình độ và kinh nghiệm theo quy định trong MRA nộp đơn đăng ký lên Ủy ban Giám sát về dịch vụ Kiến trúc tại nước mình để xin cấp chứng nhận Kiến trúc sư ASEAN (AA)
- **Bước 2:** Ủy ban Giám sát xem xét đơn đăng ký và lập Bản đánh giá, sau đó gửi lên Hội đồng Kiến trúc sư ASEAN để quyết định cấp phép hay không cấp phép chứng nhận Kiến trúc sư ASEAN

- **Bước 3:** Kiến trúc sư đã được cấp chứng nhận là Kiến trúc sư ASEAN sẽ đủ điều kiện để đăng ký với Cơ quan có thẩm quyền quản lý ngành nghề kiến trúc sư ở một nước ASEAN khác để được cấp phép là Kiến trúc sư nước ngoài có đăng ký (RFA) tại nước đó, nhưng phải tuân theo các quy định và pháp luật liên quan của nước đó.
- **Bước 4:** Kiến trúc sư có RFA có thể hành nghề tự do hoặc phối hợp với các kiến trúc sư của nước sở tại.

- Hiện tại, tất cả các thành viên ASEAN đã chính thức tham gia MRA này, và đã thành lập các cơ quan thực hiện MRA tại nước của mình, cũng như hoàn thành các thủ tục để thực hiện việc cấp chứng nhận Kiến trúc sư ASEAN. Ở Việt Nam, Bộ Xây dựng đã Ban hành Quyết định số 554/QĐ-BXD ngày 14/06/2011 về việc ban hành quy chế đánh giá kiến trúc sư ASEAN.

- Tính tới thời điểm tháng 10/2015, đã có 284 Kiến trúc sư ASEAN từ 9 nước ASEAN được chứng nhận AA.

MRA đối với dịch vụ Kế toán (Accountancy Services)

- MRA đối với lĩnh vực Kế toán ban đầu được ký tháng 2/2009 dưới hình thức một khuôn khổ MRA nhằm khuyến khích các nước ASEAN đã sẵn sàng để tham gia vào đàm phán song phương hoặc đa phương về MRA trong lĩnh vực Kế toán. Sau đó, MRA này được sửa đổi và ký chính thức vào ngày 13/11/2014 tại Nay Pyi Taw, Myanmar.

- ASEAN đã thành lập Ủy ban Điều phối Kế toán chuyên nghiệp ASEAN để thực hiện MRA này.

- Mỗi nước ASEAN cũng thành lập một Ủy ban giám sát về dịch vụ kết toán tại nước mình để thực hiện quy trình đánh giá và đăng ký cấp phép Kế toán chuyên nghiệp đủ điều kiện theo ASEAN.

- MRA này áp dụng đối với tất cả các dịch vụ kế toán trừ dịch vụ ký báo cáo kiểm toán độc lập và các dịch vụ yêu cầu cấp phép ở các nước ASEAN

- Quy trình đăng ký để được hành nghề tại một nước ASEAN khác như sau:

- **Bước 1:** Kế toán chuyên nghiệp đủ điều kiện về trình độ và kinh nghiệm theo quy định trong MRA nộp đơn đăng ký lên Ủy ban Giám sát về dịch vụ kế toán của nước mình để xin cấp chứng nhận Kế toán chuyên nghiệp đủ điều kiện theo ASEAN (ACPA).

- **Bước 2:** Ủy ban Giám sát xem xét đơn đăng ký và lập Bản đánh giá, sau đó gửi lên Ủy ban Điều phối kế toán chuyên nghiệp ASEAN để quyết định cấp phép hay không cấp phép chứng nhận ACPA
- **Bước 3:** Kế toán chuyên nghiệp đã được cấp chứng nhận ACPA sẽ đủ điều kiện để đăng ký với Cơ quan có thẩm quyền quản lý ngành nghề kế toán ở một nước ASEAN khác để được cấp phép là Kế toán chuyên nghiệp nước ngoài có đăng ký (RFPA) tại nước đó, nhưng phải tuân theo các quy định và pháp luật liên quan của nước đó.
- **Bước 4:** Kế toán chuyên nghiệp có RFPA được phép hành nghề nhưng phải phù hợp với Kế toán chuyên nghiệp của nước sở tại.

Tính tới thời điểm tháng 12/2015, MRA này mới ký được hơn 1 năm và hiện chưa có thông tin về tình hình thực hiện MRA này của các nước ASEAN (bao gồm cả Việt Nam).

MRA đối với dịch vụ Du lịch

- MRA đối với dịch vụ Du lịch (MRA-TP) được các nước ASEAN ký ngày 9/11/2012 tại Bangkok, Thái Lan

- Nội dung chính: Trình độ của người lao động của một nước ASEAN có thể được một nước ASEAN khác công nhận, và được làm việc tại nước đó với điều kiện:

- Người lao động làm việc trong một trong 32 lĩnh vực dịch vụ khách sạn và lữ hành quy định trong Phụ lục đính kèm MRA-TP, trong đó không bao gồm Hướng dẫn viên du lịch.
- Người lao động phải được đào tạo và có Chứng nhận trình độ du lịch (còn hiệu lực) đáp ứng Tiêu chuẩn trình độ chung ASEAN về du lịch (ACCSTP) và được cấp bởi một Hội đồng chứng nhận nghề du lịch tại nước mình
- Người lao động phải tuân thủ các quy định và pháp luật hiện hành của nước sở tại.

- Hiện tại MRA này vẫn chưa có hiệu lực. Sáu nước Indonesia, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore và Thái Lan đã hoàn thành các thủ tục và quy trình trong nước để thực hiện MRA này nhưng 4 nước còn lại trong ASEAN bao gồm Việt Nam vẫn đang trong quá trình chuẩn bị cho việc thực hiện MRA này.

MRA đối với lĩnh vực Điều dưỡng, Hành nghề Y và Hành nghề Nha khoa

- MRA về Điều dưỡng ký ngày 8/12/2006 tại Cebu, Philippines. MRA về Hành nghề y và MRA về Hành nghề nha khoa được ký ngày 26/2/2009 tại Cha-am, Thái Lan.

- Đặc điểm chung của cả 3 MRA này là không hướng tới thiết lập một cơ chế đăng ký hành nghề chung ASEAN mà chủ yếu tập trung vào trao đổi thông tin và tăng cường hợp tác về công nhận lẫn nhau trong các lĩnh vực ngành nghề này, thúc đẩy áp dụng các thực tiễn tốt nhất về các tiêu chuẩn và trình độ, cung cấp cơ hội xây dựng năng lực và đào tạo...

Vì vậy, các cá nhân của một nước ASEAN hoạt động trong 3 lĩnh vực này khi muốn hành nghề tại một nước ASEAN khác thì vẫn phải thực hiện hoàn toàn theo các quy định pháp luật và quy trình thủ tục liên quan của nước ASEAN khác đó.

MRA đối với lĩnh vực Khảo sát (Surveying Services)

Thỏa thuận khung về thừa nhận lẫn nhau về trình độ khảo sát được ký ngày 19/11/2011 tại Singapore nhằm mục tiêu tạo ra một khuôn khổ cho các nước ASEAN đã sẵn sàng tham gia vào các cuộc đàm phán song phương và đa phương về thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực này, cũng như thúc đẩy trao đổi thông tin, kỹ năng và các thực tiễn tốt...

Tuy nhiên, cho tới thời điểm hiện tại chưa có một thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau song phương hay đa phương nào được đưa ra về lĩnh vực này.

PHỤ LỤC VI

CÁC VĂN BẢN THỰC THI CỦA VIỆT NAM

(Nội dung chi tiết tham khảo tại: <http://www.trungtamwto.vn/hiiep-dinh-khac/da-phuong/asean/van-ban-thuc-thi>)<http://www.trungtamwto.vn/hiiep-dinh-khac/da-phuong/asean/van-ban-thuc-thi>

1. Nghị định 129/2016/NĐ-CP quy định thuế suất và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN giai đoạn 2016 - 2018

2. TT số 28/2015/TT-BCT ngày 20/8/2015 v/v Quy định việc thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN

3. Thông tư số 42/2014/TT-BCT ngày 18/11/2014 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN

4. TT số 165/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 v/v Ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2015-2018

5. TT số 161/2011/TT-BTC ngày 17/11/2011 v/v Ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2012-2014

6. Công văn số 6745/VPCP-QHQT ngày 22/09/2010 v/v Phê duyệt Danh mục bảo lưu của Việt Nam thuộc Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN

7. TT số 21/2010/TT-BCT ngày 17/05/2010 v/v Thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN

8. TT số 01/2010/TT-BCT ngày 08/01/2010 v/v Thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA)

9. QĐ số 73/2008/QĐ-BTC ngày 5/9/2008 v/v Sửa đổi mức thuế suất thuế NK ƯĐDB đối với một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế NK ƯĐDB của VN để thực hiện Hiệp định CEPT của các nước ASEAN giai đoạn 2008-2013

10. QĐ số 36/2008/QĐ-BTC ngày 12/06/2008 v/v Ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam thực hiện CEPT 2008-2013

11. QĐ số 19/2008/QĐ-BCT ngày 24/7/2008 v/v Ban hành Quy chế cấp C/O mẫu D để hưởng các ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA)

12. QĐ số 25/2007/QĐ-BTC ngày 16/4/2007 v/v Sửa đổi, bổ sung QĐ số 09/2006/QĐ-BTC ngày 28/2/2006 v/v ban hành Danh mục HH và mức thuế suất thuế NK ƯĐDB của VN để thực hiện HĐ về chương trình ƯĐTQ có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN giai đoạn 2006-2013

13. QĐ số 23/2006/QĐ-BTM ngày 8/6/2006 v/v Bổ sung Phụ lục 3 Quy chế cấp C/O của VN- Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo “Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập khu vực mậu dịch tự do ASEAN”

14. TT số 14/2006/TT-BTC ngày 28/2/2006 v/v Hướng dẫn thực hiện thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện “Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN”

15. QĐ số 09/2006/QĐ-BTC ngày 28/2/2006 v/v Ban hành Danh mục hàng hóa và mức thuế suất thuế NK ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN giai đoạn 2006-2013

16. QĐ số 3188/2005/QĐ-BTM ngày 30/12/2005 v/v Ban hành sửa đổi, bổ sung Quy chế cấp C/O của VN- Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định về Chương trình ƯĐTQ có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA)

17. QĐ số 3106/2005/QĐ-BTM ngày 21/12/2005 v/v Ủy quyền cấp C/O mẫu D và bổ sung Phụ lục 3 Quy chế cấp C/O của VN- Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo “Hiệp định về chương trình ƯĐTQ có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập khu vực mậu dịch tự do ASEAN”

18. Công văn số 4552/TM-VP ngày 21/9/2005 v/v Chương trình ưu đãi hội nhập ASEAN (AISP)

19. QĐ số 2281/2005/QĐ-BTM ngày 30/8/2005 v/v Sửa đổi Phụ lục 3 Quy chế cấp C/O của Việt Nam- Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo “Hiệp định

về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập khu vực mậu dịch tự do ASEAN”

20. QĐ số 158/2005/QĐ-TTG ngày 27/6/2005 v/v Phê duyệt Bản ghi nhớ sửa đổi về thành lập quỹ ASEAN

21. QĐ số 0151/2005/QĐ-BTM ngày 27/1/2005 v/v Ban hành sửa đổi, bổ sung Quy chế cấp C/O của Việt Nam- Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo “Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập khu mậu dịch tự do ASEAN (AFTA)”

22. NĐ số 48/2005/NĐ-CP ngày 8/4/2005 v/v Giảm thuế NK một số mặt hàng để thực hiện thỏa thuận giữa VN và Thái Lan liên quan đến việc VN hoãn thực hiện HĐ CEPT của các nước ASEAN đối với một số mặt hàng phụ tùng, linh kiện xe máy, xe ô tô tải nhẹ nguyên chiếc

23. TT số 45/2005/TT-BTC ngày 6/6/2005 v/v Hướng dẫn thực hiện NĐ số 78/2003/NĐ-CP, NĐ số 151/2004/NĐ-CP, NĐ số 213/2004/NĐ-CP, NĐ số 13/2005/NĐ-CP v/v Ban hành DMHH và thuế suất của VN để thực hiện Hiệp định CEPT của các nước ASEAN

24. QĐ số 45/2005/QĐ-TTG ngày 3/3/2005 v/v Phê duyệt Hiệp định khung ASEAN về hội nhập các ngành ưu tiên và các nghị định thư về hội nhập ngành

25. TT số 42/2005/TT-BTC ngày 31/5/2005 v/v HDTH NĐ số 48/2005/NĐ-CP v/v Giảm thuế NK một số mặt hàng để thực hiện TT giữa VN và Thái Lan liên quan đến việc VN hoãn thực hiện HĐ CEPT đối với mặt hàng phụ tùng, linh kiện xe máy, xe ô tô tải nhẹ nguyên chiếc

26. NĐ số 13/2005/NĐ-CP ngày 03/02/2005 v/v Sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa và thuế suất thuế NK của VN để thực hiện “Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN cho các năm 2005-2013”

27. QĐ số 1420/2004/QĐ-BTM ngày 04/10/2004 v/v Ban hành Quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ ASEAN của Việt Nam - Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo “Hiệp định về Chương trình UĐTQ có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập Khu vực MDTD ASEAN (AFTA)”

28. NĐ số 213/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004 v/v Bổ sung 19 mặt hàng vào Danh mục hàng hóa và thuế suất thuế NK của VN để thực hiện Hiệp định

ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN cho các năm 2004-2006

29. QĐ số 195 /2004/QĐ-TTG ngày 22/11/2004 v/v Phê duyệt Nghị định thư thực hiện gói cam kết thứ tư về dịch vụ ASEAN

30. NĐ số 151/2004/NĐ-CP ngày 5/8/2004 v/v Sửa đổi thuế suất thuế NK một số mặt hàng thuộc Danh mục hàng hóa và thuế suất của VN thực hiện Hiệp định CEPT của các nước ASEAN cho các năm 2003-2006 đã ban hành kèm theo NĐ số 78/2003/NĐ-CP ngày 01/07/2003

PHỤ LỤC VII

TÂM NHÌN CỘNG ĐỒNG ASEAN 2025

1. Chúng tôi, những Người Đứng đầu Nhà nước/Chính phủ đại diện cho nhân dân các Quốc gia Thành viên Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (sau đây gọi là ASEAN), nhóm họp ở đây hôm nay tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 27, ở Cua-la Lăm-pơ, Ma-lai-xi-a, để kỷ niệm sự ra đời chính thức của Cộng đồng ASEAN 2015 và đề ra Tâm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025.

2. Chúng tôi nhắc lại tầm nhìn ASEAN về một cộng đồng thống nhất, hòa bình, ổn định và cùng chia sẻ sự phồn vinh, được xây dựng trên cơ sở các nguyện vọng và cam kết trong Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC), Tầm nhìn ASEAN 2020, Tuyên bố Hòa hợp ASEAN II, Hiến chương ASEAN, Lộ trình Cộng đồng ASEAN (2009-2015) và Tuyên bố Ba-li về Cộng đồng ASEAN trong Cộng đồng các Quốc gia Toàn cầu.

3. Chúng tôi hài lòng thấy rằng những tiến triển tích cực đạt được từ năm 2009 trong việc triển khai Lộ trình Cộng đồng ASEAN, bao gồm các Kế hoạch Tổng thể xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN, Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN, cũng như Khung Chiến lược Sáng kiến Liên kết ASEAN (IAI) và Kế hoạch Công tác IAI giai đoạn II (2009-2015) và Kế hoạch Tổng thể về Kết nối ASEAN, đã đưa chúng ta tới một cột mốc quan trọng khác trên chặng đường phát triển của ASEAN, đó là sự ra đời chính thức của Cộng đồng ASEAN 2015.

4. Chúng tôi quyết tâm củng cố vững mạnh Cộng đồng của chúng ta, phát huy những kết quả đạt được và làm sâu sắc tiến trình liên kết để hiện thực hóa một Cộng đồng ASEAN dựa trên luật lệ, hướng tới người dân và lấy người dân làm trung tâm, nơi người dân của chúng ta được hưởng các quyền con người và tự do cơ bản, với chất lượng cuộc sống cao hơn cùng các lợi ích mà tiến trình xây dựng cộng đồng mang lại, tăng cường sự gắn kết và bản sắc chung, trên cơ sở các mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương ASEAN.

5. Chúng tôi hình dung về một Cộng đồng hòa bình, ổn định và tự cường với năng lực được nâng cao để ứng phó hiệu quả với các thách thức và về ASEAN là một khu vực rộng mở với bên ngoài trong cộng đồng các quốc gia toàn cầu, đồng thời giữ vững vai trò trung tâm của mình. Chúng tôi cũng hình dung về các nền kinh tế liên kết chặt chẽ, bền vững và năng động, với kết nối ASEAN được tăng cường cũng như những nỗ lực thu hẹp khoảng cách phát

triển được đẩy mạnh, trong đó có IAI. Chúng tôi cũng còn hình dung về một ASEAN có năng lực để nắm bắt các cơ hội và hóa giải các thách thức trong thập kỷ tới.

6. Chúng tôi nhấn mạnh sự tương hỗ của Chương trình Nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc vì sự Phát triển Bền vững với các nỗ lực xây dựng cộng đồng của ASEAN nhằm nâng cao các mức sống cho người dân của chúng ta.

Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN

7. Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN vào năm 2025 của chúng ta sẽ là một cộng đồng đoàn kết, dung nạp và tự cường. Người dân của chúng ta sẽ được sống trong một môi trường an toàn, an ninh và hài hòa, theo đuổi các giá trị khoan dung và ôn hòa cũng như đề cao các nguyên tắc cơ bản, các giá trị và chuẩn mực chung của ASEAN. ASEAN sẽ luôn gắn kết, có khả năng ứng phó và vai trò thích hợp trong xử lý các thách thức đối với hòa bình và an ninh ở khu vực, cũng như đóng vai trò trung tâm trong việc định hình cấu trúc an ninh khu vực, đồng thời làm sâu sắc quan hệ với các đối tác bên ngoài và cùng đóng góp vào hòa bình, an ninh và ổn định toàn cầu.

8. Theo đó, chúng tôi cam kết sẽ hiện thực hóa:

8.1 Một cộng đồng dựa trên luật lệ, tuân thủ triệt để các nguyên tắc cơ bản, các giá trị và chuẩn mực chung của ASEAN cũng như các nguyên tắc của luật pháp quốc tế về ứng xử hòa bình trong quan hệ giữa các quốc gia;

8.2 Một cộng đồng dung nạp và có khả năng ứng phó, bảo đảm người dân của chúng ta được hưởng các quyền con người và tự do cơ bản cũng như phát triển trong một môi trường công bằng, dân chủ, hài hòa và mang tính nhạy cảm giới, phù hợp với các nguyên tắc dân chủ, quản trị tốt và pháp chế;

8.3 Một cộng đồng theo đuổi các giá trị khoan dung và ôn hòa, tôn trọng đầy đủ các tôn giáo, văn hóa và ngôn ngữ khác nhau của người dân, đề cao các giá trị chung trên tinh thần thống nhất trong đa dạng cũng như xử lý mối đe dọa của chủ nghĩa cực đoan bạo lực dưới tất cả các hình thức và biểu hiện;

8.4 Một cộng đồng với cách tiếp cận toàn diện về an ninh, theo đó, nâng cao năng lực để xử lý hiệu quả và kịp thời các thách thức hiện có và đang nổi lên, bao gồm các vấn đề an ninh phi truyền thống, đặc biệt

là các tội phạm xuyên quốc gia và các thách thức xuyên biên giới;

- 8.5 Một khu vực giải quyết các tranh chấp và khác biệt bằng các biện pháp hòa bình, bao gồm không đe dọa sử dụng hoặc sử dụng vũ lực và áp dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp hòa bình, trong khi tăng cường các biện pháp xây dựng lòng tin, thúc đẩy các hoạt động ngoại giao phòng ngừa và các sáng kiến giải quyết xung đột;
- 8.6 Một khu vực không có vũ khí hạt nhân và các vũ khí hủy diệt hàng loạt khác, cũng như đóng góp vào các nỗ lực toàn cầu về giải trừ quân bị, không phổ biến các loại vũ khí này và sử dụng hòa bình năng lượng hạt nhân;
- 8.7 Một cộng đồng tăng cường an ninh hàng hải và hợp tác hàng hải vì hòa bình và ổn định ở trong và ngoài khu vực, thông qua các cơ chế của ASEAN và do ASEAN dẫn dắt và áp dụng các nguyên tắc và công ước về hàng hải được quốc tế công nhận;
- 8.8 Một cộng đồng tăng cường đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN và duy trì vai trò động lực chủ đạo trong định hình cấu trúc khu vực được xây dựng trên cơ sở các cơ chế do ASEAN dẫn dắt; và
- 8.9 Một cộng đồng, vì lợi ích phát triển quan hệ hữu nghị và cùng có lợi, làm sâu sắc quan hệ hợp tác với các bên Đối thoại, tăng cường quan hệ với các đối tác bên ngoài khác và mở rộng tới các đối tác tiềm năng, cũng như cùng ứng phó một cách xây dựng trước các diễn biến và các vấn đề toàn cầu thuộc quan tâm chung.

Cộng đồng Kinh tế ASEAN

9. Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) vào năm 2025 của chúng ta sẽ là một cộng đồng hội nhập và gắn kết cao; cạnh tranh, sáng tạo và năng động; cùng với tăng cường kết nối và hợp tác theo ngành; và một cộng đồng dung nạp và tự cường hơn, hướng tới người dân, lấy người dân làm trung tâm, đồng thời hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

10. Theo đó, chúng tôi cam kết sẽ đạt được:

- 10.1 Một nền kinh tế khu vực hội nhập và gắn kết cao, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế cao bền vững bằng cách gia tăng thương mại, đầu tư và tạo việc làm; nâng cao năng lực khu vực trong việc ứng phó với các thách thức và xu hướng lớn toàn cầu; đẩy nhanh chương trình nghị

sự một thị trường thống nhất thông qua tăng cường các cam kết về thương mại hàng hóa, và thông qua việc giải quyết hiệu quả các rào cản phi thuế quan; hội nhập sâu hơn trong lĩnh vực thương mại dịch vụ; và lưu chuyển thông thoáng hơn về đầu tư, lao động có tay nghề, doanh nhân và vốn;

- 10.2 Một cộng đồng cạnh tranh, sáng tạo và năng động, thúc đẩy tăng năng suất mạnh mẽ, bao gồm thông qua việc thiết lập và áp dụng thiết thực các tri thức, các chính sách hỗ trợ hướng tới sự sáng tạo, cách tiếp cận khoa học với phát triển và công nghệ xanh, và bằng cách áp dụng công nghệ số hóa đang phát triển; thúc đẩy quản trị tốt, minh bạch và các quy định tương ứng; giải quyết tranh chấp hiệu quả; và hướng tới tăng cường tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu;
- 10.3 Tăng cường kết nối và hợp tác theo ngành với những cải thiện về các khuôn khổ khu vực, bao gồm các chính sách chuyên ngành chiến lược cần thiết cho sự vận hành hiệu quả của cộng đồng kinh tế;
- 10.4 Một cộng đồng tự cường, dung nạp và hướng tới người dân, lấy người dân làm trung tâm, mang lại sự phát triển đồng đều và tăng trưởng toàn diện; một cộng đồng với các chính sách được tăng cường về phát triển doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ và hợp tác thu hẹp khoảng cách phát triển được đẩy mạnh; và một cộng đồng với sự tham gia hiệu quả của giới kinh doanh và các giới liên quan, các dự án và hợp tác phát triển tiểu vùng, và các cơ hội kinh tế lớn hơn để hỗ trợ xóa nghèo; và
- 10.5 Một ASEAN toàn cầu, thúc đẩy cách tiếp cận hệ thống và nhất quán hơn trong quan hệ kinh tế với các đối tác bên ngoài; vai trò hạt nhân chính yếu thúc đẩy và dẫn dắt hội nhập kinh tế khu vực ở Đông Á; và một ASEAN đoàn kết với vai trò và tiếng nói được nâng cao tại các diễn đàn kinh tế toàn cầu trong xử lý các vấn đề kinh tế quốc tế.

Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN

11. Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN (ASCC) vào năm 2025 của chúng ta sẽ là một cộng đồng thu hút sự tham gia của người dân và mang lại lợi ích cho người dân, và là một cộng đồng dung nạp, bền vững, tự cường và năng động.

12. Theo đó, chúng tôi cam kết sẽ hiện thực hóa:

- 12.1 Một cộng đồng tận tâm với sự tham gia của mọi tầng lớp và có trách nhiệm xã hội, thông qua một cơ chế chịu trách nhiệm và dung nạp vì lợi ích của người dân, được giữ vững bởi các nguyên tắc quản trị tốt;
- 12.2 Một cộng đồng dung nạp, nâng cao chất lượng cuộc sống, tiếp cận đồng đều các cơ hội cho tất cả mọi người, và thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền cho phụ nữ, trẻ em, thanh niên, người già, người khuyết tật, người lao động di cư và các nhóm dễ bị tổn thương và yếu thế bên lề khác;
- 12.3 Một cộng đồng bền vững, thúc đẩy phát triển xã hội và bảo vệ môi trường thông qua các cơ chế hiệu quả để đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai của người dân;
- 12.4 Một cộng đồng tự cường với năng lực và khả năng được nâng cao nhằm thích nghi và ứng phó với các biến động dễ tổn thương về kinh tế và xã hội, thảm họa, biến đổi khí hậu cũng như các mối đe dọa và thách thức đang nổi lên; và
- 12.5 Một cộng đồng năng động và hài hòa, nhận thức và tự hào về bản sắc, văn hóa và di sản của mình, đi đôi với tăng cường khả năng sáng tạo và chủ động đóng góp vào cộng đồng toàn cầu.

Hướng về phía trước

13. Để đạt được Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 của chúng ta, chúng tôi sẽ hiện thực hóa một cộng đồng với năng lực thể chế được tăng cường thông qua cải thiện quy trình hoạt động và phối hợp trong ASEAN, nâng cao hiệu quả và hiệu suất làm việc của các Cơ quan trong ASEAN, bao gồm tăng cường Ban Thư ký ASEAN. Chúng tôi cũng sẽ hiện thực hóa một cộng đồng với sự hiện diện thể chế của ASEAN được gia tăng ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế.

14. Theo đó, chúng tôi giao nhiệm vụ cho các Hội đồng Cộng đồng ASEAN triển khai đầy đủ và hiệu quả các cam kết trong văn kiện ASEAN 2025: Cùng Vững vàng Tiến bước và đệ trình báo cáo lên Hội nghị Cấp cao ASEAN theo quy trình thủ tục đã được thiết lập.

15. Chúng tôi cam kết với người dân về quyết tâm sẽ hiện thực hóa một ASEAN dựa trên luật lệ, hướng tới người dân, lấy người dân làm trung tâm, một ASEAN của “Một Tầm nhìn, Một Bản sắc, Một Cộng đồng”.

PHỤ LỤC VIII

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ CỘNG ĐỒNG CHÍNH TRỊ-AN NINH ASEAN 2025

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Kế hoạch Tổng thể (KHTT) Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN (APSC) (2009-2015) đã củng cố hợp tác chính trị-an ninh ASEAN trong hơn bốn thập kỷ qua một cách toàn diện và vững chắc nhất, với mục đích bảo đảm rằng người dân và các Quốc gia Thành viên ASEAN sống trong hòa bình với nhau và với cả thế giới trong một môi trường hài hòa, dân chủ và công bằng. KHTT này đề cao mục đích duy trì hòa bình và ổn định khu vực. KHTT này cũng áp dụng cách tiếp cận toàn diện về an ninh và cách tiếp cận hướng ngoại trong quan hệ đối ngoại của ASEAN.

2. Bảy năm triển khai KHTT APSC (2009-2015) đã mở rộng và làm sâu sắc hơn hợp tác chính trị và an ninh ASEAN cũng như tăng cường năng lực ASEAN trong việc ứng phó với các thách thức khu vực và quốc tế, củng cố vững chắc nền tảng của APSC vào năm 2015.

3. KHTT APSC 2025 được hình dung là sẽ phát huy các thành tựu đã đạt được để nâng hợp tác chính trị-an ninh ASEAN lên mức cao hơn nữa. Điều này sẽ bảo đảm một cộng đồng dung nạp và dựa trên luật lệ, nơi đó người dân được hưởng các quyền con người, tự do cơ bản và công bằng xã hội, sống trong một môi trường an toàn và an ninh, với năng lực được nâng cao để ứng phó hiệu quả với các thách thức đang nổi lên và trong một khu vực năng động nơi mà ASEAN tăng cường vai trò trung tâm trong cấu trúc an ninh khu vực đang định hình và đóng vai trò tích cực trên toàn cầu. Theo đó, KHTT này sẽ thúc đẩy một ASEAN hướng tới người dân và lấy người dân làm trung tâm, trong đó tất cả các thành phần của xã hội, không phân biệt giới tính, chủng tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, hay xuất thân xã hội và văn hóa, đều được khuyến khích tham gia và thụ hưởng lợi ích từ tiến trình liên kết và xây dựng cộng đồng của ASEAN.

4. KHTT APSC 2025 tuân thủ Hiến chương ASEAN cũng như các văn kiện và văn bản chủ đạo khác của ASEAN xác lập các nguyên tắc và khuôn khổ cho hợp tác chính trị và an ninh ASEAN và việc triển khai KHTT này. Việc triển khai này cũng phải căn cứ theo nội luật, các chính sách và quy định liên quan của các nước. Do xây dựng cộng đồng là một quá trình tiếp diễn, các

chương trình/hoạt động phù hợp trong KHTT APSC (2009-2015) sẽ tiếp tục được triển khai xét tới ý nghĩa lâu dài của các chương trình/hoạt động đó. Tuy nhiên, việc này cũng đi kèm với cách tiếp cận đậm nét và tiên tiến để bảo đảm KHTT APSC 2025 phù hợp, mang tính thời sự và đáp ứng được các thách thức của thời đại.

II. CÁC ĐẶC ĐIỂM VÀ THÀNH TỐ CỦA KẾ HOẠCH TỔNG THỂ CỘNG ĐỒNG CHÍNH TRỊ-AN NINH ASEAN 2025:

5. KHTT APSC 2025 sẽ gồm các đặc điểm chính sau, trong đó các đặc điểm này gắn bó và bổ trợ lẫn nhau và sẽ được theo đuổi một cách cân bằng và tổng thể:

5.1 Một cộng đồng dựa trên luật lệ, hướng tới người dân và lấy người dân làm trung tâm, ràng buộc bởi các nguyên tắc cơ bản, các giá trị và chuẩn mực chung, trong đó người dân được hưởng các quyền con người, tự do cơ bản và công bằng xã hội, theo đuổi các giá trị khoan dung và ôn hòa, và chia sẻ tinh đoàn kết sâu sắc, bản sắc và vận mệnh chung.

5.2 Một cộng đồng tự cường ở một khu vực hòa bình, an ninh và ổn định, với năng lực được tăng cường để ứng phó với các thách thức một cách hiệu quả và kịp thời vì lợi ích chung của ASEAN, phù hợp với nguyên tắc an ninh toàn diện;

5.3 Một cộng đồng hướng ngoại, làm sâu sắc hợp tác với các đối tác bên ngoài, đề cao và củng cố vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực đang định hình, và đóng vai trò toàn cầu tích cực và có trách nhiệm trên cơ sở một diễn đàn chung của ASEAN về các vấn đề quốc tế; và

5.4 Một cộng đồng với năng lực thể chế được tăng cường thông qua cải thiện quy trình công tác và phối hợp trong ASEAN, đẩy mạnh hiệu quả và hiệu suất hoạt động của Các cơ quan ASEAN, trong đó có tăng cường Ban Thư ký ASEAN, cũng như gia tăng sự hiện diện thể chế của ASEAN ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế.

A. MỘT CỘNG ĐỒNG DỰA TRÊN LUẬT LỆ, HƯỚNG TỚI NGƯỜI DÂN, LẤY NGƯỜI DÂN LÀM TRUNG TÂM

6. Hợp tác chính trị-an ninh ASEAN nhằm mục đích phát huy các nguyên tắc cơ bản, các giá trị và chuẩn mực chung của ASEAN, cũng như các nguyên tắc của luật pháp quốc tế về ứng xử hòa bình trong quan hệ giữa các Quốc

gia, qua đó, thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực. Hợp tác chính trị-an ninh ASEAN cũng nhằm củng cố đoàn kết, thống nhất của ASEAN nhằm xây dựng một cộng đồng dung nạp, dựa trên luật lệ, công bằng, minh bạch và dân chủ hơn, chia sẻ các giá trị khoan dung và ôn hòa.

7. Các thành tố chính của cộng đồng dựa trên luật lệ, lấy người dân làm trung tâm, hướng tới người dân gồm:

A.1. Tuân thủ và phát huy các nguyên tắc cơ bản, các giá trị và chuẩn mực ứng xử chung của ASEAN cũng như các nguyên tắc của luật pháp quốc tế về quan hệ ứng xử hòa bình giữa các quốc gia

A.1.1. Thực hiện đầy đủ và hiệu quả Hiến chương ASEAN

i. Bảo đảm triển khai hiệu quả tất cả các điều khoản trong Hiến chương ASEAN để ASEAN có thể vận hành một cách đầy đủ như một tổ chức dựa trên luật lệ; và

ii. Bảo đảm sớm phê chuẩn và thực hiện hiệu quả các văn kiện pháp lý triển khai Hiến chương ASEAN, đó là Hiệp định Ưu đãi và Miễn trừ ASEAN và Nghị định thư Hiến chương ASEAN về các Cơ chế Giải quyết tranh chấp.

A.1.2. Thực hiện các hiệp định của ASEAN đã được ký/phê chuẩn

i. Bảo đảm sớm phê chuẩn các hiệp định ASEAN đã được ký kết; và

ii. Bảo đảm thực hiện hiệu quả các hiệp định đã được các Quốc gia Thành viên ASEAN phê chuẩn.

A.1.3. Đề cao các nguyên tắc của luật pháp quốc tế về ứng xử hòa bình trong quan hệ giữa các Quốc gia

i. Tôn trọng Hiến chương Liên Hợp Quốc (LHQ) và luật pháp quốc tế về quan hệ hòa bình giữa các Quốc gia.

A.1.4. Tôn trọng các nguyên tắc độc lập, chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp, và bản sắc quốc gia

i. Không tham gia vào bất kỳ chính sách hay hoạt động nào, kể cả việc sử dụng lãnh thổ của một nước bởi bất kỳ Quốc gia Thành viên ASEAN hoặc ngoài ASEAN hoặc chủ thể phi Quốc gia nào, đe dọa tới chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ hoặc ổn định kinh tế và chính trị của các Quốc gia Thành viên ASEAN;

ii. Thúc đẩy tham vấn và củng cố hợp tác xử lý các thách thức và mối đe dọa có thể ảnh hưởng tới an ninh và toàn vẹn lãnh thổ của các Quốc gia Thành viên ASEAN;

iii. Tuyên truyền tới công chúng các thông tin về Hiến chương ASEAN, Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC) và các văn kiện quan trọng khác của ASEAN cũng như nỗ lực đưa các kiến thức này vào các giáo trình giảng dạy; và

iv. Tổ chức các hoạt động quốc gia/khu vực để nâng cao nhận thức và hiểu biết về các nguyên tắc và chuẩn mực trong các văn kiện quan trọng của ASEAN, trong đó có Hiến chương ASEAN và Hiệp ước TAC.

A.1.5 Tăng cường nhận thức về cộng đồng hướng tới người dân và lấy người dân làm trung tâm

i. Khuyến khích Ban Thư ký ASEAN và Quỹ ASEAN phối hợp với các Cơ quan Chuyên ngành liên quan trong ASEAN thúc đẩy nhận thức và hiểu biết về ASEAN, trong đó có:

a. Khuyến khích tổ chức các sự kiện như hội thảo, hội nghị học thuật và các cuộc trao đổi chuyên đề; và

b. Phát hành các ấn phẩm định kỳ về ASEAN để tuyên truyền tới công chúng;

ii. Thúc đẩy đưa nghiên cứu ASEAN vào các chương trình giảng dạy của các cơ sở giáo dục ở các Quốc gia Thành viên ASEAN thông qua phối hợp với các Cơ quan liên quan của ASEAN;

iii. Thúc đẩy hiểu biết sâu rộng hơn về ASEAN cho người dân nói chung ở các nước Đối thoại và các đối tác bên ngoài khác thông qua các Trung tâm ASEAN và các Ủy ban ASEAN ở các Nước thứ 3 và Tổ chức Quốc tế (ACTCs);

iv. Triển khai hiệu quả Cổng Xuất Nhập cảnh ASEAN tại các sân bay quốc tế ở các Quốc gia Thành viên ASEAN;

v. Thăm dò khả năng về thẻ doanh nhân ASEAN để tạo thuận lợi đi lại cho doanh nhân giữa các Quốc gia Thành viên ASEAN;

vi. Xem xét ban hành Quy trình Thủ tục Tiêu chuẩn (SOP)/quy chế hướng dẫn về hỗ trợ lãnh sự của các Cơ quan Đại diện của các nước ASEAN

tại Nước thứ 3 dành cho công dân của các nước ASEAN ở những nơi nước đó không có cơ quan đại diện; và

vii. Tiếp tục thăm dò tính khả thi về visa chung của ASEAN dành cho công dân của các nước ngoài ASEAN.

A.1.6 Thúc đẩy hiểu biết và sự tôn trọng đối với các hệ thống chính trị và pháp luật, văn hóa và lịch sử của các nước thành viên ASEAN

i. Thúc đẩy đưa môn nghiên cứu về các hệ thống chính trị và pháp luật, văn hóa và lịch sử của các Quốc gia Thành viên ASEAN vào các giáo trình giảng dạy nhằm nâng cao hiểu biết và sự tôn trọng đối với bản sắc chung và sự đa dạng của ASEAN;

ii. Thành lập nhóm chuyên gia thúc đẩy hiểu biết, kiến thức và sự tôn trọng đối với sự đa dạng của các Quốc gia Thành viên ASEAN, trong đó có thông qua Mạng lưới các Trường Đại học ASEAN (AUN) và các Trung tâm Nghiên cứu ASEAN; và

iii. Khuyến khích trao đổi học sinh/sinh viên trung học và đại học để nâng cao kiến thức về các Quốc gia Thành viên ASEAN và hợp tác ASEAN.

A.1.7 Tăng cường sự tôn trọng và công nhận đối với các mục đích và nguyên tắc của Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á

i. Tổ chức các hoạt động thúc đẩy việc tuân thủ các nguyên tắc nền tảng của Hiệp ước TAC giữa các Bên Tham gia Hiệp ước.

A.2. Cũng cố dân chủ, quản trị tốt, pháp chế, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người và các tự do cơ bản cũng như đấu tranh chống tham nhũng

A.2.1 Thúc đẩy các nguyên tắc dân chủ

i. Tổ chức các hội thảo, khóa đào tạo và các hoạt động xây dựng năng lực khác dành cho các quan chức chính phủ, giới chuyên gia, thanh niên cũng như các tổ chức xã hội dân sự (CSOs), thông qua phối hợp với các đối tác bên ngoài để chia sẻ kinh nghiệm về dân chủ và các nguyên tắc dân chủ;

ii. Chia sẻ kinh nghiệm của ASEAN về thúc đẩy dân chủ và các thể chế dân chủ, trong đó có thông qua Diễn đàn Dân chủ Bali; và

iii. Tập hợp các thực tiễn tốt về giám sát bầu cử tự nguyện và chia sẻ các thông tin này giữa các Quốc gia Thành viên ASEAN.

A.2.2 Truyền tải văn hóa quản trị tốt và lồng ghép các nguyên tắc quản trị tốt vào chính sách và thực tiễn của Cộng đồng ASEAN

i. Thúc đẩy đối thoại và quan hệ đối tác giữa các chính phủ và các giới liên quan để phát triển và tạo điều kiện cho các ý tưởng, khái niệm và cách thức mới nhằm hướng tới tăng cường minh bạch, trách nhiệm, quản trị hiệu quả và có sự tham gia;

ii. Khuyến khích đưa nội dung văn hóa quản trị tốt vào các giáo trình giảng dạy;

iii. Bảo đảm triển khai hiệu quả và đầy đủ các lĩnh vực hợp tác được thỏa thuận để tăng cường quản trị tốt trong Cộng đồng ASEAN, trong đó có nâng cao kỹ năng chuyên môn của các cơ quan nhà nước về quản trị tốt;

iv. Khuyến khích trao đổi và thúc đẩy các thực tiễn tốt về quản trị tốt và cung ứng dịch vụ công, trong đó có thông qua việc sử dụng chính phủ điện tử và các phương tiện truyền thông xã hội phù hợp giữa các cơ quan dân chính của các Quốc gia Thành viên ASEAN;

v. Ủng hộ Quỹ ASEAN củng cố quan hệ cộng tác với khu vực tư nhân và các nhóm liên quan khác để truyền tải trách nhiệm xã hội doanh nghiệp; và

vi. Thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm và các thực tiễn tốt thông qua hội thảo và hội nghị về các khái niệm lãnh đạo và các nguyên tắc quản trị tốt nhằm hướng tới thiết lập các chuẩn mực, tiêu chuẩn và quy chuẩn.

A.2.3 Truyền tải văn hóa liêm chính và chống tham nhũng và lồng ghép các nguyên tắc đó vào chính sách và thực tiễn của Cộng đồng ASEAN

i. Thực hiện đầy đủ Biên bản ghi nhớ (MoU) về Hợp tác Phòng chống và Đấu tranh Chống Tham nhũng được ký ngày 15/12/2004;

ii. Thúc đẩy hợp tác ASEAN về phòng chống và đấu tranh chống tham nhũng, trong đó có việc áp dụng Hiệp định ASEAN về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự năm 2004 (MLAT);

iii. Thúc đẩy hợp tác ASEAN trong việc thực hiện Công ước LHQ về Chống Tham nhũng (UNCAC);

iv. Củng cố việc thực hiện nội luật và các quy định của các nước về chống tham nhũng và các thực tiễn về chống tham nhũng ở cả khu vực công và tư trong ASEAN, trong đó có thông qua các chương trình xây dựng năng lực;

v. Đẩy mạnh hợp tác, trong khuôn khổ pháp luật quốc tế và quốc gia liên quan về chống tham nhũng, trong lĩnh vực thu hồi tài sản và từ chối cung cấp nơi trú ẩn an toàn cho những người phạm tội tham nhũng;

vi. Khuyến khích củng cố mạng lưới các Cơ quan Chống Tham nhũng Khu vực Đông Nam Á (SEA-PAC) để tăng cường hợp tác khu vực về chống tham nhũng và hợp tác ở cấp quốc gia thông qua các cơ quan hoặc tổ chức liên quan;

vii. Thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm, các thực tiễn tốt và trao đổi quan điểm về các quy tắc, giá trị và văn hóa liêm chính nhằm củng cố các hoạt động chống tham nhũng, trong đó có thông qua Đối thoại Liêm chính ASEAN; và

viii. Tăng cường và khuyến khích hợp tác giữa các cơ quan tình báo tài chính/cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên ASEAN trong lĩnh vực thu thập, phân tích và chia sẻ thông tin về hoạt động tiềm ẩn nguy cơ rửa tiền.

A.2.4. Thiết lập các chương trình giúp đỡ và hỗ trợ lẫn nhau giữa các Quốc gia Thành viên ASEAN trong việc xây dựng các chiến lược củng cố pháp chế, hệ thống tư pháp và hạ tầng cơ sở pháp lý

i. Giao Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp ASEAN (ALAWMM), cùng với sự hợp tác của các Cơ quan Chuyên ngành khác và các Thực thể có liên kết với ASEAN, trong đó có Hiệp hội Luật ASEAN (ALA), xây dựng các chương trình hợp tác nhằm củng cố pháp chế, hệ thống tư pháp và hạ tầng cơ sở pháp lý;

ii. Đẩy mạnh hoạt động của các Nhóm Công tác trong khuôn khổ ALAWMM và Hội nghị các Quan chức Pháp luật cao cấp ASEAN (ASLOM) nhằm củng cố hạ tầng cơ sở pháp lý trong ASEAN, trong đó có Nhóm Công tác ASLOM về hài hòa hóa pháp luật hương mại giữa các nước thành viên ASEAN và Nhóm Công tác về tăng cường tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại giữa các nước thành viên ASEAN;

iii. Ủng hộ các hoạt động và chương trình củng cố mạng lưới và hợp tác giữa các cơ quan tòa án ở các Quốc gia Thành viên ASEAN;

iv. Tăng cường tiếp cận hỗ trợ pháp lý ở các Quốc gia Thành viên ASEAN nhằm thúc đẩy công bằng xã hội thông qua các hoạt động tuyên truyền và giáo dục công chúng;

v. Tiến hành các nghiên cứu so sánh dành cho những nhà lập pháp về việc công bố các luật và quy định;

vi. Thúc đẩy xây dựng các giáo trình giảng dạy đại học về hệ thống pháp lý của từng Quốc gia Thành viên ASEAN và các văn kiện pháp lý liên quan đến Cộng đồng ASEAN; và

vii. Tăng cường hợp tác giữa ALAWMM và ALA và các tổ chức Kênh II khác thông qua các hội thảo, hội nghị và nghiên cứu về luật quốc tế, trong đó có các thỏa thuận của ASEAN.

A.2.5. Thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người, tự do cơ bản và công bằng xã hội để bảo đảm người dân của chúng ta sống có phẩm giá trong hòa bình, hài hòa và thịnh vượng

i. Khuyến khích các Quốc gia Thành viên ASEAN củng cố các thể chế trong nước, thúc đẩy giáo dục về quyền con người và tổ chức tham vấn với các nhóm liên quan;

ii. Khuyến khích các Quốc gia Thành viên ASEAN phê chuẩn hoặc gia nhập các văn kiện quốc tế chủ chốt về quyền con người và bảo đảm thực hiện hiệu quả các văn kiện đó;

iii. Khuyến khích các Quốc gia Thành viên ASEAN tăng cường quan hệ với LHQ và các cơ chế nhân quyền liên quan mà các nước ASEAN là thành viên, trong đó có Cơ chế Rà soát Định kỳ Phổ quát và các Cơ quan Công ước liên quan khác, cũng như chia sẻ kinh nghiệm và các thực tiễn tốt;

iv. Ủng hộ Ủy ban liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR) thực hiện các nhiệm vụ của mình phù hợp với Quy chế Hoạt động (TOR) của AICHR;

v. Tăng cường chia sẻ thông tin về các nỗ lực thúc đẩy các quyền con người và tự do cơ bản giữa các Quốc gia Thành viên ASEAN phù hợp với Hiến chương ASEAN, Tuyên bố ASEAN về Quyền con người (AHRD) và Tuyên bố Phờ-nôm-pênh về Thông qua AHRD cũng như các tuyên bố và văn kiện quốc tế về quyền con người mà các nước ASEAN là thành viên;

vi. Củng cố thực hiện Tuyên bố AHRD và Tuyên bố Phờ-nôm-pênh về Thông qua AHRD, trong đó có tuyên truyền thông tin và thúc đẩy nhận thức của công chúng về Tuyên bố AHRD;

vii. Thúc đẩy lồng ghép nội dung quyền con người ở cả ba Trụ cột của Cộng đồng ASEAN thông qua tham vấn giữa các Cơ quan Chuyên ngành liên quan của ASEAN;

viii. Khuyến khích trao đổi và tham vấn, khi phù hợp, giữa AICHR, các Cơ quan Chuyên ngành liên quan của ASEAN và các nhóm khác, trong đó có các CSOs có liên quan đến việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người;

ix. Tiếp tục công việc của AICHR tiến hành các nghiên cứu chuyên đề về các vấn đề quyền con người phù hợp với TOR của AICHR;

x. Tiếp tục công việc của AICHR thu thập thông tin từ các Quốc gia Thành viên ASEAN về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người;

xi. Tăng cường nhận thức chung về quyền con người cho người dân ASEAN, trong đó có công bố cập nhật định kỳ về các hoạt động của AICHR và các hoạt động cung cấp thông tin cho công chúng của các Cơ quan Chuyên ngành liên quan của ASEAN;

xii. Xem xét, nếu phù hợp, việc kiểm điểm TOR của AICHR như được quy định trong TOR, phù hợp với các mục đích và nguyên tắc của Hiến chương ASEAN, nhằm tăng cường hơn nữa việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người trong ASEAN;

xiii. Tăng cường đối thoại giữa mạng lưới các cơ chế nhân quyền hiện có cũng như các CSOs khác, với các Cơ quan Chuyên ngành liên quan của ASEAN;

xiv. Khuyến khích phối hợp và tham vấn giữa các Cơ quan liên quan của ASEAN nhằm tăng cường triển khai Tuyên bố AHRD, Tuyên bố Hà Nội về Tăng cường Phúc lợi và Phát triển của Phụ nữ và Trẻ em ASEAN cũng như Tuyên bố Bali về Tăng cường Vai trò và sự Tham gia của Người Khuyết tật trong Cộng đồng ASEAN, trong khi duy trì các kênh báo cáo tương ứng; và

xv. Hợp tác chặt chẽ với các Cơ quan Chuyên ngành liên quan, trong khi duy trì các kênh báo cáo tương ứng, nhằm đẩy nhanh công việc của Ủy ban ASEAN về Triển khai Tuyên bố Bảo vệ và Thúc đẩy Quyền của Lao động Di cư trong việc xây dựng một văn kiện bảo đảm quyền của lao động di cư được bảo vệ tốt ở khu vực, phù hợp với luật, quy định và chính sách của các Quốc gia Thành viên ASEAN.

A.2.6 Tăng cường quan hệ và sự tham gia của các thực thể có liên kết với ASEAN và các nhóm liên quan trong việc thúc đẩy Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN

i. Đẩy mạnh quan hệ với Đại Hội đồng liên Nghị viện ASEAN trong việc

thúc đẩy một Cộng đồng ASEAN dựa trên luật lệ, trong đó có việc thực hiện các tuyên bố và thỏa thuận của ASEAN ở cấp quốc gia, nhằm tạo thuận lợi cho hội nhập khu vực;

ii. Thúc đẩy hơn nữa đối thoại giữa các Cơ quan Chuyên ngành của ASEAN và các thực thể liên quan có liên kết với ASEAN, như mạng lưới các Viện Nghiên cứu Quốc tế và Chiến lược ASEAN (ASEAN-ISIS) và các Cơ quan Kiểm toán ASEAN;

iii. Thúc đẩy các nghiên cứu và ấn phẩm học thuật về các diễn biến khu vực và quốc tế của các nhóm chuyên gia và các viện khoa học ASEAN; và

iv. Thúc đẩy hoạt động tuyên truyền và các hoạt động chung của các Cơ quan ASEAN và các nhóm liên quan trong ASEAN, trong đó có thanh niên và CSOs, ở cả cấp quốc gia và khu vực.

A.3. Truyền tải văn hóa hòa bình, trong đó có các giá trị ôn hòa và khoan dung như một lực tác động thúc đẩy hòa hợp, hòa bình và ổn định ở trong và ngoài khu vực

A.3.1 Thúc đẩy văn hóa hòa bình, trong đó có tôn trọng sự đa dạng, thúc đẩy khoan dung và hiểu biết về tín ngưỡng, tôn giáo và văn hóa

i. Khuyến khích sự tham gia tích cực của các đại diện liên quan ở đối thoại liên tín ngưỡng diễn ra tại và giữa các Quốc gia thành viên ASEAN nhằm truyền tải các giá trị khoan dung và ôn hòa tới các vùng miền;

ii. Đẩy mạnh sự tham gia của tất cả các thành viên trong cộng đồng, trong đó có thanh niên, vào các hoạt động liên quan đến việc thúc đẩy văn hóa hòa bình và ôn hòa, thông qua tổ chức các hội thảo và hội nghị và các hoạt động khác chiếu theo Tuyên bố Langkawi về Phong trào Ôn hòa Toàn cầu; và

iii. Tăng cường hơn nữa sự tương tác giữa các sáng kiến của ASEAN về khoan dung và ôn hòa, và các sáng kiến hiện có ở cấp khu vực và toàn cầu như Đối thoại liên Tín ngưỡng và Đối thoại giữa các Nền Văn minh, nhằm tăng tính hỗ trợ và xây dựng quan hệ đối tác.

A.3.2 Thúc đẩy khoan dung và ôn hòa để thu hẹp khác biệt, xoa dịu căng thẳng, giải quyết tranh chấp và chống chủ nghĩa cực đoan bạo lực dưới mọi hình thức và biểu hiện

i. Thúc đẩy giáo dục như một biện pháp hữu hiệu để truyền tải sự tôn trọng cuộc sống và các giá trị khoan dung và ôn hòa, phi bạo lực và hiểu biết

lẫn nhau nhằm ngăn ngừa sự lan rộng của chủ nghĩa cực đoan bạo lực và giải quyết tận gốc các nguyên nhân của nó;

ii. Khuyến khích trao đổi và đối thoại, tổ chức các chương trình tuyên truyền và đối thoại liên văn hóa để nhân rộng những tiếng nói ôn hòa;

iii. Khuyến khích Viện Hòa bình và Hòa giải ASEAN (AIPR) và Quỹ ASEAN tổ chức các hội thảo, hội nghị và các chương trình đào tạo phối hợp với Phong trào Ôn hòa Toàn cầu (GMM) và LHQ trong việc thúc đẩy những tiếng nói ôn hòa;

iv. Tiến hành hợp tác kỹ thuật với LHQ và các tổ chức khu vực liên quan, nếu phù hợp, để trao đổi kinh nghiệm và chuyên môn trong việc thúc đẩy khoan dung và ôn hòa;

v. Tiến hành các nghiên cứu nhằm thúc đẩy lòng ghép giới trong việc kiến tạo hòa bình, tiến trình hòa bình và giải quyết xung đột;

vi. Cung cấp không gian, hỗ trợ và các cơ chế để nuôi dưỡng những đối tượng lãnh đạo đang nổi lên từ các nhóm/giới khác nhau, trong đó có thanh niên và phụ nữ, để giúp tăng cường sức sáng tạo và sức sống trong ASEAN nhằm ứng phó hiệu quả các thách thức toàn cầu, trong đó có sự nổi lên của chủ nghĩa cực đoan bạo lực; và

vii. Chia sẻ các thực tiễn tốt và nghiên cứu tình huống thành công về các chính sách hội nhập và gắn kết giữa một bên là Quỹ ASEAN, AIPR và GMM với một bên là các bên Đối thoại và các đối tác bên ngoài khác, trong đó các tổ chức khu vực và quốc tế liên quan.

B. KHU VỰC HÒA BÌNH, AN NINH VÀ ỔN ĐỊNH

8. Để xây dựng một khu vực hòa bình, an ninh và ổn định, ASEAN áp dụng cách tiếp cận toàn diện về an ninh nhằm nâng cao năng lực ứng phó với các thách thức hiện có và đang nổi lên, giải quyết các tranh chấp và khác biệt bằng các biện pháp hòa bình, bảo đảm khu vực không có vũ khí hạt nhân và các vũ khí hủy diệt khác cũng như tăng cường an ninh và hợp tác hàng hải

9. Các thành tố chính của khu vực hòa bình, an ninh và ổn định gồm:

B.1. Củng cố năng lực của ASEAN xử lý các thách thức hiện có và đang nổi lên

B.1.1 Củng cố các cơ chế thuộc Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN

i. Tăng cường vai trò của Chủ tịch ASEAN như được quy định trong Hiến chương ASEAN, nhằm bảo đảm ASEAN ứng phó kịp thời và hiệu quả hơn trước các thách thức cụ thể;

ii. Tăng cường vai trò của Hội đồng Cộng đồng APSC và Chủ tịch Hội đồng Cộng đồng thông qua việc tập trung hơn vào các vấn đề chiến lược và thực chất và xử lý hiệu quả các vấn đề liên ngành và liên trụ cột thuộc thẩm quyền của mình;

iii. Tăng cường vai trò của Hội nghị các Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (AMM) và Chủ tịch AMM trong việc xử lý các thách thức hiện có và đang nổi lên, đặc biệt là những thách thức nảy sinh từ bối cảnh địa chính trị đang biến động nhanh chóng, và trong việc củng cố vai trò trung tâm của ASEAN;

iv. Tăng cường vai trò của Hội nghị các Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN (ADMM) và Chủ tịch ADMM trong việc thúc đẩy đối thoại an ninh và quốc phòng cũng như hợp tác thực tế nhằm tăng cường hòa bình, an ninh và ổn định khu vực;

v. Tăng cường vai trò của ALAWMM và Chủ tịch ALAWMM trong việc củng cố pháp luật và hợp tác pháp lý trong ASEAN và cung cấp tương trợ tư pháp và pháp lý giữa các Quốc gia Thành viên ASEAN nhằm hỗ trợ Cộng đồng ASEAN;

vi. Tăng cường vai trò của Hội nghị các Bộ trưởng ASEAN về Tội phạm Xuyên Quốc gia (AMMTC) và Chủ tịch AMMTC trong việc xử lý các tội phạm xuyên quốc gia hiện có và đang nổi lên, thông qua hợp tác và phối hợp với các Cơ quan liên quan khác của ASEAN;

vii. Tăng cường vai trò của Hội nghị các Bộ trưởng ASEAN về Ma túy (AMMD) và Chủ tịch AMMD trong việc đề ra các định hướng chiến lược nhằm hiện thực hóa một ASEAN Không Ma túy và củng cố hợp tác trong những vấn đề liên ngành liên quan đến ma túy;

viii. Tăng cường vai trò của Chủ tịch Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) trong việc tăng cường đối thoại và hợp tác về các vấn đề chính trị-an ninh thông qua thúc đẩy các biện pháp xây dựng lòng tin, các hoạt động ngoại giao phòng ngừa cũng như các sáng kiến giải quyết xung đột;

ix. Tăng cường vai trò của Tổng Thư ký ASEAN trong việc thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Hiến chương ASEAN và theo sự

giao phó của của các Quốc gia Thành viên ASEAN, trong đó có hỗ trợ Chủ tịch ASEAN triển khai các công việc cụ thể liên quan đến quan hệ đối ngoại và các trường hợp cứu trợ nhân đạo khẩn cấp; và

x. Tăng cường vai trò của Ủy ban các Đại diện Thường trực tại ASEAN (CPR) trong việc hỗ trợ công việc của Hội đồng Điều phối ASEAN (ACC), Hội đồng Cộng đồng APSC và các Cơ quan Bộ trưởng Chuyên ngành và tạo thuận lợi cho hợp tác của ASEAN với các đối tác bên ngoài.

B.1.2 Củng cố Hội nghị các Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN trong triển khai đối thoại chiến lược về các vấn đề an ninh và quốc phòng và hợp tác thực tế, trong khi tăng cường vai trò trung tâm của ASEAN trong tiến trình Hội nghị các Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng

i. Tăng cường đối thoại chiến lược trong khuôn khổ ADMM nhằm thúc đẩy hợp tác chặt chẽ hơn trong việc xử lý các vấn đề chung về an ninh và quốc phòng;

ii. Triển khai Chương trình Công tác của ADMM về hợp tác thực tế liên quan đến các vấn đề an ninh và quốc phòng thuộc quan tâm chung;

iii. Thúc đẩy trao đổi quan sát viên, kể cả các hình thức tham gia khác, từ các nước ADMM Mở rộng trong các diễn tập trong khuôn khổ ADMM Mở rộng về hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thảm họa (HADR) và diễn tập quân đội trên cơ sở tự nguyện, linh hoạt và không ràng buộc;

iv. Bảo đảm triển khai Đường dây Liên lạc Trực tiếp giữa tất cả các nước ADMM vì mục đích liên lạc hiệu quả và an toàn, và thúc đẩy sáng kiến thiết lập đường dây này tới các nước ADMM Mở rộng;

v. Thúc đẩy tăng cường hợp tác và phối hợp trong lĩnh vực quân y, trong đó có thông qua một Trung tâm Quân Y ASEAN;

vi. Triển khai công việc của ADMM Mở rộng, trong đó có các Kế hoạch Công tác của các Nhóm Công tác Chuyên gia ADMM Mở rộng trong các lĩnh vực về HADR, các hoạt động gìn giữ hòa bình, an ninh hàng hải, quân y, chống khủng bố và hành động nhân đạo, trong khi bảo đảm vai trò trung tâm của ASEAN trong tiến trình này; và

vii. Tiến hành kiểm điểm định kỳ các sáng kiến hiện có để tạo sự gắn kết giữa các ưu tiên hợp tác trong ADMM và ADMM Mở rộng với các vấn đề khu vực và quốc tế đang nổi lên thuộc quan tâm chung.

B.1.3 Củng cố tiến trình Diễn đàn Khu vực ASEAN nhằm hỗ trợ Cộng đồng ASEAN

i. Tăng cường ARF như một cơ chế theo định hướng hành động, đề ra các biện pháp ứng phó hiệu quả và cụ thể trước các thách thức chung đặt ra cho khu vực châu Á - Thái Bình Dương;

ii. Khuyến khích vai trò của Chủ tịch ARF như một đầu mối chia sẻ thông tin và phối hợp giữa các Bên Tham gia ARF vào khoảng thời gian giữa các hội nghị thường niên của ARF;

iii. Tăng cường vai trò của Tổng Thư ký ASEAN trong ARF, trong đó có củng cố hơn nữa bộ phận ARF trong Ban Thư ký ASEAN;

iv. Triển khai các quyết định của các Bộ trưởng ARF về đưa ARF tiến lên giai đoạn ngoại giao phòng ngừa, trong khi tiếp tục củng cố các biện pháp xây dựng lòng tin;

v. Xây dựng các chương trình hợp tác cụ thể và cùng có lợi, khi phù hợp, giữa ARF và các tổ chức quốc tế và khu vực liên quan, trong đó có các tổ chức thuộc hệ thống LHQ;

vi. Công nhận đóng góp của Nhóm Chuyên gia và các Nhân vật Nổi tiếng ARF đối với công việc của ARF và sử dụng các khuyến nghị của Nhóm này, nếu phù hợp, để củng cố ARF;

vii. Nâng cao năng lực của Hội nghị Những người đứng đầu các Học viện, Trường Đại học và Viện Nghiên cứu Quốc phòng ARF để thúc đẩy hợp tác quân đội và quốc phòng, trong đó có trao đổi các thực tiễn tốt; và

viii. Kiểm điểm các tiến trình và cơ chế ARF để củng cố hiệu quả và phối hợp của ARF, trong đó có tính đến hoạt động của các cơ chế liên quan khác.

B.1.4 Củng cố tiến trình Cấp cao Đông Á nhằm hỗ trợ Cộng đồng ASEAN

i. Tiếp tục bảo đảm Cấp cao Đông Á (EAS) là diễn đàn của các Lãnh đạo mang tính hướng ngoại và chiến lược nhằm thúc đẩy hòa bình và ổn định ở khu vực;

ii. Bảo đảm triển khai hiệu quả các hoạt động và dự án trong khuôn khổ hợp tác EAS ở tất cả các lĩnh vực ưu tiên;

iii. Tăng cường năng lực của Ban Thư ký ASEAN nhằm điều phối và triển khai hợp tác EAS, trong đó có củng cố bộ phận xử lý các vấn đề EAS; và

iv. Khuyến khích nâng cao sự phối hợp giữa Những Người Đứng đầu Phái đoàn Đại diện của EAS tại Jakarta nhằm củng cố hợp tác EAS và tạo thuận lợi triển khai hiệu quả các kết quả Hội nghị EAS.

B.1.5 Củng cố khuôn khổ hợp tác ASEAN+3 nhằm hỗ trợ Cộng đồng ASEAN

i. Củng cố tiến trình và hợp tác ASEAN+3 (APT) như một khuôn khổ chính để hiện thực hóa mục tiêu dài hạn về một cộng đồng Đông Á với ASEAN là lực lượng chủ đạo trong cấu trúc khu vực đang định hình;

ii. Bảo đảm triển khai hiệu quả và đúng hạn các hoạt động và biện pháp trong các Kế hoạch Công tác APT; và

iii. Triển khai các khuyến nghị phù hợp của Nhóm Tầm nhìn Đông Á (EAVG) II để tăng cường hợp tác APT.

B.2. Ứng phó kịp thời và hiệu quả với các vấn đề khẩn cấp hoặc tình huống khủng hoảng ảnh hưởng đến ASEAN

i. Hỗ trợ Chủ tịch ASEAN trong việc bảo đảm ứng phó hiệu quả và kịp thời trước các vấn đề khẩn cấp hoặc các tình huống khủng hoảng ảnh hưởng đến ASEAN, trong đó có đảm nhiệm làm bên thứ ba và các phương thức khác nhằm giải quyết ngay các mối quan ngại này;

ii. Tổ chức các cuộc họp đặc biệt của các Lãnh đạo Cấp cao, ở cấp Bộ trưởng, Quan chức Cao cấp hoặc CPR, kể cả thông qua phương thức hội nghị trực tuyến trong trường hợp các tình huống khủng hoảng ảnh hưởng đến ASEAN;

iii. Vận hành cơ chế ASEAN Troika để xử lý kịp thời các trường hợp khẩn cấp ảnh hưởng đến hòa bình và ổn định khu vực;

iv. Xem xét các phương thức và biện pháp hoặc các cơ chế phù hợp có thể được vận hành tức thời để xử lý các tình huống khẩn cấp ảnh hưởng đến ASEAN cũng như hòa bình và ổn định khu vực; và

v. Phát huy các cơ chế hiện có để nâng cao năng lực cảnh báo sớm nhằm ngăn ngừa xảy ra hoặc leo thang xung đột.

B.3. Tăng cường năng lực của ASEAN để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề an ninh phi truyền thống

B.3.1 Củng cố hợp tác xử lý và đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia

i. Hướng tới nâng cấp Hiệp định MLAT năm 2004 thành một hiệp định ASEAN;

ii. Xem xét việc các nước thứ ba tham gia Hiệp định MLAT năm 2004;

iii. Triển khai hiệu quả Chương trình Công tác triển khai Kế hoạch Hành động ASEAN về Đấu tranh Chống Tội phạm Xuyên Quốc gia bao gồm khủng bố, buôn bán ma túy, buôn người, vận chuyển trái phép vũ khí, cướp biển, rửa tiền, tội phạm kinh tế quốc tế và tội phạm mạng;

iv. Tăng cường hợp tác và phối hợp giữa các Cơ quan Chuyên ngành của ASEAN trong việc xử lý các tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có thông qua trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, đào tạo chung và các hoạt động liên quan khác;

v. Thúc đẩy hợp tác, phù hợp với các công ước quốc tế liên quan, xử lý các tội phạm xuyên gia khác đang nổi lên, trong đó có buôn bán trái phép động thực vật hoang dã và gỗ cũng như vận chuyển người trái phép;

vi. Tăng cường các chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức công chúng về chống tội phạm xuyên quốc gia;

vii. Củng cố hợp tác và cộng tác với tất cả các nhóm/giới liên quan, kể cả khu vực tư nhân, truyền thông và xã hội dân sự trong đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia;

viii. Củng cố năng lực của hệ thống tư pháp hình sự, trong đó có thẩm phán, công tố viên và công chức thực thi pháp luật trong đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia thông qua hợp tác trong ASEAN và với các tổ chức quốc tế và khu vực liên quan;

ix. Tăng cường hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật, trong đó có thông qua chia sẻ thông tin và tình báo, hỗ trợ lẫn nhau, tuân tra phối hợp và hoàn trả các khoản tiền có nguồn gốc tội phạm;

x. Tăng chia sẻ thông tin về các tội phạm xuyên quốc gia thông qua các cơ sở dữ liệu hiện có;

xi. Củng cố hợp tác trong việc đấu tranh và ngăn chặn tội phạm xuyên quốc gia, đặc biệt gian lận/giả mạo giấy tờ và giám sát các hoạt động tài chính bị tình nghi hỗ trợ cho các tội phạm này và các hoạt động khủng bố; và

xii. Tiếp tục hoạt động của ALAWMM trong việc tăng cường hợp tác về

vấn đề dẫn độ.

B.3.2 Tiếp tục tăng cường hợp tác chống khủng bố

i. Triển khai hiệu quả Công ước ASEAN về Chống Khủng bố và Kế hoạch Hành động Toàn diện ASEAN về Chống Khủng bố;

ii. nỗ lực phê chuẩn/gia nhập các văn kiện quốc tế liên quan về chống khủng bố;

iii. Củng cố hợp tác đẩy mạnh chương trình nghị sự về ôn hòa và các sáng kiến bài trừ cấp tiến nhằm loại trừ và xóa bỏ cấp tiến, cấp tiến hóa cá nhân và chủ nghĩa cực đoan trong ASEAN, trong đó có thông qua trao đổi kinh nghiệm và các thực tiễn tốt về bài trừ cấp tiến, cải tạo và tái giáo dục nhằm ngăn ngừa và ngăn chặn các hoạt động khủng bố;

iv. Tăng cường hợp tác khu vực và liên khu vực nhằm hỗ trợ các sáng kiến về xử lý và đấu tranh chống nguyên nhân gốc rễ của khủng bố và các điều kiện thuận lợi cho khủng bố, chủ nghĩa cực đoan bạo lực và chủ nghĩa cấp tiến;

v. Củng cố hợp tác khu vực và liên khu vực nhằm ngăn chặn và ngăn ngừa sự di chuyển của các phần tử khủng bố nước ngoài;

vi. Tăng cường hợp tác và cộng tác giữa Trung tâm Jakarta về Hợp tác Thực thi Pháp luật, Viện Thực thi Pháp luật Quốc tế, và Trung tâm Chống Khủng bố Khu vực Đông Nam Á và các trung tâm liên quan khác ở ASEAN và các khu vực khác nhằm tiếp tục xây dựng các chiến lược, phương pháp và phương thức mới về chống khủng bố;

vii. Tiếp tục xây dựng năng lực cho các cơ quan tình báo tài chính/các cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan liên quan khác tham gia vào các nỗ lực chống rửa tiền/chống tài trợ cho khủng bố, nhằm phát hiện, phân tích và điều tra hiệu quả hơn các phi vụ rửa tiền có nguồn gốc tội phạm, phù hợp với các Khuyến nghị của Nhóm Đặc trách Hoạt động Tài chính;

viii. Tiếp tục chia sẻ kinh nghiệm và chuyên môn về triển khai và thực thi các luật chống khủng bố, trong đó có thông qua các hội thảo và hội nghị quốc tế;

ix. Tăng cường các mối liên kết giữa các cơ quan chống khủng bố và các lực lượng phản ứng nhanh chống khủng bố cũng như nâng cao nhận thức và hiểu biết về cơ cấu lực lượng chống khủng bố ở từng Quốc gia Thành viên ASEAN;

x. Khuyến khích hợp tác và phối hợp trong các vấn đề chống khủng bố có sự tham gia của các cơ quan chính phủ về thực thi pháp luật, vũ trang và phi vũ trang;

xi. Cùng cố hợp tác với các Bên Đối thoại ASEAN và các tổ chức quốc tế liên quan về chống khủng bố, trong đó có các cơ quan của LHQ, thông qua các sáng kiến và dự án khác nhau; và

xii. Đẩy mạnh chia sẻ thông tin về các tổ chức khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có về các phương thức hoạt động, động thái, các hoạt động tài trợ cho khủng bố và các hoạt động phi pháp liên quan khác như buôn lậu và sử dụng sai phép vũ khí và chất nổ, như các Chất Hóa học, Sinh học, Phóng xạ, Hạt nhân và Vật liệu Nổ (CBRNE).

B.3.3 Theo đuổi ước muốn về một “ASEAN Không Ma túy”

i. Cùng cố vai trò của AMMD trong việc điều phối một chiến lược ASEAN hiệu quả, toàn diện và nhất quán nhằm hiện thực hóa ước muốn về một ASEAN Không Ma túy;

ii. Tiếp tục nỗ lực hướng tới một ASEAN Không Ma túy, biểu hiện cho sự tự cường và cam kết của ASEAN về bảo vệ người dân và các cộng đồng dân cư trước các chất ma túy trái phép;

iii. Tăng cường các biện pháp ngăn chặn sản xuất, buôn lậu và lạm dụng các chất ma túy trái phép, cũng như kiểm soát việc nhập và xuất khẩu các tiền chất hóa học;

iv. Xây dựng các chiến lược tổng thể, thống nhất và cân bằng về cắt giảm cả mức cung và cầu, nhằm đạt sự cân bằng giữa các cách tiếp cận điều trị và phục hồi cũng như cách tiếp cận thực thi pháp luật trong đấu tranh chống tội phạm ma túy;

v. Xây dựng các tiêu chuẩn và thực tiễn tốt trên cơ sở thực chứng về xây dựng chính sách và can thiệp nhằm ngăn ngừa và kiểm soát ma túy và các biện pháp liên quan khác;

vi. Chia sẻ thực tiễn tốt và thúc đẩy các chương trình giáo dục và kêu gọi ủng hộ hướng tới tất cả các thành phần trong xã hội, đặc biệt là thanh niên;

vii. Tăng cường năng lực thí nghiệm khoa học của các Quốc gia Thành viên ASEAN về nhận diện tiền chất hóa học và phân tích liều lượng ma túy để phục vụ hoạt động tình báo và thực thi các quy định về ma túy;

viii. Thúc đẩy vai trò của Trung tâm Hợp tác ASEAN về Chất Gây nghiện trong việc tăng cường mạng lưới và chia sẻ thông tin và tình báo giữa các cơ quan thực thi pháp luật về ma túy của các Quốc gia Thành viên ASEAN;

ix. Củng cố năng lực của hệ thống tư pháp hình sự, bao gồm thẩm phán, công tố viên và các công chức thực thi pháp luật về quản lý ma túy;

x. Xây dựng các kế hoạch công tác của các Quan chức Cao cấp ASEAN về Ma túy hướng tới đạt được ước muốn của khu vực về một ASEAN Không Ma túy;

xi. Tăng cường hợp tác với các đối tác bên ngoài, trong đó có các Bên Đối thoại và các tổ chức quốc tế, về đấu tranh chống buôn bán ma túy và các tội phạm liên quan đến ma túy;

xii. Xây dựng các thỏa thuận pháp lý song phương hoặc đa phương về chống buôn bán ma túy và các tiền chất hóa học;

xiii. Thúc đẩy chia sẻ thông tin liên quan đến hồ sơ của các tổ chức tội phạm ma túy cũng như danh sách theo dõi các hoạt động liên quan đến ma túy của các nhóm đó; và

xiv. Chuyển giao tri thức về các thực tiễn tốt trong quản lý và tiêu hủy các tiền chất hóa học và các hóa chất tham gia sản xuất ma túy.

B.3.4 Tăng cường hợp tác chống buôn bán người và vận chuyển người trái phép

i. Bảo đảm sớm phê chuẩn Công ước ASEAN về Chống Buôn bán người, đặc biệt là Phụ nữ và Trẻ em và việc triển khai hiệu quả Công ước, cũng như thực hiện Kế hoạch Hành động của ASEAN về Chống Buôn bán Người, đặc biệt là Phụ nữ và Trẻ em;

ii. Khuyến khích phê chuẩn và thực hiện Công ước LHQ về Chống Tội phạm Xuyên Quốc gia có Tổ chức, cũng như Nghị định thư về Chống Lao động Di cư Di chuyển Trái phép qua Đường bộ, Đường biển và Đường không và Nghị định thư về Ngăn ngừa, Ngăn chặn và Trừng phạt Tội phạm Buôn bán người, đặc biệt là Phụ nữ và Trẻ em;

iii. Củng cố hiệu quả của tư pháp hình sự cũng như các biện pháp ngăn ngừa nạn buôn người, trong đó tính đến sự cần thiết bảo vệ nạn nhân của nạn buôn người phù hợp với các văn kiện liên quan của ASEAN và các công ước và nghị định thư quốc tế liên quan khác về buôn bán người khi phù hợp; và

iv. Tăng cường hợp tác với các Bên Đối thoại và các đối tác bên ngoài khác về chống buôn bán người và vận chuyển người trái phép.

B.3.5 Hướng tới xóa bỏ vận chuyển trái phép vũ khí hạng nhẹ và vũ khí cỡ nhỏ

i. Thúc đẩy các Cơ quan Chuyên ngành liên quan thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm ngăn ngừa, đấu tranh và xóa bỏ việc buôn bán trái phép vũ khí hạng nhẹ và vũ khí cỡ nhỏ dưới tất cả các hình thức, phù hợp với Chương trình Hành động LHQ về Ngăn ngừa, Đấu tranh và Xóa bỏ Buôn bán Trái phép các Vũ khí Hạng nhẹ và Vũ khí cỡ Nhỏ dưới Tất cả Hình thức cũng như Văn kiện Quốc tế Cho phép các Quốc gia Xác định và Truy tìm, một cách Kịp thời và Tin cậy, các Vũ khí Hạng nhẹ và Vũ khí Cỡ nhỏ Trái phép; và

ii. Nỗ lực ngăn chặn vận chuyển trái phép vũ khí thông qua các sáng kiến khu vực.

B.3.6 Củng cố hợp tác đấu tranh chống tội phạm mạng

i. Củng cố hợp tác đấu tranh chống tội phạm mạng, trong đó có chia sẻ kịp thời các thông tin và thực tiễn tốt liên quan giữa các cơ quan thực thi pháp luật, có tính đến nhu cầu xây dựng hoặc cải thiện năng lực và các luật phù hợp để xử lý tội phạm mạng;

ii. Củng cố năng lực của các cơ quan tư pháp hình sự trong việc áp dụng các luật và quy định về tội phạm mạng và chứng cứ điện tử;

iii. Thúc đẩy đào tạo thực thi pháp luật về an ninh mạng và tội phạm mạng;

iv. Củng cố quan hệ đối tác công-tư để tăng cường chia sẻ thông tin giữa khu vực tư nhân và các cơ quan thực thi pháp luật nhằm xác định và giảm nhẹ các mối đe dọa từ tội phạm mạng; và

v. Nâng cao nhận thức và hiểu biết của các Quốc gia Thành viên ASEAN về tội phạm mạng và khủng bố mạng.

B.3.7 Củng cố hợp tác về quản lý biên giới

i. Củng cố hợp tác về quản lý biên giới, phù hợp với nội luật và chính sách của từng nước, nhằm cùng xử lý các vấn đề thuộc quan tâm chung, trong đó có giả mạo các giấy tờ nhận diện và đi lại, cũng như xem xét việc sử dụng các công nghệ phù hợp để quản lý biên giới hiệu quả hơn nhằm ngăn chặn sự

di chuyển của tội phạm và khủng bố; và

ii. Xem xét, khi phù hợp, tiến hành tuần tra biên giới phối hợp và thanh tra phối hợp giữa các Quốc gia Thành viên ASEAN để chống tội phạm xuyên quốc gia, đặc biệt buôn bán ma túy, buôn bán người và vận chuyển trái phép hàng hóa, người và vũ khí, phù hợp với nội luật, quy định, quy tắc và chính sách của các Quốc gia Thành viên ASEAN.

B.3.8 Củng cố hợp tác ASEAN về quản lý thảm họa và ứng phó khẩn cấp

i. Tăng cường ứng phó chung sớm và hiệu quả ở cả cấp chính trị và thực thi trong việc vận hành các thỏa thuận ASEAN về quản lý thảm họa nhằm hỗ trợ các nước bị ảnh hưởng trong các thảm họa nghiêm trọng;

ii. Thực hiện đầy đủ Hiệp định ASEAN về Quản lý Thảm họa và Ứng phó Khẩn cấp (AADMER) như một diễn đàn chung chủ đạo về quản lý thảm họa ở khu vực;

iii. Tăng cường vai trò then chốt của Trung tâm Điều phối ASEAN về Hỗ trợ Nhân đạo là một cơ quan điều phối ASEAN về quản lý thảm họa ở khu vực và khi phù hợp, hợp tác với các cơ quan và trung tâm liên quan ở quốc gia, khu vực và quốc tế như Cơ quan Ứng phó Nhân đạo LHQ, Trung tâm Sẵn sàng Ứng phó Thảm họa châu Á, Trung tâm Điều phối Khu vực HADR và Văn phòng LHQ Điều phối các Hoạt động Nhân đạo;

iv. Triển khai đầy đủ SOP về Điều phối và Bố trí Phòng bị Khu vực trong các Hoạt động Chung Ứng phó Khẩn cấp và Cứu trợ Thảm họa nhằm tổ chức các chiến dịch cứu trợ chung cho những khu vực bị ảnh hưởng bởi thảm họa ở các Quốc gia Thành viên ASEAN, phù hợp với AADMER;

v. Tăng cường phối hợp quân-dân sự trong ứng phó hiệu quả và kịp thời với các tình huống khẩn cấp và thiên tai nghiêm trọng;

vi. Thúc đẩy phối hợp đồng bộ về quản lý thảm họa giữa ASEAN với các cơ chế do ASEAN dẫn dắt như ARF, APT, EAS và ADMM Mở rộng, với Ủy ban Quản lý Thảm họa ASEAN giữ vai trò dẫn dắt trong tiến trình này; và

vii. Bảo đảm nội dung giảm nhẹ nguy cơ thảm họa được lồng ghép vào các chiến lược của ASEAN về quản lý thiên tai và ứng phó khẩn cấp.

B.3.9 Tăng cường năng lực ASEAN xử lý các tội phạm xuyên quốc gia và thách thức xuyên biên giới

i. Cùng cố các cơ chế hiện có của ASEAN để xem xét quản lý ngăn ngừa nhằm xử lý hiệu quả các thách thức mới này, trong đó có hợp tác với các Bên Đối thoại, LHQ và các cơ quan liên quan khác với sự đồng ý của các nước liên quan;

ii. Tổ chức các hội nghị đặc biệt, nếu và khi cần thiết, ở cấp Quan chức Cao cấp để xử lý các thách thức mang bản chất xuyên quốc gia hoặc xuyên biên giới như ô nhiễm khói mù, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia có tổ chức, di chuyển người bất thường, chất thải độc hại, sự cố tràn dầu, buôn bán trái phép gỗ và các động thực vật hoang dã; và

iii. Thúc đẩy nghiên cứu bởi các nhóm chuyên gia, các trường đại học và các viện nghiên cứu liên quan khác để xác định các thách thức xuyên biên giới mới nảy sinh từ các vấn đề an ninh phi truyền thống.

B.4. Giải quyết các khác biệt và tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với Hiến chương ASEAN và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, trong đó có không đe dọa sử dụng hoặc sử dụng vũ lực cũng như áp dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp hòa bình, đồng thời củng cố các biện pháp xây dựng lòng tin, thúc đẩy các hoạt động ngoại giao phòng ngừa và các sáng kiến giải quyết xung đột

B.4.1 Thúc đẩy các biện pháp xây dựng lòng tin và các hoạt động ngoại giao phòng ngừa

i. Thúc đẩy trao đổi và hợp tác giữa các quan chức quốc phòng và trao đổi đoàn giữa các cơ sở đào tạo quân đội để tăng cường lòng tin và hiểu biết lẫn nhau;

ii. Thúc đẩy tiến trình ARF hướng tới giai đoạn ngoại giao phòng ngừa, thông qua triển khai hiệu quả Kế hoạch Công tác Ngoại giao Phòng ngừa 2011, đồng thời tiếp tục các biện pháp xây dựng lòng tin;

iii. Tập hợp các thực tiễn tốt về các biện pháp xây dựng lòng tin, ngoại giao phòng ngừa và giải quyết xung đột để ARF phát triển thêm;

iv. Thăm dò và xem xét khả năng trung gian/đối thoại điều giải và khả năng hòa giải trong khuôn khổ tiến trình ARF với sự đồng ý của tất cả các bên liên quan trực tiếp; và

v. Xác định và thiết lập đối tác trên cơ sở đồng thuận với các tổ chức, như LHQ, về các chương trình xây dựng năng lực ngoại giao phòng ngừa, chia sẻ

kinh nghiệm và đào tạo trong khuôn khổ ARF.

B.4.2 Thúc đẩy minh bạch và hiểu biết hơn về các chính sách quốc phòng và quan điểm an ninh

i. Tổ chức tự nguyện các buổi thông báo về các diễn biến chính trị và an ninh ở khu vực;

ii. Tham vấn và thúc đẩy hợp tác về các vấn đề an ninh và quốc phòng khu vực giữa ASEAN với các bên Đối thoại cũng như các đối tác bên ngoài khác, kể cả thông qua ADMM Mở rộng;

iii. Tiếp tục đóng góp và xuất bản thường niên Viễn cảnh An ninh ASEAN và Viễn cảnh An ninh ARF cũng như khuyến khích công bố sách trắng quốc phòng của các Quốc gia Thành viên ASEAN và các bên Đối thoại nhằm làm sâu sắc sự tin tưởng và hiểu biết lẫn nhau giữa các nước trong và ngoài khu vực; và

iv. Tăng cường sự tham gia hiệu quả của các quan chức quốc phòng ARF trong các hoạt động ARF.

B.4.3 Phát huy các phương thức hiện có về giải quyết hòa bình các tranh chấp và xem xét củng cố các phương thức đó bằng các cơ chế bổ sung, nếu cần

i. Tăng cường vai trò xây dựng của ASEAN và thúc đẩy cách tiếp cận dựa trên luật lệ trong việc giải quyết hòa bình các tranh chấp phù hợp với Hiến chương ASEAN, Hiệp ước TAC và các văn kiện liên quan khác của ASEAN cũng như các nguyên tắc của luật pháp quốc tế; và

ii. Áp dụng Nghị định thư Hiến chương ASEAN về các Cơ chế Giải quyết Tranh chấp và các Quy chế liên quan (Quy chế Bên thứ ba, Quy chế Trung gian, Quy chế Hòa giải và Quy chế Trọng tài).

B.4.4 Củng cố các hoạt động nghiên cứu về hòa bình, quản lý xung đột và giải quyết xung đột

i. Tận dụng hiệu quả Viện AIPR phù hợp với TOR của Viện, trong đó có tiến hành các nghiên cứu thúc đẩy lồng ghép giới vào việc kiến tạo hòa bình, tiến trình hòa bình và giải quyết xung đột cũng như thúc đẩy cộng tác và xây dựng mạng lưới giữa AIPR với các viện nghiên cứu liên quan;

ii. Tổ chức các hội thảo và hội nghị khu vực và quốc tế về các biện pháp xây dựng lòng tin, ngoại giao phòng ngừa, ngăn ngừa xung đột, giải quyết

xung đột và kiến tạo hòa bình sau xung đột; và

iii. Củng cố năng lực và hợp tác giữa các viện nghiên cứu và viện khoa học, đặc biệt Mạng lưới ASEAN-ISIS và Hội đồng Hợp tác An ninh châu Á Thái Bình Dương trong các vấn đề về quản lý và giải quyết xung đột.

B.4.5 Thúc đẩy sự tham gia tích cực của các Quốc gia Thành viên ASEAN vào các nỗ lực gìn giữ hòa bình và kiến tạo hòa bình sau xung đột phù hợp với năng lực của các Quốc gia Thành viên ASEAN

i. Thúc đẩy Trung tâm Khu vực ASEAN về Khắc phục Bom mìn nghiên cứu, lập hồ sơ dữ liệu và chia sẻ các thực tiễn tốt về xử lý các khía cạnh nhân đạo trong vấn đề mìn mạt đất và vật nổ sót lại sau chiến tranh;

ii. Khuyến khích thêm các Quốc gia Thành viên ASEAN tham gia các nỗ lực của LHQ về gìn giữ hòa bình và kiến tạo hòa bình sau xung đột ở ngoài khu vực trên cơ sở linh hoạt, tự nguyện và không ràng buộc;

iii. Tận dụng và củng cố Mạng lưới các Trung tâm Gìn giữ Hòa bình ASEAN để chia sẻ các thực tiễn tốt và tăng cường xây dựng năng lực, trong đó có nêu bật các đóng góp của các Quốc gia Thành viên ASEAN tại LHQ;

iv. Kiểm điểm và thăm dò khả năng xây dựng một cơ sở dữ liệu, nếu phù hợp, về năng lực gìn giữ hòa bình và kiến tạo hòa bình sau xung đột của các Quốc gia Thành viên ASEAN có tham gia;

v. Tăng cường đối thoại và hợp tác với các trung tâm gìn giữ hòa bình, viện khoa học và nhóm chuyên gia ở các khu vực khác cũng như của LHQ và các tổ chức quốc tế và khu vực khác về gìn giữ hòa bình, thông qua chia sẻ thông tin về các thực tiễn tốt cũng như xây dựng năng lực về gìn giữ hòa bình và kiến tạo hòa bình sau xung đột;

vi. Thúc đẩy hợp tác và phối hợp giữa các Quốc gia Thành viên ASEAN tham gia vào các nỗ lực gìn giữ hòa bình và kiến tạo hòa bình sau xung đột của LHQ;

vii. Khuyến khích đóng góp của các Quốc gia Thành viên ASEAN về cứu trợ nhân đạo nhằm hỗ trợ các nỗ lực gìn giữ hòa bình và kiến tạo hòa bình sau xung đột của LHQ ở ngoài khu vực;

viii. Thúc đẩy các chương trình phát triển nguồn nhân lực và xây dựng năng lực trong các nỗ lực kiến tạo hòa bình sau xung đột:

- a) Xây dựng các quy định hướng dẫn về đánh giá nhu cầu xây dựng năng lực và đào tạo;
- b) Xác định các chủ đề đào tạo ưu tiên;
- c) Thiết kế các chương trình đào tạo theo các chủ đề ưu tiên đã được xác định và xây dựng tài liệu đào tạo;
- d) Triển khai các chương trình thường niên trong từng lĩnh vực mục tiêu;
- e) Xây dựng các chương trình hợp tác với các đối tác bên ngoài và các thể chế tài chính liên quan nhằm thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực và xây dựng năng lực trong lĩnh vực kiến tạo hòa bình và tái thiết sau xung đột; và
- f) Hướng tới xây dựng một chương trình đào tạo có hệ thống dành cho các nhà giáo dục cộng đồng chính thống trong lĩnh vực giáo dục hòa bình và hòa giải theo hướng có thể hình thành khái niệm và đưa vào triển khai.

ix. Tiến hành các hoạt động hoạch định và đào tạo chung trong ARF và ADMM Mở rộng, trong đó có diễn tập sa bàn và lập kế hoạch theo kịch bản về diễn tập các hoạt động gìn giữ hòa bình, nếu và khi phù hợp, với sự đồng thuận của các bên tham gia.

B.4.6 Thúc đẩy và củng cố các giá trị định hướng hòa bình

- i. Tiếp tục tiến hành các nghiên cứu nhằm gia tăng hợp tác về hòa giải và củng cố hơn nữa các giá trị định hướng hòa bình;
- ii. Thúc đẩy sự tham gia của công chúng vào phát triển hợp tác trong lĩnh vực tái thiết và phục hồi sau xung đột, kể cả khuyến khích các ý kiến đóng góp toàn diện từ giới học giả, truyền thông, các tổ chức phi chính phủ, xã hội dân sự và các nhóm cộng đồng; và
- iii. Thúc đẩy sự hiểu biết giữa các cộng đồng thông qua các hoạt động trao đổi.

B.5. Duy trì Đông Nam Á là khu vực không vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí hủy diệt khác, đồng thời đóng góp vào các nỗ lực toàn cầu về giải trừ quân bị, không phổ biến, và sử dụng hòa bình năng lượng hạt nhân

B.5.1 Bảo đảm triển khai hiệu quả Hiệp ước Khu vực Đông Nam Á Không Vũ khí Hạt nhân (SEANFWZ) và Kế hoạch Hành động của Hiệp ước

i. Tăng cường hoạt động của Ủy ban Khu vực Đông Nam Á Không Vũ khí Hạt nhân (SEANFWZ) để bảo đảm triển khai hiệu quả Hiệp ước SEANFWZ và Kế hoạch Hành động SEANFWZ thông qua các dự án/chương trình công tác cụ thể;

ii. Đẩy mạnh các nỗ lực hiện có của các Quốc gia Thành viên Hiệp ước SEANFWZ và các Nước có Vũ khí Hạt nhân giải quyết tất cả các vấn đề tồn đọng liên quan đến việc ký kết và phê chuẩn Nghị định thư SEANFWZ phù hợp với mục tiêu và nguyên tắc của Hiệp ước SEANFWZ trong thời gian sớm nhất;

iii. Tiếp tục đệ trình hai năm một lần Nghị quyết SEANFWZ lên Ủy ban I của Đại hội đồng LHQ;

iv. Thúc đẩy tăng cường vai trò của SEANFWZ và các Quốc gia Thành viên Hiệp ước tại các diễn đàn và khuôn khổ đa phương liên quan về giải trừ quân bị và không phổ biến, trong đó có Hội nghị Kiểm điểm Hiệp ước Không phổ biến Vũ khí Hạt nhân; và

v. Khuyến khích tất cả các Quốc gia Thành viên ASEAN tham gia các văn kiện liên quan như Hiệp ước Cấm Thử Hạt nhân Toàn diện và các Nghị định thư Bổ sung của Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA).

B.5.2 Xây dựng cách tiếp cận phối hợp của ASEAN về tăng cường an toàn hạt nhân, thông qua hợp tác với Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế và các đối tác liên quan khác

i. Chính thức hóa quan hệ giữa ASEAN với IAEA;

ii. Thúc đẩy sử dụng hòa bình năng lượng hạt nhân tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn, an ninh và bảo hộ của IAEA;

iii. Thăm dò các dự án nghiên cứu và phát triển chung về công nghệ hạt nhân dân sự với các tổ chức quốc tế, như IAEA, thông qua các hội thảo, hội nghị và trao đổi chuyên gia;

iv. Khuyến khích tham gia Công ước về Trợ giúp trong Trường hợp xảy ra Tai nạn Hạt nhân hoặc Sự cố Phóng xạ Khẩn cấp, Công ước An toàn Hạt nhân và Công ước về Thông báo Sớm Sự cố Hạt nhân; và

v. Cùng cố Mạng lưới Cơ quan Pháp quy Năng lượng Hạt nhân ASEAN và xây dựng quan hệ đối tác với các cơ quan pháp quy hạt nhân ở các khu vực khác và các tổ chức quốc tế liên quan nhằm góp phần vào việc không phổ biến

vũ khí hạt nhân, duy trì các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn và an ninh hạt nhân, ngăn ngừa các sự cố liên quan đến hạt nhân và bảo vệ chống lại khủng bố hạt nhân;

B.5.3 Ứng hộ việc thành lập các khu vực không vũ khí hạt nhân

i. Tăng cường nhận thức về các khu vực không vũ khí hạt nhân và đẩy mạnh hợp tác và phối hợp giữa các khu vực không vũ khí hạt nhân hiện có và Mông Cổ, thông qua chia sẻ các kinh nghiệm và thực tiễn tốt nhằm hiện thực hóa một thế giới không vũ khí hạt nhân; và

ii. Thúc đẩy sự tham gia và vai trò xây dựng của ASEAN tại Hội nghị các Quốc gia Thành viên và Bên Ký kết các Hiệp ước nhằm Thiết lập các Khu vực Không Vũ khí Hạt nhân và Mông Cổ.

B.5.4 Thúc đẩy giải trừ quân bị và không phổ biến các vũ khí hủy diệt hàng loạt, đồng thời tăng cường năng lực của ASEAN xử lý các tai nạn ngẫu nhiên/cố ý về rò rỉ các chất/hóa chất độc hại của các vũ khí hủy diệt hàng loạt

i. Thúc đẩy phổ quát hóa các văn kiện quốc tế hiện có liên quan đến giải trừ quân bị và không phổ biến các vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD), kể cả các phương tiện vận chuyển và các vật liệu liên quan và thực hiện hiệu quả các văn kiện quốc tế liên quan, đồng thời tăng cường hợp tác khu vực và đa phương trong lĩnh vực này;

ii. Tăng cường hợp tác xử lý phổ biến WMD bằng cách khuyến khích thông qua và triển khai các quy định kiểm soát xuất khẩu hiệu quả phù hợp với các nghĩa vụ và thực tiễn quốc tế liên quan;

iii. Thúc đẩy hợp tác duy trì Đông Nam Á là khu vực không có tất cả các vũ khí WMD khác và các mối đe dọa CBRNE;

iv. Tăng cường năng lực xử lý các sự cố ngẫu nhiên/cố ý về rò rỉ các chất/hóa chất độc hại của WMD thông qua cộng tác với các tổ chức quốc tế và các đối tác bên ngoài liên quan; và

v. Tăng cường hợp tác xử lý tác động của vũ khí hạt nhân đối với con người, nhằm củng cố các tiêu chuẩn và chuẩn mực quốc tế thúc đẩy một thế giới không vũ khí hạt nhân.

B.6. Tăng cường an ninh hàng hải và thúc đẩy hợp tác hàng hải trong và ngoài khu vực ASEAN thông qua củng cố các cơ chế do ASEAN dẫn dắt và thông qua các công ước và nguyên tắc về hàng hải được quốc tế công nhận

B.6.1 Duy trì Biển Đông là vùng biển hòa bình, thịnh vượng và hợp tác

i. Tiếp tục thông lệ hiện nay của ASEAN về tham vấn chặt chẽ giữa các Quốc gia Thành viên ASEAN về các vấn đề liên quan đến Biển Đông, kể cả về Tuyên bố về Quy tắc Ứng xử của các Bên ở Biển Đông (DOC) và Bộ Quy tắc Ứng xử ở Biển Đông (COC);

ii. Đẩy mạnh đối thoại và tham vấn giữa ASEAN và Trung Quốc về các vấn đề liên quan đến Biển Đông;

iii. Bảo đảm triển khai đầy đủ và hiệu quả DOC, trong đó có giám sát và đánh giá hiệu quả việc triển khai DOC;

iv. Đẩy mạnh đàm phán giữa ASEAN và Trung Quốc để sớm thông qua COC và bảo đảm việc thực hiện COC đầy đủ và hiệu quả;

v. Giải quyết các tranh chấp lãnh thổ và quyền tài phán giữa các bên liên quan bằng các biện pháp hòa bình, không đe dọa sử dụng hoặc sử dụng vũ lực, thông qua tham vấn và đàm phán hữu nghị giữa các quốc gia có chủ quyền liên quan trực tiếp, phù hợp với các nguyên tắc được công nhận rộng rãi của luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước LHQ về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS);

vi. Tất cả các bên thực hiện tự kiềm chế, không tiến hành các hoạt động làm phức tạp hoặc leo thang tranh chấp và ảnh hưởng đến hòa bình và ổn định, kể cả không tiến hành các hoạt động chiếm đóng các đảo, bãi đá ngầm, bãi cát ngầm, dải đá ngầm và những cấu trúc khác hiện chưa có người sinh sống;

vii. Tiến hành các hoạt động, biện pháp và dự án hợp tác chung có khả năng như được quy định trong DOC trên cơ sở đồng thuận giữa các bên liên quan và sẽ dẫn tới kết quả cuối cùng là đạt được COC;

viii. Thăm dò hoặc tiến hành các hoạt động hợp tác giữa các bên liên quan về bảo vệ môi trường biển;

ix. Thăm dò hoặc tiến hành các hoạt động hợp tác giữa các bên liên quan về nghiên cứu khoa học biển và các hoạt động khác theo thỏa thuận;

x. Bảo đảm tự do hàng hải và hàng không ở Biển Đông phù hợp với các nguyên tắc được công nhận rộng rãi của luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS năm 1982;

xi. Thúc đẩy và tăng cường lòng tin và sự tin tưởng giữa ASEAN và Trung Quốc, trong đó có thông qua triển khai hiệu quả các biện pháp thu

hoạch sớm theo thỏa thuận;

xii. Đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia, bao gồm, nhưng không giới hạn, buôn lậu ma túy, cướp biển, cướp có vũ trang ở biển và buôn bán vũ khí trái phép;

xiii. Theo đuổi tiếp các biện pháp xây dựng lòng tin và ngoại giao phòng ngừa ở Biển Đông, trong đó có xây dựng SOP để ngăn ngừa các sự cố như va chạm ngoài ý muốn ở biển; và

xiv. Thúc đẩy chia sẻ các bài học và thực tiễn tốt liên quan đến giải quyết tranh chấp hàng hải và hợp tác hàng hải.

B.6.2 Thúc đẩy hợp tác hàng hải để xử lý toàn diện các vấn đề hàng hải

i. Tăng cường phối hợp giữa các cơ chế của ASEAN về hợp tác hàng hải, như Diễn đàn Biển ASEAN, để xử lý toàn diện các vấn đề hàng hải;

ii. Thúc đẩy đối thoại và hợp tác về các vấn đề hàng hải giữa các cơ chế khác do ASEAN dẫn dắt, như Diễn đàn Biển ASEAN Mở rộng, trong khi bảo đảm vai trò trung tâm của ASEAN;

iii. Tăng cường an toàn và an ninh hàng hải ở khu vực nhằm bảo đảm kết nối hàng hải rộng lớn hơn, trên cơ sở các tuyến đường liên lạc trên biển an toàn và an ninh và tự do hàng hải;

iv. Tăng cường hợp tác an ninh hàng hải, đặc biệt thực thi luật hàng hải, trong đó có thông qua chia sẻ thông tin, để xác định các thách thức an ninh hàng hải và các tác động có thể có đối với hòa bình và an ninh khu vực;

v. Thúc đẩy liên kết giữa các cơ chế quốc gia, khu vực và quốc tế về hợp tác hàng hải, đặc biệt trong đấu tranh chống cướp biển và cướp tàu có vũ trang;

vi. Thúc đẩy hợp tác hàng hải chặt chẽ hơn trong việc bảo vệ và gìn giữ môi trường biển, trong đó có sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên biển và bảo vệ đa dạng sinh học;

vii. Mở rộng hợp tác hàng hải ASEAN để đấu tranh hiệu quả chống các tội phạm xuyên quốc gia như khủng bố hàng hải, vận chuyển trái phép hàng hóa, người và vũ khí, buôn lậu ma túy, buôn bán người, cướp biển, bắt cóc, cướp tàu có vũ trang, cũng như giải quyết các thách thức xuyên biên giới, trong đó có các sự cố tràn dầu, đánh bắt cá trái phép, không khai báo và không được kiểm soát, thông qua các hoạt động cụ thể và thiết thực, trong khi bảo đảm duy

trì các kênh báo cáo tương ứng;

viii. Củng cố hợp tác ASEAN tăng cường nhận thức về hàng hải và tác động gia tăng của vấn đề này đối với an ninh, an toàn, kinh tế và môi trường ở khu vực;

ix. Tăng cường hợp tác về an toàn hàng hải và tìm kiếm cứu nạn, cũng như củng cố thực hiện Tuyên bố ASEAN về Hợp tác Tìm kiếm và Cứu nạn Người và Tàu thuyền Gặp nạn ở Biển, thông qua các hoạt động như chia sẻ thông tin, hợp tác kỹ thuật, trao đổi đoàn giữa các cơ quan liên quan, diễn tập sa bàn và diễn tập huấn luyện hiện trường ở biển, cũng như cộng tác với các bên Đối thoại và các tổ chức quốc tế hàng hải liên quan;

x. Củng cố các cơ chế hợp tác hàng hải hiện có, thông qua hợp tác với các đối tác liên quan bên ngoài, nhằm nâng cao năng lực đấu tranh chống các hoạt động trái phép ở biển;

xi. Tăng cường hợp tác với các đối tác liên quan bên ngoài về chống cướp biển trong các trường hợp ảnh hưởng đến người dân của các Quốc gia Thành viên ASEAN ở các khu vực khác; và

xii. Củng cố và mở rộng các hoạt động xây dựng năng lực của các cơ quan thực thi pháp luật về hàng hải ở khu vực, trong đó có thông qua cộng tác với các đối tác bên ngoài, đặc biệt là các bên Đối thoại.

B.6.3 Bảo đảm hàng hải và hàng không quốc tế hòa bình, an toàn, tự do và không bị cản trở, phù hợp với các luật quốc tế liên quan

i. Ủng hộ triển khai hiệu quả các luật và công ước quốc tế liên quan, trong đó có UNCLOS năm 1982;

ii. Thúc đẩy liên lạc đường dây nóng giữa các cơ quan liên quan ở các Quốc gia Thành viên ASEAN nhằm ứng phó tức thời với các sự cố và tình huống khẩn cấp ở biển;

iii. Tăng cường hợp tác giữa các nước thành viên ASEAN và với các đối tác liên quan bên ngoài trong việc bảo đảm an toàn hàng hải và hàng không ở khu vực, trong đó có thông qua các hội thảo và hội nghị để chia sẻ kinh nghiệm và các thực tiễn tốt;

iv. Tăng cường đối thoại và hợp tác với các tổ chức quốc tế liên quan, như LHQ, Tổ chức Hàng hải Quốc tế và Tổ chức Lao động Quốc tế để bảo đảm triển khai hiệu quả các công ước và văn kiện liên quan đến hợp tác hàng

hải, bao gồm, nhưng không giới hạn, an toàn mạng sống của con người ở biển, phúc lợi cho người đi biển và ngăn ngừa ô nhiễm do tàu thuyền; và

v. Tăng cường triển khai MOU về Cơ chế Hợp tác ASEAN về Sẵn sàng và Ứng phó chung với Sự cố Tràn dầu như một cơ chế hợp tác khu vực nhằm xây dựng khả năng và năng lực và thúc đẩy hỗ trợ lẫn nhau.

C. VAI TRÒ TRUNG TÂM CỦA ASEAN TRONG MỘT KHU VỰC NĂNG ĐỘNG VÀ HƯỚNG NGOẠI

10. Trong bối cảnh địa chính trị đang thay đổi nhanh chóng, ASEAN đề cao và củng cố đoàn kết, thống nhất ASEAN và vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực đang định hình được xây dựng trên cơ sở các cơ chế do ASEAN dẫn dắt. Là một cộng đồng hướng ngoại, ASEAN sẽ tiếp tục làm sâu sắc hợp tác với các bên Đối thoại, củng cố quan hệ với các đối tác bên ngoài và hướng tới các đối tác tiềm năng mới vì các mối quan hệ cùng có lợi, và đóng vai trò toàn cầu xây dựng và có trách nhiệm trên cơ sở diễn đàn chung của ASEAN về các vấn đề quốc tế.

11. Các thành tố chính của vai trò trung tâm của ASEAN trong một khu vực năng động và hướng ngoại gồm:

C.1. Củng cố đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN trong định hình cấu trúc khu vực được xây dựng trên cơ sở các cơ chế do ASEAN dẫn dắt

C.1.1. Củng cố vai trò trung tâm của ASEAN trong định hình cấu trúc khu vực mở, minh bạch, toàn diện và dựa trên luật lệ

i. Tiến hành thảo luận có trọng tâm giữa các Quan chức Cao cấp liên quan để trao đổi và xây dựng định hướng chiến lược về các vấn đề thuộc quan tâm của ASEAN;

ii. Xây dựng một tầm nhìn chung về một cấu trúc khu vực nhằm củng cố vai trò trung tâm của ASEAN trong bối cảnh môi trường địa chính trị và chiến lược đang thay đổi;

iii. Bảo đảm triển khai hiệu quả Tuyên bố Cấp cao Đông Á về các Nguyên tắc Quan hệ Cùng Có Lợi và xem xét một văn kiện ràng buộc pháp lý được xây dựng trên cơ sở Hiệp ước TAC để áp dụng cho khu vực rộng lớn hơn; và

iv. Bảo đảm các Cơ quan Chuyên ngành được thông báo đầy đủ về cách tiến cận chiến lược và trọng tâm hợp tác của ASEAN với các đối tác bên ngoài.

C.1.2. Củng cố hiệu quả của các cơ chế do ASEAN dẫn dắt, kể cả tình giảm các quy trình hoạt động

i. Tiếp tục đề xuất, tổ chức, chủ trì và/hoặc đồng chủ trì các hoạt động và hội nghị với các bên Đối thoại và các đối tác bên ngoài xét trong bối cảnh của tất cả các cơ chế do ASEAN dẫn dắt;

ii. Tăng cường chia sẻ thông tin, trong đó có thể chế hóa thông lệ trao đổi và thông báo lịch hoạt động các hội nghị liên quan giữa các Cơ quan Chuyên ngành ASEAN và tại các cơ chế do ASEAN dẫn dắt về các vấn đề liên ngành;

iii. Củng cố và tăng cường tiến trình EAS như một diễn đàn của các Lãnh đạo để đối thoại chiến lược các vấn đề kinh tế, an ninh và chính trị cũng như hợp tác, trong đó có xây dựng các thỏa thuận phù hợp để thuận lợi hóa công tác chuẩn bị, sự đồng bộ, tính liên tục và triển khai các vấn đề được các Lãnh đạo thảo luận;

iv. Củng cố tiến trình và các cơ chế APT như một khuôn khổ xây dựng cộng đồng, hội nhập kinh tế, hợp tác phát triển và xây dựng năng lực, trong đó có triển khai các khuyến nghị liên quan trong Báo cáo của Nhóm EAVG II và các sáng kiến khác liên quan đến APT;

v. Củng cố ARF là một diễn đàn quan trọng để xác định và xử lý các thách thức an ninh hiện có và đang nổi lên, thông qua tăng cường các biện pháp xây dựng lòng tin và các bước cụ thể hướng tới ngoại giao phòng ngừa, trong đó có thông qua triển khai hiệu quả Kế hoạch Hành động Hà Nội thực hiện Tuyên bố Tầm nhìn ARF cũng như hướng tới phương thức làm việc hiệu quả hơn nhằm đạt được các kết quả thực chất tại các hội nghị ARF; và

vi. Củng cố các tiến trình ADMM và ADMM Mở rộng để giúp thúc đẩy tầm nhìn ASEAN về cấu trúc khu vực, tăng cường vai trò trung tâm của ASEAN và hướng tới tăng cường năng lực và khả năng chung của khu vực trong xử lý các thách thức và cơ hội ở cả hiện tại và tương lai.

C.2. Làm sâu sắc hợp tác với các bên Đối thoại, củng cố quan hệ với các đối tác bên ngoài khác và hướng tới các đối tác tiềm năng mới vì các mối quan hệ cùng có lợi cũng như ứng phó chung và xây dựng trước các diễn biến toàn cầu

C.2.1. Củng cố hợp tác chiến lược và thực chất với các bên Đối thoại

i. Áp dụng cách tiếp cận chiến lược hơn đối với các bên Đối thoại

bằng cách xác định các ưu tiên và lợi ích của ASEAN với từng bên Đối thoại;

ii. Hợp tác với các bên Đối thoại, thông qua các cơ chế hiện có, để xử lý các thách thức hiện có và đang nổi lên cũng như củng cố hợp tác phát triển trong ASEAN;

iii. Hợp tác với các bên Đối thoại bảo đảm triển khai hiệu quả các Kế hoạch Hành động tương ứng, trong đó có tận dụng hiệu quả các quỹ hợp tác hiện có giữa ASEAN và các bên Đối thoại để tăng cường hợp tác trong tất cả các lĩnh vực; và

iv. Tăng cường năng lực của các cơ quan liên quan ở các Quốc gia Thành viên ASEAN trong việc xây dựng và đánh giá dự án nhằm tận dụng hiệu quả các quỹ hợp tác hiện có.

C.2.2 Xây dựng và duy trì quan hệ đối tác hiệu quả với các đối tác bên ngoài nhằm hỗ trợ Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025

i. Củng cố quan hệ ASEAN với các đối tác bên ngoài, kể cả Quan sát viên Đặc biệt và Khách mời của ASEAN;

ii. Tiếp tục công việc của Nhóm Công tác Hội đồng Điều phối ASEAN về xem xét tất cả các khía cạnh liên quan tới yêu cầu của Timor Leste cũng như sự tham gia của nước này vào các hoạt động của ASEAN xét trong nhu cầu của nước này về xây dựng năng lực;

iii. Tăng cường quan hệ giữa CPR và Ban Thư ký ASEAN với các Đại sứ ASEAN của các nước không phải Quốc gia Thành viên ASEAN và các tổ chức liên chính phủ liên quan;

iv. Xây dựng các dự án và bảo đảm tận dụng với hiệu quả và hiệu suất cao các quỹ hợp tác và các quỹ khác liên quan tới hợp tác ASEAN với các đối tác bên ngoài nhằm hỗ trợ Cộng đồng ASEAN;

v. Tận dụng hiệu quả hơn vai trò của các Ủy ban ACTCs nhằm thúc đẩy hình ảnh ASEAN và hợp tác giữa ASEAN với nước thứ ba/tổ chức quốc tế;

vi. Thăm dò khả năng các dự án hợp tác với các tổ chức khu vực như Tổ chức Hợp tác Vùng Vịnh, Tổ chức Hợp tác Kinh tế, Cộng đồng các Quốc gia Châu Mỹ và vùng Ca-ri-bê, Hiệp hội Hợp tác Khu vực Nam Á, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải và Liên minh Thái Bình Dương cũng như các tổ chức quốc tế và khu vực khác; và

vii. Xem xét các yêu cầu từ các đối tác bên ngoài về thiết lập quan hệ đối tác chính thức với ASEAN theo Quy chế hướng dẫn về Quan hệ Đối ngoại của ASEAN, trong đó có trên cơ sở cùng có lợi nhằm hỗ trợ tiến trình xây dựng cộng đồng ASEAN, và có tính đến tầm quan trọng về một quan điểm tổng thể trên cơ sở các tính toán chiến lược.

C.2.3 Xem xét hợp tác thực chất với các đối tác tiềm năng mới

i. Xem xét quan hệ đối tác mới với các nước và tổ chức quan tâm và có tiềm năng trên cơ sở cùng lợi ích và cùng có lợi cũng như hỗ trợ của các nước và tổ chức đó dành cho tiến trình xây dựng cộng đồng ASEAN; và

ii. Xem xét các phương thức phù hợp khác để hợp tác với các đối tác tiềm năng mới trên cơ sở quan hệ cùng có lợi.

C.2.4 Tăng cường năng lực của ASEAN để đóng góp và ứng phó với các vấn đề quốc tế quan trọng thuộc lợi ích và quan tâm chung

i. Tăng cường tham vấn và hợp tác trên các vấn đề đa phương thuộc lợi ích và quan tâm chung để đưa ra tiếng nói chung của ASEAN và xây dựng lập trường chung, khi phù hợp, nhằm định hình và dẫn dắt các vấn đề quan trọng trong chương trình nghị sự toàn cầu;

ii. Ban hành kịp thời hơn các Tuyên bố ASEAN về các vấn đề quốc tế quan trọng thuộc quan tâm chung;

iii. Tăng cường hợp tác giữa ASEAN với các tổ chức và diễn đàn đa phương khác về các vấn đề quốc tế phù hợp thuộc quan tâm và lợi ích chung; và

iv. Củng cố sự phối hợp giữa các Quốc gia Thành viên ASEAN và khi có thể, đệ trình tư cách ứng viên ASEAN vào những vị trí quan trọng tại các diễn đàn đa phương.

D. TĂNG CƯỜNG SỰ HIỆN DIỆN VÀ NĂNG LỰC THỂ CHẾ CỦA ASEAN

12. Nhằm hiện thực hóa Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, cần phải tăng cường sự hiện diện và năng lực thể chế của ASEAN. Mục đích này được theo đuổi thông qua việc tinh giản các quy trình làm việc trong ASEAN, nâng cao hiệu quả, hiệu suất và phối hợp trong công việc của các Cơ quan ASEAN, củng cố Ban Thư ký ASEAN và gia tăng sự hiện diện thể chế của ASEAN ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế.

13. Các thành tố chính của việc tăng cường sự hiện diện và năng lực thể chế của ASEAN gồm:

D.1. Tinh giản quy trình làm việc trong ASEAN, nâng cao phối hợp giữa các Cơ quan ASEAN, tăng cường cách thức tiến hành quan hệ đối ngoại của ASEAN và củng cố Ban Thư ký ASEAN

D.1.1. Triển khai Báo cáo và các Khuyến nghị của Nhóm Đặc trách Cao cấp về Củng cố Ban Thư ký ASEAN và Rà soát các Cơ quan ASEAN đã được các Lãnh đạo ASEAN thông qua tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 25 ở Na Pi Tô.

D.2 Tăng cường nhận thức và sự hiện diện của ASEAN

D.2.1 Thúc đẩy sự hiện diện thể chế của ASEAN ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế

i. Khuyến khích thành lập một ban/bộ phận chuyên trách về ASEAN ở các Bộ/ngành liên quan ở các Quốc gia Thành viên ASEAN;

ii. Thúc đẩy thành lập các Thẻ chế/Trung tâm ASEAN về các lĩnh vực hợp tác cụ thể ở từng Quốc gia Thành viên ASEAN trong khi tính đến khả năng duy trì tài chính của các Thẻ chế/Trung tâm này và hiệu quả và hiệu suất hoạt động tổng thể của Ban Thư ký ASEAN và các Cơ quan khác; và

iii. Khuyến khích thành lập các Trung tâm Nghiên cứu ASEAN và/hoặc các Chương trình Nghiên cứu ASEAN ở các Quốc gia Thành viên ASEAN và tạo thuận lợi việc thiết lập mạng lưới giữa các Trung tâm/Chương trình này, cũng như củng cố Mạng lưới AUN, nhằm tăng cường nhận thức và bản sắc ASEAN ở cấp khu vực và quốc tế.

D.2.2 Nâng cao nhận thức và sự hiện diện của ASEAN

i. Tăng cường quan hệ giữa các Cơ quan Chuyên ngành ASEAN với các nhóm/giới liên quan để nâng cao sự hiện diện và giá trị của ASEAN, và để củng cố sự phối hợp giữa các Cơ quan Chuyên ngành ASEAN với các nhóm/giới liên quan;

ii. Triển khai Kế hoạch Tổng thể về Tuyên truyền ASEAN để nâng cao nhận thức về ASEAN là một Cộng đồng của các Cơ hội như chỉ đạo của các Lãnh đạo ASEAN tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 25 ở Na Pi Tô;

iii. Bảo đảm các chương trình và hoạt động nâng cao nhận thức về

ASEAN có tính nhạy cảm giới và tất cả các thành phần trong xã hội, trong đó có người khuyết tật và các nhóm dễ bị tổn thương khác, có thể tiếp cận; và

iv. Nâng cao hình ảnh và sự hiện diện của ASEAN và Cộng đồng ASEAN ở các nước thứ ba/tổ chức quốc tế.

III. TRIỂN KHAI VÀ KIỂM ĐIỂM

14. ASEAN sẽ bảo đảm triển khai đầy đủ và hiệu quả Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và KHTT APSC 2025 thông qua các cơ chế liên quan, huy động nguồn lực hiệu quả và tuyên truyền hiệu quả tới tất cả các nhóm/giới liên quan cũng như kiểm điểm và đánh giá thường kỳ.

A. Cơ chế Triển khai

i. Hải hòa và củng cố chương trình nghị sự và các ưu tiên của các Cơ quan Chuyên ngành liên quan trong ASEAN thuộc Trụ cột APSC với Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 và KHTT APSC 2025;

ii. Triển khai KHTT APSC 2025 ở cấp quốc gia và ASEAN;

iii. Tăng cường phối hợp về các vấn đề liên ngành trong APSC và các vấn đề liên trụ cột giữa cả ba Trụ cột;

iv. Tăng cường vai trò điều phối của ACC, Hội đồng Cộng đồng APSC, các Cơ quan Chuyên ngành cấp Bộ trưởng, Hội nghị Tham vấn chung, Hội đồng Điều phối Cộng đồng Chính trị-An ninh ASEAN (ASCCO), CPR và Ban Thư ký ASEAN, chiếu theo Báo cáo và các Khuyến nghị của Nhóm Đặc trách Cao cấp về Củng cố Ban Thư ký ASEAN và Rà soát các Cơ quan ASEAN nhằm triển khai thuận lợi KHTT APSC 2025; và

v. Đề trình báo cáo đánh giá thường niên về tiến độ và tình hình triển khai KHTT APSC 2025 lên Hội nghị Cấp cao ASEAN thông qua Hội đồng Cộng đồng APSC.

B. Nguồn lực

i. Huy động nguồn lực từ các Quốc gia Thành viên ASEAN và các nguồn lực bên ngoài, trong các lĩnh vực, nhưng không giới hạn, về tài chính, chuyên môn và hỗ trợ xây dựng năng lực để triển khai các biện pháp theo thỏa thuận.

C. Tuyên truyền

i. Tiến hành các hoạt động tuyên truyền để tạo thuận lợi cho việc triển khai KHTT APSC 2025 ở cả cấp quốc gia và khu vực, trong đó có cả phù hợp

với Kế hoạch Tổng thể về Tuyên truyền ASEAN, nhằm mục đích xã hội hóa các sáng kiến trong KHTT APSC 2025 tới các nhóm/giới liên quan và tạo điều kiện cho tất cả các nhóm/giới liên quan tham gia và đóng góp có ý nghĩa cho tiến trình này.

D. Kiểm điểm

i. Kiểm điểm và đánh giá KHTT APSC 2025 nhằm bảo đảm các hoạt động này đáp ứng được các nhu cầu và ưu tiên của ASEAN, có tính đến những thay đổi năng động trong môi trường khu vực và toàn cầu.

ii. Việc kiểm điểm và đánh giá sẽ được tiến hành vào các năm 2017, 2019, 2021 và 2023 và do ASCOO, phối hợp với Ban Thư ký ASEAN, thực hiện. Kiểm điểm giữa kỳ và cuối kỳ sẽ được tiến hành vào năm 2020 và 2025, và do Hội đồng Cộng đồng APSC thực hiện với sự hỗ trợ của ASCCO. Trong quá trình kiểm điểm và đánh giá, các Quốc gia Thành viên được linh hoạt cập nhật KHTT APSC 2025.

iii. Kết quả kiểm điểm và đánh giá sẽ do Tổng Thư ký ASEAN báo cáo lên Hội nghị Cấp cao ASEAN thông qua Hội đồng Cộng đồng APSC.

PHỤ LỤC IX

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN 2025

I. GIỚI THIỆU

1. Việc thực thi Kế hoạch Tổng thể xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2015 đã đạt được những kết quả quan trọng trong các lĩnh vực như xóa bỏ thuế quan và tạo thuận lợi thương mại; xây dựng chương trình nghị sự về thương mại dịch vụ; tự do hóa và tạo thuận lợi đầu tư; đơn giản và hài hòa các khuôn khổ quy định về thị trường vốn; tạo thuận lợi cho sự lưu chuyển của lao động kỹ năng; thúc đẩy triển khai các khuôn khổ khu vực về chính sách cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng và quyền sở hữu trí tuệ; thúc đẩy kết nối; thu hẹp khoảng cách phát triển; và tăng cường mối quan hệ của ASEAN với các đối tác ngoại khối.

2. ASEAN công nhận hội nhập kinh tế khu vực là một tiến trình năng động và liên tục giữa các nền kinh tế cũng như giữa môi trường trong nước và ngoài nước. Theo đó, ASEAN đã triển khai hai nghiên cứu về Tầm nhìn Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2025 (AEC 2025). Tầm nhìn AEC 2025 được xây dựng trên cơ sở xem xét các khuyến nghị của hai nghiên cứu do Viện Nghiên cứu kinh tế về ASEAN và Đông Á (ERIA) và Trường Nghiên cứu Quốc tế S. Rajaratnam và Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (ISEAS) thực hiện với sự cung cấp thông tin từ các bên liên quan khác. Các biện pháp được thực hiện phải dẫn tới thiết lập một ASEAN kết nối, cạnh tranh, đổi mới và hội nhập cao.

3. Tầm nhìn chung được quy định trong Kế hoạch Tổng thể AEC 2015 vẫn còn nguyên giá trị. AEC 2025 sẽ dựa vào Kế hoạch Tổng thể AEC hiện tại gồm 5 đặc trưng tác động qua lại lẫn nhau là: (i) Một nền kinh tế hội nhập cao và gắn kết; (ii) Một ASEAN cạnh tranh, đổi mới và năng động; (iii) Nâng cao kết nối và hợp tác chuyên ngành; (iv) Một ASEAN có sức bật, phát triển toàn diện, hướng tới con người và lấy con người làm trung tâm; (v) Một ASEAN toàn cầu.

4. Ưu tiên trước mắt là hoàn tất việc thực thi các biện pháp còn lại của Kế hoạch Tổng thể AEC 2015 vào cuối năm 2016. Các cam kết đến năm 2018 của Cam-pu-chia, CHDCND Lào, My-an-ma và Việt Nam (CLMV) trong khuôn khổ Kế hoạch Tổng thể AEC 2015 cũng được đưa vào AEC 2025.

5. Trong thập kỷ tới, ASEAN cũng sẽ đưa ra nền tảng mới về sự phát triển của các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs) trong nỗ lực hội nhập kinh tế khu vực. Đồng thời, ASEAN sẽ coi phát triển công nghệ số hóa là đòn bẩy để tăng cường thương mại và đầu tư, tạo nền tảng kinh doanh dựa vào công nghệ, thúc đẩy quản trị tốt, và tạo thuận lợi cho việc sử dụng công nghệ xanh.

6. AEC 2025 được hình dung:

(i) Tạo ra một nền kinh tế ASEAN hội nhập sâu và gắn kết cao nhằm hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế cao bền vững và khả năng phục hồi ngay cả khi đối mặt với các cú sốc kinh tế toàn cầu và các biến động bất thường;

(ii) Tạo ra sự tăng trưởng kinh tế cân bằng và toàn diện hơn trong ASEAN nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển, xóa bỏ nếu không giảm nghèo đáng kể, duy trì tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người cao, và duy trì tầng lớp trung lưu đang lên;

(iii) Thúc đẩy tăng năng suất mạnh mẽ thông qua đổi mới, phát triển công nghệ và nguồn nhân lực, tăng cường nghiên cứu và phát triển được thiết kế cho ứng dụng thương mại nhằm tăng sức cạnh tranh của ASEAN để di chuyển từ chuỗi giá trị khu vực lên chuỗi giá trị toàn cầu trong đó có các ngành dịch vụ và chế biến thâm dụng công nghệ cao và tri thức;

(iv) Thúc đẩy các nguyên tắc quản trị tốt, minh bạch và các chế độ quy định thông qua sự tham gia tích cực của khu vực tư nhân, các tổ chức dựa vào cộng đồng, và các bên liên quan khác của ASEAN;

(v) Mở rộng kết nối nhân dân, thể chế và hạ tầng ASEAN thông qua các dự án hợp tác ASEAN và tiểu vùng nhằm tạo thuận lợi cho sự lưu chuyển của dòng vốn cũng như lao động kỹ năng và tài năng;

(vi) Tạo ra một ASEAN năng động và có sức bật hơn để có khả năng ứng phó và thích nghi với những thách thức mới nổi thông qua thúc đẩy các cơ chế quốc gia và khu vực nhằm giải quyết các vấn đề an ninh lương thực và an ninh năng lượng, các thảm họa thiên nhiên, các cú sốc kinh tế và các vấn đề mới nổi khác liên quan đến thương mại và các xu hướng toàn cầu;

(vii) Kết hợp chương trình tăng trưởng bền vững thúc đẩy sử dụng nền tảng khoa học và ủng hộ công nghệ xanh và năng lượng xanh;

(viii) Thúc đẩy sử dụng Nghị định thư ASEAN về Tăng cường cơ chế giải quyết tranh chấp và triển khai các cách tiếp cận khác nhằm đẩy nhanh giải quyết tranh chấp kinh tế;

(ix) củng cố vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc kinh tế khu vực mới nổi bằng cách duy trì vai trò của ASEAN là trung tâm và là nhân tố thuận lợi của hội nhập kinh tế trong khu vực Đông Á; và

(x) Làm việc hướng tới một vị thế chung và nâng cao vai trò, tiếng nói của ASEAN trong diễn đàn kinh tế toàn cầu.

II. CÁC ĐẶC TRƯNG VÀ YẾU TỐ CỦA AEC 2025

A. Một nền kinh tế hội nhập cao và gắn kết

7. Mục tiêu chung của đặc trưng này là nhằm tạo thuận lợi cho sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động kỹ năng trong ASEAN để tăng cường mạng lưới thương mại và sản xuất của ASEAN cũng như thiết lập một thị trường thống nhất hơn cho các doanh nghiệp và người tiêu dùng ASEAN.

8. Các yếu tố then chốt của một nền kinh tế ASEAN hội nhập cao và gắn kết bao gồm:

A1. Thương mại hàng hóa

9. Việc thực thi các biện pháp Kế hoạch Tổng thể AEC liên quan đến xóa bỏ thuế quan phù hợp với Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) và thuận lợi hóa thương mại đã góp phần tạo nên sự lưu chuyển tự do của hàng hóa. Trong AEC 2025, ASEAN sẽ tiếp tục cắt giảm hoặc xóa bỏ các rào cản tại biên giới và sau đường biên giới gây cản trở thương mại, nhằm tạo sự lưu chuyển cạnh tranh, hiệu quả và tự do của hàng hóa trong khu vực.

10. Các biện pháp chiến lược bao gồm:

(i) Tăng cường hơn nữa ATIGA

Theo quan điểm rà soát các hiệp định thương mại tự do ASEAN +1 (FTAs) và các cuộc đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), các cam kết trong ATIGA sẽ được rà soát và xem xét kỹ hơn, tăng cường các quy định nhằm củng cố vai trò trung tâm của ASEAN, tăng cường quá trình thông báo của ATIGA, và tiếp tục giảm các rào cản thuế quan còn lại trong ASEAN hướng tới sự lưu chuyển tự do của hàng hóa trong khu vực.

(ii) Đơn giản hóa và tăng cường việc thực thi các Quy tắc xuất xứ (ROO)

ROO được thực thi ở các nước thành viên ASEAN (AMS) sẽ được đơn giản hóa, thân thiện với doanh nghiệp và tạo thuận lợi cho thương mại nhằm mang lại lợi ích cho thương mại khu vực, nhất là sự tham gia của các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs) nhằm khuyến khích họ mở rộng, nâng cấp và làm sâu sắc các liên kết trong khu vực. Hướng tới mục tiêu này, các ngành ưu tiên theo Quy tắc sản phẩm cụ (PSRs) có thể được đàm phán và các tiến trình xác định tiêu chí xuất xứ được đơn giản hóa.

(iii) Thúc đẩy và làm sâu sắc việc thực thi các biện pháp thuận lợi hóa thương mại

ASEAN giữ vai trò đi đầu trong việc hoàn tất Hiệp định Thuận lợi hóa thương mại (ATF) của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2013. Ngoài việc đảm bảo thực thi Hiệp định ATF ở các nước thành viên ASEAN, ASEAN hướng tới sự hội tụ các chế độ thuận lợi hóa thương mại trong AMS và tiến tới gần hơn với các thông lệ thực tiễn toàn cầu. Ủy ban Tham vấn chung về Thuận lợi hóa thương mại ASEAN (ATF-JCC) bao gồm đại diện từ khu vực nhà nước và tư nhân được thiết lập nhằm đẩy nhanh tiến trình làm việc về thuận lợi hóa thương mại và đảm bảo hoàn thành sự lưu chuyển của hàng hóa trong khu vực.

Trong đó các biện pháp then chốt sau:

- (a) Hoàn thành các biện pháp trong Kế hoạch Tổng thể AEC 2008-2015;
- (b) Vận hành đầy đủ các Cơ chế một cửa quốc gia ở tất cả các nước thành viên ASEAN, mở rộng phạm vi của dự án Cơ chế một cửa ASEAN để bao gồm nhiều văn kiện hơn và các bên liên quan ở tất cả các nước thành viên ASEAN;
- (c) Hợp tác về vận hành hiệu quả Trung tâm thông tin thương mại Quốc gia và ASEAN để tăng cường sự minh bạch về quy định và sự ổn định cho khu vực tư nhân trong khu vực;
- (d) Hợp lý hóa và đơn giản hóa các chế độ quản lý hành chính, các yêu cầu tài liệu cũng như các thủ tục xuất nhập khẩu, kể cả các thủ tục hải quan;
- (e) Làm sâu sắc việc thực thi các sáng kiến ASEAN về thuận lợi hóa thương mại khu vực như chương trình điều hành kinh tế được ủy quyền (AEO), chương trình tự chứng nhận...;

- (f) Tăng cường hợp tác, phối hợp và quan hệ đối tác công – tư trong việc cải thiện tiến trình, thể chế và nền tảng cơ sở hạ tầng của thuận lợi hóa thương mại trong khu vực;
- (g) Tối thiểu hóa việc bảo hộ thương mại và chi phí ứng phó với các biện pháp phi thuế quan (NTMs);

Hầu hết các NTMs đều liên quan đến các mục tiêu quản lý như môi trường, sức khỏe và an toàn, an ninh và văn hóa, nhưng chúng cũng có thể gây trở ngại đáng kể cho thương mại. Việc giải quyết các NTMs liên quan chủ yếu: (i) đẩy nhanh việc hướng tới xóa bỏ hoàn toàn các rào cản phi thuế quan; (ii) tiêu chuẩn và chất lượng như sự phù hợp trong các quy định kỹ thuật, hài hòa hóa tiêu chuẩn, hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, các thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRAs); và (iii) đơn giản hóa các thủ tục và giảm các yêu cầu về chứng nhận, cấp phép và giấy phép đối với nhập khẩu hoặc xuất khẩu.

Các biện pháp làm gia tăng chế độ thuận lợi hóa thương mại trong ASEAN bao gồm:

1. Tìm hiểu việc áp đặt tiêu chí nghiêm ngặt và điều khoản hết hiệu lực về NTMs mang tính bảo hộ thương mại như hạn ngạch và các hạn chế định lượng khác trong xuất khẩu và nhập khẩu;
 2. Thực hiện các thông lệ quản lý tốt trong thực thi các quy định trong nước và tối thiểu hóa chi phí đáp ứng các yêu cầu NTM;
 3. Tăng cường phối hợp với khu vực tư nhân trong việc xác định, ưu tiên và giảm thiểu gánh nặng quy định không cần thiết của NTMs với khu vực tư nhân; và
 4. Tìm hiểu các cách tiếp cận thay thế để giải quyết các NTMs như cách tiếp cận theo chuỗi giá trị hoặc theo ngành nhằm giải quyết các NTMs.
- (h) Làm việc hướng tới các tiêu chuẩn thuận lợi và phù hợp.

Điều này liên quan đến việc tăng cường thực thi hài hòa các tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật, cải thiện chất lượng và năng lực đánh giá sự phù hợp, tăng cường trao đổi thông tin về luật, quy tắc và chế độ quản lý đối với tiêu chuẩn và các thủ tục đánh giá sự phù hợp. Điều này cũng liên quan đến hợp tác khu vực và thỏa thuận về các biện pháp nhằm tạo thuận lợi cho nâng cấp MSMEs hướng tới các tiêu chuẩn đã thống nhất ở tầm khu vực và/ hoặc quốc tế để tạo thuận lợi cho xuất khẩu.

Các biện pháp liên quan bao gồm:

1. Hoàn thành và làm sâu sắc các sáng kiến được bắt đầu từ các biện pháp của Kế hoạch Tổng thể AEC 2015;
2. Thực hiện các chương trình quốc gia và khu vực nhằm nâng cấp năng lực kỹ thuật và cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho chế độ đánh giá sự phù hợp hiệu quả trong khu vực;
3. Thiết lập các biện pháp về minh bạch và tuyên truyền về yêu cầu cụ thể quốc gia;
4. Mở rộng phạm vi các ngành theo tiêu chuẩn và sự phù hợp sau các ngành hội nhập ưu tiên;
5. Thực hiện các thông lệ quản lý tốt (GRP) trong việc chuẩn bị, thông qua và thực thi các tiêu chuẩn và quy tắc, quy định và thủ tục phù hợp;
6. Tăng cường quan hệ đối tác công tư và nâng cao sự đóng góp của khu vực tư nhân trong thiết kế, giám sát, rà soát và cập nhật các tiêu chuẩn, chế độ phù hợp trong khu vực; và
7. Tăng cường hợp tác với các Đối tác Đối thoại trong thực thi các Chương về các rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT) của các FTAs ASEAN+1 và các hiệp định thương mại tự do và hiệp định đối tác kinh tế trong tương lai.

A2. Thương mại dịch vụ

11. Mục tiêu là mở rộng và làm sâu sắc hơn nữa hội nhập dịch vụ trong ASEAN, hội nhập của ASEAN trong các chuỗi cung ứng toàn cầu cả về hàng hóa và dịch vụ, và nâng cao khả năng cạnh tranh của AMS về dịch vụ. Một ngành dịch vụ mạnh tạo thuận lợi cho phát triển, đổi mới và hiệu quả công nghiệp. Kết quả cuối cùng là tối đa hóa sự đóng góp tiềm năng của ngành dịch vụ đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế.

12. Thông qua các vòng đàm phán trong Hiệp định Khung ASEAN về Dịch vụ (AFAS), ASEAN đã tiếp tục mở rộng phạm vi và giảm hạn chế về tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia giữa các ngành dịch vụ, trong đó nỗ lực cam kết cao hơn WTO. Chương trình nghị sự tiếp theo là tạo thuận lợi cho đàm phán và thực thi Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN (ATISA) như văn kiện pháp lý để hội nhập hơn nữa ngành dịch vụ trong khu vực.

13. Ngành dịch vụ sẽ được hội nhập hơn thông qua thực thi ATISA và tiếp tục nỗ lực nhằm:

- (i) Rà soát các lĩnh vực, hạn chế, ngưỡng và các phân ngành, nếu phù hợp;
- (ii) Tăng cường các cơ chế thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong các ngành dịch vụ, bao gồm không giới hạn sự tham gia của chủ sở hữu nước ngoài để hỗ trợ các hoạt động của chuỗi giá trị toàn cầu;
- (iii) Tìm hiểu các cách tiếp cận thay thế đối với tự do hóa hơn nữa dịch vụ;
- (iv) Thiết lập các nguyên tắc về quy định trong nước nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh của ngành dịch vụ có tính đến các mục tiêu phi kinh tế khác hoặc mục tiêu phát triển hoặc mục tiêu quản lý;
- (v) Xem xét triển khai các phụ lục chuyên ngành; và
- (vi) Tăng cường hợp tác kỹ thuật về phát triển nguồn nhân lực (HRD), các hoạt động xúc tiến chung nhằm thu hút FDI trong ngành dịch vụ, và trao đổi các thông lệ thực tiễn tốt nhất.

A3. Môi trường đầu tư

14. ASEAN hướng tới nâng cao hơn nữa sức hấp dẫn của khu vực này như điểm nhận đầu tư toàn cầu thông qua thiết lập một chế độ đầu tư cởi mở, minh bạch và đáng tin cậy trong khu vực. Việc cải thiện môi trường đầu tư trong ASEAN đang đạt được thông qua thực thi Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA), trong đó (i) đưa ra lộ trình tự do hóa các hạn chế đầu tư hiện có trong ngành chế biến, nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp và khai khoáng và các dịch vụ cho các ngành này; (ii) tăng cường đáng kể bảo hộ đầu tư; và (iii) đảm bảo minh bạch của luật đầu tư, các quy định và hướng dẫn hành chính.

15. Các biện pháp chiến lược bao gồm:

- (i) Hoàn thành chương trình nghị sự gắn liền với ACIA, bao gồm thực thi hiệu quả phương thức xóa bỏ hoặc cải thiện các hạn chế và trở ngại đầu tư;
- (ii) Xác định các cách tiếp cận hoặc cơ chế phù hợp để tiến hành dỡ bỏ và/hoặc giảm các Danh mục Bảo lưu ACIA;
- (iii) Tiếp tục thực thi và nếu cần thiết, nâng cấp Ủy ban Điều phối Đầu tư (CCI) về Cơ chế Rà soát lẫn nhau; và
- (iv) Tiếp tục thực hiện các biện pháp xúc tiến chung của ACIA cũng như

ASEAN là điểm nhận đầu tư.

44. Hội nhập tài chính, toàn diện tài chính và ổn định tài chính

16. Đảm bảo rằng ngành tài chính phát triển toàn diện và ổn định vẫn là một mục tiêu then chốt của hội nhập kinh tế khu vực. Tầm nhìn hội nhập ngành tài chính đến năm 2025 bao gồm 3 mục tiêu chiến lược là hội nhập tài chính, toàn diện tài chính và ổn định tài chính, cùng với 3 lĩnh vực song hành (tự do hóa tài khoản vốn, hệ thống bù trừ và thanh toán, xây dựng năng lực).

17. Các biện pháp chiến lược bao gồm:

(i) Tăng cường hội nhập tài chính nhằm tạo thuận lợi cho thương mại và đầu tư trong khối ASEAN bằng cách gia tăng vai trò của các ngân hàng bản xứ ASEAN, với nhiều thị trường bảo hiểm được hội nhập hơn, và có nhiều thị trường vốn được kết nối hơn. Điều này sẽ được hỗ trợ bởi việc tăng cường cơ sở hạ tầng thị trường tài chính theo hướng an toàn, tiết kiệm chi phí và kết nối hơn. Tự do hóa tài chính sẽ được thực hiện với mức độ gắn kết quản lý rộng hơn nhằm duy trì các yêu cầu phù hợp để giảm chi phí trong khi vẫn thận trọng. Các biện pháp then chốt như sau:

(a) Cam kết hơn về tự do hóa ngành dịch vụ tài chính thông qua ATISA sẽ là nền tảng để kết nối các thị trường tài chính trong khu vực và với các Đối tác Đối thoại của ASEAN;

(b) Dành tiếp cận thị trường tốt hơn và linh hoạt hơn cho các Ngân hàng ASEAN đạt tiêu chuẩn (QABs) thông qua Khuôn khổ hội nhập ngân hàng ASEAN (ABIF), dựa vào mức độ sẵn sàng của quốc gia và trên cơ sở có đi có lại, theo đó giảm khoảng cách trong tiếp cận thị trường và linh hoạt động ASEAN;

(c) Thúc đẩy sự thâm nhập sâu hơn trong các thị trường bảo hiểm thông qua Khuôn khổ Hội nhập ngành bảo hiểm ASEAN, với sự đa dạng rủi ro, năng lực bảo hiểm sâu hơn, các khuôn khổ quản lý và giám sát ngành bảo hiểm được cải thiện và tăng cường;

(d) Làm sâu sắc hơn và kết nối các thị trường vốn hướng tới kết nối trong thanh toán bù trừ và lưu ý để tạo thuận lợi cho đầu tư trong khu vực, và cho phép các nhà đầu tư và các tổ chức phát hành khai thác thị trường vốn qua biên giới một cách hiệu quả phù hợp với mục tiêu của Kế hoạch Tổng thể xây dựng cơ sở hạ tầng thị trường vốn ASEAN. Điều này sẽ đảm bảo rằng các lợi

ích của kết nối được chia sẻ bởi tất cả các nước ASEAN; và

(e) Thúc đẩy sự phát triển của các thị trường trái phiếu chính phủ cũng như các trái phiếu công ty sẽ đa dạng hóa rủi ro từ hệ thống ngân hàng và cung cấp cho người gửi tiết kiệm những cơ hội to lớn hơn để đầu tư.

(ii) Thúc đẩy sự toàn diện tài chính để cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính cho một cộng đồng rộng lớn hơn đó là các đối tượng được phục vụ bao gồm cả các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs). Điều này cũng sẽ bao gồm các sáng kiến nhằm giải quyết khoảng cách số hóa không đồng đều trong khu vực và phản ánh những thay đổi trong cơ cấu dân số như một số nước trở thành xã hội già. Các biện pháp then chốt như sau:

(a) Tăng cường hệ thống sinh thái tài chính trong khu vực nhằm mang lại lợi ích cho MSMEs, bao gồm thông qua sự phối hợp giữa các nhóm công tác trong ASEAN. Các sáng kiến được triển khai có thể bao gồm thiết lập các văn phòng tín dụng để tạo thuận lợi cho MSMEs trong thiết lập vị thế tín dụng nhằm cải thiện tiếp cận tài chính, các thẻ chế bảo lãnh tín dụng nhằm tăng cường tín dụng cho MSMEs không có tài sản thế chấp và các phương tiện cần thiết khác hoặc các cơ chế sẽ dành tiếp cận tài chính cho MSMEs, cũng như các cơ quan giải quyết nợ để hỗ trợ MSMEs gặp khó khăn nhưng khả thi;

(b) Mở rộng phạm vi tiếp cận tài chính cũng như các cơ sở trung gian và phân phối như các dịch vụ thanh toán số hóa nhằm thúc đẩy công nghệ giảm chi phí và phát triển dịch vụ tài chính cho các công ty nhỏ và nhóm thu nhập thấp hơn. Tăng cường các kênh thảo luận trong ASEAN nhằm triển khai các thông lệ thực hành tốt nhất, trao đổi thông tin cũng như tăng cường hợp tác;

(c) Tăng cường thực thi các chương trình tài chính và các cơ chế bảo vệ người tiêu dùng nhằm tăng cường năng lực quản lý tài chính và khuyến khích thực hiện các dịch vụ tài chính. Các nội dung này bao gồm nâng cao nhận thức của các biện pháp tự vệ cá nhân chống lại các hành vi lừa đảo cũng như nâng cao các biện pháp đối phó chống lại sự đe dọa của gian lận kỹ thuật số hóa; và

(d) Thúc đẩy mở rộng các kênh phân phối cải thiện tiếp cận và giảm chi phí của các dịch vụ tài chính bao gồm công nghệ di động và bảo hiểm vi mô.

(iii) Đảm bảo sự ổn định tài chính thông qua tiếp tục tăng cường cơ sở hạ

tầng khu vực, nhất là các thời điểm căng thẳng trong khu vực. Các biện pháp then chốt như sau:

- (a) Tăng cường tiến trình giám sát tài chính và kinh tế vĩ mô hiện tại thông qua xác định các rủi ro và lỗ hổng tài chính và tăng cường trao đổi thông tin kinh tế vĩ mô giữa các cơ quan tài chính và tiền tệ. Các cuộc thảo luận có thể bổ sung cho các nỗ lực không ngừng của Ban Ổn định tài chính ở cấp độ toàn cầu;
- (b) Tăng cường hơn nữa các thỏa thuận xuyên biên giới liên quan đến thực thi ABIF với sự xuất hiện của các ngân hàng đang hoạt động trong khu vực trong cả giai đoạn khủng hoảng và quá trình kinh doanh bình thường. Trong tương lai gần, các nền tảng hợp tác khu vực và song phương về giám sát vĩ mô sẽ tiếp tục giữ vai trò không thể thiếu. Hơn nữa, các đối thoại chặt chẽ hơn giữa các cơ quan quản lý có thể đạt được thông qua các trường giám sát khu vực; và
- (c) Thực hiện các quy định đảm bảo an toàn chặt chẽ hơn, hướng tới đạt được sự phù hợp hơn với các thông lệ thực hành quốc tế và các tiêu chuẩn quy định.

18. Các biện pháp theo ba lĩnh vực song hành như sau:

(i) Tăng cường tự do hóa tài khoản vốn để khuyến khích sự lưu chuyển của dòng vốn giữa AMS nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư và cho vay qua biên giới trong khu vực, theo các nguyên tắc hướng dẫn sau:

- (a) Đảm bảo tự do hóa tài khoản vốn phù hợp với chương trình nghị sự quốc gia của các nước thành viên và sự sẵn sàng của các nền kinh tế;
- (b) Cho phép các biện pháp tự vệ phù hợp chống lại sự bất ổn định kinh tế vĩ mô và rủi ro hệ thống có thể phát sinh từ tiến trình tự do hóa, bao gồm cả quyền sử dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và tài chính; và
- (c) Đảm bảo các lợi ích của tự do hóa được chia sẻ cho tất cả các AMS. ASEAN sẽ tiếp tục giám sát tiến trình tự do hóa tài khoản vốn giữa AMS bằng cách sử dụng Lộ trình Tự do hóa tài khoản vốn ASEAN và Kế hoạch Tổng thể của từng nước.

(ii) Các hệ thống thanh toán và bù trừ sẽ được tăng cường trong các lĩnh vực như thúc đẩy tiêu chuẩn hóa và cơ sở hạ tầng thanh toán bù trừ cho các

hoạt động thương mại qua biên giới, khiếu hối, hệ thống thanh toán bán lẻ và các thị trường vốn. Điều này sẽ tạo môi trường để thúc đẩy các liên kết khu vực và hệ thống thanh toán an toàn, hiệu quả và cạnh tranh. Đồng thời cũng sẽ đòi hỏi một mức độ hài hòa hóa tiêu chuẩn và các thông lệ thị trường trên cơ sở thông lệ quốc tế (như ISO20022) để thúc đẩy sự ổn định và hiệu quả trong cũng như ngoài khu vực.

(iii) Xây dựng năng lực sẽ giúp thu hẹp khoảng cách phát triển tài chính trong khu vực. Điều này có thể đạt được thông qua thực hiện các chương trình học hỏi và trao đổi kiến thức, kinh nghiệm, thông lệ thực tiễn trong các lĩnh vực liên quan đến hội nhập và phát triển tài chính như quản lý và giám sát tài chính, toàn diện tài chính, hệ thống thanh toán và bù trừ.

A5. Tạo thuận lợi cho sự di chuyển của lao động kỹ năng và doanh nhân

19. Mục tiêu là để tạo thuận lợi cho sự di chuyển của lao động kỹ năng trong ASEAN bắt đầu với các MRAs sẽ cho phép những người hoạt động trong 8 lĩnh vực nghề nghiệp được hành nghề ở các nước ASEAN khác thông qua công nhận lẫn nhau về chất lượng và nếu phù hợp, thông qua thực thi Khuôn khổ Dẫn chiếu chất lượng ASEAN (AQRF) là cơ sở dẫn chiếu tự nguyện của AMS, nhằm hỗ trợ cho quá trình học tập lâu dài và tăng cường công nhận và Hiệp định ASEAN về Di chuyển thể nhân (MNP). Các thỏa thuận này nhằm tạo thuận lợi cho sự di chuyển tạm thời qua biên giới của các tự nhiên nhân và doanh nhân thực hiện hoạt động về hàng hóa, dịch vụ và đầu tư.

20. Các biện pháp chiến lược bao gồm:

(i) Mở rộng và làm sâu sắc các cam kết trong khuôn khổ Hiệp định ASEAN về Di chuyển thể nhân nếu phù hợp; và

(ii) Giảm thiểu, nếu không tiêu chuẩn hóa, các yêu cầu tài liệu.

21. Nếu cần thiết, ASEAN sẽ xem xét cải thiện hơn các MRAs hiện tại và xem xét tính khả thi của các MRAs mới bổ sung nhằm tạo thuận lợi cho sự di chuyển của lao động kỹ năng và dịch vụ nghề nghiệp trong khu vực.

A6. Tăng cường sự tham gia trong các chuỗi giá trị toàn cầu

22. Mục tiêu rộng hơn của việc trở thành nền kinh tế hội nhập cao và gắn kết là để tăng cường sự tham gia của khu vực trong các chuỗi giá trị toàn cầu (GVCs). Lợi ích đến từ hội nhập khu vực sâu sắc bao gồm thực hiện hiệu quả kinh tế theo quy mô, hiệu quả tổng thể và hình thành tổ chức của các hệ thống

đổi mới khu vực.

23. Các chuỗi giá trị khu vực không ngoại trừ các chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy nhiên, việc phát triển và tăng cường các chuỗi giá trị khu vực bằng cách hình thành nền kinh tế hội nhập cao và gắn kết là cách thức chủ chốt để tăng cường sự tham gia của ASEAN trong chuỗi giá trị toàn cầu nhưng không thay thế. Với các nước thành viên ASEAN mới, việc tham gia trong các chuỗi giá trị khu vực cũng có thể coi là bước đệm để hội nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu. Với các nước thành viên ASEAN phát triển hơn, việc đi đầu trong các chuỗi giá trị khu vực là bước đệm để tiến tới cấp độ toàn cầu.

24. Các yếu tố khác trong đặc trưng 1 và 2 có thể góp phần tăng cường sự tham gia của ASEAN trong chuỗi giá trị toàn cầu thông qua xóa bỏ các hạn chế chính thức (tiếp cận thị trường và các biện pháp phân biệt đối xử) hoặc tạo thuận lợi thương mại tốt hơn và gắn kết quy định. Một cách tiếp cận chiến lược hơn đối với các chuỗi giá trị toàn cầu cũng có thể được thực hiện thông qua các sáng kiến cụ thể như:

(i) Nhân hiệu khu vực, các chương trình giới thiệu và chiến lược marketing khác;

(ii) Các sáng kiến thuận lợi hóa thương mại tập trung cả vào nhập khẩu và xuất khẩu;

(iii) Hòa hòa hóa các tiêu chuẩn quốc tế và hỗ trợ xây dựng năng lực thực hiện các tiêu chuẩn;

(iv) Chia sẻ thông tin tốt hơn; và

(v) Tập trung hơn vào kết nối, giảm các hiệu ứng hạn chế thương mại và chi phí của NTMs và cải cách quy định trong nước.

B. Một ASEAN cạnh tranh, đổi mới và năng động

25. Mục tiêu của đặc trưng này là tập trung vào các yếu tố góp phần gia tăng khả năng cạnh tranh và năng suất của khu vực bằng cách (i) mở rộng sân chơi bình đẳng cho tất cả doanh nghiệp thông qua chính sách cạnh tranh hiệu quả; (ii) thúc đẩy sáng tạo và bảo hộ tri thức; và (iii) sự tham gia sâu của ASEAN trong các chuỗi giá trị toàn cầu; và (iv) tăng cường các khuôn khổ quy định liên quan và các thông lệ nói chung ở cấp khu vực. Các yếu tố then chốt về một ASEAN cạnh tranh, đổi mới và năng động gồm:

B1. Chính sách cạnh tranh hiệu quả

26. Để ASEAN trở thành một khu vực cạnh tranh với các thị trường hoạt động tốt, các quy tắc về cạnh tranh sẽ phải được vận hành hiệu quả. Mục tiêu căn bản của luật và chính sách cạnh tranh là tạo sân chơi bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp, không kể quyền sở hữu nào. Các quy tắc cạnh tranh được thực thi đầy lùi các hoạt động chống cạnh tranh là một cách thức quan trọng để tạo thuận lợi cho tự do hóa và một thị trường thống nhất và cơ sở sản xuất chung, cũng như hỗ trợ việc hình thành một khu vực cạnh tranh và đổi mới hơn.

27. Các biện pháp chiến lược bao gồm:

(i) Thiết lập các chế độ cạnh tranh hiệu quả bằng cách đặt ra luật cạnh tranh ở tất cả các nước thành viên ASEAN còn lại hiện chưa có luật cạnh tranh và thực thi hiệu quả các luật cạnh tranh quốc gia ở tất cả các nước ASEAN trên cơ sở các thông lệ quốc tế và các nguyên tắc đã được ASEAN thống nhất;

(ii) Tăng cường năng lực của các cơ quan liên quan đến cạnh tranh ở các AMS bằng cách thiết lập và thực thi các cơ chế thể chế cần thiết để thực thi hiệu quả các luật cạnh tranh quốc gia, bao gồm cả hỗ trợ kỹ thuật toàn diện và xây dựng năng lực;

(iii) Thúc đẩy xây dựng một khu vực nhận thức về cạnh tranh nhằm ủng hộ cạnh tranh công bằng, thiết lập nền tảng trao đổi thường xuyên, khuyến khích tuân thủ cạnh tranh và tăng cường tiếp cận thông tin cho doanh nghiệp, tiếp cận các bên liên quan khác thông qua cổng thông tin về chính sách và luật cạnh tranh, vận động các doanh nghiệp và cơ quan chính phủ, các nghiên cứu chuyên ngành về cấu trúc ngành tác động đến cạnh tranh;

(iv) Thiết lập các Thỏa thuận hợp tác khu vực về chính sách và luật cạnh tranh bằng cách thiết lập các hiệp định hợp tác cạnh tranh nhằm ứng phó hiệu quả với các giao dịch thương mại qua biên giới;

(v) Đạt được sự hài hòa lớn hơn của chính sách và luật cạnh tranh ở ASEAN bằng cách xây dựng chiến lược tâm khu vực;

(vi) Đảm bảo hài hòa các chương về chính sách cạnh tranh đã được ASEAN đàm phán trong khuôn khổ các FTAs với các Đối tác Đối thoại và các đối tác thương mại khác với chính sách và luật cạnh tranh ở ASEAN nhằm duy trì sự phù hợp về cách tiếp cận với chính sách và luật cạnh tranh trong khu vực; và

(vii) Tiếp tục tăng cường luật và chính sách cạnh tranh trong ASEAN có tính đến các thông lệ thực hành quốc tế.

B2. Bảo vệ người tiêu dùng

28. Bảo vệ người tiêu dùng là một phần không thể thiếu của xây dựng thị trường hiện đại, hiệu quả, phù hợp và công bằng. Người tiêu dùng sẽ cần tiếp cận với: thông tin hợp lý để thực hiện các lựa chọn; bồi thường thích đáng; và các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tiêu chuẩn và yêu cầu an toàn. Thương mại qua biên giới gia tăng, sử dụng thương mại điện tử và các phương thức thương mại mới khác từ toàn cầu hóa và tiến bộ công nghệ đòi hỏi các chính phủ tìm các cách thức đổi mới để bảo vệ và thúc đẩy lợi ích của người tiêu dùng. Điều này đòi hỏi hệ thống bảo vệ người tiêu dùng toàn diện và vận hành tốt thông qua khung pháp lý hiệu quả, các cơ chế bồi thường và nhận thức cộng đồng.

29. Các biện pháp chiến lược bao gồm:

(i) Thiết lập một khuôn khổ bảo vệ người tiêu dùng ASEAN chung thông qua mức độ pháp lý cao hơn về bảo vệ người tiêu dùng, cải thiện thực thi và giám sát pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng, xây dựng các cơ chế bồi thường phù hợp, bao gồm cả các cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế;

(ii) Thúc đẩy mức độ cao hơn về kiến thức và trao quyền cho người tiêu dùng bằng cách giải quyết những quan ngại của người tiêu dùng và nâng cao kiến thức và sự tiếp cận của người tiêu dùng;

(iii) Xây dựng lòng tin cao hơn cho người tiêu dùng và các giao dịch thương mại qua biên giới bằng cách tăng cường thực thi an toàn sản phẩm, sự tham gia mạnh hơn của đại diện người tiêu dùng và thúc đẩy tiêu dùng bền vững;

(iv) Khuyến khích các chính sách liên quan đến người tiêu dùng trong ASEAN thông qua đánh giá tác động của các chính sách bảo vệ người tiêu dùng và xây dựng các chính sách dựa vào sự hiểu biết; và

(v) Thúc đẩy các biện pháp bảo vệ người tiêu dùng trong các sản phẩm và ngành dịch vụ như tài chính, thương mại điện tử, vận tải hàng không, năng lượng và viễn thông.

B3. Tăng cường hợp tác quyền sở hữu trí tuệ

30. Sở hữu trí tuệ (IP) có vai trò quan trọng trong việc góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội quốc gia và khu vực. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (IPR) rất quan trọng đối với AMS để chuyển lên nấc thang cao hơn

về công nghệ, khuyến khích chuyển giao công nghệ, và thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. Cách tiếp cận trong 10 năm tới sẽ dựa vào sự cần thiết phải hỗ trợ phát triển kinh tế trong khu vực thông qua sử dụng IP và sáng tạo. Các chế độ IP quốc gia sẽ đạt được sự hội tụ về công nghệ và thủ tục, và các Văn phòng IP đã thông qua các mô hình hiện đại và thực tiễn cho phép cung cấp các dịch vụ “đẳng cấp thế giới” hiệu quả cho khách hàng ở cả cấp độ quốc gia và khu vực. Viễn cảnh trong tương lai sẽ trở nên cạnh tranh và hiệu quả hơn vì IP là một trong những nhân tố đóng góp vào việc gia tăng kim ngạch và giá trị xuất khẩu, dòng đầu tư trực tiếp nước ngoài và trong nước, cải thiện xếp hạng cạnh tranh toàn cầu.

31. Các biện pháp chiến lược bao gồm:

(i) Củng cố các văn phòng IP và xây dựng cơ sở hạ tầng IP để đảm bảo sự phát triển của một hệ thống IP ASEAN hiện đại hơn, thông qua các biện pháp then chốt sau:

- (a) Cải thiện dịch vụ IP, nhất là trong các lĩnh vực sáng chế, nhãn hiệu thương mại và kiểu dáng công nghiệp;
- (b) Mở rộng các hoạt động chia sẻ giữa AMS để giảm khối lượng công việc của các Văn phòng IP và giảm sự trùng lặp các hoạt động;
- (c) Thúc đẩy cải thiện các dịch vụ IP về thời hạn và chất lượng đầu ra;
- (d) Hoàn tất việc gia nhập Hiệp ước Hợp tác Sáng chế (PCT), Nghị định thư Madrid, Hiệp định Hague và nỗ lực để gia nhập Hiệp ước Xinh-ga-po về Luật Nhãn hiệu thương mại (STLT) và các hiệp ước quốc tế khác do Tổ chức Sở hữu Trí tuệ thế giới (WIPO) quản lý; và

(e) Phát triển các chương trình đào tạo dựa trên năng lực cho nhãn hiệu thương mại, sáng chế và thiết kế công nghiệp thông qua Học viện IP ASEAN ảo, với trọng tâm là Cam-pu-chia, CHDCND Lào và My-an-ma (CLM).

(ii) Xây dựng các nền tảng và cơ sở hạ tầng IP khu vực, thông qua các biện pháp then chốt sau:

- (a) Phát triển các mạng lưới mới của dịch vụ IP tích hợp cho khu vực, bao gồm các văn phòng chuyển giao công nghệ và các văn phòng hỗ trợ công nghệ đổi mới (các thư viện sáng chế) tập trung vào thương mại hóa và liên kết các thị trường IP hiện tại hoặc thị trường IP ảo mới của AMS;
- (b) Cải thiện việc cung cấp dịch vụ của AMS thông qua các dịch vụ trực

tuyển được kết nối, bao gồm sáng chế, nhãn hiệu thương mại, hệ thống tìm kiếm thiết kế và hệ thống nộp đơn trực tuyến;

- (c) Cải thiện và tập trung hóa việc quản lý Cổng thông tin IP của ASEAN bằng cách đảm bảo rằng thông tin IP bao gồm dữ liệu thống kê là chính xác và được cập nhật thường xuyên (ví dụ như số lượng hồ sơ, đăng ký, trợ giúp, thời gian chờ xử lý); và
- (d) Ứng dụng mô hình công nghệ thông tin (IT) để cải thiện chất lượng dịch vụ, bao gồm phát triển hệ thống dịch tự động để chia sẻ thông tin sáng chế và cơ sở dữ liệu sáng chế khu vực và nhãn hiệu thương mại.

(iii) Mở rộng hệ thống sinh thái IP ASEAN thông qua các biện pháp then chốt sau:

- (a) Thiết lập mạng lưới văn phòng ASEAN (IP, tư pháp, hải quan và các cơ quan thực thi khác) để nâng cao hiệu quả hợp tác về thực thi IPR khu vực và để thúc đẩy sự tôn trọng IP;
- (b) Tăng cường hợp tác với khu vực tư nhân, các hiệp hội IP và các bên liên quan khác trong khu vực và đối tác bên ngoài; và
- (c) Tăng cường năng lực của những người hoạt động về IP ASEAN thông qua nghiên cứu hệ thống cấp phép khu vực.

(iv) Tăng cường các cơ chế khu vực để thúc đẩy việc tạo ra tài sản và thương mại hóa, bao gồm triển khai các cơ chế hỗ trợ MSMEs và các ngành sáng tạo thông qua các biện pháp then chốt sau:

- (a) Cải thiện nhận thức và tôn trọng IP nhằm thúc đẩy việc sử dụng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm các chế độ khuyến khích cho MSMEs và các ngành sáng tạo.
- (b) Phát triển các dịch vụ định giá IP để tạo ra nhận thức về giá trị của IP như một tài sản tài chính.
- (c) Thúc đẩy việc thương mại hóa các sản phẩm chỉ dẫn địa lý (GI) trong ASEAN bằng cách cải thiện năng lực ngành sản xuất trong triển khai các chiến lược bảo hộ và xây dựng nhãn hiệu; và
- (d) Thúc đẩy cơ chế bảo hộ GIs và nguồn gen, tri thức truyền thống và văn hóa truyền thống, hỗ trợ việc bảo vệ chúng trong ASEAN và trên thị trường nước ngoài.

B4. Tăng trưởng dựa vào năng suất, đổi mới, nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa công nghệ

32. Khả năng cạnh tranh của ASEAN trong dài hạn phụ thuộc chủ yếu vào việc cải thiện năng suất lao động và tổng hợp các nhân tố sản xuất của AMS nếu ASEAN tiến lên chuỗi giá trị toàn cầu. Ngược lại, năng suất lao động và tổng hợp tác nhân tố sản xuất được xác định bằng hiệu quả sử dụng đầu vào, sự tiến bộ của tri thức, đổi mới và công nghệ.

33. Do vai trò quan trọng của việc áp dụng và phổ biến công nghệ cũng như đổi mới trong tăng năng suất và khả năng cạnh tranh dài hạn của ASEAN, AMS cần phải cùng nỗ lực để cải thiện năng lực đổi mới và công nghệ. Thách thức hướng tới một ASEAN đổi mới hơn là trong các khía cạnh đầu tư cho nghiên cứu, phát triển và phát triển vốn nhân lực, tăng cường chính sách và môi trường thể chế (ví dụ như chế độ quyền sở hữu trí tuệ) để đảm bảo chất lượng, sự phổ biến về công nghệ và đổi mới. Nỗ lực để giải quyết các biện pháp chiến lược sau có thể góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của ASEAN:

(i) Thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược giữa các học viện, viện nghiên cứu và khu vực tư nhân hướng tới phát triển năng lực và tạo kênh hiệu quả cho chuyển giao và thương mại hóa công nghệ;

(ii) Tăng cường khả năng cạnh tranh của MSMEs trong ASEAN thông qua áp dụng các công cụ và phương pháp khoa học và công nghệ; và

(iii) Tăng cường hệ thống hỗ trợ và môi trường phù hợp để nuôi dưỡng nguồn nhân lực có tính lưu động cao, thông minh và sáng tạo có thể phát triển mạnh về tri thức sáng tạo và ứng dụng.

34. Để thúc đẩy đổi mới, cần chú ý nhiều hơn đến phát triển các cơ chế quốc gia và xuyên biên giới nhằm thúc đẩy các biện pháp chiến lược sau:

(i) Chia sẻ thông tin và kết nối mạng để kích thích các ý tưởng và sáng tạo tại các trường đại học và doanh nghiệp;

(ii) Đặt trọng tâm lớn vào doanh nghiệp và phát triển các chương trình vườn ươm thương mại cho doanh nghiệp;

(iii) Thúc đẩy một môi trường chính sách thân thiện trong ASEAN về chuyển giao, áp dụng và đổi mới công nghệ, bao gồm cả việc nâng cấp cũng như các chính sách hỗ trợ tài khóa và phi tài khóa cho nghiên cứu và phát triển (R&D) ở cả các doanh nghiệp trong khối và doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong khu vực;

(iv) Tập trung hỗ trợ phát triển các công viên nghiên cứu và công nghệ, liên doanh, chính phủ và/ hoặc các phòng nghiên cứu của trường đại học, các trung tâm R&D và các thể chế và trung tâm khoa học công nghệ tương tự;

(v) Phát triển và tăng cường kết nối ASEAN trong các mạng lưới nghiên cứu và phát triển khu vực và toàn cầu;

(vi) Thúc đẩy bảo hộ IPR mạnh mẽ trong khu vực; và

(vii) Thúc đẩy các chương trình nâng cao sự tham gia của ASEAN trong các chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất khu vực và toàn cầu, bao gồm các chương trình và xúc tiến thu hút các công ty công nghệ hàng đầu thiết lập các cửa hàng trong khu vực, phát triển cụm công nghiệp và các ngành công nghiệp hỗ trợ, cải thiện kết nối kỹ thuật và thể chế trong khu vực và với phần còn lại của thế giới.

B5. Hợp tác thuế

35. Hợp tác thuế là một trong những yếu tố quan trọng để hỗ trợ cho khả năng cạnh tranh khu vực trong ASEAN bằng cách giải quyết những vấn đề về rào cản tài khóa. Một số biện pháp đang và sẽ triển khai đã được cam kết thực hiện, bao gồm:

(i) Các nỗ lực phối hợp để hỗ trợ việc hoàn thành và cải thiện mạng lưới các hiệp định thuế song phương nhằm giải quyết các vấn đề đánh thuế hai lần, và làm việc hướng tới tăng cường cơ cấu khấu trừ thuế, nếu có thể, nhằm thúc đẩy việc mở rộng cơ sở đầu tư trong phát hành nợ ASEAN;

(ii) Cải thiện việc thực thi trao đổi thông tin phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế;

(iii) Thảo luận các biện pháp để giải quyết vấn đề xói mòn cơ sở và chuyển lợi ích để đảm bảo sức khỏe tài chính;

(iv) Tìm hiểu khả năng về số xác định của người trả thuế toàn cầu nhằm cải thiện việc thu thuế và tăng cường giám sát các giao dịch; và

(v) Tìm hiểu khả năng hợp tác trong thuế môn bài và chia sẻ thông tin giữa các thành viên về sản phẩm có thể bị đánh thuế môn bài chung.

B6. Quản trị tốt

36. ASEAN công nhận sự cần thiết phải tiếp tục hợp tác với các bên liên quan để xây dựng một AEC 2025 năng động hơn. Các biện pháp chiến lược

bao gồm:

(i) Thúc đẩy một ASEAN phản ứng nhanh hơn bằng cách tăng cường quản trị thông qua sự minh bạch hơn trong khu vực công và trong hợp tác với khu vực tư nhân; và

(ii) Tăng cường hợp tác với khu vực tư nhân cũng như các bên liên quan khác để cải thiện minh bạch và sự đồng bộ của các chính sách của chính phủ với các hoạt động của doanh nghiệp giữa các ngành trong khu vực ASEAN.

B7. Thông lệ quy định tốt và các quy định hiệu lực, hiệu quả, chặt chẽ và có khả năng phản ứng

37. Môi trường pháp lý có tác động đáng kể đến hành vi và hoạt động của các doanh nghiệp. Động lực hướng tới một ASEAN cạnh tranh, năng động, đổi mới và tăng trưởng mạnh đòi hỏi các quy định là không phân biệt đối xử, ủng hộ cạnh tranh, hiệu quả, chặt chẽ và tạo điều kiện cho doanh nghiệp, chế độ quy định có khả năng phản ứng và dự đoán được theo GRPs. Vì các quy định cần thiết cho các hoạt động của xã hội và nền kinh tế, thách thức cho AMS là đảm bảo rằng các quy định này giải quyết hiệu quả vấn đề được xác định trong khi tối thiểu hóa chi phí tuân thủ, cũng như ngăn chặn sự biến dạng không chính đáng và sự không phù hợp phát sinh từ các quy định.

38. Hội nhập kinh tế khu vực đòi hỏi sự điều chỉnh về chính sách và pháp lý ở hầu hết chứ không phải tất cả AMS, có tính đến các mức độ phát triển khác nhau giữa các nước. Tuy nhiên, theo nhiều cách, AEC là một tiến trình cải cách thể chế và pháp lý cho AMS. Theo quan điểm cạnh tranh toàn cầu và thay đổi xã hội, kinh tế và công nghệ, AMS cần phải đảm bảo rằng chế độ pháp lý có liên quan mạnh mẽ, hiệu quả, chặt chẽ, minh bạch, hướng tới các cấu trúc quản lý và xây dựng cũng như các tiến trình thực thi. Ngoài ra, ASEAN công nhận sự cần thiết phải tiếp tục hợp tác với các bên liên quan khác để xây dựng AEC 2025 năng động hơn, cụ thể là cần phải thúc đẩy một ASEAN có khả năng phản ứng nhanh hơn bằng cách tăng cường quản trị thông qua minh bạch hơn trong khu vực công và hợp tác với khu vực tư nhân.

39. Các biện pháp chiến lược bao gồm:

(i) Đảm bảo rằng các quy định ủng hộ cạnh tranh, tương ứng với các mục tiêu và không phân biệt đối xử;

(ii) Thực hiện các chương trình phối hợp khu vực thường xuyên nhằm rà

soát các tiến trình thực thi quy định và các thủ tục đơn giản hơn và nếu cần thiết, khuyến nghị sửa đổi và các biện pháp phù hợp khác, trong đó bao gồm việc chấm dứt thực hiện;

(iii) Thể chế hóa việc tham vấn và đối thoại GRP với các bên liên quan để xác định các vấn đề, đưa ra các giải pháp kỹ thuật, giúp tạo sự đồng thuận về cải cách. Tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân cũng như các bên liên quan khác góp phần tạo sự gắn kết quy định, tăng tính minh bạch và sự đồng thuận lớn hơn về các chính sách của chính phủ với các hoạt động của doanh nghiệp trong các ngành, các lĩnh vực ở khu vực ASEAN;

(iv) Chương trình nghị sự quản lý có thể bao gồm đặt ra các mục tiêu và sự kiện quan trọng để tạo thuận lợi cho đánh giá thường xuyên về quy định và đánh giá định kỳ về tiến độ và tác động của khu vực; và

(v) Thực hiện các chương trình xây dựng năng lực theo mục tiêu với các đối tác như Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và ERIA nhằm hỗ trợ AMS trong các sáng kiến cải cách, có tính đến mức độ phát triển khác nhau, nhu cầu phát triển và chính sách quản lý của mỗi AMS.

B8. Phát triển kinh tế bền vững

40. ASEAN công nhận tầm quan trọng của phát triển kinh tế bình vững như một phần không thể thiếu của chiến lược tăng trưởng của khu vực. Bảo vệ môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế và ngược lại. ASEAN sẽ thúc đẩy tích cực phát triển xanh bằng cách xây dựng chương trình nghị sự về tăng trưởng bền vững thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch và công nghệ liên quan, bao gồm năng lượng tái tạo thông qua công nghệ xanh, cũng như tăng cường sản xuất và tiêu dùng bền vững, gồm cả các kế hoạch phát triển quốc gia.

41. Các biện pháp chiến lược bao gồm:

(i) Thúc đẩy các chính sách hỗ trợ năng lượng tái tạo và thiết lập các mục tiêu phù hợp;

(ii) Xây dựng khuôn khổ để hỗ trợ triển khai và sử dụng công nghệ cacbon thấp và hiệu quả, kêu gọi sự ủng hộ quốc tế để đảm bảo ASEAN tiếp cận với các cơ chế thúc đẩy công nghệ cacbon thấp với chi phí thấp hơn;

(iii) Thúc đẩy sử dụng nhiên liệu sinh học cho giao thông vận tải. Điều này bao gồm đảm bảo thương mại tự do về nhiên liệu sinh học trong khu vực

và đầu tư vào R&D cho nhiên liệu sinh học thế hệ thứ ba;

(iv) Tăng cường kết nối trong ASEAN, bao gồm thông qua thương mại điện tử đa phương trong khuôn khổ Mạng lưới điện ASEAN và hợp tác khí đốt tự nhiên hóa lỏng (LNG) trong Ống dẫn khí đốt xuyên ASEAN;

(v) Xác định các yêu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng để gia tăng sản xuất và giảm tổn hại sau sản xuất nhằm đáp ứng các yêu cầu trong tương lai và đảm bảo an ninh lương thực, rà soát các chương trình đầu tư hiện tại và giải quyết nhu cầu đầu tư trong lĩnh vực thực phẩm, nông nghiệp;

(vi) Phát triển công nghệ mới và phù hợp, các thông lệ thực hành tốt nhất và các hệ thống quản lý nhằm đảm bảo an ninh lương thực và an toàn thực phẩm, giải quyết các vấn đề về y tế/ dịch bệnh và môi trường, nhất là phát triển nhanh các phân ngành nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi và rau quả;

(vii) Thúc đẩy các thông lệ thực hành tốt về nông nghiệp nhằm tối thiểu hóa các hiệu ứng tiêu cực đối với tài nguyên thiên nhiên như đất, rừng, nước và giảm phát thải khí nhà kính; và

(viii) Thúc đẩy quản lý rừng liên quan đến cộng đồng sống trong và xung quanh rừng vì sự bền vững của rừng và sự thịnh vượng của người dân.

B9. Các xu thế lớn toàn cầu và các vấn đề mới nổi liên quan đến thương mại

42. Để duy trì và nâng cao tính năng động của nền kinh tế khu vực, và trở thành một khu vực tiên bộ với chất lượng sống cao, Tầm nhìn AEC 2025 sẽ bao gồm việc hình thành các chiến lược phù hợp về các vấn đề mới nổi liên quan đến môi trường và các xu thế lớn toàn cầu.

43. ASEAN sẽ cần phải tạo ra và duy trì một môi trường quan hệ công nghiệp tạo thuận lợi một cách trôi chảy nhất có thể cho đầu tư vào các công nhân và doanh nghiệp như các trung tâm học tập về nâng cấp công nghiệp, quản lý các điều chỉnh lao động trong hội nhập ASEAN. Điều này có thể liên quan đến việc làm sâu sắc tiến trình đối thoại xã hội về chia sẻ trách nhiệm và nâng cao sức mạnh tổng hợp giữa các doanh nghiệp, công nhân và chính phủ nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh lớn hơn, tính năng động và toàn diện cho AMS.

44. ASEAN có thể tối đa hóa hơn nữa lợi ích của hội nhập và hợp tác khu vực bằng cách tận dụng các xu thế lớn toàn cầu như mở rộng các dòng kết nối xuyên quốc gia toàn cầu, đẩy nhanh tiến bộ công nghệ số hóa đang ngày càng

xác định sản xuất, thương mại, dịch vụ và đầu tư quốc tế. Để ASEAN có thể nắm bắt được các cơ hội liên kết với các xu thế lớn này, tất cả các nhóm công tác chuyên ngành sẽ cần phải chủ động xem xét tác động của các xu thế này và đưa vào chương trình làm việc trong tương lai. Việc tham vấn với các bên liên quan trong những trường hợp đó sẽ rất cần thiết vì họ thường đi đầu các xu thế này.

C. Một ASEAN được tăng cường kết nối và hợp tác chuyên ngành

45. Các mục tiêu chính của đặc trưng này là để tăng cường kết nối kinh tế giữa các ngành như giao thông vận tải, viễn thông và năng lượng phù hợp và hỗ trợ cho tầm nhìn và các mục tiêu của Kế hoạch Tổng thể về Kết nối ASEAN và các văn kiện liên quan, cũng như hội nhập và hợp tác hơn trong các lĩnh vực quan trọng cùng với nỗ lực hiện nay hướng tới thiết lập một khu vực kinh tế hội nhập và bền vững, với mục tiêu tối đa hóa sự đóng góp của các lĩnh vực này trong cải thiện khả năng cạnh tranh nói chung của ASEAN và tăng cường kết nối mạng lưới cứng và mềm trong khu vực.

C1. Giao thông vận tải

46. Tầm nhìn AEC 2025 về hợp tác giao thông vận tải sẽ hướng tới sự kết nối rộng hơn, hiệu quả, hội nhập, an toàn và bền vững của vận tải ASEAN nhằm tăng khả năng cạnh tranh của ASEAN và thúc đẩy tăng trưởng và phát triển toàn diện của khu vực.

47. Dự kiến hợp tác giao thông vận tải ASEAN sẽ phải tiếp tục tập trung vào các lĩnh vực vận tải mặt đất, vận tải hàng không, vận tải biển và tạo thuận lợi cho vận tải, và để giao thông bền vững là một trọng tâm ngành then chốt vì có vai trò sống còn trong sự phát triển bền vững của khu vực ASEAN.

48. Các biện pháp chiến lược gồm:

(i) *Vận tải mặt đất*: thiết lập một mạng lưới giao thông khu vực hiệu quả, an toàn và hội nhập trong ASEAN với các nước láng giềng nhằm hỗ trợ sự phát triển của thương mại và du lịch, thông qua các biện pháp quan trọng:

(a) Đạt được hội nhập về cơ sở hạ tầng vận tải mặt đất (đường bộ và đường sắt) và kết nối đa phương thức với các sân bay, bến cảng, đường thủy nội địa và các bến phà chính; và

(b) Đẩy mạnh nỗ lực và phối hợp ở cấp chính sách và hoạt động để phát triển các hành lang thương mại vận tải mặt đất ASEAN.

(ii) *Vận tải hàng không*: Tăng cường thị trường hàng không thống nhất ASEAN vì một ASEAN cạnh tranh và có sức bật hơn, thông qua các biện pháp quan trọng sau:

- (a) Thực hiện các bầu trời mở an toàn và đảm bảo hơn trong ASEAN;
- (b) Nâng cao hiệu quả và năng lực quản lý vận tải hàng không thông qua bầu trời mở ASEAN thống nhất; và
- (c) Thúc đẩy kết nối lớn hơn, bao gồm cả việc hoàn tất các hiệp định hàng không với các Đối tác Đối thoại.

(iii) *Vận tải biển*: thiết lập Thị trường vận tải biển thống nhất ASEAN (ASSM) và thúc đẩy các hàng lang kinh tế vận tải biển an toàn, an ninh và chiến lược trong ASEAN, với các biện pháp quan trọng sau:

- (a) Tiếp tục tăng cường kết nối vận tải biển trong ASEAN thông qua thiết lập hợp tác vận tải biển khu vực ASSM và thực thi hiệu quả các công ước của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) hướng tới hiện thực hóa vận tải biển hội nhập, an toàn và cạnh tranh, bao gồm cả văn hóa an toàn hàng hải trong ASEAN; và
- (b) Phát triển các hành lang logistics vận tải biển chiến lược.

(iv) *Thuận lợi hóa giao thông vận tải*: Thiết lập một hệ thống vận tải đa phương thức và logistics hội nhập, hiệu quả và cạnh tranh toàn cầu vì sự di chuyển tự do của hành khách bằng các phương tiện đường bộ và của hàng hóa trong và ngoài ASEAN, thông qua các biện pháp quan trọng sau:

- (a) Vận hành Hiệp định Khung ASEAN về Tạo thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh (AFAFGIT), về Vận tải liên quốc gia và Vận tải đa phương thức;
- (b) Vận hành Hiệp định Khung ASEAN về tạo thuận lợi cho vận tải hành khách qua biên giới bằng phương tiện đường bộ (CBTP); và
- (c) Nâng cao năng lực và kỹ năng phát triển để tiến bộ hơn nữa về hợp tác thuận lợi hóa vận tải khu vực cũng như thuận lợi hóa vận tải ngoài ASEAN.

(v) *Vận tải bền vững*: để hình thành khuôn khổ chính sách khu vực nhằm hỗ trợ vận tải bền vững bao gồm các phương thức cacbon thấp, hiệu quả năng lượng và các sáng kiến vận tải thân thiện với người sử dụng, hội nhập vận tải và kế hoạch sử dụng đất.

49. Các biện pháp trên sẽ chứng minh rằng thuận lợi hóa nhằm mở rộng các cơ hội kinh tế và dịch vụ, cung cấp cho con người quyền tiếp cận và sự di động, vận tải góp phần vào tăng trưởng toàn diện các cơ hội kinh doanh mới, bao gồm cả SMEs và động lực chính trong việc đạt được tiềm năng đầy đủ của hội nhập kinh tế khu vực.

C2. Công nghệ thông tin và viễn thông (ICT)

50. Công nghệ thông tin và viễn thông (ICT) được công nhận là động lực quan trọng của chuyển đổi kinh tế xã hội của ASEAN. Một cơ sở hạ tầng ICT mạnh với kết nối phổ biến trong ASEAN có thể tạo thuận lợi cho việc tạo ra môi trường kinh doanh có lợi cho việc thu hút và thúc đẩy thương mại, đầu tư và doanh nhân. ASEAN sẽ cần phải tiếp tục ưu tiên thu hẹp khoảng cách số hóa và đảm bảo rằng tất cả các cộng đồng và doanh nghiệp có thể hưởng lợi từ ứng dụng ICT.

51. Tầm nhìn AEC 2025 sẽ được xây dựng trên cơ sở thành công của Kế hoạch Tổng thể ICT ASEAN trước đây. Nó mong muốn đưa ASEAN thành một nền kinh tế kỹ thuật số an toàn, bền vững và có khả năng chuyển đổi và tận dụng ICT hơn nữa để thiết lập một ASEAN sáng tạo, toàn diện và hội nhập. Các biện pháp chiến lược như sau:

(i) *Chuyển đổi kinh tế*: khai thác việc sử dụng và phối hợp ICT để phát triển kinh tế và thúc đẩy thương mại số hóa trong ASEAN;

(ii) *Hội nhập con người và trao quyền thông qua ICT*: tăng cường nỗ lực sử dụng toàn diện kỹ thuật số để trao quyền cho các cá nhân và để phát triển cộng đồng, khai thác các cách thức mới để nâng cao sự thâm nhập băng thông rộng của mạng Internet và khả năng chi trả trong ASEAN;

(iii) *Đổi mới*: hỗ trợ đổi mới ICT và doanh nhân cũng như phát triển công nghệ mới như Thành phố Thông tin, Phân tích và Dữ liệu Lớn;

(iv) *Phát triển cơ sở hạ tầng ICT*: cải thiện cơ sở hạ tầng và kết nối ICT đặc biệt trong khu vực nông thôn, và triển khai các biện pháp nhằm nâng cao sức bật của cơ sở hạ tầng ICT, kể cả các cấp ngầm dưới biển;

(v) *Phát triển nguồn nhân lực*: tăng cường phát triển tính chuyên nghiệp cho lực lượng ICT trong khu vực;

(vi) *ICT trong Thị trường chung*: thúc đẩy dòng lưu chuyển tự do hơn của sản phẩm, dịch vụ và đầu tư ICT trong khu vực cũng như giảm cước phí

chuyển vùng di động quốc tế trong ASEAN;

(vii) *Ngành sáng tạo và truyền thông mới*: khuyến khích sự phát triển và sử dụng các dịch vụ điện tử và truyền thông mới trong khu vực; và

(viii) *Bảo mật và bảo đảm thông tin*: xây dựng hệ thống sinh thái kỹ thuật số đáng tin cậy kể cả việc thông qua tăng cường hợp tác an ninh không gian mạng và triển khai các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân.

C3. Thương mại điện tử

52. Thương mại điện tử toàn cầu (e-Commerce) đã ngày càng trở thành một yếu tố sống còn đối với nền kinh tế toàn cầu như một phần trong chiến lược đa kênh của các nhà bán lẻ. Trong một thế giới toàn cầu hóa được kết nối với nhau thông qua ICT, thương mại điện tử giữ vai trò then chốt không chỉ với thương mại qua biên giới, mà còn tạo thuận lợi cho đầu tư nước ngoài thông qua cung ứng các dịch vụ trung gian. Thương mại điện tử đã giảm đáng kể các rào cản đối với gia nhập và chi phí hoạt động của doanh nghiệp, và đặc biệt có lợi cho SMEs.

53. Theo quan điểm về những đóng góp tiềm năng của thương mại điện tử đối với hỗ trợ hội nhập kinh tế khu vực ở ASEAN, ASEAN sẽ tăng cường hợp tác về xây dựng thương mại điện tử theo Điều 5 của Hiệp định Khung ASEAN điện tử đã được các Nhà Lãnh đạo ASEAN thông qua tháng 11 năm 2000, theo đó, việc triển khai Hiệp định ASEAN về thương mại điện tử nhằm tạo thuận lợi cho các giao dịch thương mại điện tử qua biên giới trong ASEAN. Điều này có thể bao gồm, nhưng không bị giới hạn, các biện pháp chiến lược như sau:

(i) Các luật về quyền và bảo vệ người tiêu dùng;

(ii) Khuôn khổ pháp lý được hài hòa hóa cho giải quyết tranh chấp trực tuyến, có tính đến các tiêu chuẩn quốc tế phù hợp;

(iii) Chứng nhận điện tử và chế độ ủy quyền (chữ ký điện tử) được công nhận lẫn nhau, bảo đảm an toàn, tin cậy và thân thiện với người sử dụng; và

(iv) Khuôn khổ bảo vệ dữ liệu cá nhân toàn diện và chặt chẽ.

C4. Năng lượng

54. Với chủ đề chiến lược “Nâng cao kết nối năng lượng và hội nhập thị trường trong ASEAN nhằm đạt được an ninh năng lượng, khả năng tiếp cận,

sự phù hợp và tính bền vững cho tất cả thành viên”, Kế hoạch Hành động ASEAN về Hợp tác năng lượng (APAEC) 2016-2025 sẽ được thực thi theo hai giai đoạn gồm Giai đoạn I từ 2016-2020 và Giai đoạn II từ 2021-2025. Các biện pháp chiến lược như sau:

(i) *Mạng lưới điện ASEAN*: Tiến hành thương mại điện đa phương ít nhất một tiêu vùng trong ASEAN vào năm 2018;

(ii) *Hệ thống ống dẫn khí xuyên ASEAN*: Nâng cao kết nối trong ASEAN về an ninh năng lượng và khả năng tiếp cận qua các ống dẫn khí và thiết bị dẫn khí;

(iii) *Than đá và công nghệ than sạch*: Nâng cao hình ảnh của than đá trong ASEAN thông qua thúc đẩy các công nghệ than sạch (CCT) cũng như gia tăng số lượng các dự án CCT vào năm 2020;

(iv) *Hiệu quả và tiết kiệm năng lượng*: Giảm cường độ sử dụng năng lượng trong ASEAN bằng 20% là mục tiêu trung hạn vào năm 2020 và 30% là mục tiêu dài hạn vào năm 2025 trên cơ sở mức của năm 2005;

(v) *Năng lượng tái tạo (RE)*: Gia tăng thành phần RE đến một số phần trăm đã thống nhất trong Thỏa thuận Năng lượng ASEAN (Tổng cung ứng năng lượng cơ bản) vào năm 2020;

(vi) *Chính sách và kế hoạch khu vực*: cơ cấu ngành năng lượng ASEAN ở cấp độ quốc tế thông qua ấn phẩm hàng năm về Hợp tác Năng lượng ASEAN; và

(vii) *Năng lượng hạt nhân dân sự*: Xây dựng năng lực cho các quan chức ở các nước ASEAN về năng lượng hạt nhân, bao gồm cả các hệ thống quy định hạt nhân.

C5. Thực phẩm, Nông nghiệp và Lâm nghiệp

55. Hợp tác ASEAN về thực phẩm, nông nghiệp và lâm nghiệp (FAF) giữ một vai trò quan trọng trong bối cảnh gia tăng dân số, tăng thu nhập và gia tăng tầng lớp trung lưu.

56. Sau năm 2015, tầm nhìn về ngành FAF được đề xuất là “ngành FAF cạnh tranh, phát triển toàn diện, có sức bật và bền vững được hội nhập với nền kinh tế toàn cầu, dựa vào thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất, góp phần vào an ninh lương thực và an ninh dinh dưỡng, và sự thịnh vượng trong Cộng đồng ASEAN”, với mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực, an toàn thực phẩm và dinh dưỡng tốt hơn, thu được từ tiếp cận thị trường toàn cầu cũng như

gia tăng khả năng phục hồi trước biến đổi khí hậu.

57. Các biện pháp can thiệp sau cần phải được xem xét để thúc đẩy hội nhập sâu sắc hơn của ngành FAF trong khu vực và thế giới thông qua: (i) tăng cường thuận lợi hóa thương mại và hội nhập kinh tế; (ii) tăng cường hợp tác và năng lực về sản xuất bền vững; (iii) tăng năng suất nông nghiệp; (iv) gia tăng đầu tư vào khoa học và công nghệ nông nghiệp; (v) đảm bảo sự tham gia của các nhà sản xuất nông nghiệp trong tiến trình toàn cầu hóa. Các biện pháp chiến lược như sau:

(i) Gia tăng cây trồng, vật nuôi và thủy sản/ nuôi trồng thủy sản;

(ii) Tăng cường thuận lợi hóa thương mại, xóa bỏ các rào cản đối với thương mại nhằm thúc đẩy khả năng cạnh tranh và hội nhập kinh tế;

(iii) Sản xuất bền vững và phân phối cân bằng;

(iv) Gia tăng khả năng phục hồi trước biến đổi khí hậu, các thảm họa thiên nhiên và các cú sốc khác;

(v) Cải thiện năng suất, công nghệ và chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo an toàn, chất lượng sản phẩm và phù hợp với tiêu chuẩn thị trường toàn cầu; (vi) Thúc đẩy quản lý rừng bền vững;

(vii) Tăng cường hợp tác hơn nữa trong sản xuất và thúc đẩy các sản phẩm và thực phẩm halal; và

(viii) Xây dựng và quảng bá ASEAN thành một cơ sở sản xuất thực phẩm hữu cơ, trong đó phần đầu đạt được các tiêu chuẩn quốc tế.

C6. Du lịch

58. Tầm nhìn AEC 2025 về du lịch là đưa ASEAN trở thành điểm đến với dịch vụ du lịch có chất lượng và ASEAN thống nhất trong đa dạng, cam kết phát triển du lịch có trách nhiệm, bền vững và toàn diện, nhằm góp phần đáng kể vào phúc lợi kinh tế xã hội của người dân ASEAN. Các định hướng chiến lược và các chương trình hành động được đề xuất giải quyết các thách thức cốt lõi đang đối mặt về phát triển bền vững du lịch chất lượng và hội nhập trong AMS: tạo ra sự cân bằng tốt hơn trong phân phối lợi ích của du lịch giữa AMS, giảm các mối quan tâm về an toàn và an ninh, làm cho các hình thức qua biên giới phù hợp hơn và tiết kiệm hơn, giảm tắc nghẽn về giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng nơi đến.

59. Để đạt được tầm nhìn du lịch ASEAN, các nỗ lực sẽ được tập trung vào hai biện pháp chiến lược:

(i) Tăng cường khả năng cạnh tranh của ASEAN như một điểm đến du lịch thống nhất thông qua các biện pháp quan trọng sau:

- (a) Tăng cường thúc đẩy và quảng bá ASEAN thông qua chiến dịch Đông Nam Á là một điểm đến thống nhất;
- (b) Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch ASEAN;
- (c) Thu hút đầu tư vào du lịch;
- (d) Nâng cao năng lực và khả năng của nguồn nhân lực du lịch;
- (e) Thực thi và mở rộng các tiêu chuẩn cho các cơ sở, dịch vụ và điểm đến;
- (f) Cải thiện và mở rộng kết nối và cơ sở hạ tầng nơi đến; và
- (g) Tăng cường thuận lợi hóa về du lịch.

(ii) Đạt được một mô hình bền vững và toàn diện hơn về du lịch ASEAN thông qua các biện pháp quan trọng sau:

- (a) Lấy cộng đồng địa phương và sự tham gia của khu vực công- tư trong chuỗi giá trị du lịch là chủ đạo ở mức độ nơi đến;
- (b) Đảm bảo an toàn và an ninh, ưu tiên bảo tồn và gìn giữ các di sản thiên nhiên và văn hóa; và
- (c) Gia tăng khả năng phản ứng nhanh đối với bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu.

C7. Chăm sóc sức khỏe

60. ASEAN sẽ tiếp tục thúc đẩy phát triển ngành chăm sóc sức khỏe để đóng góp cho các cơ sở chăm sóc sức khỏe tốt hơn, các sản phẩm, dịch vụ tốt hơn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về chất lượng và sự phù hợp của chăm sóc sức khỏe trong khu vực. Sự phát triển của ngành chăm sóc sức khỏe trong khu vực sẽ bao gồm kiến thức và y học truyền thống, tính đến tầm quan trọng của việc bảo vệ hiệu quả các nguồn gen, tri thức truyền thống và các nét văn hóa truyền thống (GRTKTCE).

61. Các biện pháp chiến lược bao gồm:

- (i) Tiếp tục mở cửa thị trường chăm sóc sức khỏe tư nhân và đầu tư quan

hệ đối tác công tư (PPP) trong việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe phổ biến trong khu vực;

(ii) Hải hòa hóa hơn các tiêu chuẩn và hợp chuẩn trong sản phẩm và dịch vụ chăm sóc sức khỏe, như các tài liệu kỹ thuật chung được yêu cầu cho quá trình đăng ký và dán nhãn dinh dưỡng;

(iii) Thúc đẩy các ngành có tiềm năng tăng trưởng cao như dịch vụ du lịch sức khỏe và dịch vụ chăm sóc sức khỏe điện tử mà các dịch vụ này sẽ không có tác động tiêu cực đến hệ thống chăm sóc sức khỏe của mỗi AMS;

(iv) Thúc đẩy hệ thống bảo hiểm y tế mạnh trong khu vực;

(v) Tạo thuận lợi hơn cho sự di chuyển của những người làm dịch vụ chăm sóc sức khỏe trong khu vực;

(vi) Tăng cường sự phát triển hơn của khuôn khổ pháp lý ASEAN về y học cổ truyền và các thực phẩm bổ sung, thông qua thiết lập các định hướng hoặc khuôn khổ phù hợp; và

(vii) Tiếp tục xây dựng và ban hành các chỉ thị mới về sản phẩm chăm sóc sức khỏe để tạo thuận lợi hơn cho thương mại trong sản phẩm chăm sóc sức khỏe ở khu vực.

C8. Khoáng sản

62. Để hỗ trợ Tầm nhìn AEC 2025, Kế hoạch Hành động Hợp tác khoáng sản ASEAN mới (AMCAP) 2016-2025 sẽ được thực thi theo hai giai đoạn gồm Giai đoạn I từ 2016 đến 2020 và Giai đoạn II từ 2021 đến 2025, và sẽ tạo ra một ngành khoáng sản ASEAN sôi động và cạnh tranh vì phúc lợi của người dân ASEAN thông qua tăng cường thương mại, đầu tư và củng cố hợp tác, năng lực về phát triển khoáng sản bền vững trong khu vực.

63. Các biện pháp chiến lược bao gồm:

(i) Tạo thuận lợi và tăng cường thương mại và đầu tư trong ngành khoáng sản;

(ii) Thúc đẩy phát triển khoáng sản bền vững về xã hội và môi trường;

(iii) Tăng cường năng lực thể chế và nhân lực trong ngành khoáng sản ASEAN; và

(iv) Duy trì Cơ sở dữ liệu khoáng sản ASEAN hiệu quả và cập nhật, bao gồm cả cơ sở hạ tầng để đạt được hội nhập sâu hơn trong ngành khoáng sản.

64. Hợp tác trong ngành khoáng sản ASEAN sẽ tiếp tục liên quan đến quan hệ đối tác trong phát triển chính sách và trong thực thi chương trình với các biện pháp quan trọng như:

- (a) Trao đổi thông tin và phát triển Cơ sở dữ liệu khoáng sản ASEAN;
- (b) Thúc đẩy và tạo thuận lợi cho thương mại và đầu tư trong và ngoài ASEAN;
- (c) Thúc đẩy sự phát triển và quản lý nguồn khoáng sản thân thiện với xã hội và môi trường;
- (d) Tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân và hợp tác công – tư trong các chương trình và hoạt động hợp tác khoáng sản ASEAN;
- (e) Thúc đẩy hợp tác với các Đối tác Đối thoại ASEAN và các tổ chức khu vực và quốc tế liên quan trong việc thúc đẩy nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ về phát triển nguồn khoáng sản và khoa học địa chất, cũng như các chương trình hợp tác về chuyển giao công nghệ;
- (f) Phối hợp và hài hòa hóa các chính sách và chương trình phát triển về nguồn khoáng sản;
- (g) Trao đổi thông tin công nghệ, kinh nghiệm và thông lệ thực hành tốt; và
- (h) Tăng cường hợp tác và có các cách tiếp cận chung trong giải quyết các vấn đề khu vực và quốc tế và quan tâm đến lợi ích chung.

C9. Khoa học và công nghệ

65. Hiện thực hóa mục tiêu của ASEAN về duy trì tăng trưởng kinh tế và khả năng cạnh tranh toàn cầu sẽ được hỗ trợ bởi áp dụng khoa học, công nghệ phù hợp và đổi mới (STI). Kế hoạch Hành động ASEAN về Khoa học công nghệ và đổi mới (APASTI 2016-2025) và kế hoạch thực thi sẽ là dẫn chiếu quan trọng trong việc xác định, xây dựng kế hoạch và thực thi các sáng kiến sẽ góp phần làm cho ASEAN đổi mới, cạnh tranh, sôi động, bền vững và hội nhập về kinh tế.

66. Tầm nhìn và mục tiêu của APASTI sẽ đòi hỏi các nỗ lực và tổng hợp các nguồn lực để giải quyết các biện pháp chiến lược sau:

- (i) Tăng cường các mạng lưới các trung tâm khoa học và công nghệ hiện

có nhằm thúc đẩy hợp tác, chia sẻ các cơ sở nghiên cứu và nhân lực hướng tới phát triển nghiên cứu chung và công nghệ, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa;

(ii) Tăng cường sự di chuyển của các nhà khoa học và các nhà nghiên cứu từ cả các thể chế khoa học công nghệ và khu vực tư nhân thông qua các chương trình trao đổi và các thỏa thuận phù hợp theo các luật, quy tắc, quy định và chính sách quốc gia;

(iii) Thiết lập các hệ thống và cơ chế sẽ gia tăng sự tham gia của phụ nữ và thanh niên trong STI;

(iv) Nâng cao nhận thức cộng đồng về các thành quả đã đạt được từ hợp tác ASEAN trong STI;

(v) Thiết lập các hệ thống hỗ trợ đổi mới nhằm thúc đẩy và quản lý doanh nghiệp STI khu vực phát sinh từ chi nhánh và liên doanh; và

(vi) Thiết lập các chiến lược mới về quan hệ đối tác với các đối tác đối thoại và các tổ chức liên quan khác về những dự án cùng có lợi.

D. Một ASEAN có sức bật, toàn diện, hướng tới con người và lấy con người làm trung tâm

67. Tầm nhìn AEC 2025 hướng tới nâng cao đáng kể trụ cột thứ ba của Kế hoạch Tổng thể AEC 2015 về “Phát triển kinh tế cân bằng” bằng cách làm sâu sắc các yếu tố hiện tại và bổ sung các yếu tố quan trọng khác.

D1. Tăng cường vai trò của các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs)

68. MSMEs là xương sống của các nền kinh tế ASEAN. Tuy nhiên, toàn cầu hóa, tiến bộ trong công nghệ và viễn thông, tự do hóa thương mại và sự phát triển của các tiến trình sản xuất đặt ra các thách thức cần phải được giải quyết tốt hơn vì ASEAN tiếp tục làm sâu sắc hội nhập kinh tế. Công việc được tập trung chủ yếu vào nâng cao mạng lưới, dòng thông tin và xây dựng năng lực cho các cơ quan chính phủ làm việc về các vấn đề này và xây dựng năng lực trong các khía cạnh sau: tiếp cận tài chính, công nghệ và đổi mới, thị trường, phát triển nguồn nhân lực, chính sách hợp lý và môi trường pháp lý.

69. Một chương MSME được cấu trúc tốt và có mục tiêu sẽ được thiết lập để nâng cao khả năng cạnh tranh và sức bật của MSME và có thể hưởng lợi nhiều hơn từ hội nhập ASEAN. Các sáng kiến hướng tới môi trường chính

sách thuận lợi cho MSME và các biện pháp liên quan đến thị trường được yêu cầu để hỗ trợ các mục tiêu này và đưa năng suất, đổi mới của SME cũng như các cơ hội phát triển cân bằng và toàn diện cho các doanh nghiệp siêu nhỏ và SMEs. Trong việc đáp ứng các mong ước về MSME đổi mới và cạnh tranh toàn cầu đã được hội nhập trong cộng đồng ASEAN và góp phần phát triển toàn diện, các biện pháp chiến lược sau sẽ được thực thi:

(i) Thúc đẩy năng suất, công nghệ và đổi mới thông qua các biện pháp nhằm nâng cao năng suất MSME bằng cách hiểu biết về các xu thế quan trọng của năng suất; xây dựng các cụm công nghiệp thông qua liên kết công nghiệp; thúc đẩy công nghệ và xây dựng năng lực để hình thành cụm công nghiệp; cũng như thúc đẩy đổi mới như một lợi thế cạnh tranh chủ đạo thông qua sử dụng công nghệ và áp dụng công nghệ đối với doanh nghiệp và liên kết doanh nghiệp- học viện;

(ii) Tăng cường tiếp cận tài chính bằng cách phát triển và nâng cao khuôn khổ thể chế nhằm cải thiện sự hiểu biết và củng cố cơ sở hạ tầng bổ sung cũng như các biện pháp và môi trường chính sách thúc đẩy đầu tư thay thế và phi truyền thống; thúc đẩy sự toàn diện tài chính và năng lực của MSMEs để tham gia tốt hơn trong hệ thống tài chính; nâng cao các chế độ thuế và các chế độ khuyến khích khác;

(iii) Nâng cao tiếp cận thị trường và quốc tế hóa bằng cách mở rộng và phát triển các chế độ hỗ trợ cho tiếp cận thị trường và hội nhập vào chuỗi cung ứng toàn cầu bao gồm thúc đẩy quan hệ đối tác với các tập đoàn đa quốc gia (MNCs) và các doanh nghiệp lớn để gia tăng tiếp cận thị trường và các cơ hội; thúc đẩy sử dụng thương mại điện tử; và tăng cường các biện pháp thúc đẩy xuất khẩu thông qua các cơ chế như hỗ trợ xuất khẩu, dịch vụ tư vấn và sử dụng ROO;

(iv) Tăng cường chính sách và môi trường pháp lý MSME thúc đẩy các cơ chế hợp tác và phối hợp trong và liên chính phủ, liên quan đến MSME trong tiến trình ra quyết định để mang lại lợi ích tốt hơn cho MSME, hỗ trợ các doanh nghiệp siêu nhỏ trong các ngành phi chính thức và sự hội nhập của các doanh nghiệp này; đơn giản hóa các tiến trình trong việc cấp phép và đăng ký doanh nghiệp để việc thành lập doanh nghiệp nhanh hơn và ít chi phí; và

(v) Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp và nguồn nhân lực thông qua thiết lập một môi trường thuận lợi hơn cho doanh nhân qua Học viện Trực tuyến ASEAN; và nâng cao phát triển nguồn nhân lực cho MSMEs, nhất là thanh

niên và phụ nữ.

D2. Tăng cường vai trò của khu vực tư nhân

70. Vai trò của khu vực tư nhân trong hội nhập ASEAN là rất quan trọng như một bên liên quan then chốt của tiến trình này. Tầm nhìn AEC 2025 đã công nhận rằng sự tham gia rộng hơn của khu vực tư nhân và sự tham gia có cơ cấu hơn sẽ có lợi đối với việc đạt được các mục tiêu ASEAN. Đầu vào và quan hệ đối tác của khu vực tư nhân không chỉ cần thiết trong xây dựng các chiến lược và sáng kiến khu vực, mà còn xác định các trở ngại đối với việc hiện thực hóa hội nhập kinh tế khu vực sâu sắc hơn. Các nỗ lực phải được thực hiện để doanh nghiệp và các tổ chức cộng đồng tham gia hiệu quả hơn và tiếp cận dễ hơn với thông tin chính thức về tình hình thực thi và phản hồi kịp thời về các chính sách.

71. Hiện nay, Hội đồng Tư vấn kinh doanh ASEAN (ASEAN-BAC) là cơ quan cao nhất của khu vực tư nhân, chín hội đồng kinh doanh ASEAN+1, và 66 đơn vị doanh nghiệp có quan hệ tương tác với nhiều nhóm chuyên ngành ASEAN. ASEAN-BAC sẽ đi đầu trong việc điều phối các hội đồng kinh doanh và các đơn vị trong việc tương tác với các nhóm chuyên ngành. Trong việc khai thác các nguồn lực của khu vực tư nhân để tham gia hiệu quả hơn trong các hoạt động ASEAN và hỗ trợ ASEAN đạt được các mục tiêu, các biện pháp chiến lược sau đây:

- (i) Thực thi tiến trình tham vấn toàn diện hơn có sự tham gia của khu vực tư nhân:
- (a) Xây dựng một bộ nguyên tắc để tối đa hóa các lợi ích từ sự tham gia với khu vực tư nhân. Các nguyên tắc có thể bao gồm tiêu chí sự tham gia của các tổ chức thuộc khu vực tư nhân (ví dụ bổ sung giá trị gia tăng cho ASEAN, nâng cao các năng lực cốt lõi, cơ chế liên quan đến SMEs).
- (b) Các cơ quan ASEAN- các cơ quan ASEAN liên quan để thể chế hóa trong mỗi cơ quan một tiến trình tham vấn với các tổ chức đi đầu của khu vực tư nhân (các hiệp hội ngành hàng và các hội đồng kinh doanh) cũng như các đại diện ASEAN-BAC để hỗ trợ việc thực thi các kế hoạch hành động chuyên ngành.
- (c) Các thực thể kinh doanh- các nhóm ngành khu vực tư nhân để xây dựng các nhóm nhằm đối với các vấn đề cụ thể; tổ chức các sự kiện hợp tác về các vấn đề quan trọng như thuận lợi hóa thương mại, dịch

vụ, đầu tư, kết nối, thực phẩm và SME để đưa ra các vấn đề và cung cấp thông tin đầu vào về những xu thế và các vấn đề mới nổi.

(d) Diễn đàn mạng lưới trực tuyến – với nhiều cơ quan và nhiều vấn đề khác nhau, khu vực tư nhân cần phải xây dựng nền tảng về mạng lưới liên kết.

(ii) Nâng cao vai trò của ASEAN-BAC:

(a) Thành viên: tư cách thành viên để phản ánh các liên kết chặt chẽ với các bên liên quan tham gia kinh doanh.

(b) Cam kết: xây dựng cam kết có cấu trúc hợp lý hơn với các hội đồng kinh doanh/ các thực thể doanh nghiệp, thiết lập cấu trúc để giám sát tiến triển của các sáng kiến then chốt hoặc các ngành hội nhập ưu tiên (PIS) quan tâm đến khu vực tư nhân để hỗ trợ thực thi và cung cấp thông tin phản hồi.

(c) Sự phối hợp giữa ASEAN-BAC và Ban Thư ký ASEAN: sự phối hợp với ASEAN-BAC được tăng cường bằng cách: cung cấp thường xuyên thông tin cập nhật của AEC; cung cấp biên bản tham vấn với khu vực tư nhân; và đảm bảo các khuyến nghị của ASEAN-BAC được đưa vào quá trình tham vấn với các cơ quan chuyên ngành.

D3. Quan hệ đối tác công tư

72. Quan hệ đối tác công tư (PPP) là một công cụ quan trọng cho các nhà ra quyết định nhằm tăng cường sự phát triển kinh tế và xã hội thông qua khai thác chuyên gia của khu vực tư nhân, chia sẻ rủi ro và cung cấp thêm các nguồn hỗ trợ. ASEAN đang nâng cấp chương trình nghị sự PPP, nhất là về các sáng kiến cơ sở hạ tầng trong AEC và trong Kế hoạch Tổng thể Kết nối ASEAN và các văn kiện liên quan. Các Nguyên tắc ASEAN không ràng buộc về các khuyến nghị của Khuôn khổ PPP đã được thông qua tại Hội nghị AEM 46 vào tháng 8 năm 2014 và được trình bày tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 25 vào tháng 11 năm 2014.

73. Các biện pháp chiến lược bao gồm:

(i) Rà soát và đưa vào phạm vi các khuôn khổ pháp lý và thể chế quốc gia hỗ trợ PPP ở cả cấp quốc gia và khu vực với quan điểm hướng tới tăng cường môi trường pháp lý và hoạt động PPP;

(ii) Xác định các đối tác cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho AMS nhằm tạo môi

trường thuận lợi cho PPP, bao gồm các chính sách, luật pháp, quy định, thể chế cần thiết và năng lực của chính phủ;

(iii) Xác định các đối tác cung cấp các cơ sở phát triển dự án PPP và các dịch vụ tư vấn giao dịch;

(iv) Thiết lập mạng lưới ASEAN về các cơ quan PPP và các bên liên quan (các công ty luật, các thể chế tài chính) ở AMS nhằm chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác về các dự án liên doanh;

(v) Khuyến khích Quỹ Cơ sở hạ tầng ASEAN (AIF) nghiên cứu cách thức hoạt động như chất xúc tác để thu hút đầu tư tư nhân vào các dự án PPP quan trọng sẽ góp phần giảm nghèo, tăng trưởng bền vững, sự bền vững môi trường và hội nhập khu vực; và

(vi) Thúc đẩy sử dụng PPP cho các dự án cơ sở hạ tầng, nếu phù hợp.

D4. Thu hẹp khoảng cách phát triển

74. Sáng kiến về Hội nhập ASEAN (IAI) đã trở thành một sáng kiến quan trọng để giải quyết vấn đề thu hẹp khoảng cách phát triển (NDG) bằng cách hỗ trợ CLMV nâng cao năng lực thực thi các hiệp định khu vực và đẩy nhanh tiến trình hội nhập khu vực trong ASEAN. Công nhận rằng tình trạng chậm phát triển và khoảng cách phát triển đang tồn tại ở tất cả các nước, ASEAN cũng tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các khuôn khổ hợp tác tiểu vùng khác trong khu vực (ví dụ Khu vực Tăng trưởng Đông ASEAN Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin (BIMP-EAGA); Tam giác Tăng trưởng In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Thái Lan (IMT-GT), Tiểu vùng Mekong Mở rộng (GMS), các Sáng kiến Mêkong) như một phần của NDG. Giai đoạn thứ hai của Kế hoạch Làm việc IAI kéo dài từ năm 2009 đến 2015, trong khi các Kế hoạch Hành động đã được thực thi tại Hội nghị thường niên của Quan chức kinh tế cao cấp CLMV từ năm 2011.

75. Xem xét các khuyến nghị trong Báo cáo rà soát giữa kỳ về Kế hoạch Làm việc IAI giai đoạn II và Báo cáo Giám sát phát triển cân bằng ASEAN 2014, kế hoạch thực thi IAI và NDG sau 2015 sẽ tập trung vào các mục tiêu chiến lược sau:

(i) Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế giữa AMS;

(ii) Tăng cường xây dựng năng lực ở các nước thành viên mới nhằm thực thi các cam kết khu vực hướng tới hội nhập kinh tế ASEAN;

(iii) Giảm gánh nặng do các quy định kinh doanh về việc tạo và hoạt động thành công của các doanh nghiệp chính thức;

(iv) Tạo các cơ hội kinh doanh về tăng trưởng và việc làm, gia tăng tiếp cận với các dịch vụ tài chính;

(v) Nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh của các nền kinh tế nông thôn, đặc biệt các nước thành viên mới;

(vi) Nhấn mạnh vào sự phát triển của MSMEs ở các AMS; và

(vii) Xác định các nhà tài trợ phát triển để cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho MSMEs nhằm tập trung vào các ngành tiềm năng, cho phép các doanh nghiệp này tham gia hiệu quả vào các hoạt động chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

76. Sự phối hợp hiệu quả giữa các khuôn khổ ASEAN và tiểu vùng nhằm chuyển sự hợp tác vào các hành động cụ thể và bền vững khai thác thế mạnh và lợi thế của nhau sẽ tiếp tục được thực hiện.

D5. Đóng góp của các bên liên quan vào nỗ lực hội nhập khu vực

77. Tăng cường sự tham gia của các bên liên quan có thể được thực hiện nhằm tạo sự minh bạch tốt hơn cho các hoạt động và tiến triển trong hội nhập ASEAN. Các bên liên quan bao gồm cả các tổ chức xã hội dân sự (CSOs) có thể đóng góp vào nỗ lực hội nhập bằng cách tuyên truyền các sáng kiến được chính phủ thực hiện về hội nhập kinh tế tới công chúng. Các bên liên quan này cũng có thể đóng góp vào việc đưa ra phản hồi về tác động với người dân của các nỗ lực hội nhập.

78. Các biện pháp chiến lược bao gồm:

(i) Tiếp tục nâng cao sự tham gia với các bên liên quan về các vấn đề kinh tế nhằm thúc đẩy hiểu biết tốt hơn về các sáng kiến hội nhập kinh tế ASEAN;

(ii) Làm việc chặt chẽ hơn với các bên liên quan hướng tới thúc đẩy các hoạt động về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR); và

(iii) Tăng cường tham vấn với các bên liên quan về các sáng kiến mới.

E. Một ASEAN toàn cầu

79. ASEAN đang tiếp tục thực hiện tiến trình hướng tới hội nhập khu vực vào nền kinh tế toàn cầu thông qua các FTAs và các hiệp định đối tác kinh tế

toàn diện (CEPs) với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Ô-xtrây-li-a và Niu Dilan. Các cuộc đàm phán nhằm kết thúc RCEP và FTA ASEAN-Hồng Kong (AHKFTA) cũng đang được tiến hành. Các FTAs/CEPs này đang ngày càng củng cố vị thế của ASEAN như một khu vực kinh tế mở và toàn diện, tạo nền tảng cho ASEAN giữ vững vai trò trung tâm trong các cam kết khu vực và toàn cầu. AMS cũng được tham gia vào các FTA và CEP với các đối tác thương mại chiến lược để hoàn thiện các FTAs/CEPs khu vực.

80. Dựa trên các lợi ích từ cam kết toàn cầu của ASEAN và các sáng kiến hội nhập kinh tế, ASEAN sẽ làm việc hướng tới hội nhập AEC vào nền kinh tế toàn cầu. Thông qua các cam kết này, ASEAN có thể thúc đẩy việc bổ sung và tìm kiếm lợi ích chung cho ASEAN. Các biện pháp chiến lược như sau:

(i) Triển khai một cách tiếp cận gắn kết và chiến lược hơn hướng tới các quan hệ kinh tế bên ngoài với quan điểm tạo ra vị thế chung trong diễn đàn kinh tế khu vực và toàn cầu;

(ii) Tiếp tục rà soát và cải thiện các FTAs và CEPs của ASEAN nhằm đảm bảo rằng các hiệp định vẫn hiện đại, toàn diện, chất lượng cao và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của doanh nghiệp hoạt động trong các mạng lưới sản xuất ở ASEAN;

(iii) Nâng cao quan hệ đối tác kinh tế với các Đối tác Đối thoại ngoài FTA bằng cách nâng cấp và tăng cường các chương trình/ kế hoạch làm việc thương mại và đầu tư;

(iv) Tham gia với các đối tác khu vực và toàn cầu nhằm khai thác cam kết chiến lược nhằm theo đuổi các quan hệ đối tác kinh tế với các nền kinh tế mới nổi và/ hoặc các nhóm khu vực chia sẻ cùng các giá trị và nguyên tắc về cải thiện đời sống của người dân thông qua hội nhập kinh tế;

(v) Tiếp tục hỗ trợ mạnh mẽ hệ thống thương mại đa phương và tham gia tích cực vào diễn đàn khu vực; và

(vi) Tiếp tục thúc đẩy tham gia với các thể chế toàn cầu và khu vực.

III. THỰC THI VÀ RÀ SOÁT

A. Cơ chế thực thi

81. Hội đồng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AECC) sẽ là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm thực thi tổng thể các biện pháp chiến lược đã thống nhất trong Kế hoạch Tổng thể AEC 2025.

82. Để đảm bảo thực thi hiệu quả Kế hoạch Tổng thể AEC 2025, các biện pháp chiến lược sau sẽ được thực hiện:

(i) AECC sẽ theo dõi và thực thi sự tuân thủ của tất cả các biện pháp đã thống nhất trong văn kiện này. AECC cũng sẽ thiết lập các nhóm đặc trách/ các ủy ban đặc biệt để hỗ trợ Hội đồng trong tạo thuận lợi cho nghị quyết của sự không tuân thủ liên quan đến thực thi các biện pháp đã thống nhất trên. Các thành phần và điều khoản tham chiếu (TOR) của các nhóm đặc trách/ ủy ban đặc biệt sẽ do Hội đồng xác định, có xem xét đến tính hữu dụng của quan điểm độc lập trong giám sát và thực thi nghị quyết của việc không tuân thủ;

(ii) Một kế hoạch chiến lược AEC 2025 sẽ được xây dựng bao gồm các dòng hành động then chốt sẽ thực thi các biện pháp chiến lược của Kế hoạch Tổng thể AEC 2025. Kế hoạch chiến lược sẽ tính đến các kế hoạch làm việc phù hợp và sẽ được rà soát định kỳ theo sự phát triển của mỗi ngành;

(iii) Các cơ quan chuyên ngành ASEAN sẽ phối hợp thực thi các kế hoạch làm việc trong khi các cơ quan chính phủ sẽ chịu trách nhiệm theo dõi việc thực thi đó, và giám sát, thực thi và chuẩn bị các kế hoạch hành động chi tiết hơn ở cấp quốc gia;

(iv) AMS cũng có thể tiếp cận các cơ chế như Các giải pháp ASEAN về đầu tư, dịch vụ và thương mại (ASSIST). Mặc dù vậy, AMS vẫn lựa chọn sử dụng Nghị định thư ASEAN về Tăng cường Cơ chế giải quyết tranh chấp (EDSM) để thúc đẩy một cộng đồng dựa vào quy tắc;

(v) AMS sẽ chuyển các dấu mốc và các mục tiêu của Kế hoạch Tổng thể AEC 2025 vào các dấu mốc và mục tiêu quốc gia;

(vi) Việc giám sát/ theo dõi tình hình thực thi và tuân thủ các biện pháp/ hành động chiến lược đã thống nhất trong văn kiện sẽ được thực hiện bởi Ban Thư ký ASEAN thông qua một khuôn khổ giám sát được tăng cường sử dụng cách tiếp cận và phương pháp phù hợp. Tác động và kết quả của AEC 2025 sẽ được giám sát, kể cả với sự hỗ trợ của Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN (ACSS);

(vii) Nếu có thể phù hợp, việc thực thi AEC 2025 sẽ cho phép cả cách tiếp cận đồng thuận và linh hoạt trong quá trình ra quyết định bởi các cơ quan kinh tế trong một số khía cạnh nhạy cảm. Khi không có sự đồng thuận hoặc khi các quyết định nhanh phát sinh, ASEAN sẽ áp dụng Điều 21.2 của Hiến chương ASEAN;

(viii) AEC 2025 sẽ thúc đẩy sự minh bạch và cải thiện hoạt động của các thủ tục thông báo trong khuôn khổ tất cả các hiệp định kinh tế ASEAN thông qua Nghị định thư về các Thủ tục Thông báo;

(ix) Việc phê chuẩn các văn kiện pháp lý ASEAN sau khi ký kết sẽ được đẩy nhanh, với nỗ lực tốt nhất, trong 6 tháng, tùy thuộc vào thủ tục nội bộ của AMS; và

(x) Các hiệp định đối tác với khu vực tư nhân, các hiệp hội ngành hàng, và cộng đồng ở cấp khu vực và quốc gia cũng sẽ được tăng cường và thúc đẩy nhằm đảm bảo sự tham gia ổn định của tất cả các bên liên quan trong tiến trình hội nhập.

83. Giai đoạn hội nhập tiếp theo sẽ đòi hỏi sự ủng hộ mạnh mẽ về thể chế, sự tăng cường hơn nữa của Ban Thư ký ASEAN và hợp tác chiến lược với các thể chế khác.

A1. Ban Thư ký ASEAN

84. Việc tăng cường kịp thời và hiệu quả cho Ban Thư ký là việc bắt buộc. Các nỗ lực tăng cường Ban Thư ký sẽ được thực hiện bằng báo cáo và các khuyến nghị của Nhóm Đặc trách cấp cao (HLTF) về Tăng cường Ban Thư ký ASEAN và rà soát các cơ quan ASEAN, đã được các Nhà Lãnh đạo ASEAN thông qua tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 25 tại Nay Pyi Taw. Ban Thư ký được dự kiến tiếp tục giám sát cũng như đánh giá về AECC, tiến triển và tác động của các biện pháp AEC 2025, khai thác các nguồn tài nguyên nội bộ cũng như các chuyên gia bên ngoài hoặc các bên liên quan, nếu phù hợp.

85. Ban Thư ký cũng sẽ tiếp tục giữ vai trò tích cực trong phổ biến thông tin tới tất cả các bên liên quan, và thực hiện nghiên cứu hoặc các sáng kiến khác liên quan và hỗ trợ cho Kế hoạch Tổng thể AEC 2025.

A2. Các thể chế khác

86. Sự hỗ trợ của hợp tác chiến lược với các thể chế khác liên quan trong công tác về hội nhập kinh tế khu vực, nhưng không giới hạn, như Văn phòng Nghiên cứu kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO), Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, ERIA, OECD, cũng sẽ cần thiết trong việc đạt được mục tiêu AEC 2025.

B. Các nguồn lực

87. ASEAN sẽ tiếp tục tạo thuận lợi cho sự huy động các nguồn lực từ

AMS, các đối tác đối thoại ASEAN và các thể chế quốc tế, theo các điều kiện, nhưng không giới hạn về tài trợ, chuyên môn và hỗ trợ xây dựng năng lực để thực thi các biện pháp đã thống nhất.

88. Trong huy động các nguồn lực, theo hình thức tài trợ, chuyên môn hoặc tài sản tri thức, sẽ xem xét đến sự bền vững của các nỗ lực, sáng kiến hoặc dự án và các cơ chế được thiết lập.

C. Truyền thông

89. Dựa vào Kế hoạch Tổng thể Truyền thông ASEAN (ACMP), ASEAN sẽ thiết lập các nỗ lực để phổ biến một cách hệ thống thông tin về thực thi các biện pháp trong AEC 2025 đối với Cộng đồng, trong và ngoài ASEAN. Các mục tiêu tổng thể là:

(i) Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, bao gồm cộng đồng kinh tế sẽ đóng góp vào phát triển kinh tế tổng thể, tăng trưởng bền vững và cân bằng, và phúc lợi cho người dân trong khu vực;

(ii) Giải thích với các bên liên quan trong và ngoài khu vực về cách tiếp cận được thực hiện để thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực và giải quyết bất kỳ quan niệm sai lầm nào về mô hình hội nhập kinh tế do ASEAN thực hiện; và

(iii) Thông qua các mạng lưới truyền thông, thu thập phản hồi của các bên liên quan về kết quả và tác động của hội nhập kinh tế tới cộng đồng trong khu vực.

90. Các biện pháp, bao gồm các chiến lược đã đề ra trong ACMP như:

(i) Kỷ niệm việc thiết lập AEC cũng như tiến triển AEC và kết quả đạt được trên cơ sở chính thức trong ASEAN và ngoài khu vực với các sự kiện tác động cao;

(ii) Thúc đẩy các nhà đầu tư ASEAN và ngoài ASEAN là phát ngôn viên/người ủng hộ để làm nổi bật các sáng kiến hội nhập của ASEAN và các doanh nghiệp có thể hưởng lợi như thế nào từ các sáng kiến này;

(iii) Tăng cường nhận thức thông qua các ấn phẩm thường xuyên cập nhật các hoạt động kinh tế và các cơ hội sử dụng truyền thông trực tuyến, in ấn và các cơ chế truyền thông khác, kể cả truyền thông xã hội;

(iv) Thực hiện các chương trình kỷ niệm, bao gồm làm nổi bật các câu

chuyên thành công của MSMEs hướng tới nâng cao nhận thức của thanh niên, phụ nữ và MSMEs để tạo thuận lợi cho sự tham gia và lợi ích từ hội nhập kinh tế trong khu vực; và

(v) Sử dụng các đại sứ quán của AMS và các cơ quan đại diện cấp cao ngoài khu vực để đảm nhận vai trò tích cực hơn trong thúc đẩy ASEAN thành một thực thể kinh tế mạnh mẽ và năng động.

D. Rà soát

91. Kế hoạch Tổng thể AEC 2025 sẽ được rà soát định kỳ theo quyết định của AECC, nhưng không nhiều hơn 3 năm một lần, trừ khi có thống nhất khác. Việc đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ trong các giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 sẽ được thực hiện nhằm giám sát tiến triển và đánh giá kết quả/ tác động, kể cả thành tích và thách thức từ việc thực thi Kế hoạch Tổng thể AEC 2025, với quan điểm hướng tới nâng cao mức độ hội nhập kinh tế trong ASEAN. Các đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ có thể được bổ sung với sự giám sát và báo cáo thường xuyên hơn của tiến triển thực thi.

PHỤ LỤC X

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ CỘNG ĐỒNG VĂN HÓA XÃ HỘI ASEAN 2025

I. GIỚI THIỆU

1. Những tiến bộ kinh tế xã hội của ASEAN trong vòng hai thập kỷ rưỡi vừa qua được thể hiện qua sự phát triển nhân lực nổi bật và phát triển bền vững. Trọng tâm của Cộng đồng Văn hóa-xã hội (ASCC) là cam kết nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân thông qua các hoạt động hợp tác hướng vào con người, thân thiện với môi trường, và hướng tới thúc đẩy phát triển bền vững. ASCC 2025 mở ra một thế giới của những cơ hội nhằm cùng nhau thực hiện và hiện thực hoá đầy đủ phát triển con người, khả năng phục hồi nhanh chóng và phát triển bền vững khi chúng ta đang phải cùng nhau đối mặt với các thách thức mới nổi.

2. Chiến lược của ASCC và cơ chế lập kế hoạch, Kế hoạch tổng thể ASCC, đã được thực hiện đáng kể trong giai đoạn 2009-2015 và đã được chứng minh có hiệu quả trong việc phát triển và tăng cường việc gắn kết các thể chế và khuôn khổ chính sách nhằm thúc đẩy Phát triển con người, Công bằng xã hội và các quyền, Phúc lợi và An sinh xã hội, Bền vững về môi trường, Nhận thức về ASEAN và Thu hẹp khoảng cách phát triển. Cụ thể, ASCC đã giúp nâng cao cam kết theo hình thức chính sách và khuôn khổ pháp lý như Tuyên bố về các bệnh không truyền nhiễm trong ASEAN; và Tuyên bố về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và xóa bỏ bạo lực đối với trẻ em trong ASEAN. Khu vực cũng đã thể hiện ý chí chung, ví dụ, trong việc nhanh chóng tiến hành các hành động cụ thể trong hỗ trợ nhân đạo thông qua Trung tâm Điều phối ASEAN về hỗ trợ nhân đạo (Trung tâm AHA). Nhấn mạnh vào những sáng kiến này, ASEAN đã đạt được những kết quả phát triển quan trọng thúc đẩy sự thay đổi xã hội trong khu vực: tỷ lệ người dân sống dưới 1,25 USD/ngày đã giảm từ 45% năm 1990 xuống 17% vào năm 2008; tỷ lệ nhập học của trẻ em trong độ tuổi học tiểu học tăng từ 92 % năm 1999 lên 94% vào năm 2012; tỷ lệ phụ nữ trong các nghị viện/quốc hội đã tăng từ 12% năm 2000 lên 18,5% vào năm 2012; từ vong ờ bà mẹ trên 100.000 ca sinh đã giảm từ 371,2 năm 1990 xuống 103,7 trong 2012. Tỷ lệ dân số đô thị sống trong các khu ổ chuột đã giảm từ 40% năm 2000 xuống 31% vào năm 2012 .

3. Trong bối cảnh hợp tác khu vực được tăng cường, tình trạng nghèo

cùng cực ở một số nước thành viên ASEAN (AMS) đã sụt giảm đáng kể. Sự gia tăng số người trong tầng lớp trung lưu, việc cải thiện tình hình y tế và giáo dục, gia tăng lực lượng lao động phục vụ nhu cầu của lao động khu vực và toàn cầu, dân số thành thị gia tăng nhanh chóng tạo ra các dịch vụ mới, phát triển cơ sở hạ tầng thành phố, và phát triển các phong cách sống là những điều có thể thấy rõ trong khu vực. Tuy nhiên, vẫn còn cần phải làm nhiều việc hơn nữa để bảo đảm những lợi ích và kết quả của sự tiến bộ. Hàng chục triệu người vẫn còn sống trong cảnh nghèo đói. Di cư trong nội bộ ASEAN đang tăng từ 1,5 triệu năm 1990 lên 6.5 triệu năm 2013 (UNDESA, 2013). Gần 50% số người di cư quốc tế là phụ nữ, đối tượng đang di cư nhiều hơn để tìm kiếm cơ hội việc làm. Ước tính rằng cứ 8 lao động di cư thì có một lao động là thanh niên trong độ tuổi từ 15 và 24 (UNDESA 2013). Các thách thức đối với y tế công về các bệnh truyền nhiễm mới nổi như việc kháng thuốc của bệnh sốt rét và bệnh lao vẫn tồn tại và là mối đe dọa đáng kể tại một số AMS. Hàng triệu người vẫn đang bị tước đoạt quyền được giáo dục tiểu học đầy đủ do thiếu tiếp cận với trường học và tỷ lệ bỏ học cao. Nạn đói, biểu hiện ở tình trạng suy dinh dưỡng, vẫn là một vấn đề trong một bộ phận đáng kể dân số tại một số AMS. Tương tự như vậy, một tỷ lệ lớn dân số tại một số AMS rất dễ có khả năng rơi và nghèo đói hoặc lún sâu vào đói nghèo do giá thực phẩm tăng cao, khi giá lương thực toàn cầu năm 2007-2008 tăng vọt. Những tiến bộ trong an sinh xã hội, công bằng, các quyền, hoà nhập và bản sắc cũng phải giải quyết vấn đề cực đoan. Một số AMS vẫn dễ bị tổn thương bởi thảm họa thiên tai do con người gây ra và điều đó có xu hướng tác động không cân xứng và tiêu cực nhiều hơn đến người nghèo và người dân thu nhập thấp so với các nhóm dân số khác. Ô nhiễm và suy giảm nguồn tài nguyên cũng là vấn đề ngày càng nghiêm trọng ở một số AMS. ASEAN cũng là một trong những khu vực dễ bị tổn thương nhất bởi biến đổi khí hậu và cần phải tìm các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong việc xây dựng một ASEAN bền vững, tự cường

4. Vượt ra ngoài những tiến bộ hiện nay trong Cộng đồng Văn hóa Xã hội ASEAN và khu vực nói chung, kinh nghiệm, nguyện vọng và số phận của ASEAN sẽ được gắn kết chặt chẽ nhau và bị ảnh hưởng bởi sự phát triển và các thách thức toàn cầu. Năm 2015 sắp kết thúc, cộng đồng toàn cầu thông qua Liên Hiệp Quốc, đang thúc đẩy cam kết với tất cả 193 nước thành viên nhằm hiện thực hoá một chuỗi các mục tiêu chuyển đổi và phổ quát cho Chương trình Nghị sự về Phát triển sau năm 2015 trong mười lăm năm tiếp theo. Chương trình Nghị sự về Phát triển sau năm 2015 sẽ tiếp tục và xây dựng dựa

trên các thành tựu thu được từ các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ và sự ủng hộ rộng rãi với việc giải quyết các thách thức đối với phát triển bền vững như giảm nghèo, gia tăng bất bình đẳng trong nước và giữa các quốc gia, chủ nghĩa cực đoan bạo lực và sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và biến đổi khí hậu và các vấn đề khác

5. Như vậy, vào thời điểm quan trọng này của Cộng đồng ASEAN, nhận thức rõ những thách thức và cơ hội trong khu vực và toàn cầu, Tầm nhìn Cộng đồng Văn hóa Xã hội ASEAN 2025 nhằm hướng đến một Cộng đồng ASEAN gắn kết và mang lại lợi ích cho người dân và hòa nhập, bền vững, tự cường, và năng động. Tầm nhìn nhằm mục tiêu hiện thực hoá:

- [Một cộng đồng cam kết, có sự tham gia và có trách nhiệm xã hội thông qua một cơ chế có trách nhiệm giải trình và hoà nhập vì lợi ích của tất cả các dân tộc ASEAN, được nâng lên một tầm cao mới thông qua các nguyên tắc quản trị tốt;]
- Một cộng đồng hòa nhập thúc đẩy cuộc sống có chất lượng cao, mọi người được tiếp cận bình đẳng với các cơ hội và thúc đẩy và bảo vệ quyền con người của phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, lao động di cư, và các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi;
- Một cộng đồng bền vững thúc đẩy phát triển xã hội và bảo vệ môi trường thông qua các cơ chế hiệu quả để đáp ứng các nhu cầu hiện tại và tương lai của người dân;
- Một cộng đồng tự cường được nâng cao về năng lực và khả năng nhằm thích nghi và ứng phó với những tổn thương kinh tế và xã hội, thiên tai, biến đổi khí hậu cũng như các mối đe dọa và thách thức mới nổi; và
- Một cộng đồng năng động và hài hòa với nhận thức và niềm tự hào về bản sắc, văn hóa, và di sản, được tang cường năng lực nhằm đổi mới và chủ động đóng góp cho cộng đồng toàn cầu.

II. CÁC ĐẶC ĐIỂM VÀ THÀNH TỐ

A. GẮN KẾT VÀ MANG LẠI LỢI ÍCH CHO NGƯỜI DÂN

6. Cộng đồng ASEAN 2025 có đặc điểm là một cộng đồng gắn kết và mang lại lợi ích cho người dân, được nâng lên một tầm cao mới thông qua các nguyên tắc quản trị tốt.

7. Cộng đồng tập trung vào việc gắn kết liên ngành và đa bên, bao gồm cả sự tham gia của các Đối tác đối thoại và phát triển, các tổ chức tiểu khu vực, các viện hàn lâm, chính quyền địa phương, thị trấn, và các thành phố, mối quan hệ đối tác khu vực công-tư, sự tham gia của cộng đồng, sự tham gia của ba bên trong lĩnh vực lao động, các doanh nghiệp xã hội, sự tham gia của các tổ chức chính phủ - phi chính phủ/tổ chức xã hội dân sự, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR), đối thoại liên tôn giáo và liên văn hóa, trong đó tập trung vào việc nâng cao và duy trì nhận thức và các xã hội chăm sóc của ASEAN cũng như làm sâu sắc hơn ý thức về bản sắc ASEAN.

8. Mục tiêu là nhằm tăng cường sự cam kết, tham gia và trách nhiệm xã hội của các dân tộc ASEAN thông qua một cơ chế có trách nhiệm giải trình và mời gọi sự tham gia của người dân vì lợi ích của tất cả mọi người, hướng tới một cộng đồng của các dân tộc ASEAN được gắn kết và tăng cường quyền năng, có các nền tảng và khung khổ để giúp họ tham gia vào các quá trình xây dựng ASEAN cũng như được hưởng những lợi ích từ những sáng kiến khác nhau.

9. Các kết quả chính và các biện pháp chiến lược tương ứng được liệt kê như sau:

A.1. Sự tham gia các bên liên quan trong quá trình xây dựng ASEAN

Các biện pháp chiến lược

i. Thể chế hóa các chính sách ASEAN về các cuộc tham vấn và sự tham gia của các bên liên quan trong công tác của các cơ quan chuyên ngành và các cơ quan khác của ASEAN bao gồm các sáng kiến xây dựng chính sách, lồng ghép việc đánh giá tác động vào xây dựng chính sách, xây dựng chương trình, thực hiện, giám sát và các hoạt động khác;

ii. Thúc đẩy các khuôn khổ và hướng dẫn về quan hệ đối tác nhằm gắn kết các bên liên quan trong việc thực hiện hiệu quả các sáng kiến của ASEAN và nâng cao nhận thức của cộng đồng về các chương trình và thành tựu của ASCC.

A.2. Nâng cao năng lực cho người dân và củng cố các thể chế

Các biện pháp chiến lược

i. Nâng cao năng lực và khả năng tự cường của các bên liên quan với các kỹ năng công nghệ và quản lý tiên tiến nhằm tăng cường năng lực thể chế để

giải quyết những thách thức hiện nay và các xu hướng đang nổi lên, như thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu.

ii. Thúc đẩy việc sử dụng các công nghệ thông tin và truyền thông ở các nhóm độ tuổi khác nhau như một phương tiện kết nối với cộng đồng khu vực và toàn cầu.

iii. Tăng cường sự tham gia của các chính quyền và các cấp có thẩm quyền ở địa phương, tỉnh, thành phố, thị xã và thị trấn thông qua các chính quyền trung ương trong việc xây dựng các chương trình nâng cao năng lực ASEAN có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng của họ.

iv. Thúc đẩy pháp luật, chính sách và thực tiễn không phân biệt đối xử bằng cách xây dựng các thể chế hiệu quả, đáp ứng, có trách nhiệm giải trình và minh bạch ở tất cả các cấp.

v. Tăng cường dịch vụ dân sự thông qua các chương trình nâng cao năng lực, phát triển nguồn nhân lực và hợp tác hiệu quả giữa các nước thành viên ASEAN

Nâng cao nhận thức về ASEAN của các công chức nhà nước, sinh viên, trẻ em, thanh niên và tất cả các bên liên quan như một hoạt động của việc xây dựng bản sắc ASEAN.vii. Nỗ lực đạt được Bình đẳng giới và tăng cường quyền năng cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái.

B. HÒA NHẬP

10. Nhằm hiện thực hoá các mục tiêu tổng quan của Cộng đồng ASEAN 2015, Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN đặt tầm nhìn tiến đến một cộng đồng hòa nhập hơn. Điều này sẽ thúc đẩy tiếp cận bình đẳng với các cơ hội cho tất cả người dân ASEAN, và thúc đẩy và bảo vệ quyền con người của phụ nữ, trẻ em, thanh niên, người cao tuổi, người khuyết tật, lao động di cư, nhóm dân tộc thiểu số và các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi trong suốt vòng đời của họ theo phương pháp tiếp cận vòng đời và tôn trọng những nguyên tắc dựa trên quyền trong việc thúc đẩy các chính sách và chương trình ASEAN trong trụ cột Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN.

11. Nhằm bổ sung cho chương trình nghị sự về tăng trưởng hòa nhập của Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Thành tố này tập trung vào việc giải quyết các mối quan tâm của tất cả người dân ASEAN về các vấn đề liên quan đến phúc lợi, an sinh xã hội, bình đẳng giới, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người,

tiếp cận và cơ hội bình đẳng, xóa đói giảm nghèo, y tế, việc làm bền vững, giáo dục và thông tin.

12. Mục tiêu của đặc điểm này là một Cộng đồng ASEAN hòa nhập trong đó thúc đẩy nâng cao chất lượng cuộc sống, giải quyết các rào cản đối với việc hưởng các quyền tiếp cận bình đẳng với cơ hội cho tất cả người dân ASEAN, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người.

13. Các kết quả, lĩnh vực chính và các biện pháp chiến lược tương ứng được liệt kê như sau:

B.1. Giảm các rào cản

Các biện pháp chiến lược

i. Giảm tình trạng bất bình đẳng và thúc đẩy tiếp cận bình đẳng với an sinh xã hội và được hưởng các quyền con người cho tất cả mọi người và tham gia trong các xã hội như xây dựng và thực hiện các khuôn khổ, hướng dẫn và các cơ chế loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử, bạo lực, bóc lột, lạm dụng và sao nhãng.

ii. Cung cấp các hướng dẫn trong việc chăm sóc và hỗ trợ có chất lượng cho phụ nữ, trẻ em, thanh niên, người cao tuổi, người khuyết tật, lao động di cư, nhóm dân tộc thiểu số, và các nhóm dễ bị tổn thương

iii. Tạo các cơ chế khu vực nhằm tăng cường tiếp cận công nghệ thông tin và công nghệ cho tất cả mọi người

iv. Thúc đẩy các sáng kiến hợp tác khu vực nhằm hỗ trợ các nước thành viên ASEAN trong việc thực hiện Tuyên bố Bali về Thúc đẩy vai trò và sự tham gia của Người khuyết tật trong Cộng đồng ASEAN và Thập kỷ của người khuyết tật ASEAN (2011-2020).

v. Tăng cường các sáng kiến hợp tác khu vực nhằm hỗ trợ các nước thành viên ASEAN chuẩn bị sẵn sàng cho một xã hội già hóa.

B.2. Tiếp cận công bằng cho tất cả mọi người

Các biện pháp chiến lược

i. Thúc đẩy các nền tảng khu vực nhằm tăng cường các cơ hội bình đẳng, sự tham gia và mời gọi sự tham gia hiệu quả của phụ nữ, trẻ em, thanh niên, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân ở vùng sâu vùng xa và biên giới, và các nhóm dễ bị tổn thương trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách

và chương trình của ASEAN.

ii. Xây dựng các chiến lược khu vực và thúc đẩy năng lực thể chế nhằm lồng ghép giới vào các chính sách, chương trình và ngân sách của ASEAN trên các trụ cột và các ngành.

iii. Thúc đẩy tính hiệu quả trong việc thực hiện các chương trình và chiến lược thuộc ASCC và thúc đẩy hài hòa hoá các chương trình và chiến lược này với các chương trình và chiến lược của AEC và APSC, đặc biệt là trong các lĩnh vực an sinh xã hội, bao phủ y tế toàn dân, an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo, việc làm và việc làm bền vững và buôn bán người..

iv. Cung cấp các cơ chế và nâng cao năng lực thể chế nhằm thúc đẩy việc tiếp cận tốt hơn đến các dịch vụ xã hội cơ bản cho tất cả mọi người, ví dụ như các dịch vụ y tế, giáo dục, bao gồm cả giáo dục mầm non, dạy nghề, đào tạo kỹ năng cũng như thúc đẩy công nhận kỹ năng.

v. Hỗ trợ các sáng kiến của các nước thành viên ASEAN trong việc củng cố cơ sở dữ liệu và phân tích quốc gia về giới và phân tách theo tuổi, bao gồm cả về vấn đề đói nghèo và bình đẳng, thiết lập một cơ sở dữ liệu khu vực tin cậy cho các ngành chủ chốt nhằm hỗ trợ các chính sách và chương trình của ASEAN.

vi. Thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực, tự cường về kinh tế và sinh kế bền vững, đặc biệt là cho người nghèo, thông qua việc tiếp cận các cơ hội về giáo dục, việc làm, tiếp cận kỹ năng điều hành doanh nghiệp và tài chính vi mô.

vii. Thúc đẩy những nỗ lực không ngừng hướng tới xóa đói giảm nghèo đa chiều thông qua các phương pháp tiếp cận đa ngành, đa bên và dựa vào cộng đồng.

viii. Xây dựng một môi trường thuận lợi nhằm bảo vệ người thất nghiệp, người nghèo và các nhóm thiệt thòi để giúp họ có thể tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực, cơ hội, và các biện pháp bảo vệ họ tránh khỏi tác động tiêu cực của cực đoan bạo lực và các mối đe dọa.

ix. Đảm bảo việc đưa ra các quyết định mang tính hoà nhập, có sự tham gia và mang tính đại diện ở tất cả các cấp trong đó chú trọng đặc biệt đến nhu cầu của những người có hoàn cảnh khó khăn bao gồm các nhóm dân tộc thiểu số, trẻ em, thanh niên, phụ nữ, người khuyết tật, và người cao tuổi.

x. Thúc đẩy tăng trưởng hoà nhập thông qua các biện pháp phù hợp ở cấp quốc gia nhằm đảm bảo rằng người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương được tiếp cận công bằng với các cơ hội kinh tế và các cơ hội khác.

xi. Thúc đẩy các cơ hội công bằng đối với giáo dục có chất lượng và tiếp cận với thông tin với ưu tiên dành cho thúc đẩy tiếp cận phổ cập giáo dục.

xii. Thúc đẩy một cộng đồng lành mạnh, chăm sóc, bền vững và hiệu quả; và thực hành lối sống lành mạnh tự cường trước các mối đe dọa về sức khỏe và có tiếp cận phổ cập với chăm sóc sức khỏe.

xiii. Tăng cường khả năng tiếp cận được nâng cao cho người khuyết tật và các nhóm dễ bị tổn thương khác phù hợp với các cơ sở Thiết kế phổ quát nhằm đảm bảo quyền con người và tự do cơ bản.

B.3. Thúc đẩy và Bảo vệ Quyền con người

Các biện pháp chiến lược

i. Thúc đẩy các cơ chế liên ngành ở cấp khu vực hướng tới một phương pháp tiếp cận đa ngành toàn diện nhằm tăng cường chăm sóc chất lượng, hạnh phúc, bình đẳng giới, nhân quyền, công bằng xã hội, và tự do cơ bản của tất cả mọi người, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương, nhằm ứng phó trước tất cả các mối nguy hiểm và rủi ro/mối đe dọa về kinh tế xã hội đang nổi lên.

ii. Thúc đẩy cơ chế tài chính bền vững trong lĩnh vực an sinh xã hội, đặc biệt là bao phủ y tế toàn dân, chăm sóc và phát triển sớm cho trẻ, bảo hộ rủi ro tài chính để giảm rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, và lương hưu xã hội, thông qua các quan hệ đối tác chiến lược với khu vực tư nhân và các bên liên quan khác.

iii. Tạo các diễn đàn khu vực về đối thoại và hỗ trợ các sáng kiến để giải quyết các vấn đề của những thói quen và tập tục truyền thống làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền.

iv. Hỗ trợ đẩy mạnh việc thực hiện giữa các nước thành viên ASEAN để mở rộng phạm vi bao phủ, sự tiếp cận, tính sẵn có, tính toàn diện, chất lượng, bình đẳng, chi phí hợp lý và tính bền vững của các dịch vụ xã hội và an sinh xã hội.

v. Thúc đẩy việc thực thi hiệu quả các tuyên bố và văn kiện ASEAN liên quan đến quyền con người thuộc lĩnh vực của ASCC

vi. Tăng cường các sáng kiến khu vực để thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em và người khuyết tật đặc biệt là thông qua công tác của Ủy ban Thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em ASEAN.

vii. Tăng cường các sáng kiến khu vực và sự tham gia của các bên liên quan nhằm thúc đẩy xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử đã được thể chế hóa hoặc dưới các hình thức khác, bóc lột, buôn bán, các tập quán có hại, và bạo lực và lạm dụng đối với trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật, thanh niên, lao động di cư, người cao tuổi, và nạn nhân/những người sống sót của nạn buôn người, các nhóm dân tộc thiểu số và các nhóm người dễ bị tổn thương và thiệt thòi.

viii. Khuyến khích các mối quan hệ, các gia đình và cộng đồng liên thế hệ trong việc tăng cường và bảo vệ quyền của người cao tuổi, và cung cấp chăm sóc có chất lượng và bảo vệ cho người cao tuổi, phù hợp với Tuyên bố Brunây Đa-rút-xa-lam về Tăng cường vai trò của gia đình: Chăm sóc cho người cao tuổi.

ix. Thúc đẩy các sáng kiến khu vực phù hợp Tuyên bố ASEAN về Bảo vệ và Thúc đẩy quyền của người lao động di cư nhằm tăng cường bảo vệ và thúc đẩy quyền của lao động và lao động di cư.

C. TÍNH BỀN VỮNG

14. Nhằm hướng tới thực hiện các mục tiêu tổng quan của Cộng đồng ASEAN vào năm 2025, Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN đặt tầm nhìn hiện thực hoá môi trường bền vững trong bối cảnh có những thay đổi xã hội và phát triển kinh tế.

15. Mục tiêu của đặc điểm này là nhằm thúc đẩy và đảm bảo cân bằng giữa phát triển xã hội và môi trường bền vững đáp ứng nhu cầu của người dân tại mọi thời điểm. Mục đích nhằm phấn đấu cho một Cộng đồng ASEAN có tiếp cận bình đẳng với môi trường bền vững để có thể hỗ trợ phát triển xã hội, và có năng lực hoạt động nhằm hướng tới phát triển bền vững.

16. Các kết quả chính và các biện pháp chiến lược tương ứng được liệt kê dưới đây:

C.1. Bảo tồn và Quản lý bền vững đa dạng sinh học và Nguồn tài nguyên thiên nhiên

Các biện pháp chiến lược

i. Tăng cường hợp tác khu vực nhằm bảo vệ, phục hồi và thúc đẩy việc sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên hệ sinh thái trên cạn, chống sa mạc hóa, và ngăn chặn và đảo ngược sự suy thoái đất và tổn thất của đa dạng sinh học.

ii. Tăng cường hợp tác khu vực về quản lý rừng bền vững trong bối cảnh phòng chống và kiểm soát cháy rừng, bao gồm cả việc thực hiện Hiệp định ASEAN về Ô nhiễm khói mù xuyên biên giới nhằm giải quyết hiệu quả ô nhiễm khói mù xuyên biên giới

iii. Tăng cường hợp tác trong việc bảo vệ, phục hồi và sử dụng bền vững môi trường biển và ven biển, ứng phó và xử lý nguy cơ ô nhiễm và các mối đe dọa đối với hệ sinh thái biển và môi trường ven biển, kết hợp với việc thành lập các khu bảo tồn biển quốc gia.

iv. Áp dụng các điển hình quản lý tốt và tăng cường các chính sách để giải quyết các tác động của dự án phát triển trên vùng biển quốc tế và các vấn đề môi trường xuyên biên giới bao gồm ô nhiễm, di chuyển và loại bỏ chất thải nguy hại.

v. Thúc đẩy chính sách và phát triển kỹ năng và các điển hình tốt nhằm bảo tồn, phát triển và quản lý bền vững vùng biển, đất ngập nước, vùng đất than bùn, đa dạng sinh học, đất đai và tài nguyên nước.

vi. Tăng cường việc nâng cao năng lực trong một nỗ lực không ngừng nhằm quản lý bền vững hệ sinh thái và tài nguyên thiên nhiên.

vii. Thúc đẩy hợp tác về quản lý môi trường hướng tới sử dụng bền vững hệ sinh thái và nguồn tài nguyên thiên nhiên thông qua giáo dục về môi trường, gắn kết cộng đồng và tiếp cận công chúng.

viii. Tăng cường quan hệ đối tác toàn cầu và khu vực và hỗ trợ việc thực hiện các hiệp định và khung khổ quốc tế có liên quan.

ix. Phát huy vai trò của Trung tâm ASEAN về Đa dạng sinh học như trung tâm lưu trữ những điển hình xuất sắc trong công tác bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học.

x. Hỗ trợ việc thực hiện đầy đủ Kế hoạch chiến lược về Đa dạng sinh học 2011-2020 và các Mục tiêu Đa dạng sinh học Aichi.

C.2. Các thành phố bền vững về môi trường

Các biện pháp chiến lược

i. Thúc đẩy các phương pháp tiếp cận có sự tham gia và lồng ghép trong việc quy hoạch và quản lý đô thị nhằm đô thị hóa bền vững hướng tới ASEAN xanh và sạch.

ii. Nâng cao năng lực của các cơ quan quốc gia và địa phương nhằm thực hiện các chiến lược và chương trình hướng tới các thành phố đáng sống.

iii. Thúc đẩy việc điều phối giữa các ban ngành liên quan nhằm cung cấp tiếp cận với đất sạch, không gia công công xanh, không khí sạch, nước sạch và an toàn và vệ sinh môi trường.

iv. Thúc đẩy các thành phố thân thiện với trẻ em, thanh niên, người cao tuổi, và người khuyết tật thông qua tăng cường phối hợp với các ngành liên quan nhằm cung cấp các hệ thống cơ sở hạ tầng bền vững và có thể tiếp cận.

v. Tăng cường liên kết kinh tế, xã hội và môi trường tích cực giữa các khu vực đô thị, ven đô thị và nông thôn.

vi. Tăng cường các chính sách và chiến lược quản lý hiệu quả các tác động của việc gia tăng dân số và di cư trong các thành phố.

C.3. Khí hậu bền vững

Các biện pháp chiến lược

i. Nâng cao năng lực con người và thể chế trong việc thực hiện thích ứng với và giảm thiểu thiệt hại của biến đổi khí hậu đặc biệt đối với các cộng đồng dễ bị tổn thương và thiệt thòi.

ii. Tạo điều kiện cho việc xây dựng các biện pháp ứng phó toàn diện và phù hợp với các thách thức của biến đổi khí hậu, ví dụ như các phương pháp tiếp cận đa ngành, đa bên hoặc các phương pháp khác.

iii. Thúc đẩy khu vực tư nhân và cộng đồng tiếp cận với các cơ chế tài chính mới và cải tiến nhằm giải quyết biến đổi khí hậu.

iv. Tăng cường năng lực của các cơ quan chuyên ngành và chính quyền địa phương trong việc thực hiện kiểm tra lượng khí nhà kính (GHG inventory), và đánh giá mức độ tổn thương và các nhu cầu về thích ứng.

v. Tăng cường các nỗ lực của chính phủ, khu vực tư nhân và cộng đồng trong việc giảm khí thải nhà kính từ hoạt động phát triển chính.

vi. Lồng ghép quản lý rủi ro biến đổi khí hậu vào việc lập kế hoạch giảm

khí thải nhà kính của các cơ quan chuyên ngành.

vii. Tăng cường quan hệ đối tác toàn cầu và hỗ trợ việc thực hiện các hiệp định và các khuôn khổ quốc tế có liên quan, như Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC).

C.4. Tiêu thụ và Sản xuất bền vững

Các biện pháp chiến lược

i. Tăng cường các quan hệ đối tác công-tư để thúc đẩy việc áp dụng các công nghệ thân thiện môi trường để tối đa hóa hiệu quả nguồn tài nguyên.

ii. Tăng cường giáo dục môi trường (bao gồm cả những thực tiễn về các ngôi trường sinh thái), nâng cao nhận thức và năng lực về môi trường để áp dụng tiêu dùng bền vững và lối sống xanh tại tất cả các cấp.

iii. Nâng cao năng lực của các bên liên quan chủ chốt nhằm thực hiện quản lý chất thải và hiệu suất năng lượng phù hợp.

iv. Thúc đẩy việc lồng ghép chiến lược và điển hình tốt về sản xuất và tiêu thụ bền vững (SCP) vào các chính sách quốc gia và khu vực hoặc như một phần của các hoạt động trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)

D. TÍNH TỰ CƯỜNG

17. Các phương pháp tiếp cận hợp nhất, toàn diện và hoà nhập là cần thiết để xây dựng cộng đồng có tính tự cường trong khu vực ASEAN sau năm 2015. Tính tự cường là một khía cạnh quan trọng của an ninh con người và môi trường bền vững, được giải quyết bằng cách lồng ghép các chính sách, nâng cao năng lực và thể chế, đối tác đa bên liên quan trong việc giảm nhẹ rủi ro thiên tai rủi ro, hỗ trợ nhân đạo, và tăng cường quyền năng cho cộng đồng và các biện pháp khác. Tính tự cường phải được lồng ghép và kết hợp trong các chính sách về thị trường và công nghệ, tạo điều kiện cho khu vực tư nhân, bao gồm cả các cộng đồng khoa học và học thuật và nên không phân biệt đối xử. Thông qua Tuyên bố về Thể chế hóa tính tự cường của ASEAN và các cộng đồng và dân tộc trước thiên tai và biến đổi khí hậu được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 26 tại Kuala Lumpur, Malaysia vào ngày 27 tháng tư năm 2015, các nhà lãnh đạo cam kết “xây dựng một tương lai tự cường hơn bằng cách giảm thảm họa và các rủi ro liên quan đến khí hậu hiện nay, ngăn chặn các thể hệ của những rủi ro mới và thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc thực hiện các biện pháp kinh tế, xã hội, văn hoá, thể chất

và môi trường giải quyết sự tiếp xúc và tính dễ bị tổn thương, và do đó tăng cường tính tự cường.

18. Mục tiêu của Đặc điểm này là nhằm mục đích nâng cao năng lực ứng phó và thích ứng chung với những thách thức hiện nay và các đe dọa mới nổi. Điều này chỉ ra rằng tính tự cường của lĩnh vực văn hóa xã hội đòi hỏi mối liên kết chéo giữa các trụ cột trong Cộng đồng ASEAN như một lực lượng hiệu quả trong việc điều tiết vì một lợi ích chung, và chuẩn bị cho việc ứng phó với các thảm họa thiên nhiên hoặc do con người gây ra, và những khủng hoảng kinh tế xã hội, trong khi vẫn đảm bảo các nguyên tắc an ninh toàn diện.

19. Các kết quả chính và biện pháp chiến lược tương ứng được liệt kê như sau:

D.1. Một ASEAN tự cường trước thảm họa có khả năng dự tính, phản ứng, đối phó, thích ứng, và xây dựng lại tốt hơn, thông minh hơn, và nhanh hơn.

Các biện pháp chiến lược

i. Thúc đẩy các cơ chế và năng lực khu vực nhằm giúp ASEAN ứng phó với thảm họa trong và ngoài khu vực.

ii. Thúc đẩy các tiêu chuẩn khu vực bao gồm các phương pháp nghiên cứu và công cụ nhằm đánh giá, lưu trữ, ước tính thiệt hại thiên tai và chia sẻ dữ liệu không nhạy cảm và thiết lập hệ thống thông tin chung để tăng cường khả năng tương tác, đảm bảo sự thống nhất trong hành động, và tăng cường khả năng tự cường.

iii. Thúc đẩy tính tự cường của cộng đồng địa phương bằng cách lồng ghép các nguyên tắc về tính tự cường trong các biện pháp nhằm giảm các rủi ro, chuẩn bị sẵn sàng, ứng phó, phục hồi, và phục hồi chức năng.

iv. Thúc đẩy sự gắn kết chính sách, và kết nối với nhau, và đồng vận các sáng kiến liên quan đến giảm nhẹ rủi ro thiên tai, ứng phó và giảm nhẹ biến đổi khí hậu, hành động nhân đạo và phát triển bền vững.

v. Thể chế hóa tính tự cường thông qua việc nâng cao năng lực thể chế và ứng phó nhằm giảm các rủi ro hiện nay và phòng ngừa các rủi ro trong tương lai.

vi. Khai thác các kinh nghiệm tốt tại địa phương và kiến thức truyền thống để phát triển văn hóa tự cường.

vii. Nâng cao năng lực, công nghệ và tính tự cường của cộng đồng trước

những tác động của vật liệu chưa nổ (UXO) đối với sinh kế của người dân đặc biệt các nhóm dễ bị tổn thương ở các khu vực nông thôn.

D.2. Một ASEAN an toàn hơn chính là ASEAN có thể ứng phó với tất cả các mối nguy cơ có hại đến sức khỏe bao gồm những đe dọa về mặt sinh học, hóa học, phóng xạ và hạt nhân, và các mối đe dọa mới nổi.

Các biện pháp chiến lược

i. Kiện toàn hệ thống y tế trở nên tự cường trong việc chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó hiệu quả với các hiểm họa liên quan đến sức khỏe bao gồm sinh học, hóa học, và các mối nguy hiểm bức xạ hạt nhân, và các mối đe dọa mới nổi.

ii. Thúc đẩy các tiêu chuẩn khu vực để tăng cường khả năng tương tác, đảm bảo thống nhất trong hành động, và tăng cường tính tự cường của tập thể.

iii. Tăng cường năng lực thể chế và nhân lực và các phương pháp tiếp cận để hỗ trợ việc thực hiện hiệu quả các chính sách, chiến lược và các chương trình trong việc chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó với tất cả các mối nguy hiểm và đe dọa mới nổi liên quan sức khỏe.

D.3. Một ASEAN thích ứng với khí hậu và nâng cao năng lực thể chế và con người để thích ứng với những tác động của biến đổi khí hậu

Các biện pháp chiến lược

i. Mở rộng các diễn đàn liên ngành khu vực và thiết lập các chiến lược chung nhằm ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu

ii. Tăng cường các chính sách về thích ứng với biến đổi khí hậu dựa trên bằng chứng và khoa học vững chắc.

iii. Thúc đẩy và cân nhắc áp dụng các kiến thức và các điển hình tốt tại địa phương và truyền thông trong việc phản ứng và thích ứng đối với các tác động của biến đổi khí hậu.

D.4. Tăng cường an sinh xã hội cho phụ nữ, trẻ em, thanh niên, người cao tuổi/người già, người khuyết tật, các nhóm dân tộc, lao động di cư, các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi khác, và những người sống trong khu vực dễ bị rủi ro bao gồm những người sống ở vùng sâu vùng xa, biên giới và các khu vực nhạy cảm về khí hậu để giảm sự tổn thương trong giai đoạn khủng hoảng liên quan đến biến đổi khí hậu, thiên tai và biến đổi môi trường khác.

Các biện pháp chiến lược

i. Khuyến khích các đánh giá rủi ro và sự tổn thương và các biện pháp khoa học và dựa trên bằng chứng vào các chính sách và kế hoạch nhằm đảm bảo các biện pháp phản ứng mục tiêu.

ii. Thiết lập các nền tảng nhằm tăng cường quyền năng cho người dân sống tại các khu vực có nguy cơ nhằm trở nên tự cường thông qua việc giảm tiếp xúc và tổn thương trước các sự kiện cực đoan liên quan đến khí hậu và các cú sốc kinh tế, xã hội và môi trường và thảm họa.

D.5. Tăng cường và tối ưu hóa các hệ thống tài chính, chuẩn bị sẵn thức ăn, nước, năng lượng và các lưới an sinh xã hội trong thời kỳ khủng hoảng thông qua việc tạo thêm nguồn tài nguyên có sẵn, dễ tiếp cận, giá cả phải chăng, và bền vững hơn.

Các biện pháp chiến lược

i. Tăng cường điều phối liên ngành và liên trụ cột nhằm đảm bảo đầy đủ và khả năng tiếp cận thức ăn ở cấp hộ gia đình, đặc biệt các hộ gia đình dễ bị tổn thương, và khả năng ứng phó với thảm họa, các cú sốc về giá lương thực và khan hiếm lương thực thông qua việc xây dựng các chiến lược và cơ chế thích ứng.

ii. Tăng cường điều phối liên ngành và liên trụ cột nhằm đảm bảo chuẩn bị sẵn và khả năng tiếp cận các dịch vụ năng lượng giá phải chăng ở cấp hộ gia đình, và thúc đẩy việc tận dụng các công nghệ xanh và năng lượng tái tạo.

iii. Tăng cường điều phối liên ngành và liên trụ cột nhằm đảm bảo có sẵn nước sạch, các trang thiết bị vệ sinh, và điện cho các hộ gia đình trong thời kỳ khủng hoảng.

iv. Tăng cường các mục tiêu hướng tới nhóm người nghèo và dễ bị tổn thương và thiệt thòi trong thời kỳ khủng hoảng.

v. Tìm kiếm khả năng thiết lập các chiến lược và cơ chế tài chính và bảo hiểm để giảm thiểu rủi ro thảm họa và thích ứng với biến đổi khí hậu

D.6. Nỗ lực đạt tới một ASEAN “không ma túy”

Các biện pháp chiến lược

i. Hỗ trợ việc phối hợp với các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách, phát triển và thực hiện các chương trình phòng ngừa cho các nhóm đối tượng khác nhau, thông qua và sử dụng hiệu quả các chương trình điều trị và

phục hồi và chăm sóc sau điều trị, và các nghiên cứu về các vấn đề lạm dụng ma túy.

ii. Nâng cao nhận thức cộng đồng và trách nhiệm xã hội về các tác động xấu của các loại ma túy nguy hiểm thông qua sự tham gia, vận động sự ủng hộ của cộng đồng và các hoạt động liên quan khác.

E. NĂNG ĐỘNG

20. Mục tiêu của Đặc điểm này là nhằm tăng cường khả năng liên tục đổi mới và trở thành một thành viên tích cực của cộng đồng toàn cầu, nhằm cung cấp môi trường thuận lợi, ví dụ như có các chính sách và thể chế tang cường năng lực và phát triển con người và các doanh nghiệp giúp họ trở nên cởi mở và thích nghi hơn, sáng tạo và đổi mới hơn và có kỹ năng kinh doanh hơn.

21. Các kết quả và các biện pháp và hành động chiến lược tương ứng được liệt kê như sau:

E.1. Hướng tới một ASEAN cởi mở và thích ứng

Các biện pháp chiến lược

i. Khuyến khích tự do tiếp cận phổ cập công nghệ thông tin và truyền thông phù hợp với luật pháp quốc gia.

ii. Thúc đẩy văn hóa vị tha, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau về tôn giáo và đối thoại liên tín ngưỡng..

iii. Giới thiệu ASEAN với thế giới bên ngoài qua các phương pháp tiếp cận khác nhau, như tổ chức các lễ hội và chương trình nghệ thuật, liên hoan phim ASEAN và các chương trình di sản.

iv. Bảo vệ tiếng nói chung của ASEAN trong các diễn đàn và các cuộc đàm phán về văn hóa - xã hội toàn cầu, khi cần thiết.

v. Thúc đẩy tương tác giữa con người với con người và sự dịch chuyển của người dân trong và ngoài ASEAN.

vi. Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực thể thao và phát triển các chương trình thể thao toàn diện và hòa nhập nhằm khuyến khích lối sống lành mạnh và năng động.

vii. Tăng cường năng lực và khả năng của các dịch vụ dân sự ASEAN để ứng phó với các thách thức đang nổi lên và các nhu cầu của người dân thông

qua dịch vụ công hiệu quả, minh bạch và có trách nhiệm, có sự tham gia và các phương pháp tiếp cận và hợp tác sáng tạo.

viii. Cung cấp các cơ hội cho các bên liên quan chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, bao gồm cả chia sẻ các điển hình tốt và các nghiên cứu.

ix. Khuyến khích các hoạt động tình nguyện giữa các nước thành viên ASEAN nhằm củng cố Cộng đồng ASEAN

x. Xây dựng tính hiện hữu và hình ảnh ASEAN thông qua các nỗ lực xây dựng thương hiệu đa bên, toàn diện được thể hiện thông qua các đặc điểm nhận diện chung của ASEAN như Ngày ASEAN, Cờ ASEAN, Bài ca ASEAN, Biểu tượng ASEAN.

xi. Thúc đẩy các biện pháp nhằm đảm bảo xã hội chăm sóc, hài hòa xã hội và các giá trị nhân loại và tinh thần cộng đồng

E.2. Hướng tới một ASEAN sáng tạo, đổi mới và đáp ứng

Các biện pháp chiến lược

i. Tăng cường tính cạnh tranh của các nguồn nhân lực ASEAN thông qua việc thúc đẩy học tập suốt đời các định hướng, các hình thức tương tự và phát triển các kỹ năng cũng như việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông ở các nhóm tuổi.

ii. Thúc đẩy phương pháp tiếp cận sáng tạo của ASEAN đối với giáo dục bậc cao kết hợp với các học giả, dịch vụ cộng đồng, ồ tạo đổi và tu nghiệp ở cấp khu vực.

iii. Khuyến khích hợp tác khu vực trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo và nghiên cứu và tăng cường vai trò của ASEAN trong mạng lưới nghiên cứu khu vực và toàn cầu thông qua việc thúc đẩy các sáng kiến và cung cấp các ưu đãi và hỗ trợ cho việc nghiên cứu và phát triển bao gồm xuất bản các nghiên cứu.

iv. Tăng cường dòng dịch chuyển tự do của các ý tưởng, kiến thức, chuyên môn và kỹ năng nhằm thúc đẩy sự năng động trong khu vực

v. Củng cố giáo trình và hệ thống giáo dục trong khoa học, công nghệ và các môn học sáng tạo

vi. Khuyến khích và hỗ trợ công nghiệp sáng tạo và các sản phẩm mang tính sáng tạo như phim ảnh, âm nhạc và hoạt hình.

vii. Thúc đẩy ASEAN như một trung tâm phát triển và đào tạo nguồn nhân lực.

viii. Cùng cố hợp tác khu vực và toàn cầu trong việc thúc đẩy chất lượng và tính cạnh tranh của các cơ sở giáo dục bậc cao.

ix. Khuyến khích chính phủ, khu vực tư nhân và cộng đồng phát triển một hệ thống tiếp tục đào tạo và đào tạo lại lao động ở tất cả các cấp.

x. Thúc đẩy đăng ký quyền sở hữu trí tuệ (IPR), và tăng cường hợp tác và thực hiện trong ASEAN trong các lĩnh vực như an ninh lương thực, dược phẩm, tài sản văn hóa truyền thống, các sản phẩm đa dạng sinh học.

E.3. Xây dựng một văn hóa kỹ năng kinh doanh trong ASEAN

Các biện pháp chiến lược

i. Cùng cố môi trường hỗ trợ cho kỹ năng kinh doanh có trách nhiệm về mặt xã hội và môi trường, như tư vấn, cung cấp tiền vốn, liên doanh và huy động vốn cộng đồng và hỗ trợ tiếp thị.

ii. Tăng cường và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp xã hội sáng tạo và hoà nhập cho thanh niên, người khuyết tật, phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi.

iii. Khuyến khích đổi mới thể chế và kỹ thuật trong việc cung cấp các dịch vụ xã hội và chăm sóc sức khỏe.

III. ĐÁNH GIÁ VÀ THỰC HIỆN

A. CƠ CHẾ THỰC HIỆN

22. Kế hoạch Tổng thể Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN được định hướng bởi Hiến chương ASEAN cũng như các văn kiện và tài liệu quan trọng khác của ASEAN trong đó đưa ra các nguyên tắc và khuôn khổ đối với hợp tác về văn hóa-xã hội ASEAN cũng như việc thực hiện các nguyên tắc và khuôn khổ này. Việc thực hiện này cũng được định hướng theo luật pháp, quy định và chính sách quốc gia liên quan.

A.1. Cơ chế thể chế

23. Các cơ quan chuyên ngành trực thuộc ASCC sẽ chịu trách nhiệm việc tiến hành các biện pháp chiến lược liên quan đến sứ mệnh của mình bằng việc thực hiện các dòng hành động hoặc chương trình, dự án và hoạt động cụ thể

như là một phần của các kế hoạch công tác chuyên ngành tương ứng. Đối với các biện pháp chiến lược xuyên suốt và yêu cầu sự phối hợp với các cơ quan chuyên ngành khác từ trụ cột Cộng đồng AEC và APSC, một chiến lược phối hợp và điều phối liên ngành và liên trụ cột được thể chế hoá sẽ được áp dụng trong đó tại các cơ quan chuyên ngành đứng đầu sẽ phối hợp với các cơ quan hợp tác xây dựng các kế hoạch công tác chuyên ngành tương ứng về nhằm thực hiện các biện pháp chiến lược tương ứng có liên quan đến chuyên ngành của họ và dựa trên phương pháp tiếp cận SMART (cụ thể, có thể đo lường được, khả thi, thực tế và có hạn định về mặt thời gian) nhằm đảm bảo việc hiện thực hóa được những biện pháp chiến lược này.

24. Hội đồng ASCC chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Kế hoạch Tổng thể ASCC, với sự hỗ trợ của SOCA và các cơ quan chuyên ngành, sẽ trở thành cơ quan chính chịu trách nhiệm về các vấn đề điều phối liên ngành và liên trụ cột. Ban Thư ký ASEAN sẽ tiếp tục tổ chức và tăng cường cơ chế của Hội nghị Quan chức cấp cao điều phối Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN(SOC-COM) nhằm tạo diễn đàn cho sự tham gia và gắn kết của các cơ quan chuyên ngành trong ASCC và các trụ cột khác (thông qua chủ tịch/phó chủ tịch), Đại diện thường trú của quốc gia bên cạnh ASEAN (CPR), các thực thể liên kết với ASEAN và các bên liên quan khác bao gồm cả các tổ chức tiểu khu vực.

25. Hội đồng ASCC và các cơ quan chuyên ngành trực thuộc sẽ thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan nhằm chia sẻ chuyên môn và nguồn lực, chuyển giao kiến thức và công nghệ, giám sát việc thực hiện, và đóng vai trò như là các đối tác trong việc thực hiện các sáng kiến hợp tác khu vực vì lợi ích chung. Khuyến khích áp dụng các cơ chế giám sát và đánh giá có sự tham gia.

26. Các đối tác đối thoại và các pháp nhân ở cấp khu vực liên quan đến ASEAN được khuyến khích hỗ trợ việc thực hiện Kế hoạch tổng thể ASCC thông qua các khuôn khổ hợp tác hai bên cùng có lợi trong đó các chương trình, dự án và các hoạt động phù hợp với định hướng, mục tiêu và các biện pháp chiến lược trong Kế hoạch Tổng thể ASCC.

A.2. Các chiến lược thực hiện

27. Việc thực hiện Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN sẽ sử dụng các chiến lược và phương pháp tiếp cận phát huy tối đa hóa vai trò của các cơ quan trực thuộc và chuyên ngành ASEAN, khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan và tăng cường các cơ chế nâng cao năng lực trong

việc tuyên truyền kiến thức cho người dân ASEAN. Điều này cũng sẽ thúc đẩy việc tạo ra các diễn đàn cho các bên và các nhóm liên quan nhằm tham gia đầy đủ các chương trình, cuộc họp và sáng kiến khác của các cơ quan trực thuộc và chuyên ngành của ASEAN, cũng như các cơ hội cho mối quan hệ đối tác và hợp tác. Việc này cũng sẽ tăng cường mối quan hệ đối tác công – tư (PPP), doanh nghiệp xã hội và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) vì sự phát triển hòa nhập và bền vững về văn hóa - xã hội. Việc này chắc chắn sẽ xây dựng các cơ chế nâng cao năng lực cho các bên liên quan trong Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN để họ có khả năng truyền tải các kiến thức liên quan đến cho người dân ASEAN. Hơn nữa, Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN sẽ tăng cường các chiến lược, chương trình làm việc và các sáng kiến của các cơ quan chuyên ngành thuộc trụ cột Văn hóa - Xã hội ASEAN nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển.

A.3. Nâng cao năng lực thể chế và sự hiện diện của ASEAN

28. Ban Thư ký ASEAN cũng sẽ nâng cao năng lực và khả năng đáp ứng nhằm hỗ trợ công tác của Cộng đồng ASCC và sự phối hợp với các ban ngành, trụ cột và các bên liên quan khác. Nhận thức các khuyến nghị của Nhóm đặc trách cấp cao về tăng cường năng lực của Ban Thư ký ASEAN và Rà soát các cơ quan ASEAN, Hội đồng ASCC và các cơ quan liên ngành thuộc phạm vi quản lý của ASCC, với sự hỗ trợ của Ban Thư ký ASEAN sẽ có những bước đi cụ thể để thực hiện các khuyến nghị nhằm nâng cao một năng lực thể chế và sự hiện diện của ASEAN.

29. Đầu mối quốc gia của các cơ quan chuyên ngành được khuyến khích tăng cường sự điều phối của họ với Ban thư ký quốc gia và Đầu mối quốc gia Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN trong việc đảm bảo chia sẻ thông tin kịp thời, tham vấn hiệu quả với các nước và nâng cao nhận thức chung về công tác và thành tựu của Cộng đồng - Văn hóa Xã hội ASEAN

B. NGUỒN LỰC

30. Phù hợp với các nguyên tắc tự chủ và tăng cường vai trò trung tâm của ASEAN và nhằm hỗ trợ việc thực hiện các biện pháp chiến lược trong kế hoạch tổng thể này, các nước thành viên ASEAN được khuyến khích cung cấp nguồn lực nhằm hỗ trợ cho các dự án và công tác của các cơ quan chuyên ngành nếu phù hợp.

31. Cần phải xây dựng ngân sách dự kiến trong nhiều năm và hàng năm

để hỗ trợ việc thực hiện kế hoạch tổng thể nhằm thúc đẩy các khả năng dự báo khả năng của các quỹ.

32. Các cơ quan chuyên ngành phải đảm bảo bền vững về mặt tài chính nếu họ có kế hoạch xây dựng các trung tâm nhằm hỗ trợ việc thực hiện kế hoạch tổng thể và các kế hoạch công tác chuyên ngành của lĩnh vực của mình.

33. Nhằm đảm bảo tính bền vững của các nỗ lực và dự án và các cơ chế, nguồn lực đã được thiết lập dưới hình thức quỹ, các nước thành viên ASEAN và các cơ quan/bộ phận chuyên ngành tương ứng sẽ huy động chuyên môn kỹ thuật, tri thức của các Đối tác đối thoại, các tổ chức quốc tế và các đối tác khác. Các chiến lược huy động nguồn lực cũng sẽ bao gồm việc thúc đẩy sự hỗ trợ của các nhà hảo tâm, tài trợ từ khu vực doanh nghiệp và các cá nhân nhằm thực hiện văn kiện này.

C. TRUYỀN THÔNG

34. Phù hợp với Kế hoạch tổng thể về Truyền thông ASEAN, ASCC với sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trực thuộc ASEAN và các bên liên quan khác sẽ thiết lập các diễn đàn, cơ chế, chiến lược và sáng kiến cần thiết nhằm nâng cao nhận thức và sự ủng hộ kế hoạch tổng thể này và các thông điệp chính của kế hoạch tổng thể nhằm đạt được tác động truyền thông lớn hơn.

D. ĐÁNH GIÁ

35. Việc rà soát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN 2016-2025 sẽ tận dụng hệ thống Giám sát và Đánh giá hiện hành bao gồm hệ thống giám sát tập trung vào việc thực hiện và Bảng chấm điểm Cộng đồng Văn hóa Xã hội ASEAN (ASCC scorecard). Dựa trên Bảng Scorecard hiện hành, các cơ quan chuyên ngành sẽ rà soát lại chỉ số chuyên ngành của mình nhằm đảm bảo rằng các khía cạnh khác của kế hoạch tổng thể mới sẽ được xem xét nhằm kiện toàn bảng chấm điểm và các chỉ số hiện nay, dựa trên các tiêu chuẩn quản lý dựa trên kết quả đã được nhất trí ở cấp khu vực. Một Kế hoạch công tác về Giám sát và Đánh giá sẽ được xây dựng bao gồm việc giám sát nội bộ bởi các cơ quan chuyên ngành liên quan và đánh giá có sự tham gia của các bên liên quan khác.

36. Hệ thống giám sát và đánh giá này sẽ được xây dựng trên cơ sở tiếp nối Bảng Scorecard đã được sử dụng trong việc đánh giá tiến độ việc thực hiện của Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Văn hóa Xã hội ASEAN giai đoạn 2009-2015 và xem xét các bài học kinh nghiệm và khuyến nghị từ Kết quả đánh

giá Bảng Scorecard. Điều này sẽ được phản ánh trong khung kết quả sẽ được xây dựng nhằm giám sát và đánh giá tiến độ thực hiện của Kế hoạch tổng thể CĐVHXH ASEAN 2016-2025. Dựa trên Bảng Scorecard hiện hành, các cơ quan chuyên ngành sẽ xem xét lại chỉ số chuyên ngành của mình nhằm đảm bảo rằng các khía cạnh khác của KHTT mới sẽ được xem xét trong việc kiện toàn bảng chấm điểm và các chỉ số hiện nay.

37. Khung kết quả sẽ là một phần của hệ thống giám sát và đánh giá này trong đó các mục tiêu có yêu cầu cao hơn hoặc dựa trên kết quả, các lĩnh vực kết quả chính (KRAs) và các chỉ số được thu thập, tổng hợp và phù hợp với các Đặc điểm và Thành tố được liệt kê trong Kế hoạch tổng thể này như đã liệt kê trong khung kết quả tại Phụ lục 1. Khung kết quả lập bản đồ và chia nhóm các mục tiêu, KRAs, và các chỉ số liên quan đến các cấu phần của Kế hoạch tổng thể này. Ngoài ra, Khung Kết quả là cơ sở để giám sát việc thực hiện Kế hoạch bằng việc thiết lập các mục tiêu tạm thời và có thời hạn. Ma trận cũng cung cấp thông tin cho các mục đích huy động nguồn lực bằng cách chia các yêu cầu nguồn lực vào các mục tiêu tài trợ hàng năm/nhiều năm. Mục tiêu này có thể được thể hiện qua các quỹ, chuyên gia, đào tạo hoặc các đầu vào khác.

38. Khung kết quả của Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Văn hóa Xã hội ASEAN sẽ được định hướng bởi các khái niệm quan trọng sau đây:

Mục tiêu: Một kết quả cuối cùng cụ thể được mong muốn hoặc kỳ vọng sẽ xảy ra như một hệ quả, ít nhất là một phần, của một can thiệp hoặc hoạt động. Đây là một mục tiêu yêu cầu cao hơn. Kế hoạch tổng thể rõ ràng đã nêu ra các mục tiêu theo từng đặc điểm (1) Gắn kết và mang lại lợi ích; (2) Hòa nhập; (3) Bền vững; (4) Tự cường và (5) Năng động.

Lĩnh vực kết quả chính: Các lĩnh vực tương ứng với các mục tiêu mà kết quả hoặc thay đổi dự kiến sẽ xảy ra. Kết quả là những thay đổi về tình trạng hoặc điều kiện xuất phát từ một mối quan hệ nhân-quả. Kế hoạch tổng thể đã cụ thể các lĩnh vực kết quả chính theo từng mục tiêu của các đặc điểm.

Chỉ số chính: yếu tố hoặc biến số định lượng hay định tính cung cấp một phương tiện đơn giản và đáng tin cậy để đo lường thành tựu, để phản ánh những thay đổi liên quan đến sự can thiệp, hoặc để giúp đánh giá việc thực hiện của bên thực hiện hoặc việc can thiệp.

Các biện pháp chiến lược: tuyên bố hành động hướng vào kết quả để thực

hiện những thay đổi mong muốn trong KRAs. Các kết quả thể hiện những thay đổi trong năng lực thể chế và hành vi dẫn tới điều kiện phát triển xảy ra giữa việc hoàn thành các kết quả đầu ra và thực hiện các mục tiêu.

39. Đánh giá giữa kỳ giai đoạn 2016-2020, và Đánh giá cuối kỳ giai đoạn 2021-2025 sẽ được tiến hành nhằm giám sát tiến độ và đánh giá các kết quả/tác động của việc đạt được các mục tiêu của Kế hoạch tổng thể.

40. Khuyến khích sử dụng các phương pháp tiếp cận và nghiên cứu phù hợp, như thu thập dữ liệu có hệ thống, đánh giá định tính và định lượng, phân tích chính sách, xây dựng các chỉ số, thăm dò công chúng và nghiên cứu tác động nhằm đánh giá tác động của các chính sách/chương trình/dự án phát sinh từ Kế hoạch tổng thể mà có thể được thực hiện tại cấp khu vực và chuyên ngành

41. Nhằm hỗ trợ phương pháp tiếp cận SMART, các chỉ số dựa trên kết quả/đầu ra nên được phát triển nhằm đo lường các tác động của việc thực hiện các biện pháp chiến lược.

42. Như là một phần của Hệ thống giám sát và đánh giá, Cộng đồng Văn hóa Xã hội ASEAN sẽ thiết lập hệ thống giám sát phù hợp với việc thực hiện tất cả các Tuyên bố của ASEAN liên quan đến Cộng đồng ASCC

In: 1000 cuốn khổ 15,5 x 21 cm tại Công ty Cổ phần In Bắc Sơn;
Địa chỉ: 86 Xuân Phương, Từ Liêm, Hà Nội
GPXB số 25A/GP-CXBIPH ngày 17 tháng 11 năm 2017
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2017.

